NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 200 • DECEMBER 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657- 8051
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

ĐÊM VANG NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

ĐỨNG NGẨN TRÔNG VỜI HOÀNG QUÂN

BỆNH TẬT NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM CỦA THUYẾT TIẾN HÓA NGUYỄN VĂN TUẤN

DIRECTV TOP 50 DEALER 2005

atellite

15567 BROOKHURST ST. WESTMINSTER CA 92683 TEL : 714-775-5400

Open 7 days a week, we install everywhere in the U.S

Đài Truyền hình Việt Ngữ Hải Ngoại SBTN 24/24 đã được phát hình trên hệ thống DIRECTV với nhiều tiết mục hấp dẫn như: tin tức quốc nội và thế giới, ca nhạc, cải lương, em học tiếng Việt, phim Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm sang tiếng Việt, và rất nhiều tiết mục hấp dẫn khác...

Miễn phí thiết bị và công lắp ráp cho 4 phòng

BASIC CHOICE $24.98

Gồm đài SBTN 24/24 và các đài địa phương

PREFERRED CHOICE $44.98

Gồm đài SBTN và 80 đài Mỹ
FREE 3 tháng đầu 7 đài HBO, 12 đài STARZ movie và 9 đài SHOWTIME
**Promotion end Feb 28, 2006*

JADEWORLD $36.99

Gồm 5 đài nói tiếng Quảng Đông.

***Tất cả giá ghi trên chỉ áp dụng cho máy receiver thứ nhất. Receiver thứ hai trở đi, thêm $4. 99/receiver/tháng.*

Ameritran USA, Inc. toll free:
1-866-277-0748
www.vietsatellite.com

Nhân mùa lễ sắp tới, Ban Giám Đốc và toàn thể nhân viên của Vietsatellite kính chúc quý đồng hương một mùa Lễ an lành và hạnh phúc. Đặc biệt trong mùa lễ Vietsatellite sẽ

MIỄN PHÍ TẤT CẢ SHIPPING CHO TOÀN QUỐC HOA KỲ

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

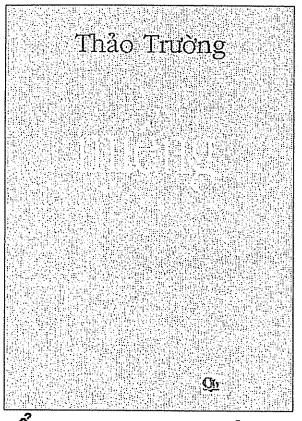

MIỆNG - Tập truyện của THẢO TRƯỜNG
Thảo Trường tâm sự: "Mười bảy năm (1975-1992) làm tù binh trong các trại giam của cộng sản, tôi luôn luôn nghiền ngẫm trong lòng một quyển trường thiên tiểu thuyết dự định sẽ viết khi ra khỏi nơi chốn đó ... Nhưng 12 năm qua tôi chỉ viết ra toàn những truyện ngắn ... Truyện nào tôi cũng muốn nó thật ngắn và chứa đựng cả cuộc chiến trong đó..." Cuốn Miệng này cũng thế, gồm nhiều "mảnh," nhưng có thể là thành phần của cuốn trường thiên của tác giả trong tương lai. Giá 12 mỹ kim.

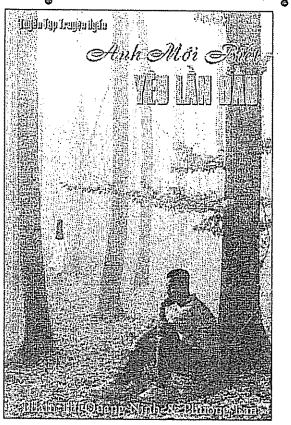

ANH MỚI BIẾT YÊU LẦN ĐẦU
Tập truyện của PHẠM THỊ QUANG NINH & PHƯƠNG LAN - Hai nhà văn PT Quang Ninh và Phương Lan viết về những đề tài phụ nữ, nhưng chỉ đưa ra vai trò của người phụ nữ Việt Nam bình thường trong buổi loạn ly. Đó là những người phụ nữ chịu đựng và hy sinh, quên mình đi vì chồng vì con, nhưng lại âm thầm như những chiếc bóng, không muốn ai biết về mình, trong khi họ chịu những thử thách to lớn trong những buổi giao thời của xã hội. Giá 13 mỹ kim.

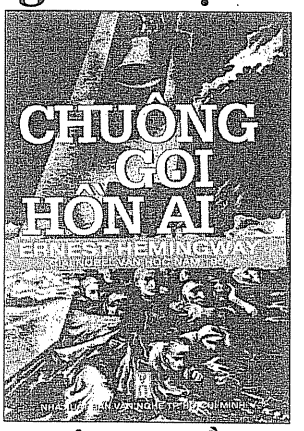

CHUÔNG GỌI HỒN AI
ERNEST HEMINGWAY, bản dịch HUỲNH PHAN ANH - Tác phẩm danh tiếng của Ernest Hemingway, nhà văn Mỹ đã đoạt giải Nobel văn chương năm 1954. Tác giả đã tham gia cuộc nội chiến Tây Ban Nha, và cuốn tiểu thuyết này viết về cuộc nội chiến đó. Huỳnh Phan Anh là nhà văn và dịch giả được nhiều người biết tới của Sài Gòn trước 1975. Văn dịch của ông rõ ràng, khúc chiết và theo sát nguyên bản. Một cuốn sách tầm cỡ của văn học Mỹ và thế giới, cần phải đọc. Giá 18 mỹ kim.

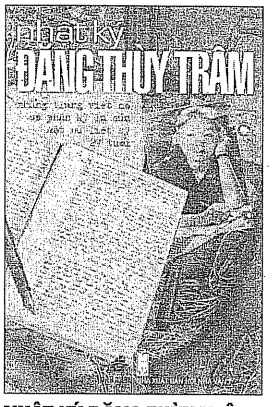

NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM
Thời gian gần đây dư luận hay bàn tán về cuốn nhật ký của của một nữ bác sĩ cộng sản tên là Đặng Thị Trâm từ Bắc xâm nhập vào Nam, tử trận ở Quảng Ngãi năm 1970, và cuốn nhật ký của cô đã bị tịch thu và gìn giữ bởi một sĩ quan quân báo Mỹ, sau người này trao tập nhật ký cho Viện Lưu trữ về Việt Nam ở Lubbock, Texas, Hoa Kỳ. Gần đây đĩa sao tập nhật ký này đã được trao lại cho gia đình Đặng Thị Trâm ở Hà Nội, và đã được xuất bản thành sách. Giá 12 mỹ kim.

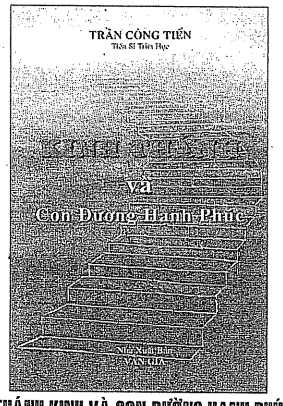

THÁNH KINH VÀ CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC
TRẦN CÔNG TIẾN
Sách này chứa đựng một giải thích mới về Kinh Thánh, nhất là về những lời giảng dạy của Chúa Giê-Su. Tác giả muốn vượt qua đức tin truyền thống có tính cách tôn giáo để "hiểu đạo" bằng sự khôn ngoan và tri thức của một con người trình độ ngày càng cao của thời đại này. Đây là một công trình triết học, kéo đạo từ cõi mầu nhiệm trên trời xuống đời sống dưới đất, để sống đạo ngay bây giờ, ở đây. Vì con người vốn gần gũi với trần gian hơn là "nước trời" xa vời. Giá 20 mỹ kim.

NHỮNG MẢNH ĐỜI
Tập truyện NGUYỄN NINH THUẬN
Tác giả viết văn vì "bức xúc trước những hoàn cảnh trái ngang của chính mình, cũng như của bạn bè thân quen từ trước tới nay." Người viết "muốn ghi lại trên giấy trắng mực đen những nỗi đau thương đó." Do đó, dù bận rộn với công ăn việc làm nơi xứ người, tác giả cũng gắng dành thì giờ ghi lại những tâm sự đau thương, vui buồn vào những truyện trong quyển sách này. Không những chỉ in thành sách, tác giả còn làm đĩa đọc truyện Những Mảnh Đời nữa. Giá sách: 15 Mỹ kim. Giá đĩa: trọn bộ 6 đĩa 25 mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First Class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	US $88.00	US $170.00	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	US $98.00	US $185.00	

Ghi chú: *Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

MỜI QUÍ VỊ VÀO XEM TRANG NHÀ CỦA RADIOVNCR.COM
CHÍNH THỨC RA MẮT NGÀY 26 THÁNG 12- 2005

Phóng Sự Truyền Hình

RADIOVNCR.COM
with Video

Phóng Sự Truyền Hình

TRANG NHÀ

- Kiến Thức Ngày Nay
- Nhạc Ngoại Quốc
- Quê Hương
- Vũng Chân Trời Văn Học
- Câu Chuyện Âm Nhạc
- Phỏng Vấn
- Chuyện Bàn Tròn
- Diễn Đàn
- Người Việt 2
- Y Học Thường Thức
- Nhân Sự RadioVNCR.com

Thăm Dò Dư Luận

Mời quí vị tham gia vào mục thăm dò. Kết quả sẽ được thông báo trên đài VNCR. Nếu quí vị muốn đóng góp câu hỏi vào mục này, xin liên lạc qua email: vncr@radiovncr.com

THẾ KỶ 21
NGƯỜI VIỆT Online
Phụ Nữ Gia Đình
NGƯỜI VIỆT Online

Tin Trong Ngày

- Đài phát thanh VNCR ra mắt trang Web mới vào dịp cuối năm...
- TT Bush tuyên bố không rút quân ra khỏi Iraq vào lúc này...
- Thêm một phụ nữ Nam Dương qua đời vì cúm gà...
- Xác của Nguyễn Tường Vân đã được đưa về Úc an táng...

Nghe Tin Chi Tiết

Thống Đốc tiểu bang California Arnold Schwarzenegger viếng thăm và trả lời phỏng vấn đài phát thanh Việt Nam California Radio (VNCR)

Nghe Phỏng Vấn

Nơi tốt nhất để sinh sống ở Hoa Kỳ: Nếu quí vị đang tính dọn đi nơi khác vì giá nhà ở California quá cao, nên tìm hiểu về nhiều yếu tố cơ bản trước khi quyết định. Đọc Tin

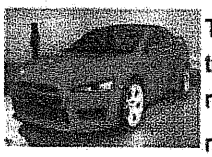

Triển lãm xe hơi lần thứ 39 tại Tokyo với trên 1,512,100 người thường ngoạn, với những kiểu xe tối tân nhất thế giới hiện nay. Đọc Tin

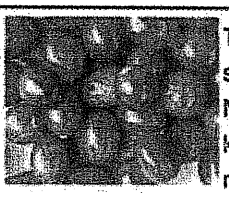

Trái Cranberries có thể giúp giảm mòn và sâu răng, theo nghiên cứu cuả Viện Caries. Nguyên tố từ Canberries có thể cho vào kem đánh răng để tránh vi trùng xâm nhập.

Đọc Tin

Cô giáo và là người mẫu Debra Lafave thú nhận tội quan hệ tình dục với thiếu niên 14 tuổi trong phiên xử ngày 22 tháng 11, 2005.

Đọc Tin

Liên lạc VNCR 714-891-8142

VNCR phát thanh trên làn sóng 106.3FM, 5-7AM và 12-4PM thứ Hai đến thứ Sáu.

1190AM thứ Bảy và Chủ Nhật 2-4PM

Tại San Diego, 1240AM 4-6PM thứ Hai đến thứ Sáu

Ông Lê Văn, cựu chủ biên ban Việt ngữ đài Tiếng Nói Hoa Kỳ ra mắt sách "Rượu Vang - Món Quà của Thượng Đế".

Đã đọc PHIẾM 1 không thể không đọc PHIẾM 2

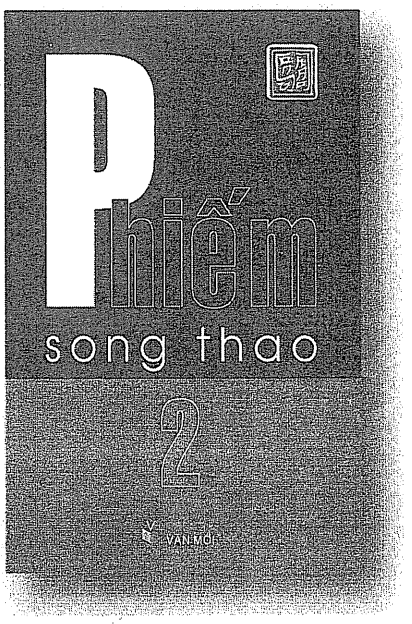

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Phiếm 2

của song thao

Phụ lục: Đọc **Phiếm** của PHẠM PHÚ MINH và TRÀ LŨ
40 chuyện phiếm, 440 trang

VĂN MỚI xuất bản
P.O. Box 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 - Fax: (310) 366-6967

Tìm đọc

miểng

tập truyện mới nhất
của **THẢO TRƯỜNG**

QUYÊN BOOK
xuất bản lần thứ nhất
Liên lạc với tác giả:
thaotruong1@aol.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 891-8142
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Tĩnh vật*, tranh của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Val
Kỹ thuật: Võ Thành Điểm
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 200 – Tháng Mười Hai 2005

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Ông Đỗ Mười giải thích "định hướng xã hội chủ nghĩa" – Ngô Nhân Dụng
13. I. Lewis "Scooter" Libby Jr., ông là ai? – Nguyễn Anh Tuấn
19. "Bứt phá mạnh dạn về tư duy" – Nguyễn Minh Cần
23. Cuộc bầu cử tại Đức đến hồi kết thúc – Ts. Bùi Hạnh Nghi
28. Nhiệm kỳ Bush II: khủng hoảng lớn bắt đầu – Cổ Lũy

Y HỌC – LỊCH SỬ – VĂN HÓA
36. Bệnh tật nhìn từ quan điểm của thuyết tiến hóa – Nguyễn Văn Tuấn
67. Tìm mộ Nam Cao – Trần Công Nhung
71. Người đứng lại – Thế Uyên
85. Giới thiệu "Tổ quốc Ăn năn" bản tiếng Anh – Tôn Thất Thiện
87. Ngô Thì Nhậm – Nguyễn Duy Chính

VĂN
77. Đêm vang – Nguyễn Tường Thiết
96. Đứng ngẩn trông vời – Hoàng Quân
100. Cải táng – Nguyễn Hương
105. Hai mùa thu – Tôn Nữ Thu Nga
112. Nhớ mùa thu Boston – Lê Đình Phương
116. Tìm lại dấu xưa – Hồ Phú Bông

THƠ
75. Mùa thu Hà Nội – Khê Kinh Kha. 86. Những ngày hạ đỏ – Trần Yên Hòa. 93. Chiều thánh đường – Vũ Ngọc Ánh. 98. Kiểu mẫu Frost – Lê Đình Nhất Lang. 103. Thư viện Đồn Đất – Đỗ Việt Anh

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và bạn đọc, Hộp thư Trị sự
46. Sổ tay – Ngô Nhân Dụng
52. Đời sống quanh ta – Bùi Thu Hiền, Từ Nguyên, Lê Mạnh Hùng
60. Trang chuyện phiếm – Song Thao

Hoàng Đạo và những dự phóng chính trị

Thế Kỷ 21 càng ngày càng cải tiến từ hình thức đến nội dung, có thể nói đây là một tạp chí tiếng Việt rất giá trị ở hải ngoại. Đặc biệt các số chủ đề, về đất nước (như Sài Gòn, Hà Nội), về nhân vật như Phạm Quỳnh, Nhất Linh, Hồ Hữu Tường, Thạch Lam, Hoàng Đạo...) giúp ích cho độc giả nhiều.

Số chủ đề về Hoàng Đạo vừa rồi, ngoài các bài biên khảo về chủ đề giá trị, còn có nhiều bài viết của chính Hoàng Đạo để độc giả ngày nay, vừa thưởng thức một cách thích thú, vừa có dữ kiện để nhìn lại Hoàng Đạo một cách đầy đủ hơn.

Trước năm 1975, Hoàng Đạo được bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa đưa vào chương trình học như một nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn hơn là một nhà báo, một trí thức trẻ, nhiều thao thức về vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Bây giờ có dịp đọc lại Hoàng Đạo đầy đủ hơn, từ truyện ngắn, truyện dài, bình luận, trào phúng, tạp ghi... trên báo Phong Hóa, Ngày Nay, mới thấy tất cả phản ảnh những suy tưởng, nghiên cứu cùng những phản ứng để vừa tranh đấu, vừa đưa ra những dự phóng chính trị cho một Việt Nam đang bị Pháp đô hộ. Nhiều bài viết có tính cách nâng cao dân trí, rõ ràng chuẩn bị khi đấu tranh thắng lợi, sẽ đưa nước nhà và dân tộc theo kịp đà văn minh tiến bộ với tất cả các quyền căn bản cho người dân.

Khi đọc những bài đòi hỏi về tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do thành lập và gia nhập các hiệp hội, nghiệp đoàn, tranh đấu cho nhân quyền v.v... của Hoàng Đạo, người đọc không khỏi giật mình, cứ ngỡ đang đọc những bài viết của các nhà tranh đấu cho tự do dân chủ của Việt Nam ngày nay như Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu v.v... và chế độ cộng sản ngày nay là hóa thân của chế độ thực dân Pháp cách đây sáu, bảy mươi năm, với những thủ đoạn đàn áp chính trị cao cấp hơn bao nhiêu lần.

Tự do báo chí có thể xem như những hơi thở đưa khí trời trong lành vào cơ thể của một quốc gia. Một dân tộc được nuôi nấng bằng bầu khí lành mạnh như thế mới mong có dân trí cao, tinh thần độc lập lâu dài và ước vọng vươn lên cường quốc. Hơn sáu mươi năm sau các bài viết của Hoàng Đạo, tự do báo chí vẫn còn là một mơ ước của Việt Nam, hiện nay chẳng may vẫn còn trong gông xiềng của một thể chế độc tài.

Điều đau lòng là Hoàng Đạo cũng như bất cứ thức giả tự do nào Việt Nam, từ trước đến nay có những thao thức, tầm nhìn đầy nhân bản, dân chủ, nhân quyền... đều làm kẻ Thất Bại. Thất bại trong việc quảng bá sâu rộng các suy tưởng, dự phóng của mình. Thất bại trên phương diện cầm quyền để thi hành những ước mơ trí tuệ của mình. Thất bại trước sự tàn ác của thực dân Pháp. Thất bại trước sự xảo trá, tàn ác không kém của những người cộng sản Việt Nam. Nhưng cho đến nay, những tài sản tinh thần của những tầng lớp kẻ sĩ trí thức kế tiếp nhau qua nhiều thế hệ vẫn là một cảm hứng và một mục tiêu nhắm tới của dân tộc Việt Nam, vượt qua chính sách ngu dân (chỉ cho biết thông tin một chiều) của nhà cầm quyền thực dân hay cộng sản.

Rất mong báo Thế Kỷ 21 khi làm những số đặc biệt về những giá trị của quá khứ nên cố gắng giới thiệu rõ nét những tấm lòng và trí tuệ đã đóng góp cho sự trường tồn của dân tộc, mà số đặc biệt về Hoàng Đạo vừa rồi là một trường hợp điển hình rất đáng khen.

Đỗ Xuân Trúc (Santa Ana)

Nói thêm về nhà thơ Hoàng Cầm

Ai cũng biết Hoàng Cầm là nhà thơ đa tình (biết yêu lúc 8 tuổi), đa tài (Thơ, Kịch, Truyện...), đa truân (vào tù ra khám). Nhà thơ có đủ "tam đa" mà không phải "tam đa Phước Lộc Thọ." Bài thơ làm cho ông khốn khổ là bài Lá Diêu Bông.

Hồi đầu năm (2005) nhờ duyên may, tôi được gặp nhà thơ và lúc về Cali đã có bài "Hoàng Cầm với Lá Diêu Bông" đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21* số 196 tháng 8 2005, sau đó trên Nhật Báo Viễn Đông. Trong bài có một chi tiết không rõ ràng, nay xin bổ khuyết:

Đoạn từ "Mãi đến năm 2003 ... không có bài Lá Diêu Bông...", nay xin thêm: Mãi đến năm 2003 nhà xuất bản Hội Nhà Văn mới sưu tầm in 3 tập Hoàng Cầm Tác Phẩm:

Hoàng Cầm tác phẩm: Thơ

Hoàng Cầm tác phẩm: Truyện Thơ Kịch.

Hoàng Cầm tác phẩm: Văn Xuôi

Hoàng Cầm tác phẩm Thơ là tập hợp các tập thơ, có tập Lá Diêu Bông nhưng không có bài Lá Diêu Bông."

Tập lá Diêu Bông do Hội Nhà Văn in từ 1993 gồm 49 bài trong đó có bài Lá Diêu Bông rút từ tập "Về Kinh Bắc." Đến năm 2003 cũng Hội Nhà Văn in, lại có lời dẫn: "...Dưới đây chúng tôi in lại cả tập này, *trừ chính bài Lá Diêu Bông.*"

Gặp được nhà thơ đã thích, nghe chuyện Lá Diêu Bông lại càng thú vị hơn, vậy mà không có bài Lá Diêu Bông thì viết gì về Hoàng Cầm! Tôi vội gọi điện về Việt Nam nhờ ông bạn ở Bắc Giang, thân cận nhà thơ, tìm giùm bài Lá Diêu Bông. Ông bạn đã tất tả tìm cho tôi một địa chỉ trên website, và có Lá Diêu Bông thật. Do chỗ được nghe chuyện "ba chìm bảy nổi" vì Lá Diêu Bông, nên trong lòng cứ nghĩ toàn chuyện bí hiểm về Lá Diêu Bông, cứ như là hàng quốc cấm. Có ngờ đâu Lá

Diêu Bông chỉ cách "Bao Giờ Nói Hết Chuyện Diêu Bông" đúng 145 trang, nghĩa là Lá Diêu Bông đang có trong tay vậy mà phải chạy hơn mười nghìn cây số để tìm.

Đáng lý Hội Nhà Văn khi bảo "*...trừ chính bài Lá Diêu Bông*", nên thêm : Lá Diêu Bông được trả "Về Kinh Bắc" có trong tập sách này. Đúng là mang kính trên trán lại chạy tìm loạn cả lên. Mà đáng than phiền là ông bạn "thân cận nhà thơ."

Thành thật mong độc giả Thế Kỷ 21 và Nhật Báo Viễn Đông cảm thông cho.

Trần Công Nhung

Mới và cũ

Tôi cảm cảnh thực sự khi đọc bức thư "cũ và mới" của ông Hồ Việt Khanh đăng trên mục Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21 số 199 vừa rồi. Lớp độc giả thuộc thế hệ di dân thứ nhất mang những thói quen cố hữu trong việc đọc và thưởng ngoạn báo chí, về văn phong, đề tài, và cả cách trình bày. Nhưng với thời gian, lớp thứ hai trưởng thành ở nước ngoài, và họ mang những sắc thái văn nghệ khác. Tôi đề nghị: báo chí đĩ nhiên phải thay đổi khi đối tượng độc giả, và cả người viết nữa, đang từ từ được thay thế, nhưng sự thay đổi nên tiệm tiến, vì lớp lớn không phải một sớm một chiều là quay ra chết hết một lúc, hoặc là trở nên nghễnh ngãng tự dưng không còn đọc sách báo gì được nữa. Cứ thêm những yếu tố mới vào, nhưng từng ít một, hy vọng họ sẽ quen, và sẽ thưởng thức được cái mới, trước khi đi hẳn vào cõi hư vô...

Minh Tâm (Internet)

Nhà báo ưu tú

Đọc bài "Hoàng Đạo qua các mục thường lệ trên báo Ngày Nay" tôi thích quá. Không ngờ cách đây 70 năm lại có một cây bút mới mẻ, chính xác và tươi tắn đến thế. Chuyện thời sự đáng chú ý nào cũng không qua khỏi ông. Binh vực dân đen, chế diễu đám quan lại; đả kích tục bắt dân đi làm xâu (một hình thức bóc lột sức dân mà sau này cộng sản phát triển đến tột độ với cái trò 'lao động xã hội chủ nghĩa'); bình luận việc tranh chấp quần đảo Paracels (Hoàng Sa) với một câu bất hủ: "Cho nên quần đảo ấy chẳng là của ai cả. Nó chỉ là của sức mạnh"; trích dẫn và phê phán tờ *Đường Ngay*, một tờ báo Công giáo thời ấy, cấm giáo dân không được đọc những báo có xu hướng tranh đấu như *Tiếng Dân, Thanh Nghệ Tĩnh, Đông Dương Hoạt Động*, đem luật đạo ra hù không cho con chiên tham gia Nhân quyền đại hội... Tôi nghĩ ngày nay cả báo trong nước lẫn báo hải ngoại khó kiếm đâu ra một người viết báo như ông.

Đinh Hải Tuân (Paris)

Đính chính

* Trong bài «Cuộc bầu cử đầy kịch tính tại Đức» (Thế Kỷ 21 số 198, October 2005) tên của thủ tướng Schroeder đã được in sai là Schrưder, vì mẫu tự «o với hai chấm trên đầu» theo kiểu viết của Đức ngữ lúc đổi qua dạng chữ Việt VNI đã trở thành «ư». Trong bài viết tiếp về cuộc bầu cử kỳ này tên ông Schroeder đã được viết với mẫu tự «oe» theo kiểu viết của các ngôn ngữ không có «o với hai chấm trên đầu» như của Đức.

* Thế Kỷ 21 số 199 đặc biệt về Hoàng Đạo, trang 57, dòng đầu của phần chú thích bức ảnh tấm hoành phi: "Đọc từ trái sang..." xin sửa lại là "Đọc từ phải sang..."

Thành thật cáo lỗi cùng quý bạn đọc.

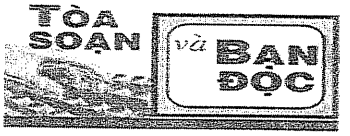

Lời xin lỗi

"Trong số báo Thế Kỷ 21 số 199 November 2005, trong bài viết Ga Thạch Long, do sơ xuất và vội vã tôi đã có một nhận xét chủ quan và không đúng sự thực về chú Nguyễn Tường Bách. Xin thành thật cáo lỗi cùng chú Bách và độc giả."

Nguyễn Tường Thiết

Thông báo về địa chỉ e-mail mới của Thế Kỷ 21

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2005, Thế Kỷ 21 sẽ không còn dùng địa chỉ e-mail theky21@mail.nguoi-viet.com nữa. Thay vào đó sẽ là địa chỉ mới sau đây:

theky21@tapchitheky21.com

Ngoài địa chỉ chính thức này, xin quý văn hữu, thân hữu vẫn tiếp tục liên lạc với chủ bút và tòa soạn qua địa chỉ quen thuộc lâu nay: phamxuandai@yahoo.com

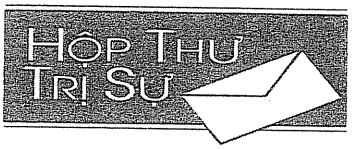

Độc Giả Mới

Trần Thị Hạnh – WA.

Độc Giả Gia Hạn

Bach M Thuy – CA; Nguyen Thi Ty – France; Anaheim Public Lib – CA; Pomona Public Lib – CA; Columbia Lib – WA; Intl Distrit Lib – WA; Biblio Ville Montreal – Canada; Sunnyvale Public Lib – CA; Biblio Interculture De Adultes – Canada; Los Angeles Public – CA; Chinatown Branch Lib – CA; Canoga Park Br Lib – CA; Lincoln Hgts Br Lib – CA; Salt Lake City Pub Lib – UT; South Branch Lib – CA; Salem Public Lib – OR; San Jose Public Lib – CA; Nguyen Huu Thong – CA; Nguyen Quang Minh – CA; David Tran – FL; Tu Van Dat – MN; Bui Hanh Nghi – Germany; Doan Thi Hoang – NE; Nguyen N Lan – IL; Tran Van Phe – MN; Nguyen Duc Luy – NV; Le Van Tu – WI; Ky Duc Dao – CA; Nguyen Van Dinh – CA; Nguyen Thi Chinh – CA; Nguyen Ngoc Thanh – CA; Duy Nguyen – NV; Pham Tu Thien – TX; Cornell University – NY; Fredrikstad Bibliotek – Norway; Mai Nguyen – OH; Nguyen Thi Dieu Thu – CA; Dinh Tu Thuc – VA; Asian Community Lib – CA; Scott Hung Pham – CA; Australian National University – Australia; Tran Binh Nhung – CA; Thich Minh Duc – CA; Duong Minh Chau – Canada; Resource Services Serials – FL; Robert Neathery – WA; Leon Nguyen – OH; Hai Chu – VA; Fransis Vinh – Norway.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

San Francisco Pub Lib – CA.

Ông Đỗ Mười giải thích
"định hướng xã hội chủ nghĩa"

NGÔ NHÂN DỤNG

Nước Nga bây giờ không còn nghỉ Lễ Cách Mạng Tháng Mười nữa, năm nay theo lịch mới đó là ngày 07 Tháng Mười Một. Nhưng ngày 04 Tháng Mười Một vừa qua dân Nga cũng nghỉ lễ, "Ngày Đoàn Kết Dân Tộc" kỷ niệm cuộc khởi nghĩa từ đầu thế kỷ 17, dựng lên một vương triều mà vị vua sau cùng đã bị cuộc cách mạng cộng sản xử tử. Đảng Bôn xê vích do ông Lê Nin lãnh đạo cướp chính quyền năm 1917, dựng lên một nhà nước tập trung chỉ huy kinh tế và chế độ hộ khẩu để kiểm soát bao tử toàn dân. Chế độ đó sau được Stalin củng cố thành bài bản, Hồ Chí Minh sang Nga học rồi đem vào nước ta, thường gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam bây giờ vẫn có người muốn theo, mặc dù cơ cấu kinh tế đã bắt đầu thay đổi, họ gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa."Gần đây, nhiều đảng viên cộng sản cao cấp ở Việt Nam đặt câu hỏi không biết "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là cái gì. Bản dự thảo báo cáo chính trị của Bộ Chính trị cũng nói "Cho đến nay vẫn chưa rõ nhiều vấn đề cụ thể về nền "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa." Vào tháng Bẩy, ông Hồng Hà, tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương hứa hẹn rằng "Chúng ta phải vừa làm vừa tìm cách làm sáng tỏ hơn" cái chất xã hội chủ nghĩa đó. Và "Từ này đến Đại hội Mười sẽ phải nghiên cứu tiếp."Nhiều người hoảng hốt, vì đảng Cộng Sản Việt Nam cương quyết lãnh đạo quốc dân tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa mà chính họ vẫn còn "phải nghiên cứu tiếp" coi nó là cái gì. Đầu tháng rồi, ông Đỗ Mười, cựu Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam mới giải thích cho các đảng viên hiểu: Chủ trương nền tảng của chủ nghĩa xã hội là lấy "kinh tế quốc doanh làm chủ đạo." Ông nói rõ: Nó giống như ở Liên Xô ngày xưa. Bài lý luận của ông Đỗ Mười được đăng trên nhật báo Nhân Dân, cơ quan chính thức của đảng Cộng Sản Việt Nam. Phải coi đó là đường lối chỉ đạo cho tất cả những đảng viên, là quay về với chủ nghĩa Bôn xơ vích.Ông Đỗ Mười vẫn mang trong lòng lý tưởng Bôn Xơ Vích, mặc dù không ai dám quả quyết ông Đỗ Mười có hiểu mấy chữ Bôn Xê Vích nghĩa là gì không. Trong cuốn hồi ký của Đoàn Duy Thành, từng là ủy viên ban chấp hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam và làm phó thủ tướng phụ trách kinh tế, tên ông Đỗ Mười được nhắc đến nhiều lần; có một lần ông Đỗ Mười tự xưng theo tinh thần Bôn Xê Vích. Lúc đó là năm 1987 chính Liên Xô cũng đang thiếu thốn, cắt bớt viện trợ, Trung Quốc thì còn đang thù nghịch chỉ tính đánh nhau; nước ta bị mất mùa, nạn đói kéo dài sang tới năm 1988, riêng tỉnh Thanh Hóa có hàng trăm người chết đói. Trong một cuộc họp của Bộ Chính Trị và nhiều bộ trưởng trong chính phủ vào đầu năm 1988, ông Đỗ Mười là thường trực ban bí thư, đã lên tiếng đả kích dự án cải tổ kinh tế của nhóm Đoàn Duy Thành. Trong lúc dân đang chết đói thì ông Đỗ Mười khuyên hãy gác những chính sách đổi mới kinh tế đó, nửa năm sau sẽ bàn, vì ông ta chẳng hiểu mấy thứ "mô hình" là cái gì hết. Đoàn Duy Thành chán quá, hôm sau từ chức phó thủ tướng luôn. Nguyễn Văn Linh lúc đó đang là tổng bí thư, giận quá, mắng Đỗ Mười: "Ông Mười tưởng rằng làm ủy viên Bộ Chính Trị là to lắm, muốn nói gì cũng được!... Ông tưởng là ủy viên Bộ Chính Trị muốn làm gì thì làm!" Đỗ Mười đã tự bào chữa: "Tôi nói đó là tinh thần Bôn xê vích!" Đoàn Duy Thành kể rằng khi nghe Đỗ Mười phát biểu xong, ông "suýt nữa bật cười to!" Bật cười là phải. Vì rõ ràng ông Đỗ Mười chẳng biết Bôn xê vích nghĩa là cái mô tê gì cả, ông coi nó như một thứ bùa chú, lúc nào bí, chẳng biết trả lời sao thì hô lên như phù thủy, cốt đuổi tà ma cho bớt sợ!Thế mà bốn tháng sau ông Đỗ Mười "muốn làm gì cũng được" này lên ngôi thủ tướng, rồi làm tới chức tổng bí thư, ngồi trên đầu trên cổ các đảng viên cộng sản và dân Việt Nam tất cả mười năm! Năm nay, trước cơn sóng những lời chỉ trích từ nội bộ,

đảng Cộng Sản Việt Nam đã mời ông Đỗ Mười ra đóng vai một lý thuyết gia chỉ đạo cho các đảng viên biết thế nào là "định hướng xã hội chủ nghĩa."ĐỔI MỚI LÀ CÁCH MẠNG?Nhưng trong bài lý luận của ông Đỗ Mười cũng có nhiều điều cần bổ chính. Thí dụ như ngay trong câu đầu tiên. Ông Đỗ Mười viết: "Đổi mới là một sự nghiệp cách mạng vẻ vang... giúp đạt được nhiều thành tựu to lớn, ... phát triển mạnh mẽ." Nói vậy là nhầm. Thực ra, cả chương trình "đổi mới" của đảng Cộng Sản ở Trung Quốc từ 1978 và ở Việt Nam từ năm 1988 đến nay không phải là "cách mạng." Trái lại, nó đi ngược lại với cuộc cách mạng cộng sản bắt đầu ở Nga năm 1917 và được nhập cảng vào Trung Quốc và Việt Nam. Ngay từ lúc đầu ở Liên xô, cuộc cách mạng cộng sản đã chủ trương tập thể hóa, nhằm xóa bỏ quyền tư hữu, biến những phương tiện sản xuất thành công hữu, xóa bỏ thị trường, xóa bỏ kinh tế hàng hóa. Đúng là làm cách mạng. Những chương trình Đổi mới kinh tế đều làm ngược lại các chủ trương cách mạng đó, hoàn toàn đi ngược chiều con đường cộng sản hóa. Cho nên phải gọi là "phản cách mạng," từ này không có nghĩa tốt hay xấu, chỉ có nghĩa là nó đi ngược chiều cuộc cách mạng cộng sản. Chính vì đi ngược chiều cho nên Đổi mới đã "đạt được nhiều thành tựu to lớn, ... phát triển mạnh mẽ." Nếu nó cứ đi xuôi theo chiều cũ, do các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn vẽ ra thì kinh tế sẽ còn sa sút, còn nhiều người dân phải chết đói nữa.Điều này rất dễ thấy. Trong bài viết của ông, Đỗ Mười cũng xác định, "Định hướng xã hội chủ nghĩa thì quan trọng bậc nhất vẫn là góp phần xây dựng, củng cố chế độ công hữu. Đây là dấu hiệu hàng hàng đầu đặc trưng cho Chủ Nghĩa Xã Hội." "Công hữu," hoặc quốc hữu hóa, đó là định nghĩa chủ nghĩa Xã hội mà ông Đỗ Mười vẫn thuộc lòng. Từ khi các đảng Cộng Sản "đổi mới," ở Trung Quốc trước, ở Việt Nam mười năm sau, tất cả những chính sách đổi mới đều nhắm giảm bớt chế độ công hữu. Ở Trung Quốc họ đã bán cổ phần các xí nghiệp, ngân hàng cho tư nhân; ở Việt Nam cũng đang thi hành chính sách cổ phần hóa. Như thế rõ ràng là đi ngược với chủ trương "công hữu" của ông Đỗ Mười. Đáng lẽ ông Đỗ Mười phải mở đầu bài viết như thế này mới đúng: "Đổi mới là một **sự nghiệp phản cách mạng vẻ vang**..."Nhưng bắt ông Đỗ Mười phân biệt "cách mạng" với "phản cách mạng" là một điều quá sức của ông. Như ông Trường Chinh nhận xét, "Anh Đỗ Mười anh ấy võ biền lắm," theo lời thuật của ông Đoàn Duy Thành trong cuốn hồi ký kể trên. Ông Đỗ Mười chỉ quen hô khẩu hiệu. Cái lối nói năng bằng những khẩu hiệu học thuộc lòng, nói mà không suy nghĩ đó, Hồ Chí Minh gọi là "Bệnh hay nói chữ." Trong cuốn "Sửa đổi lối làm việc" ông Hồ kể một câu chuyện có thật: Trong một cuộc khai hội phụ nữ, có chị cán bộ lên nói: "Thưa chị em, tôi xin báo cáo *kinh nguyệt* của tôi trong tháng này." (In nghiêng trong nguyên văn). Ông Mười nói đến chữ "cách mạng" cũng vì quen miệng như lời chị phụ nữ trên mà thôi. Bởi vì ông tưởng rằng "Đổi mới" như vậy thì sẽ tiến tới một xã hội giống như Liên xô ngày xưa. Vì trong lòng ông vẫn phục Liên xô lắm. Theo ông, đó chính là cái mẫu xã hội chủ nghĩa phải nhắm noi theo.VẪN MƠ LIÊN XÔTrong bài viết "Về định hướng xã hội chủ nghĩa..." ông quả quyết: "Liên Xô tồn tại 70 năm, đã từng nêu gương sáng về chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đã từng là thành trì của hòa bình thế giới, là chỗ dựa vững chắc và đáng tin cậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cùng nhân loại tiến bộ. Chính vì thế mà sự kiện Liên Xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó sụp đổ là nỗi đau đớn còn kéo dài và là một tổn thất vô cùng lớn lao của phong trào hòa bình và cách mạng thế giới, trong khi những lực lượng hiếu chiến và thù địch chủ nghĩa xã hội lại vô cùng hí hửng và vui mừng khôn xiết." Sau khi khóc lóc trước cái chết của chế độ Xô Viết, ông Đỗ Mười đã xác định rõ ràng nước Việt Nam phải tiến tới chế độ xã hội chủ nghĩa bằng cách củng cố khu vực kinh tế quốc doanh. Ông viết: "Cần nhận thức rằng định hướng xã hội chủ nghĩa thì quan trọng bậc nhất vẫn là xây dựng, củng cố chế độ công hữu." Ông Lê Nin đã đặt ra con đường đó, những ông Stalin, Mao Trạch Đông đã thực hiện con đường đó ở Nga Xô và ở Trung Quốc. Chính sách tập thể hóa nông nghiệp ở Nga Xô làm chết độ 30 triệu nông dân, bước nhẩy vọt ở Trung Quốc chết hơn 20 triệu. Rồi sau đó chế độ công hữu (quốc doanh) đưa tới tình trạng kinh tế tê liệt vì thói quen làm láo báo cáo hay, cha chung không ai khóc, từ quản đốc tới công nhân không ai làm việc thật sự. Khi cả đến những nhà khoa học và công nhân nhà máy chế hỏa tiễn, tên lửa cũng làm việc việc lấy lệ như công nhân chế xe hơi, thì các nhà lãnh đạo Xô Viết biết rằng đã bế tắc, cần dẹp cả cái hệ thống gọi là "xã

hội chủ nghĩa" của họ đi.Nhưng ông Đỗ Mười vẫn ca tụng: "Nhìn tổng thể và cả thời gian dài thì càng không thể phủ nhận những thành tựu vĩ đại, những ưu việt nổi trội của chế độ xã hội chủ nghĩa Liên Xô." Ông Đỗ Mười muốn nước Việt Nam trong thế hệ sắp tới sẽ thẳng tiến tới một tình trạng giống như Liên Bang Xô Viết. Mà Liên Xô bây giờ thì đã chết rồi, ông Đỗ Mười chỉ có thể biến nước Việt Nam thành một cái xác ướp thì mới giống được Liên Xô mà thôi.

TẠI SAO LIÊN XÔ SỤP ĐỔ?

Tất cả bài lý luận của ông Đỗ Mười cốt hô hào đảng Cộng Sản hãy xây dựng lại nước Việt Nam cho giống như Liên Xô thời xưa. Cho nên khi nhắc đến biến cố Liên Xô sập tiệm, ông coi đó là một "nỗi đau đớn còn kéo dài" và "tổn thất vô cùng lớn lao." Như một lý thuyết gia nghiên cứu lịch sử, ông Đỗ Mười viết: "Việc Liên Xô tan vỡ không mảy may xuất phát từ bản chất của Chủ Nghĩa Xã Hội, do đó không mảy may biện minh cho việc từ bỏ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, (biện minh) cho việc chuyển hướng, đổi màu chế độ, (biện minh) cho sự tồn tại vĩnh hằng của Chủ Nghĩa Tư Bản."

Trước hết, không nên dùng những chữ "bản chất Chủ Nghĩa Xã Hội" một cách hàm hồ. Chủ Nghĩa Xã Hội có trước khi những ông Marx, Lenin và Stalin ra đời, và vẫn còn tồn tại ở nhiều nước khác, trước và sau khi các chế độ cộng sản đã đổ. Những ông Lê nin và Xít ta lin đẻ ra chế độ ở Liên Xô, đặc biệt là ông Stalin xây dựng những nền tảng của chế độ Xô Viết trong gần 30 năm. Nếu muốn trở về thứ chế độ Liên Xô như ông Đỗ Mười đang mơ ước, đó chỉ là muốn dựng lại chế độ Stalin mà thôi.

Có hai thứ cần phân biệt: Chủ Nghĩa Xã Hội không nhất thiết là chế độ Liên Xô, và ngược lại cũng vậy. Ông Đỗ Mười nói: "Việc Liên Xô tan vỡ không mảy may xuất phát từ bản chất của Chủ Nghĩa Xã Hội." Nhưng ông không biết rằng "Việc Liên Xô tan vỡ xuất phát từ bản chất của chế độ do Lenin và Stalin dựng ra." Điều này đã được những nhà kinh tế như Friedrich Hayek tiên đoán từ thập niên 1940, khi ông phân tích những quy luật trong một nền kinh tế chỉ huy, tập trung, hoàn toàn dựa vào "công hữu." (Xin báo cáo, ở Bắc Kinh người ta đã dịch những tác phẩm của Hayek để hội thảo). Guồng máy kinh tế kiểu Liên xô không chạy. Không phải vì người Nga làm sai, mà bản chất của guồng máy đó nó không chạy! Chính vì guồng máy kinh tế lâm vào bế tắc đã khiến cho Tổng Bí Thư Andropov chủ trương và sau đó Gorbachev thực hiện một chính sách mở cửa cho dân được tự do hơn. Tình cảnh bế tắc đó ai cũng phải nhìn ra, nhất là ông Andropov cầm đầu KGB. Biết như vậy cho nên những ủy viên trung ương Đảng như Yeltsin phải đứng ra chống lại cuộc đảo chính của nhóm trùm công an mật vụ và các lãnh tụ hủ lậu, xóa tan chế độ Xô Viết. Sự tan rã của chế độ đó nằm trong bản chất của cơ cấu kinh tế mà Lenin và Stalin dựng lên. Bây giờ mà trở lại như kinh tế Liên Xô đời trước là muốn tự sát!

Nhưng tại sao mấy ông Lenin và Stalin có thể gạt bỏ tất cả mọi ý kiến khôn ngoan của những chuyên gia ở trong Đảng Cộng Sản, đưa cả nước Nga và Liên Bang Xô Viết đi vào ngõ cụt đó? Nước Nga, người Nga thiếu gì những người sáng suốt, tại sao một dân tộc thông minh, cần mẫn có thể bị lôi vào một con đường mà tự bản chất đã chứa mầm mống bế tắc để rồi tan vỡ như vậy? Câu trả lời nằm trong bản chất của các đảng cách mạng có khuynh hướng độc tài.

Đến đây phải nhìn vào một đặc tính của những đảng xã hội làm cách mạng từ thế kỷ 19. Một nhà xã hội học người Đức, Robert Michels, đã nhìn ra "Luật sắt của chế độ quả đầu" khi nghiên cứu về những đảng cách mạng theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Những đảng này đều tạo nên một thứ kỷ luật thép trong khi hoạt động bí mật, dần dần tất cả quyền hành tập trung vào tay một nhóm nhỏ (quả đầu), họ càng ngày càng trở nên độc tài. Không những thế, nhóm quả đầu nắm quyền sinh sát trong đảng dần dần sẽ bị lọt vào trong tay những kẻ theo cơ hội chủ nghĩa. Vì chính bọn "cơ hội" này mới đủ thủ đoạn và tánh tàn nhẫn để mưu mô chiếm đoạt quyền hành; còn những đảng viên bình thường, đấu tranh vì lý tưởng, biết suy nghĩ, có lương tâm đều bị gạt ra ngoài để cho bọn quả đầu thao túng đảng.

Chính vì cái "quy luật sắt" của Michels cho nên phong trào xã hội ở Nga bị nhóm Bôn Sơ Vích tiếm đoạt, trừ khử hết những người Men Sơ Vích. Chính vì thế mà sau này Stalin giết Trotsky và ra lệnh những đàn em đệ tam giết hết bọn đệ tứ ở khắp thế giới, coi Đệ tứ là nguy hiểm hơn cả kẻ thù tư bản. Chính vì quy luật đó mà Stalin đã giết hầu hết những ủy viên trung ương đảng Cộng Sản Liên Xô trong những cuộc thanh trừng hồi thập niên 1930. Và cũng vì thế

nên cả nước Nga bị đặt trong chế độ cộng sản gần 70 năm, không cựa quậy được. Những hiện tượng đó bắt nguồn từ bản chất của những đảng tự nhận là theo Chủ Nghĩa Xã Hội. Chính chế độ quả đầu độc tài đó không cho ai có ý kiến đối lập được phát biểu, đặt chính trị nặng hơn chuyên môn, cho nên xây dựng một nền kinh tế chứa đựng sự sụp đổ từ trong bản chất.

Vì đồng bào chúng ta, vì những bạn thanh niên trong nước, cả những đảng viên cộng sản ở Việt Nam, chúng ta cần nói rõ như vậy. Hô

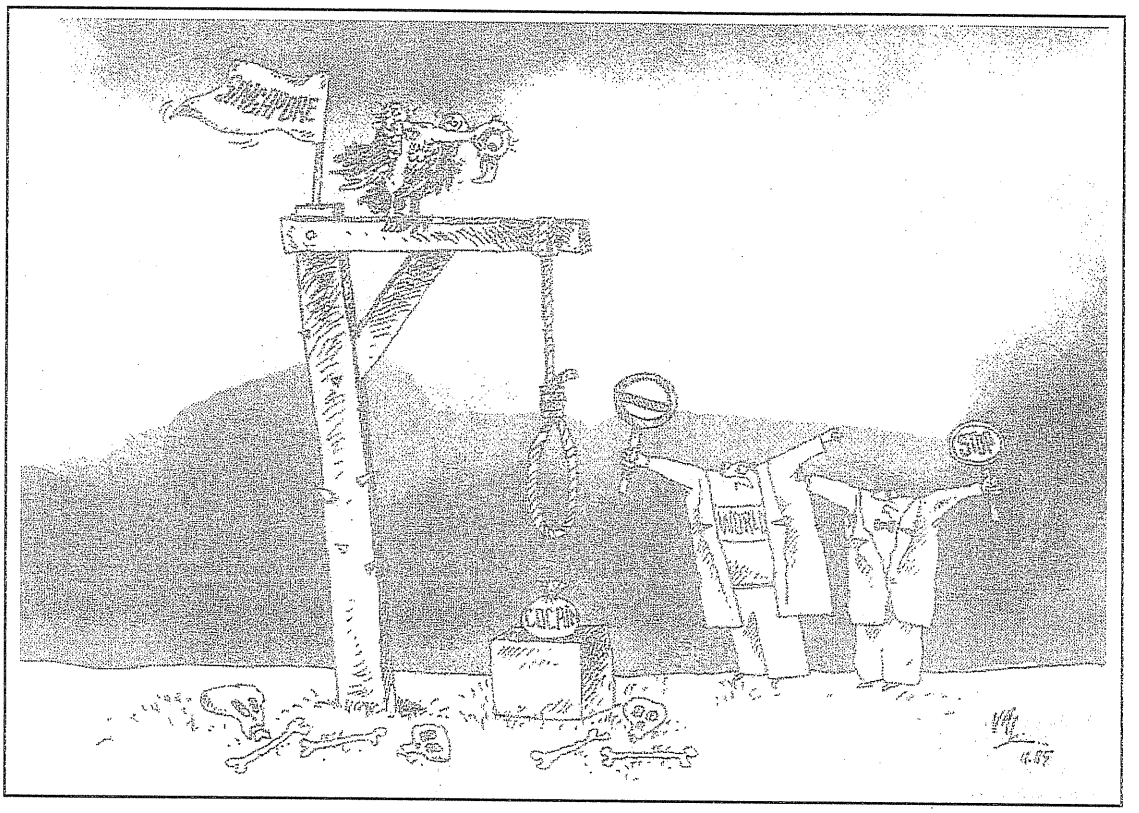

hào trở lại một thứ chủ nghĩa xã hội thời Liên Xô như ông Đỗ Mười kêu gọi là muốn đưa đất nước vào con đường bế tắc và giật lùi. Ngay ở Trung Quốc người ta cũng không ngu như vậy. Chính phủ Bắc Kinh đang muốn bán bớt cổ phần trong những xí nghiệp lớn và ngân hàng lớn nhất cho tư bản ngoại quốc, họ không hề tính trở lại thời Mao Trạch Đông và Stalin. Kinh tế họ sẽ tiến. Trong khi đó kinh tế nước ta cứ giậm chân tại chỗ. Liên Xô đã chết rồi, đừng tính dựng cái thây ma đó lại cho sống ở nước Việt Nam!

THẾ NÀO LÀ CẢI TỔ SAI LẦM?

Giống như những luận điệu cổ hủ vẫn viết trên nhật báo Nhân Dân, ông Đỗ Mười giải thích sự sụp đổ của chế độ Xô viết ở Nga là do "một đường lối cải tổ sai lầm;" vì "việc Liên xô tan vỡ không mảy may xuất phát từ bản chất của Chủ nghĩa Xã hội."Nhưng thế nào là một đường lối sai lầm? Muốn biết ta phải xác định hai chữ "sai lầm" là sai lầm đối với ai. Đối với mấy lãnh tụ đảng Cộng Sản Liên xô chưa phản tỉnh thì việc để cho chế độ xô viết tan tành, bao nhiêu quyền lợi biến mất hết, đối với họ thì sự sụp đổ quả là một sai lầm. Nhưng đối với nhân dân Nga và các nước khác trong liên bang Xô viết thì họ lại thấy chế độ cộng sản tan vỡ là một may mắn bất ngờ tự nhiên được hưởng. Tại sao có thể khẳng định như thế? Vì cứ hỏi người dân Nga, dân Lithuania, dân Ukraina coi. Có ai muốn trở lại sống như thời xô viết xã hội chủ nghĩa hay không? Người dân Nga và các nước Đông Âu không lầm. Họ đã chọn tự do, dân chủ, cho nên xóa bỏ cái chế độ tự nhận là xã hội chủ nghĩa mà thực ra chỉ lo bảo vệ quyền lợi và quyền hành của một nhóm thiểu số thao túng các đảng cộng sản. Người đầu tiên muốn thay đổi cơ cấu độc tài đó là ông Andropov, vì ông biết rõ nhiều thông tin nhất. Dưới thời Brehznev, một phái đoàn ủy ban Kế hoạch Nhà nước Nga sang Anh nghiên cứu các hoạt động của thị trường rau, trái

cây. Họ được mời đi xem các chợ rau ở London. Buổi sáng sớm bao nhiêu xe chở rau từ khắp nơi kéo vào chợ, các cửa hàng mở ra, rồi người ta đến mua. Buổi tối, các cửa hàng đóng cửa, xe quét rác tới giọn dẹp, người bán kẻ mua đi về nhà. Các cán bộ Nga hỏi những người Anh hướng dẫn họ: "Nhà nước các ông hoạch định việc phân phối rau, trái cây như thế nào mà có hiệu quả như vậy?" Các công chức Anh quốc ngẩn người ra: "Không ai hoạch định gì cả. Những người bán, người mua tự họ mặc cả với nhau. Nhà nước chỉ thu thuế thôi." Trước những sự thật đơn giản như vậy, không cần phải thông minh xuất chúng cũng hiểu rằng chế độ kinh tế chỉ huy, tập trung sẽ không bao giờ có hiệu quả bằng nền kinh tế thị trường. Đó là lý do tại sao chính người Nga muốn đổi mới. Người Hungary đã thí nghiệm trước từ thời Kadar, thấy có hiệu quả. Đặng Tiểu Bình đã thí nghiệm đổi mới ở Trung Quốc, dân không còn chết đói nữa. Cả thế giới cộng sản ở Âu châu, từ Đông Đức tới Liên xô rút kinh nghiệm đó, đều đồng ý với nhau phải thay đổi, không đổi thì loạn. Chứ không phải vì một ông Gorbachev nào đó muốn thay đổi mà làm cho cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Chính những lãnh tụ cộng sản Liên xô cũ như ông Gorbachev, hoặc ông Putin, hỏi họ có muốn trở về thời 30 năm trước để đóng vai Tổng Bí thư hay không, chắc chắn họ cũng sẽ lắc đầu! Bây giờ đi chê bai các lãnh tụ cộng sản Liên xô cũ là sai lầm, để bắt các đảng viên cộng sản Việt Nam không được cải tổ thêm nữa! Chê bai như vậy là chê mấy trăm triệu dân Nga, 40 triệu dân Ba Lan, mấy chục triệu dân Tiệp, Slovac, Hungary, Đông Đức là ngu ngốc hết, chỉ có ông Đỗ Mười là thông minh thôi! Cái trò đó tiếng Việt Nam gọi là "trứng khôn hơn vịt."Trong chuyện võ hiệp, khi yếu thế vì bị tấn công tới tấp không biết cách nào đỡ, thì bang chúng hay đi thỉnh cầu đại sư tổ tái xuất giang hồ chống đỡ và cứu nạn. Hình như giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay đang lâm vào bế tắc lớn lắm, đảng viên các cấp dưới đã chán nản và nghi ngờ quá, cho nên mới triệu thỉnh cựu Tổng Bí thư Đỗ Mười ra trấn an quần chúng! Trong cuốn hồi ký của Đoàn Duy Thành, ông kể Trường Chinh nhận xét rằng: "Anh Mười anh ấy võ biền lắm, đồng chí thấy đấy." Một nhân vật võ biền chỉ biết múa dao như vậy mà cũng làm đến chức Tổng Bí thư, bây giờ lại đóng vai nhà lý luận cho đảng Cộng Sản, như vậy đủ biết đảng hiện giờ đảng rất thiếu người! Cũng trong hồi ký đó, ông Đoàn Duy Thành kể nhận xét của Phạm Văn Đồng về Đỗ Mười, gồm ba tiếng: "Chỉ có phá!" Đúng như vậy: Đòi quay trở lại thời Liên bang Xô viết, củng cố kinh tế quốc doanh, tức là phá luôn cả quá trình đổi mới mà đảng Cộng Sản Việt Nam đang thử.Ông Đỗ Mười viết bài đề cao các doanh nghiệp nhà nước, "kinh tế nhà nước phải phải luôn luôn là đội quân chủ lực trên mặt trận kinh tế." Ông nhắc lại lời Hồ Chí Minh: "Chúng ta phải thực hiện nghiêm túc điều bác Hồ dậy: kinh tế quốc doanh là sở hữu của toàn dân, là lợi ích của toàn dân (tức là lợi ích cao nhất), nó lãnh đạo nền kinh tế quốc dân, cho nên nhà nước phải bảo đảm cho nó phát triển ưu tiên!" Đề cao quốc doanh đến như vậy thì ai cũng phải thấy là muốn đi ngược con đường đổi mới kinh tế. Tuy nhiên trong bài viết, ông Đỗ Mười cũng nhắc đến những ý kiến mơ hồ như "về lãnh vực kinh tế vừa có chủ nghĩa xã hội, vừa có chủ nghĩa tư bản nhưng chủ nghĩa xã hội là chủ đạo, tiếp thu một số yếu tố kinh tế của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội." Sau khi nghe xác định phải đi theo lề lối Liên xô, phải xây dựng kinh tế quốc doanh, đọc tới câu trên có ai hiểu ông Đỗ Mười muốn cái gì không? như thế nào thì gọi là tí ti cộng sản, tí ti tư bản? Chính ông Đỗ Mười có biết ông nói chuyện gì không?Ngày xưa có một anh mù đi chơi về khuya. Trước khi anh ra về, chủ nhà bảo: "Anh cầm cây đèn này mà đi đường." Anh mù hỏi: "Đối với tôi đêm cũng như ngày, tôi đâu cần đèn?" Chủ nhà giải thích: "Anh không cần. Cầm cây đèn này là để trên đường đi cho người khác họ thấy anh, người ta tránh anh." Anh mù đi được một hồi, bỗng có một người chạy qua, chạy gấp quá, đụng anh té lăn queo. Anh mù mắng: "Đi đâu thế? Không thấy cây đèn của người ta mà tránh hả?" Người kia trả lời: "Anh mù ơi, cây đèn của anh tắt từ lâu rồi!"Bài viết của ông Đỗ Mười dài 6,803 chữ kể cả ký tên họ và ghi các chức vụ cũ, cùng các lời giới thiệu long trọng của báo Nhân Dân. Phải nói toàn thể bài văn của ông Đỗ Mười toàn là những khẩu hiệu trống rỗng, bất chấp sự thực và coi thường trí khôn của người đọc. Về điểm này thì Hồ Chí Minh đã đoán trước cả rồi. Trong cuốn "Sửa đổi lối làm việc" in năm 1959, Hồ Chí Minh viết: "Nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này sang trang khác. Nhưng không có ích gì cho người xem. Chỉ làm tốn giấy tốn mực, tốn công người xem."

I. Lewis "Scooter" Libby Jr., ông là ai?

NGUYỄN ANH TUẤN

Bản cáo trạng của công tố viên đặc biệt Patrick Fitzgerald kết tội ông I. Lewis "Scooter" Libby Jr. vào ngày thứ Sáu, kéo theo đơn từ chức của ông Libby liền sau đó, coi như đã chấm dứt sự nghiệp chính trị của một trong những nhân vật cốt cán trong nhóm chính trị gia tân-bảo-thủ đầy quyền lực trong chính quyền Bush trong thời gian qua. Đặc biệt là ảnh hưởng của nhóm này đến mức gần như là khuynh đảo toàn bộ chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và đã đưa đến cuộc chiến tấn công Iraq vào năm 2003. Nó cũng chấm dứt luôn một sự hợp tác ăn ý của hai thầy trò - Libby và PTT Dick Cheney – được coi như là đã lèo lái chủ động toàn bộ chính sách điều hành của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ đầu của TT George W. Bush.

Ông Libby, năm nay 55 tuổi, là một trong những viên chức cao cấp nhất trong chính quyền, tuy chỉ đóng vai trò khiêm tốn ở mặt nổi nhưng lại là người có thực quyền rất cao ở hậu trường. Về mặt chính thức, ông kiêm nhiệm một lúc cả ba chức vụ: đổng lý văn phòng (chief of staff) và cố vấn an ninh quốc gia cho PTT Cheney, cũng như là phụ tá cho TT Bush, một chức vụ và trọng trách thiết yếu ngang hàng với vị cố vấn an ninh quốc gia cho tổng thống. Trong số các vị chánh văn phòng (chief of staff), chỉ có người nào nắm chức đổng lý cho phủ tổng thống thì mới là người có thực quyền nhất, vì coi như là người nắm rõ hết mọi sinh hoạt và cầm cương cho việc điều hành toàn bộ đầu não của chính quyền và trong nhiều trường hợp còn có quyền cao hơn cả vị phó tổng thống hay các vị tổng bộ trưởng khác tuy trên danh nghĩa chỉ là một nhân viên phụ tá trong văn phòng. Vì thế cho nên chức vụ này thường phải được thông dịch là bộ trưởng phủ tổng thống thì mới đúng nghĩa thực sự của nó. Thông thường chức PTT cũng không quan trọng và nhiều thực quyền lắm thì vị đổng lý văn phòng cho ông cũng không có thế giá gì hơn để đáng nói tới. Tuy nhiên, ông Cheney là một ngoại lệ hi hữu, một vị phó tổng thống quyền uy nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, và vì thế cánh tay mặt của ông là chánh văn phòng Libby cũng đáng nể luôn.

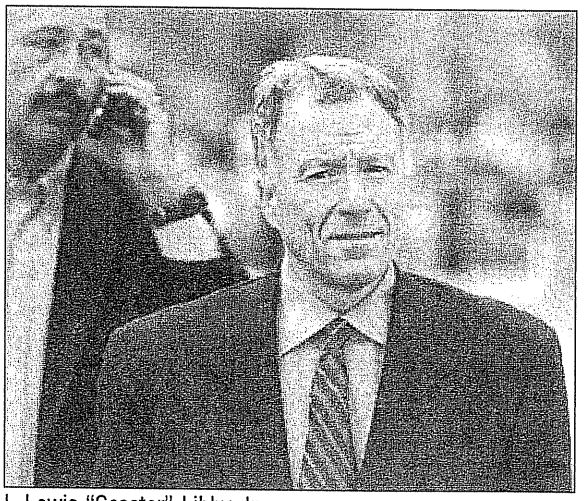

I. Lewis "Scooter" Libby Jr.

Chức vụ phó tổng thống Hoa Kỳ, tương tự như chức phó tổng thống của Việt Nam Cộng Hoà trước đây, thường là những chức vụ ngồi chơi xơi nước cho có danh nhưng không có thực quyền. Nhiệm vụ chính của PTT Hoa Kỳ, thường là đại diện hay thay mặt cho TT để đi dự các quốc táng của các vị nguyên thủ quốc gia trên thế giới chẳng may thọ nạn hay từ trần, và ở mặt đối nội thì có thể giúp cho ứng viên tổng thống giành thêm một số phiếu ủng hộ khác vào mùa tranh cử. Đa số đều biết thân biết phận nên chấp nhận vai trò ngồi chờ thời này để mong đến ngày được trao lại danh vọng tuyệt đỉnh khi sếp mình về hưu hoặc từ trần bất ngờ, và không bao giờ dám xía vào nội bộ điều hành ở Bạch Cung. Đến ngay như PTT Lyndon B. Johnson trước khi được mời đứng phó cho ông John F.

Kennedy đã là một lãnh tụ khối đa số tại Thượng Viện, tức là quyền lực và uy tín cao hơn cả nghị sĩ Kennedy, nhưng khi làm phó tổng thống cũng không có ảnh hưởng nhiều so với các bộ trưởng trong nội các. Đến thời TT Carter thì ông Walter Mondale, một chính trị gia kỳ cựu và có nhiều thế lực ở Quốc Hội, được mời vào để mong giúp cho ông Carter, một chính trị gia non nớt ở tiểu bang xa là Georgia, dễ dàng trong việc liên lạc và hợp tác với ngành lập pháp. Đến thời TT Reagan, PTT là ông Bush (bố), tuy cũng là một chính trị gia lâu năm nhưng cũng không được coi trọng ở trong Bạch Cung, xuyên qua chi tiết là ông không biết tí gì về vụ bê bối Iran-Contra của những viên chức Mỹ chủ động việc bán lậu vũ khí cho Ba Tư Hồi-giáo (Iran) để lấy tiền đó chuyển lậu cho kháng chiến quân Contra để chống lại chính quyền thiên tả ở Nicaragua và qua mặt sự kiểm soát cấm đoán của Quốc Hội Hoa Kỳ. Trong giới thượng lưu thời đó, người ta đôi khi nhắc đến giai thoại đệ nhất phu nhân Nancy Reagan, một phụ nữ ưa chuộng tính quý phái sang trọng ở trong Toà Bạch Ốc theo kiểu của bà Jacqueline Kennedy, có lúc đã giận dữ trước cái áo dạ hội màu đỏ trông quê mùa của bà vợ ông Bush nên đã ra lệnh cho phụ tá của mình nói riêng với bà Barbara Bush là không bao giờ muốn thấy lại chiếc áo mầu đỏ đó ở trong Toà Bạch Ốc! Dĩ nhiên nếu như chức phó tổng thống được coi trọng thì có lẽ bà Reagan đã không có thái độ miệt thị khá ngạo mạn này.

Đến thời TT Bill Clinton thì PTT Al Gore là vị phó đầu tiên được tham gia tích cực nhất trong việc điều hành cũng như bàn thảo các chính sách của chính quyền vì cả hai chính khách này đều hợp ý với nhau cũng như ông Gore đã từng là một chính trị gia nổi tiếng trước cả ông Clinton, và do đó ông Gore đã được giao phó nhiều công tác quan trọng trong chính quyền. Tuy nhiên đến thời của ông Cheney, thì vai trò của ông PTT đã lên đến mức cao tuyệt đỉnh, có lẽ sẽ không có lúc nào cao hơn trong lịch sử Hoa Kỳ. Khởi đi từ việc ông Cheney được giao trọng trách tìm người đứng phó chung liên danh với ông Bush để rồi sau đó tự giới thiệu mình là người xứng đáng nhất nên không cần phải tìm kiếm người khác; sau đó đến chi tiết ông Cheney, là người có mặt tại Toà Bạch Ốc trong ngày 9 tháng 11 năm 2001, đã quyết định ra lệnh cho chiếc Air Force One đang chở TT Bush trên đường trở về thủ đô Hoa Thịnh Đốn sau khi nghe tin vụ nổ bom khủng bố xảy ra tại Nữu Ước, phải nên tiếp tục ra đi trú ẩn chỗ khác cho an toàn trong khi ông Cheney có thể ở lại điều hành bộ máy ở Bạch Cung và TT Bush đã ngoan ngoãn nghe theo vì còn quá non nớt không hiểu biết gì nhiều trong chính quyền trung ương, nhiều người đã bắt đầu hoài nghi về quyền uy thực sự của ông Cheney không chỉ giới hạn ở cương vị một ông phó mà có lẽ trong thực tế đã gần như chi phối mọi quyết định chính khi mà người đứng vai chính chưa đủ bản lãnh. Không phải chỉ có các diễn viên hài hước của chương trình truyền hình nổi tiếng Saturday Night Live là thích diễn các màn kịch nhỏ để chế nhạo về việc cầm quyền thực sự của ông Cheney trong khi ông Bush chỉ là một người may mắn được hưởng danh dự và bổng lộc cao quí bất ngờ nên không cần phải phàn nàn gì. Nhiều hành động và việc làm sau này của TT Bush cũng cho thấy là vị nguyên thủ quốc gia Hoa Kỳ đã không hoàn toàn tự tin khi không có sự có mặt cận kề của ông phó Cheney. Điển hình như trường hợp ông Bush khi bị gọi ra điều trần trước Uỷ Ban 9/11 để tìm hiểu nguyên nhân về thất bại sơ hở của chính quyền đã không tiên liệu đến những tai hoạ có thể xảy đến do bọn khủng bố chủ động, Toà Bạch Ốc đã phải điều đình với Uỷ Ban điều tra này để cho cả hai ông Bush và Cheney xuất hiện cùng lúc để cùng trả lời các câu hỏi. Mục đích là để tránh cho ông Bush có thể bị chất vấn gắt gao và dễ đưa ra những lời nói hớ hênh không khôn ngoan già dặn như ông Cheney nên cần phải có ông này đi kèm.

Trong chính quyền Bush nhiệm kỳ đầu tiên, ông Cheney được toàn quyền giao trọng trách về nhiều địa hạt đối nội quan trọng như trong lãnh vực năng lượng cũng như liên lạc chặt chẽ với Quốc Hội để dễ dàng thông qua các đạo luật có lợi cho ngành hành pháp, nhưng về mặt đối ngoại tuy không nắm chức vụ hay được giao trọng trách chính thức, ông Cheney, với sự phối hợp chặt chẽ của những người cùng chí hướng thuộc trường phái tân-bảo-thủ nằm đầy rẫy trong Bộ Quốc Phòng, đã chủ động các chính sách đối ngoại liên quan đến vấn đề an ninh, qua mặt luôn cả vai trò của hai bộ phận chủ chốt quan trọng khác là Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và Bộ Ngoại Giao.

Là một chính trị gia lâu năm có nhiều quen biết và thế lực ảnh hưởng ở Quốc Hội – có lúc đã ở cương vị số 2 trong khối đối lập thiểu số

ở Hạ Viện (Minority Whip) – và cũng là một viên chức cao cấp lâu năm trong chính quyền từ thời TT Ford vào thập niên 70, ông Cheney là người thích làm việc ở trong hậu trường chính trị, sẵn sàng để cho các nhân vật khác như Rice, Rumsfeld, Powell tung hoành hay múa may trên mặt nổi của chính trường, nhưng lại là người đạt được những thành quả theo đúng với ý muốn của mình. Cùng với cánh tay mặt đắc lực của mình là Lewis Libby, cả hai người này đã là những người tiên phong và tích cực nhất trong chiến dịch đòi trừ khử Saddam Hussein cũng như đã ngăn chặn khá hữu hiệu những tiếng nói chống đối tại nhiều nơi trong chính quyền như tại Bộ Ngoại Giao và nhất là ở Cơ Quan Tình Báo Trung Ương CIA.

Cả hai thầy trò này đều chú tâm vào việc giữ bí mật về việc làm và công tác của mình, nên cho đến nay cũng khó cho nhiều người truy tìm ra dấu vết về việc chủ động của họ trong việc hoạch định chính sách của chính quyền. Hành tung bí mật của ông Cheney thì đã quá nổi tiếng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, không phải chỉ đơn giản vì ông phải nằm ẩn mình đâu đó trong một căn hầm kiên cố bí mật (secure undisclosed location) mỗi khi ông Bush xuất hiện trước công chúng vì sợ cả 2 vị đầu não đều bị ám sát chung mà vì bản tính của ông đã chủ trương như vậy. Riêng ông Libby, thì xuyên qua các lời cáo buộc kết tội của công tố viên đặc biệt Fitzgerald cho thấy, thì có vẻ như là một nhân vật đảm nhiệm vai trò tai mắt cho sếp của mình để nghe ngóng tình hình cũng như đo lường phản ứng khắp nơi trong chính quyền, cũng như trong giới truyền thông.

Ông Cheney có vẻ là con người cộc cằn, nhỏ nhen, thích trả thù với các ký giả hay phóng viên của các tờ báo không thân thiện với chính quyền, sẵn sàng xổ tục hay chửi thề không ngượng miệng (như trường hợp đã chửi thẳng nghị sĩ Patrick Leahy), không cởi mở với giới truyền thông, ngoại trừ đó là các người thuộc phe thân thiện như đài Fox News hay Rush Limbaugh. Ngược lại, ông Libby lại là một người lịch thiệp, hào hoa phong nhã, thích chơi thể thao như trượt tuyết bạt mạng, tinh thông cả hai tài ăn nói và viết lách, lúc nào cũng sẵn sàng tiếp chuyện với các phóng viên trong các buổi ăn sáng hay ăn trưa, cũng như dễ dàng hoà đồng với nhiều người trong các sinh hoạt hội hè tiệc tùng ở thủ đô. Những người bạn của ông Libby đều kể về tính ga-lăng như Tây của ông, lúc nào cũng đứng dậy mỗi khi có một phụ nữ ngồi cùng bàn ăn đứng lên để rời chỗ. Lúc nào ông cũng đáp trả những lời nhắn của các nhà báo, tuy rằng với điều kiện là phải không được tiết lộ danh tính, và trong thực tế cũng không chịu xì ra một cái tin nào đáng giá cả. Tuy vậy, ông Libby lúc nào cũng tuyệt đối trung thành với vị chỉ huy của mình, sẵn sàng bảo vệ vị thế và vai trò của sếp mình cũng như không bao giờ lỡ mồm cao hứng tiết lộ nhiều tin không cần thiết, lúc nào cũng chừng mực phát biểu đúng quan điểm của phe mình muốn đưa ra.

Với bản tính rất chừng mực kỹ càng và chi ly tính toán cẩn thận, nhiều viên chức cao cấp, hoặc còn tại chức hoặc đã từng hoạt động trong chính quyền, đã tỏ ra hết sức ngạc nhiên trước những lời nói hớ hênh của ông để khiến cho các điều tra viên của ông Fitzgerald có thể kết tội là đã khai man hữu thệ. Có lúc ông Libby đã từng nói đùa với một người phụ tá rằng có lẽ mình sẽ ngồi ở chức đổng lý văn phòng cho PTT Dick Cheney cho đến khi nào "*tớ bị kết tội hay là có chuyện gì đó mới thôi.*"

Phải chăng đó là điều ăn nói gở gặp giờ thiêng hay là tại muốn của nào trời trao của ấy, cho nên cuối cùng vận xui cũng đã đến với mình đúng như ông Libby đã nói một cách tình cờ trước đó. Viên phụ tá này cho biết rằng ông Libby lúc nào cũng tuân thủ theo một câu châm ngôn nhật tụng của sếp mình là PTT Cheney, đó là "*Anh sẽ không bao giờ bị vướng nạn bởi những câu nói lỡ lời nếu như anh không thốt ra những lời đó*", mà ông Cheney cho là đã học theo kinh nghiệm của một chính trị gia kỳ cựu khác là cố dân biểu Sam Rayburn của Texas, một thời từng là chủ tịch Hạ Viện trong thập niên 50.

Hai nhân vật cao cấp trong chính quyền Bush bị ông Fitzgerald chiếu cố nhiều nhất trong vụ điều tra này là ông Libby và Karl Rove, cố vấn chính trị hàng đầu của TT Bush. Cả hai đều có những tính tình hoàn toàn trái ngược nhau, một người được hầu như mọi người biết tiếng và được coi như là linh hồn của sự thành công chính trị cho ông Bush, còn một người khác âm thầm kín đáo đến nỗi cái tên ruột của mình cũng không muốn tiết lộ cho nhiều người biết. Ông Rove là một cư dân của Texas, đã từng lăn lộn qua bao cuộc thử thách và đã dày công hãn mã để đưa đẩy sự nghiệp của ông Bush lên đến đỉnh cao

nhất theo đúng với giấc mộng lớn của mình. Rove cũng là một tay áp phe chính trị có năng khiếu, biết đánh hơi để đo lường thời cuộc xoay chiều ra sao, cũng như rất lão luyện trong việc vận động tranh cử để giành lấy sự ủng hộ của cử tri, và được coi như là kiến trúc sư của bộ máy vận động tranh cử hữu hiệu và đắc lực của Bạch Cung và của đảng Cộng Hoà.

Trong khi đó thì ông Libby, được biết nhiều hơn qua biệt danh Scooter, lại là biểu tượng cho một khía cạnh khác của chính quyền Bush, một khía cạnh bí mật mà ít người biết đến. Thậm chí đến cái tên của ông cũng không được nhiều người biết đến, kể cả các bạn bè thân thiết. Không ai biết chắc I. là chữ viết tắt của tên gì. Tờ USA Today thì cho rằng đó là Irv, nhưng có tờ báo khác thì cho là Irving hay Irve. Ngay cả cái tên Scooter được nhiều người biết đến nhưng thật ra cũng không ai biết rõ hư thực. Trong một cuộc phỏng vấn với tờ New York Times vào năm 2002, ông cho rằng đó là tên gọi chơi ở nhà do bố ông đặt ra khi thấy con mình bò lết ở trong nôi. Tuy nhiên trong một cuộc nói chuyện với nhà báo Larry King cùng năm, ông Libby lại nhắc đến để so sánh người bạn thuở thiếu thời của mình là Phil "Scooter" Rizzuto, sau này trở thành một trong những cầu thủ nổi danh về môn bóng chày.

Tương tự như sếp trực tiếp của mình là PTT Cheney, ông Libby thích nhẩm làm việc trong hậu trường, chú tâm vào các vấn đề thiết lập kế hoạch hay chính sách và nhường phần phô diễn chính trị mặt nổi với công chúng cho những tay khác như ông Rove. Khác với những chính trị gia tân bảo thủ khác như Paul Wolfowitz hay Richard Perle, ông Libby thường ít khi nào chịu tuyên bố với báo chí một cách chính thức, cũng như gần như không bao giờ thích đọc diễn văn. Tuy nhiên khác với đa số phụ tá trong bộ tham mưu ở Bạch Cung xuất thân từ Texas thường hay tự phụ và thích xem thường giới trí thức thiên tả nằm đầy ray ở thủ đô, ông Libby lại là người thích hãnh diện về sự nghiệp và thành tích khoa bảng trí thức của mình. Trong cuốn sách truyện dã sử mang tựa đề "The Apprentice" (Kẻ Học Nghề) do ông sáng tác trong một thời gian dài được ra mắt vào năm 1996, ở dưới tấm hình của tác giả, người ta thấy có giòng chữ: "Lewis Libby đã từng tốt nghiệp tại trường đại học Yale và trường đại học luật khoa Columbia". Ngay cả trong bức thư gửi cho nữ ký giả Judith Miller, đang nằm ở trong tù vì không chịu tiết lộ danh tính của nguồn tin bí mật của bà, để cho phép bà được tiết lộ danh tính người đã đưa tin (tức là ông Libby), người ta thấy một đoạn văn hết sức kỳ bí nhưng cũng không kém phần văn hoa: "*Lúc bà bước vào tù là mùa hè, bây giờ đã là mùa thu rồi. Bà sẽ có nhiều đề tài để viết lắm, nào là chuyện bầu cử tại Iraq và những bọn khủng bố ôm bom cảm tử, rồi chuyện các loại vũ khí sinh hoá cũng như là chương trình hạch tâm của Ba Tư. Trong khi đó thì ở miền Tây, nơi mà bà đã đi nghỉ hè, thì những cây dương đã bắt đầu đổi màu thay lá. Chúng sẽ đổi từng cụm với nhau vì có chung cái gốc. Bà hãy trở về với công việc đi, cũng như là trở về với đời sống của mình. Xin cầu nguyện và chúc phúc cho bà. Kính thư, Scooter Libby.*" Có lẽ công tố viên đặc biệt Fitzgerald cũng đã điên đầu để tìm hiểu xem đoạn văn này có ý nghĩa thầm kín nào hay không. Phải chăng đó là một lời nhắn kín đáo dặn bà Miller hãy cùng giữ lập trường như thuở đầu, tức là không tiết lộ chuyện ông Libby đã kể cho nghe về tin tức bí mật danh tính của bà Valerie Plame?

Có thể nói Libby là một trong số những chính trị gia tân bảo thủ tích cực nhất. Từ thuở còn học ở trường trung học Philip Andover, Libby đã tỏ ra xuất sắc và thông minh, có tài ứng biến nhanh nhẹn, được bầu làm chủ tịch đội tranh luận của trường. Thoạt đầu, Libby tham gia đảng Dân Chủ, ủng hộ ứng viên Bobby Kennedy trong cuộc vận động bầu cử TT vào năm 1968. Sự nghiệp chính trị của Libby bắt đầu rẽ sang bước ngoặt bảo thủ khi trong lúc theo học tại Yale, Libby đã thọ huấn và làm quen với ông thầy Paul Wolfowitz giảng dậy môn chính trị học. Sau khi đậu bằng cử nhân, Libby ghi tên theo học luật tại trường Columbia. Sau khi tốt nghiệp ở trường đại học danh tiếng này, Libby đi làm luật sư tập sự tại Philadelphia. Wolfowitz, vốn vẫn còn nhớ đến và nể phục tài ứng biến và viết lách của cậu học trò cũ, đến dụ dỗ Libby bỏ nghề luật sư để đi làm nghề viết diễn văn chính cho ông ta, lúc đó được bổ nhiệm vô chính quyền Reagan vào năm 1981 với chức vụ thứ trưởng ngoại giao đặc trách hoạch định chính sách trung ương.

Sau một thời gian ngắn trở về hành nghề luật sư tư, Libby lại theo chân ông thầy cũ khi ông Wolfowitz được bổ nhiệm là phó thứ trưởng quốc phòng đặc trách kế hoạch dưới quyền của ông Dick Cheney dưới thời TT Bush bố vào năm

1989. Một trong những địa hạt lôi cuốn sự chú ý của ông Libby là nghiên cứu về một loại chiến tranh bất quy ước, nhất là ở chiến trường Trung Đông, và ông cũng được giao phó việc tìm hiểu về khả năng vũ khí sinh hoá của quân đội Iraq dưới thời Saddam Hussein. Sếp lớn lúc đó là Cheney, cũng lại cùng có mối quan tâm đặc biệt về các loại vũ khí tàn sát quy mô, và đã tỏ ra nể phục trước tài năng phân tích sắc bén và chi ly của người thuộc cấp trẻ của mình, mở đường sau này cho một sự hợp tác lâu bền và gắn bó hơn khi ông Cheney làm PTT vào năm 2001.

chiến này, sau đó đã được tiết lộ ra trên tờ New York Times, gây xôn xao trong dư luận chính giới, nhất là trong bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh lâu dài giữa hai siêu cường Nga – Mỹ vừa mới chấm dứt, khiến cho nhiều tiếng nói ôn hoà hơn theo chiều hướng thực tiễn trong chính quyền Bush bố lên tiếng phản đối, và sau đó đã được sửa chữa lại để loại bỏ những luận điệu cực kỳ quá khích.

Tuy nhiên, không vì thế mà Libby, Wolfowitz và những chính trị gia tân-bảo-thủ khác không tiếp tục quan tâm về mối hiểm nguy của các loại

Tuy nhiên ông Libby nổi tiếng nhất là nhờ ở công cùng cộng tác với ông Wolfowitz để soạn thảo ra tập tài liệu mang tên Hướng Dẫn Kế Hoạch Quốc Phòng (Defense Planning Guidance) vào năm 1992. Tập tài liệu dài 46 trang này đề ra một chiến lược quốc phòng mới cho thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến yếu tố cần phải "ra tay trước" (*pre-emption*) để "ngăn chặn sự lớn mạnh của một kẻ thù mới" của Hoa Kỳ cũng như để chặn đứng việc phát triển các loại vũ khí tàn sát quy mô. Tập tài liệu với những từ ngữ sặc mùi hiếu

vũ khí hạch tâm và sinh hoá hiểm độc khác, nhất là nếu như những nhà độc tài như Saddam có thể thủ đắc được. Libby, cũng giống như sếp Cheney của mình, tỏ ra không mấy hài lòng về kết quả cuộc chiến vùng Vịnh vào năm 1991 khi mà nhà độc tài Saddam không bị lật đổ mặc dù quân đội Iraq đã bị đẩy lui ra khỏi Kuwait và đường vào thủ đô Baghdad có thể dễ dàng để tiến chiếm. Cả hai ông Libby và Cheney càng ngày càng quan tâm trước việc CIA và nhiều cơ quan chính quyền khác đã không tỏ ra mấy sốt sắng nghiên cứu về mối hiểm nguy tích tụ

các loại vũ khí tàn sát quy mô của Saddam.

Vụ khủng bố ngày 9/11 càng xác định quan điểm có từ lâu của ông Libby rằng các phần tử khủng bố Hồi-giáo quá khích đã trở thành mối hiểm nguy lớn nhất cho Hoa Kỳ kể từ sau ngày cuộc chiến tranh lạnh chấm dứt. Trước ngày vụ này xảy ra, Cheney là người có trọng trách soạn thảo một kế hoạch an ninh nội địa và Libby là người hoàn tất kế hoạch này. Khi những chiếc máy bay đâm sầm vào toà nhà chọc trời World Trade Center, thì Libby đang sửa soạn dự một phiên họp để đúc kết bản báo cáo cuối cùng cho kế hoạch nội an này. Sau ngày 9/11 những khái niệm năng lời quá khích trong tập tài liệu của ông Libby đã trở thành nền tảng cho chính sách mới của Hoa Kỳ, và yếu tố "ra tay đánh phủ đầu" đã trở thành cái gọi là "chủ thuyết Bush".

Trong một cuốn sách viết về đề tài cuộc chiến Hoa Kỳ đang phải đương đầu với các loại vũ khí sinh hoá, nhà báo Judith Miller đã thuật lại lời của ông Libby thường than phiền rằng "*các chuyên gia phân tích của CIA thường có một thói quen bất lợi là hễ nếu không thấy có một bản báo cáo hay tài liệu gì về một đề tài nào thì họ coi như là điều đó sẽ không xảy ra.*"

Chính vì sự thiếu thốn hay không hăng hái truy tìm thêm về các loại tin tức này đã khiến cho ông Libby, với quyền hành trợ giúp của PTT Cheney, tìm cách thúc giục CIA nên cố gắng thêm để tìm những nguồn tin xác đáng hơn về khả năng thủ đắc các loại vũ khí độc hại của chính quyền Saddam. Sự thúc giục này đã khiến cho CIA cử ông cựu đại sứ Wilson lên đường sang Niger để tìm hiểu thêm hầu có thể xác định xem rằng chuyện đó có thật hay không.

Đau đớn cho ông Libby là khi trở về, ông Wilson không những đã phủ nhận loại tin tình báo kiểu sai lạc này mà còn lên tiếng công khai chỉ trích chính quyền Bush sau khi thấy có tin sai lạc về chuyện mua chất uranium được đọc trong bài diễn văn Thông điệp hàng năm (State of the Union speech) vào tháng Giêng năm 2003. Theo lời kể lại của các cựu nhân viên thuộc cấp trong văn phòng phủ PTT, ông Libby đã tỏ ra giận dữ khi nghe các lời chỉ trích của ông Wilson. Và ông đã nhất quyết tìm cách chống trả lại những lời cáo buộc của ông Wilson khi cho rằng chính quyền Bush, nhất là ông Cheney, đã không thành thật với dân chúng Hoa Kỳ khi đưa ra những bằng chứng sai trái này.

Trong kế hoạch phản công, họ không từ nan việc sử dụng đủ mọi chiêu thức để triệt hạ uy tín của ông Wilson, và có thể bằng cách là, theo lý luận của họ, xì ra tin ông Wilson nhận công tác đó chẳng qua là nhờ có vợ mình là tay trong tiến cử để đi chơi chứ thật ra chẳng có tài cán gì hay kinh nghiệm chuyên môn gì. Tin này khi tiết lộ ra ngoài có thể tạo nên một hình ảnh ông Wilson được thừa hưởng lợi lộc do vợ mình là người tay trong đưa đẩy, do đó hình ảnh đứng đắn trong sạch có thể sẽ bị lu mờ đi, và như vậy có thể là sẽ có ít người hơn tin tưởng vào những lời tố cáo của ông ta.

Cả hai ông Rove và Libby đều quyết định dùng chiêu thức tiết lộ tin ra ngoài với cùng mục đích triệt hạ uy tín của ông Wilson nhưng với hai quyền lợi nhắm tới khác nhau: Ông Rove thì tìm cách ngăn chặn những lời chỉ trích có thể làm giảm uy tín chính trị của sếp mình là TT Bush. Trong khi đó thì ông Libby muốn tiết lộ tin này ra để tấn công những người nằm bên cơ quan CIA mà cả hai thầy trò Libby và Cheney đều đã không ưa từ lâu và cũng như đã tranh chấp dằng dai trong việc thu hoạch tin tức tình báo xác đáng để biện minh cho cuộc chiến mà cả hai ông đều đã tích cực ủng hộ ngay từ lúc đầu.

Phải chăng trong lúc nóng giận bực tức trước những lời chỉ trích tố cáo việc làm của hai thầy trò mình nên ông Libby đã trở thành "giận quá mất khôn", xì cái tin bí mật ra để rồi sau này gặp nguy cơ có thể bị xác định là đã nói dối bởi các nhân chứng là các nhà báo đã nghe các lời tiết lộ tin này, đó là trọng tâm của cuộc điều tra của công tố viên đặc biệt Fitzgerald kéo dài trong hai năm vừa qua, kết thúc với hồi I là bản cáo trạng buộc tội ông Libby với năm tội danh là khai man hữu thệ và cản trở công lý.

Một người tài hoa, nhiệt tình tin tưởng vào con đường mình theo đuổi, thích làm việc trong bóng tối thì có lẽ có khá thừa kinh nghiệm trong việc che giấu hành tung của mình. Tuy nhiên, có lẽ cái nhiệt tình cao độ của ông đã bị "ma đưa lối, quỷ dẫn đường" vô tình đẩy mình vào con đường tiết lộ tông tích của mình, đồng thời cũng có thể hé mở ra một góc cạnh kín đáo và bí mật của bộ máy cầm quyền của chính quyền Bush trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử Hoa Kỳ. Dù kết quả cuộc điều tra và việc luận tội ông Libby sẽ dẫn đến kết quả nào đi nữa thì người dân cũng sẽ biết thêm được những bí mật lịch sử khá ly kỳ thích thú.

Houston, Texas 01-11-2005

"BỨT PHÁ MẠNH DẠN VỀ TƯ DUY"

NGUYỄN MINH CẦN

Sau bài "Đại đoàn kết dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta", ông Võ Văn Kiệt lại vừa tung ra một tác phẩm mới – bản "Góp ý kiến vào báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới."

Đây là một sự kiện đáng lưu ý trong đời sống chính trị của Việt Nam. Vì nó là văn bản của một nhân vật đã từng đứng vào hàng cao cấp nhất của Đảng cộng sản (ĐCS) và nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa (VN XHCN) công khai trình bày quan điểm của cá nhân mình nhân dịp chuẩn bị đại hội đảng, đồng thời nói đến những sai lầm của ĐCS – dù là lời nói đó quá muộn màng, sơ sài, và không đầy đủ so với biết bao nhiêu người đã nói hàng chục năm trước đây và còn đang bị đau khổ vì những lời nói thẳng thắn của mình.

Bất kể văn kiện này được tác giả của nó tung ra với động cơ chính trị nào trong tình hình đấu tranh phe phái hiện nay ở VN, nhưng nó cũng mang tính tích cực vì có thể tạo điều kiện cho những ai quan tâm đến số phận của Tổ quốc và dân tộc chịu động não đôi chút để nghĩ đến tiền đồ của đất nước và của thế hệ mai sau, tức là con cháu ruột thịt của mình. Nó cũng tạo dịp tốt để những người dân chủ trong nước khơi dậy những cuộc trao đổi ý kiến rộng rãi trong dân chúng nhằm lắng nghe ý kiến của người dân và truyền bá quan điểm dân chủ về các vấn đề căn bản của đất nước, tạo một dư luận xã hội sôi nổi ngay trước ngày họp đại hội đảng lần thứ X.

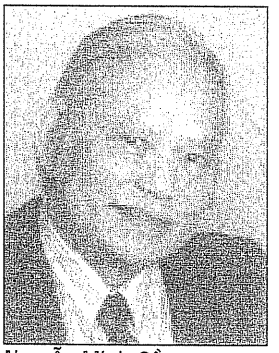
Nguyễn Minh Cần

Ông Võ Văn Kiệt vốn là nhân vật lãnh đạo số một ở miền Nam VN trước và sau sự kiện tháng 4 năm 1975, sau này ông lại là thủ tướng chính phủ VN XHCN trong nhiều năm. Tên tuổi của ông gắn với biết bao sự kiện đau buồn của đất nước trong 30 năm qua, kể từ năm 1975. Ông "có vai trò lớn" trong việc đàn áp tệ hại các tôn giáo, trả thù hèn mạt những người trong chế độ cũ, bỏ tù nhiều năm trong các "trại cải tạo" hàng loạt công chức, sĩ quan, binh lính, thậm chí cả những trí thức, văn nghệ sĩ, tráo trở gạt bỏ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam", vứt bỏ Chính phủ lâm thời miền Nam VN, tổ chức nhiều đợt cải tạo công thương nghiệp, "đánh tư sản mại bản" để cướp đoạt tài sản của người dân, đàn áp những trí thức yêu nước đòi tự do, dân chủ, đàn áp "Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ," bắt bớ ông Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng và những người đứng đầu khác của Câu lạc bộ. Ông cũng là người cho tổ chức những đợt "vượt biên bán chính thức" hồi cuối thập niên 70 để vơ vét vàng bạc của người dân trước khi thả họ ra biển cả. Việc ô nhục nhất là khi làm thủ tướng là ông đã ký tên vào cái "nghị định" 31/CP mang tính phát xít cho phép công an tuỳ tiện quản chế bất cứ ai không cần chứng cớ, không cần toà án, làm tăng cường thêm cái chế độ "công an trị" trên đất nước ta. Cho đến bây giờ cái nghị định đó vẫn còn nguyên hiệu lực và biết bao người trí thức dân chủ, những người cách mạng bất đồng chính kiến với ban lãnh đạo Đảng, những vị tu hành của các tôn giáo, như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành, Phật giáo Hoà hảo... vẫn còn đang bị "cầm tù tại gia" bởi cái nghị định đó.

Với một con người có nhiều "thành tích" như vậy, ít ai có kỳ vọng ở bản "Góp ý kiến..." của ông ta sẽ mở ra một con đường mới mẻ, thật sự cần thiết cấp bách cho đất nước và dân tộc. Mà thật vậy, đằng sau những từ

ngữ rất... "hoành tráng" theo văn phong ưa chuộng của giới lãnh đạo VN, như "trước hết đòi hỏi một sự bứt phá mạnh dạn về tư duy, về đường lối, về tổ chức...", người ta có thể dễ dàng nhận thấy là ông Võ Văn Kiệt về cơ bản vẫn cứ đứng yên tại chỗ mà không có một chút "bứt phá mạnh dạn" nào.

Tôi muốn nói đến vấn đề mà ông Kiệt quan tâm nhất đặt lên hàng đầu: chủ nghĩa Marx-Lenin. Ông Kiệt viết: "Từ bao nhiêu năm nay, lúc nào chúng ta cũng khẳng định rằng: *Chủ nghĩa Marx-Lenin là nền tảng tư tưởng của Đảng, là kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Chưa bao giờ chúng ta chủ trương làm trái chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng tại sao chúng ta vẫn mắc nhiều sai lầm?* Nếu có một kim chỉ nam trên tay, thì khó có thể lạc hướng. Nhưng tại sao vẫn có những giai đoạn lạc hướng." Rồi ông đi đến kết luận: "Điều đó chứng tỏ rằng chúng ta không đọc được những mã số của nó. Vậy *vấn đề bây giờ không còn là nêu lên những khái niệm chung chung, mà phải xác định rõ nội hàm của những khái niệm đó.*" Ở một đoạn khác, ông Kiệt nói thêm: "... lâu nay *không có một đảng cộng sản hay công nhân nào nói rằng không đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin, không kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin. Nhưng mỗi đảng đi theo một con đường khác nhau, đảng này lại còn phê phán đảng kia là làm sai những nguyên lý của chủ nghĩa Marx-Lenin. Vậy là có nhiều cách hiểu về chủ nghĩa Marx-Lenin.*"

Nói một cách khác, ông Võ Văn Kiệt chủ trương là ĐCS vẫn phải *kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin*, vẫn phải *lấy chủ nghĩa Marx-Lenin làm nền tảng tư tưởng của Đảng*, chỉ có điều là phải "*đọc được những mã số của nó*," "*phải xác định rõ nội hàm của những khái niệm*" của chủ nghĩa Marx-Lenin.

Cái gọi là "đọc được những mã số của nó" quả thật là một câu bí hiểm đánh đố người đọc, nó vừa huênh hoang, vừa rỗng tuếch, không có nội dung gì thực tế. Còn cái gọi là "nội hàm" (hay nói dễ hiểu hơn, nội dung cơ bản) của chủ nghĩa Marx-Lenin thì phải chăng là không có, mà đến bây giờ cần phải xác định rõ? Thực ra, nó nằm sờ sờ trong các tác phẩm, các văn bản của những người mà giới lãnh đạo cộng sản VN tôn vinh là "những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin." Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin bao gồm bốn điểm được coi là bốn trụ cột bất di bất dịch của chủ nghĩa Marx-Lenin, nghĩa là không có chúng thì không còn là chủ nghĩa Marx-Lenin nữa. Thứ nhất, là học thuyết đấu tranh giai cấp; thứ hai, là đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân nhất định phải đi đến chuyên chính vô sản; thứ ba, là ĐCS phải độc quyền lãnh đạo, tuyệt đối không được phân chia quyền lãnh đạo đó cho bất cứ đảng nào; và thứ tư, là chủ nghĩa tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của ĐCS và của hệ thống chính trị do đảng độc tôn thống trị (xin chú ý: chủ nghĩa tập trung dân chủ, chứ không phải chủ nghĩa dân chủ tập trung, vì theo những người lãnh đạo ĐCS, tập trung là chính, là cơ bản). Từ ông Marx đến ông Lenin, ông Stalin, ông Mao Trạch Đông, và các ông lãnh tụ khác đều khẳng định bốn cái cốt lõi đó. Trên 80 năm qua, các ĐCS ở các nước gọi là XHCN đã dựa trên bốn trụ cột đó, tức là đã "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin." Kết quả thì thế nào? Nếu ông Võ Văn Kiệt "xác lập một thái độ trung thực và có trách nhiệm, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật" – như ông đã nhắc nhở – thì chắc ông phải thấy rõ ràng rằng ở các nước XHCN mà ĐCS "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin," thì bao nhiêu đầu rơi máu chảy, bao nhiêu đau thương tang tóc, hàng chục triệu người đã chết oan uổng, bao nhiêu lực lượng sản xuất đã bị lãng phí... để cuối cùng xác lập nên một chế độ cực quyền toàn trị độc ác khủng khiếp, không kém gì chế độ của phát xít. Trên thế giới, chưa hề có một nước nào do ĐCS "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin" mà thực hiện được ước mơ tốt đẹp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Như vậy, không phải vì các ĐCS đó chưa "xác định rõ nội hàm của chủ nghĩa Marx-Lenin" mà phải thẳng thắn nói rõ là thực tiễn đã chứng tỏ rằng chủ nghĩa Marx-Lenin không thể làm "kim chỉ nam" đúng đắn được. Lịch sử thế giới trên 80 năm qua đã chứng minh điều đó. Thế mà đến bây giờ ông Kiệt vẫn nói loanh quanh "phải xác định rõ nội hàm" thì có khác gì hai mươi năm trước, khi bắt đầu đổi mới, nghĩa là khi đã thấy rõ (nếu nói nhẹ một tí)... sự "bất cập", "bất lực" của chủ nghĩa Marx-Lenin, ban lãnh đạo ĐCS VN đã từng quyết nghị: "cần phải có nhận thức đúng về chủ nghĩa Marx-Lenin" – mà chính ông Kiệt cũng thấy rõ đấy: hai mươi năm sau... ĐCS vẫn chưa thể đưa ra "nhận thức đúng về chủ nghĩa Marx-Lenin" là như thế nào cả! "Phải xác định rõ nội hàm" chỉ là một câu nói nhằm trốn tránh sự thật, để "hoãn binh," trong

lúc thực ra cần phải giải quyết dứt khoát "vấn đề của mọi vấn đề" để đất nước tiến lên.

Nếu đã nói như ông Kiệt "cần phải có một sự bứt phá mạnh dạn về tư duy..." thì phải nói thẳng ra rằng sự bứt phá mạnh dạn đó chính là phải *từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin*, một chủ nghĩa đã bị thực tiễn lịch sử gạt bỏ. Khác với ông Kiệt, nhiều người dân chủ VN trong và ngoài nước từ lâu đã nói dứt khoát như vậy. Và "nội hàm" của khái niệm *từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin* cũng đã từng được nêu ra rất cụ thể:

Trước tiên, là phải xoá bỏ điều 4 trong Hiến pháp hiện hành, tức là xoá bỏ quyền thống trị độc tôn của ĐCS; thứ hai, phải tách ĐCS ra khỏi chính quyền nhà nước, xoá bỏ tình trạng nhập nhằng hiện nay và làm cho chính quyền, quân đội, công an thực sự là của nhân dân, không một đảng phái nào được thao túng; thứ ba, tổ chức đầu phiếu thật sự dân chủ và tự do để cử các cơ quan lập pháp, hành pháp; thứ tư, ban hành và bảo đảm thực thi các quyền tự do dân chủ, trước tiên là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tôn giáo, đồng thời xoá bỏ ngay những đạo luật, cũng như những văn bản dưới luật vi phạm các quyền tự do dân chủ nói trên, trước tiên là bãi bỏ nghị định 31/CP; thứ năm, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải phân lập rõ rệt; thứ sáu, xây dựng một xã hội dân sự mạnh mẽ; và thứ bảy, phải xây dựng Hiến pháp mới cho nước Việt Nam mới được thông qua bởi một cuộc bỏ phiếu toàn dân. Đó chính là những việc làm cụ thể để xoá bỏ chế độ cực quyền toàn trị, nhằm xây dựng một chế độ dân chủ, tự do đích thực, tức là một chế độ dân chủ đa nguyên, tạo điều kiện cho đất nước tiến lên mạnh mẽ, thoát khỏi nguy cơ tụt hậu.

Vấn đề, theo tôi, đặt ra rõ ràng, cụ thể và dứt khoát như vậy, mà sao ông Kiệt lại tránh né, không dám nói đến? Mà sao ban lãnh đạo ĐCS lại không dám đặt ra để trong toàn ĐCS thảo luận? Sở dĩ như vậy, vì nếu từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin thì giai cấp thống trị quan liêu, tức là giai cấp các "quan cách mạng" hiện nay nhất định sẽ bị tiêu vong, cái ách mà ĐCS đã đặt lên đầu người dân được tô son trát phấn bằng cái khẩu hiệu lừa mị "đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ" nhất định sẽ bị vứt bỏ, nhân dân nhất định sẽ được giải phóng. Chính vì sợ mất quyền mất lợi, mà họ phải nói quanh, nói "bí hiểm", nói mơ hồ, "nói để mà nói." Ông Kiệt làm ra vẻ là người "tiến bộ," nhưng thực chất ông cũng không hơn gì ban lãnh đạo ĐCS hiện nay.

Bây giờ xin bàn đến vấn đề mà ông Kiệt gọi là "phương pháp tư tưởng," trong đó ông vạch những cái gọi là "phương pháp tư duy 'tả khuynh' trong đảng" qua các thời kỳ. Thực ra, trước ông Kiệt rất lâu, nhiều người – kể cả những người trong ĐCS – đã vạch ra những sai lầm đó của ĐCS, đầy đủ, thẳng thắn và sâu sắc hơn ông Kiệt rất nhiều. Chẳng hạn, ta thấy ông Kiệt tránh không nhắc đến "vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm," "vụ án Xét lại-Chống Đảng," vụ giải tán Mặt trân giải phóng miền Nam VN và giải tán Chính phủ lâm thời miền Nam VN, vụ đàn áp Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, v.v... Nhưng thôi, cái đó chưa phải là vấn đề đáng nói ở đây. Vấn đề đáng nói là ông quy những sai lầm đó vào "phương pháp tư tưởng," hàm ý những sai lầm đó chỉ là do "phương pháp tư duy 'tả khuynh' " mà thôi. Cách đặt vấn đề như thế không đúng, vì thật ra những cái mà ông gọi là sai lầm "tả khuynh" đó *nằm ngay trong bản chất của chủ nghĩa Marx-Lenin, chúng là biểu hiện của chủ nghĩa Marx-Lenin*. Nếu chúng ta bình tĩnh đọc lại "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" hay những tác phẩm của ông Marx viết về Công xã Paris chẳng hạn, thì thấy – so với thực tiễn – có nhiều điều ông Marx nói sai, "tả khuynh" rõ rệt, thậm chí "không tưởng." Đến thời ông Lenin thì lại càng có nhiều điều "tả khuynh" nữa. Chẳng hạn như, ông Lenin đã thực hiện cái gọi là "chủ nghĩa cộng sản thời chiến," ông Lenin nhận định chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản giãy chết, là đêm trước của cách mạng vô sản, nên ông vội vã huy động lực lượng giai cấp vô sản gấp rút làm cách mạng thế giới, v.v... và v.v... Đến thời ông Stalin, ông Mao Trạch Đông – hai ông này cũng là những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin đấy – biết bao nhiêu chủ trương, chính sách của hai ông đều đáng gọi là "đại tả khuynh." Chính vì "xu hướng tả khuynh" nằm trong bản chất của chủ nghĩa Marx-Lenin, nên khi một cán bộ CS phạm sai lầm "tả khuynh" thì nói chung họ không hề bị kỷ luật nặng, thậm chí có khi còn được coi là "lập trường giai cấp vững" chỉ có "phương pháp tư tưởng" sai mà thôi. Có thể có người sẽ phản đối tôi bằng cách đưa ra dẫn chứng là trong cuộc cải cách ruộng đất (CCRĐ) ở miền Bắc có bốn ông "trùm sỏ" lãnh đạo CCRĐ (các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng) đã bị thi hành kỷ luật. Đúng, họ có bị "thi hành kỷ luật," nhưng cái kiểu kỷ luật đó thực tế chỉ là trò "giơ cao đánh khẽ" để xoa dịu nỗi bất bình đang dâng

lên hừng hực của dân chúng và đảng viên cán bộ mà thôi. Thi hành kỷ luật cái gì khi cả bốn ông đó đều được chuyển sang những cương vị lãnh đạo vào loại cao nhất ở các cơ quan đảng và chính quyền! Thử hỏi rằng cái gọi là "kỷ luật" đó có cân xứng với việc thẩm sát hàng nghìn người dân và đảng viên vô tội, bắt bớ, tù đày hàng chục nghìn người vô can, làm đảo lộn cả nếp sống và đạo đức truyền thống của xóm làng VN hay không? Tóm lại, theo cách nhìn thông thường của giới lãnh đạo ĐCS thì sai lầm gọi là "tả khuynh" chẳng qua chỉ là chứng tỏ người cán bộ đó có "lập trường vững" mà thôi. Họ chỉ sai về "phương pháp tư tưởng" nên đáng được chiếu cố! Còn những người bị ĐCS quy kết cho cái tội gọi là chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại (mà lắm khi sự quy kết đó rất sai lầm) thì bị coi như là phản động, bị đảng chì chiết, trù ếm họ, bị thành kiến lâu dài, và "sinh mệnh chính trị" của họ thế là tiêu vong.

Như tôi đã trình bày trên, cái mà ông Kiệt gọi là "phương pháp tư duy "tả khuynh" hay "xu hướng tả khuynh" chính là nằm trong bản chất chủ nghĩa Marx-Lenin. Vì thế, không thể nói vẫn phải tiếp tục "kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin" mà chỉ cần thay đổi "phương pháp tư tưởng" thôi. Muốn tránh những cái gọi là "tả khuynh" đó, đã từng gây ra biết bao tai họa cho người dân thì rõ ràng chỉ có một cách là từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin.

Nhìn lại lịch sử của ĐCS Liên Xô và các ĐCS khác, ta đều thấy rất rõ cái "lập trường giai cấp" nhất quán của họ. Chẳng hạn, đối với vấn đề "thị trường." Theo chủ nghĩa Marx-Lenin thì phải triệt tiêu cái gọi là "thị trường tự do" thì mới thực hiện được chủ nghĩa xã hội. Dưới thời Lenin, chính sách triệt tiêu đó đã đưa đất nước đến khủng hoảng trầm trọng, công nhân, nông dân cực kỳ bất mãn, chính quyền Xô-viết có nguy cơ sụp đổ, Lenin phải vội vã đưa ra "chính sách kinh tế mới" nới cho người dân được buôn bán, nên "quy luật thị trường" được phát huy tác dụng, nhờ đó kinh tế được phục hồi. Cái gọi là "mở cửa" của Trung Quốc, "đổi mới" của VN sau này cũng làm theo cách đó của LX. Đến khi kinh tế LX cứng cáp lên được một tí thì Stalin phế bỏ "chính sách kinh tế mới," lại tiếp tục bóp nghẹt "thị trường tự do" đúng tinh thần triệt tiêu thị trường tự do của Marx. Lại khủng hoảng kinh tế, nên đến thời Khrutshev lại phải nới ra cho "thị trường tự do" được thoi thóp thở, bằng cách cho phép nông dân nông trang được nuôi bò, cừu, dê riêng (tất nhiên, với số lượng rất hạn chế) và cho mở "chợ nông trang" để nông dân đem sản phẩm làm được trên "mảnh ruộng phần trăm" và chăn nuôi gia đình ra bán ở chợ. Kinh tế phục hồi được một chút thì đến thời Brezhnev lại bóp nghẹt "thị trường tự do," lại khủng hoảng nặng nề, đến thời Gorbachev lại "cải tổ" cố mở rộng "thị trường tự do", nhưng rồi cuối cùng thì LX sụp đổ, kéo theo sự suy bại của ĐCS. Và bây giờ thì ở Nga nền kinh tế thị trường mở rộng như ở các nước khác và người dân thấy dễ thở hơn trước.

Hay đối với vấn đề gọi là "đoàn kết dân tộc" cũng thế, khi thế lực của ĐCS còn yếu thì họ cố sức kêu gọi đoàn kết, họ cố lôi kéo cả các giai cấp mà trong lòng họ cho là thù địch, như địa chủ, tư sản, trí thức tư sản, họ làm ra vẻ hiền lành với các đảng phái mà họ chưa diệt được, nhưng khi có lực lượng vững vàng rồi họ lần lượt đấu tố địa chủ, đấu tố tư sản, tước đoạt tài sản của những người này, rồi tiêu diệt các đảng phái chống đối họ, thậm chí giải tán cả những "đảng bạn" đã từng theo họ làm trò "tung hứng" suốt mấy chục năm trường. Đối với cái gọi là "lực lượng thứ ba" cũng thế, khi cần lôi kéo vào "mặt trận" nầy, "mặt trận" nọ, lập "chính phủ lâm thời," còn khi đã đạt được mục tiêu chính trị của mình rồi thì "a-lê, hấp!", nói thẳng ra là "đá đít." Những cái ngoắt ngoéo kiểu dích-dắc này chẳng nhẽ gọi đó là "tả khuynh," là "phương pháp tư tưởng" sai? Phải thẳng thắn nói rõ đó là sách lược, là chiến thuật giai đoạn của những người theo chủ nghĩa Marx-Lenin, là "lập trường giai cấp" của ĐCS.

Bản "Góp ý kiến..." của ông Võ Văn Kiệt nêu ra rất nhiều vấn đề. Để không làm mệt óc bạn đọc, người viết chỉ xin đề cập đến một vấn đề quan trọng nhất mà ông Kiệt đã đưa lên hàng đầu là vấn đề chủ nghĩa Marx-Lenin, và một lần nữa xin nói rõ là: **cần phải dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin**, vì nó là "nguyên nhân của nguyên nhân" (từ ngữ này của ông Kiệt) của tình trạng độc tài toàn trị, tham nhũng tràn lan và tụt hậu trầm trọng của đất nước, tình trạng vô quyền và khốn khổ của người dân. *Từ bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin chính là sự bứt phá mạnh dạn nhất về tư duy, dẫn đến sự bứt phá về đường lối và tổ chức*. Chỉ có một sự bứt phá thật sự như vậy mới tạo tiền đề cho việc xây dựng một đất nước tự do, dân chủ, giàu mạnh, để đất nước vươn lên thoát khỏi tình trạng tụt hậu thê thảm hiện nay.

Ngày 29.09.2005

ÔNG VUA *HẾT* THUA THẰNG GÀN
Cuộc bầu cử tại Đức đến hồi kết thúc

TS BÙI HẠNH NGHI
(Đức Quốc)

Trong bài tường thuật cuộc bầu cử bất thường vừa qua tại Đức (*Thế Kỷ 21* số 198, October 2005) tôi đã mượn kiểu nói ví von trong ngạn ngữ "ông vua cũng thua thằng gàn" để diễn tả sự tranh chấp vô lý do thái độ gàn bướng và lập luận ngang ngược của đương kim thủ tướng Schroeder gây nên. Chẳng những không chịu nhìn nhận kết quả bầu cử là đảng SPD (Dân Chủ Xã Hội) của ông chỉ được 222 ghế tại hạ viện thua liên đảng CDU/CSU (Cơ Đốc Dân Chủ/Cơ Đốc Xã Hội) của bà Merkel bốn ghế mà ông lại còn dùng trò xảo ngôn, xem thường lẽ phải và bất chấp luật lệ, khư khư đòi dành quyền thành lập chính phủ mới để ông tiếp tục giữ ghế thủ tướng.

May thay, sau một thời gian Schroeder đã nhượng bộ, lẽ phải đã thắng và mọi việc kết thúc tốt đẹp. *Ông vua hết thua thằng gàn.*

Nhượng bộ nhưng vẫn kỳ kèo

Tấn tuồng tham quyền cố vị kéo dài trên ba tuần lễ. Dần dà Schroeder phải chấp nhận mình không thể mãi mãi bóp méo sự thật và không thể ngang nhiên chối bỏ luật chơi dân chủ nên đành phải nhượng bộ nhưng lúc đầu chỉ nhượng bộ nửa vời. Ông đưa ra điều kiện là nếu ông rút lui thì bà Merkel cũng phải rút lui để hai nhân vật khác của hai đảng SPD và CDU/CSU đứng ra điều đình lập chính phủ. Nghĩa là tuy nhận mình thua nhưng vẫn đòi bên thắng phải theo lệnh của mình. Dĩ nhiên phe bà Merkel không chấp nhận điều nghịch lý kia. Thua keo này bày keo khác, phe ông Schroeder lại đưa ra một yêu sách mới cũng bị bên kia khước từ là chức vụ thủ tướng được phân phối theo mô hình Do Thái nghĩa là hai bên luân phiên làm thủ tướng, Schroeder và Merkel mỗi người hai năm.

Nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel

Schroeder phục thiện.

Cuối cùng khi đã hoàn toàn đuối lý và biết mình không thể mãi mãi gàn bướng và xem thường dư luận Schroeder đã phải thừa nhận CDU/CSU có quyền và có trọng trách tạo một liên hiệp đủ đa số để thành lập chính phủ với bà Merkel làm thủ tướng. Sự nhượng bộ của Schroeder chứng tỏ ông công nhận lối hành sử của ông là bất xứng. Chẳng những thế ông còn gián tiếp lên án sự sai trái của mình trước đây, nhất là thái độ ngạo mạn khinh khi đối và bà Merkel trong buổi hội đàm truyền hình lúc kết quả bầu cử vừa được công bố. Câu nói kiêu căng của ông hôm đó được truyền thông nhắc đi nhắc lại nhiều lần: "Bà dám nghĩ rằng đảng tôi có

thể ngồi chung với đảng của bà để thương nghị lập chính phủ do bà cầm đầu sao? Thôi đi bà! Bà phải biết mình biết người chứ!"

Đúng ra Schroeder phải chấp nhận lẽ phải ngay từ đầu mà nếu vì tự ái không chịu làm dưới quyền thủ tướng Merkel thì phải rút lui như ngoại trưởng Fischer thuộc đảng Xanh khi thấy liên hiệp Đỏ-Xanh thất cử đã tự động rút lui một cách êm thắm đáng ca ngợi. Phải đợi đến bước đường cùng Schroeder mới chịu về vườn. Ông cho biết không còn muốn đảm nhận một chức vụ nào và sẽ trở lại hành nghề luật sư. Mới đây lại có tin rằng ông đã nhận làm cố vấn cho một nhà xuất bản Thụy Sĩ.

Tiến đến đại liên hiệp

Schroeder rút lui đã chấm dứt việc kỳ kèo ai thắng ai thua. Đảng SPD thừa nhận CDU/CSU có quyền và có nhiệm vụ đứng ra thành lập chính phủ với bà Merkel là thủ tướng. Muốn đạt mục đích này CDU/CSU và SPD phải liên hiệp với nhau mới chiếm được đa số tại hạ viện. Vốn là hai đảng lớn nhất nên liên hiệp của họ được mệnh danh là đại liên hiệp. (Đại liên hiệp sẽ gồm 448 dân biểu trên tổng số 614 tại hạ viện).

Kỳ kèo vô lý mà vẫn thủ lợi

Tuy sự kỳ kèo của Schroeder được xem là vô lý nhưng cũng đem đến cho đảng ông một thắng lợi đáng kể. Để đổi chác sự rút lui của Schroeder phe bà Merkel đã phải chấp thuận cho SPD được số ghế trong nội các ngang bằng số ghế của CDU/CSU. Nghĩa là trong số 15 ghế tổng trưởng tại nội các SPD sẽ chiếm tám ghế còn CDU/CSU chỉ có bảy ghế vì đã được ghế thủ tướng. Phải thỏa thuận tiên khởi như vậy SPD mới chịu tiến tới việc thương thảo chi tiết về hợp đồng liên hiệp. Cho hay trên trường chính trị lắm khi cũng giống như trẻ con trong nhà, kỳ kèo vô lý đến mấy mà cứ kỳ kèo dai dẳng thì cuối cùng cũng được không nhiều thì ít. Miễn mình được lợi ai cười mặc ai.

Thương thuyết đại liên hiệp

Thỏa thuận được việc phân chia ghế tổng trưởng là đã vượt qua cửa ải đầu tiên để tiến đến thương thuyết về nội dung hợp đồng liên hiệp. Thật là một cuộc thương thuyết vô cùng cam go vì hai bên lực lượng hầu như ngang ngửa và CDU/CSU và SPD vốn là thù địch từ 36 năm nay, kể từ ngày chấm dứt đại liên hiệp 1966-1969. Trong suốt mấy chục năm, nhất là trong các kỳ tranh cử, họ đã không tiếc lời chê bai mạt sát nhau rằng đường lối chính trị của đối phương sẽ là thảm họa cho quốc gia. Bây giờ kết quả cuộc bầu cử 2005 bắt buộc họ phải ngồi lại thương thuyết nhằm đề ra một chương trình hoạt động chung. Tất nhiên hai bên sẽ đưa ra yêu sách tối đa dầu biết trước rằng phải tương nhượng và không bên nào có thể đưa vào kế hoạch chung một trăm phần trăm các lời mình hứa với cử tri. Ví dụ SPD lúc tranh cử thì quả quyết rằng việc bà Merkel dự định tăng thuế thặng dư (Mehrwertsteuer) từ 16% lên 18% là liều thuốc độc cho nền kinh tế vì sẽ cản trở tiêu thụ. Họ long trọng tuyên bố nếu thắng cử sẽ không bao giờ thực hiện việc tăng thuế này mà họ nhạo báng là "Thuế Merkel". Nhưng bây giờ để đi đến liên hiệp họ đã phải đồng ý tăng không những 2% mà 3 %. Về phía bà Merkel cũng phải giảm thiểu một số biện pháp dự tính trước đây vì hai phe còn nhiều tương phản. Một đàng CDU/CSU chủ trương phải cứng rắn cải tổ để cứu vãn tình thế dầu đụng chạm đến quyền lợi của đa số quần chúng đàng khác SPD vẫn muốn dung hòa kinh tế với tinh thần xã hội mặc dầu tài chánh đã cạn kiệt không thể tiếp tục tài trợ những biện pháp xã hội để vừa lòng mọi người. Phạm vi bài này không cho phép đi sâu vào chi tiết nội dung hợp đồng liên hiệp chỉ xin ghi lại rằng cuối cùng hai bên đã thỏa thuận một chương trình cải tổ, tuy bắt quần chúng phải hy sinh đóng góp nhiều, nhưng có triển vọng giải quyết được nhiều vấn nạn nhất là về ngân sách (với lỗ hổng trên 37 tỉ Euro do chính quyền Schroeder để lại), về nạn thất nghiệp, về thị trường lao động, thể chế liên bang, an sinh xã hội ....

Merkel đắc cử thủ tướng

Sau bốn tuần ráo riết thương thảo hai bên đã ký hợp đồng liên hiệp chiều ngày 11 tháng 11, 2005 đồng thời ấn định sẽ bầu thủ tướng vào ngày 22 tháng 11. Trước ngày đó, theo thể lệ được qui định trong hiến pháp, Tổng Thống đề cử bà Merkel làm ứng viên thủ tướng duy nhất. Việc bà đắc cử được xem là chắc chắn vì bà cầm đầu đại liên hiệp gồm 448 nghị sĩ trên tổng số 614 tại hạ viện. Dầu vậy người ta tiên đoán có thể một số nghị sĩ CDU/CSU vì không thích cá nhân bà Merkel và một số nghị sĩ SPD còn chưa quên được hận thù với CDU nên sẽ bỏ phiếu chống hay là phiếu trắng.

Quả nhiên có 51 nghị sĩ thuộc đại liên hiệp không bầu cho bà Merkel, nhưng bà đã đắc cử vẻ vang ngay trong vòng đầu với 397 phiếu. Người đầu tiên tiến đến chúc mừng tân thủ tướng khi vừa công bố kết quả tại hạ viện là cựu thủ tướng Schroeder.

Và cũng trong ngày 22 tháng 11 Tổng Thống trao văn bằng chức vụ thủ tướng cho bà và vài giờ sau đó bà đã long trọng tuyên thệ trước chủ tịch quốc hội với sự hoan nghênh nồng nhiệt của các nghị sĩ.

Cùng một ngày đương kim chính phủ bãi nhiệm và chính phủ của bà Merkel lên cầm quyền. Nội các gồm một số tổng trưởng mới và một số tổng trưởng cũ được "lưu nhiệm". Trong buổi lễ bàn giao giữa các tổng trưởng cũ mới có nhiều vị đã rơi lệ lúc từ biệt cộng tác viên của mình, có vị lại còn mếu máo thảm thương. Rơi lệ có lẽ không phải vì tiếc nuối chiếc ghế phải trao lại người kế vị mà chỉ vì phải chia tay với đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền đã chung vai sát cánh bao nhiêu năm trời. Màn rơi lệ đã có truyền thống từ thủ tướng Schroeder. Cách đây ít lâu, khi tình thế bắt buộc ông nhường chức đảng trưởng lại cho người khác, trong buổi lễ đại hội đảng SPD tổ chức từ biệt, Schroeder đứng trên sân khấu sụt sùi và phu nhân ngồi dưới hàng ghế khán giả cũng hai dòng lệ chảy dài trên má. Cả trong buổi lễ quân đội tổ chức từ biệt thủ tướng, khi nghe ban quân nhạc cử hành bài "I did it my way" do chính ông yêu cầu, thủ tướng mãn nhiệm cũng nước mắt lưng tròng. Có lẽ không nên cười chê sự ướt át này mà nên xem đó là dấu hiệu của tình người còn giữ được trên chính trường nhiều khi sắt máu.

Vài nét về tân thủ tướng Angela Merkel

Bà Merkel sinh ngày 17 tháng 7 năm 1954. Tuy bà sinh tại Hamburg/Tây Đức bà vẫn được xem là người Đông Đức vì từ thuở thiếu thời bà theo gia đình sang định cư tại Đông Đức khi vị mục sư thân sinh bà được thuyên chuyển qua đó.

1973-1978: Sinh viên khoa Vật lý tại đại học Leipzig;

1978-1990: Làm việc tại Viện Trung Ương Hóa Học Vật Lý và đậu tiến sĩ năm 1986;

1990 : Phát ngôn viên phụ tá của chính quyền giao thời Đông Đức De Maiziere trước ngày sát nhập Đông Đức vào Tây Đức.

Từ năm 1990: Đảng viên CDU và nghị sĩ quốc hội.

Cựu Thủ Tướng Gerhard Schroeder

1991-1998: Phó đảng trưởng CDU;

1991-1994: Tổng Trưởng đặc trách phụ nữ và giới trẻ trong chính phủ Helmut Kohl;

1994-1998: Tổng trưởng đặc trách môi sinh, bảo vệ thiên nhiên và an toàn nguyên tử lực;

1998-2000: Tổng thư ký đảng CDU;

Từ 10 tháng tư 2000 đảng trưởng CDU;

Từ tháng chín năm 2002 kiêm chức chủ tịch phân nhóm CDU/CSU tại quốc hội;

Từ ngày 22 tháng 11 năm 2005 nữ thủ tướng đầu tiên Đức Quốc.

Những chi tiết nêu trên cho thấy bà Merkel đã trải qua một quá trình chính trị lẫy lừng với những bước tiến nhảy vọt. Chỉ 10 năm sau ngày gia nhập đảng bà đã lên đến chức đảng trưởng và 5 năm sau đó đã là thủ tướng.

Lúc mới vào chính trường bà bị nhiều người nhất là phía nam giới xem thường và đánh giá rất thấp, vì là phụ nữ và đến từ Đông Đức. Nhưng bà không nao núng, không để tự ti mặc cảm làm mình tê liệt mà vẫn kiên trì hoạt động, chụp bắt mọi cơ hội tiến thân, lúc cờ đến tay thì phất. Vốn là tiến sĩ vật lý bà đã áp dụng phương pháp làm việc khoa học như trong phòng thí nghiệm, phân tích tỉ mỉ và suy diễn tường tận các yếu tố khách quan, rồi căn cứ vào những phân tích đó để rút ra kết luận thực tiễn và cương quyết thi hành không do dự và tìm cách vượt qua mọi trở ngại. Nhờ vào khả năng này bà đã sáng suốt nhận ra đòi hỏi của thực tế lúc nên tiến lúc nên lùi và dùng những nhận định đó làm kim chỉ nam cho hành động. Như năm 2002 bà dự định ứng cử thủ tướng nhưng sau thời gian suy nghĩ đắn đo, phân tích tình thế và áp lực của đảng, bà đã nhường cho ông Stoiber, đảng trưởng CSU ra ứng cử. Và Stoiber đã thất bại. Kỳ này trước tình thế thuận lợi bà ra ứng cử và kiên trì vượt mọi trở

ngại để cuối cùng thắng lợi vẻ vang. Những nhân vật tai to mặt lớn của CDU xưa nay tìm đủ mọi cách dìm hoặc hại bà, nay bà đã thu phục được và tất cả đã "cởi giáp qui hàng." Và cuộc thăm dò dư luận mới nhất vào ngày 25 tháng 11 cho biết 67% quần chúng Đức tin tưởng thủ tướng Merkel sẽ thành công mỹ mãn.

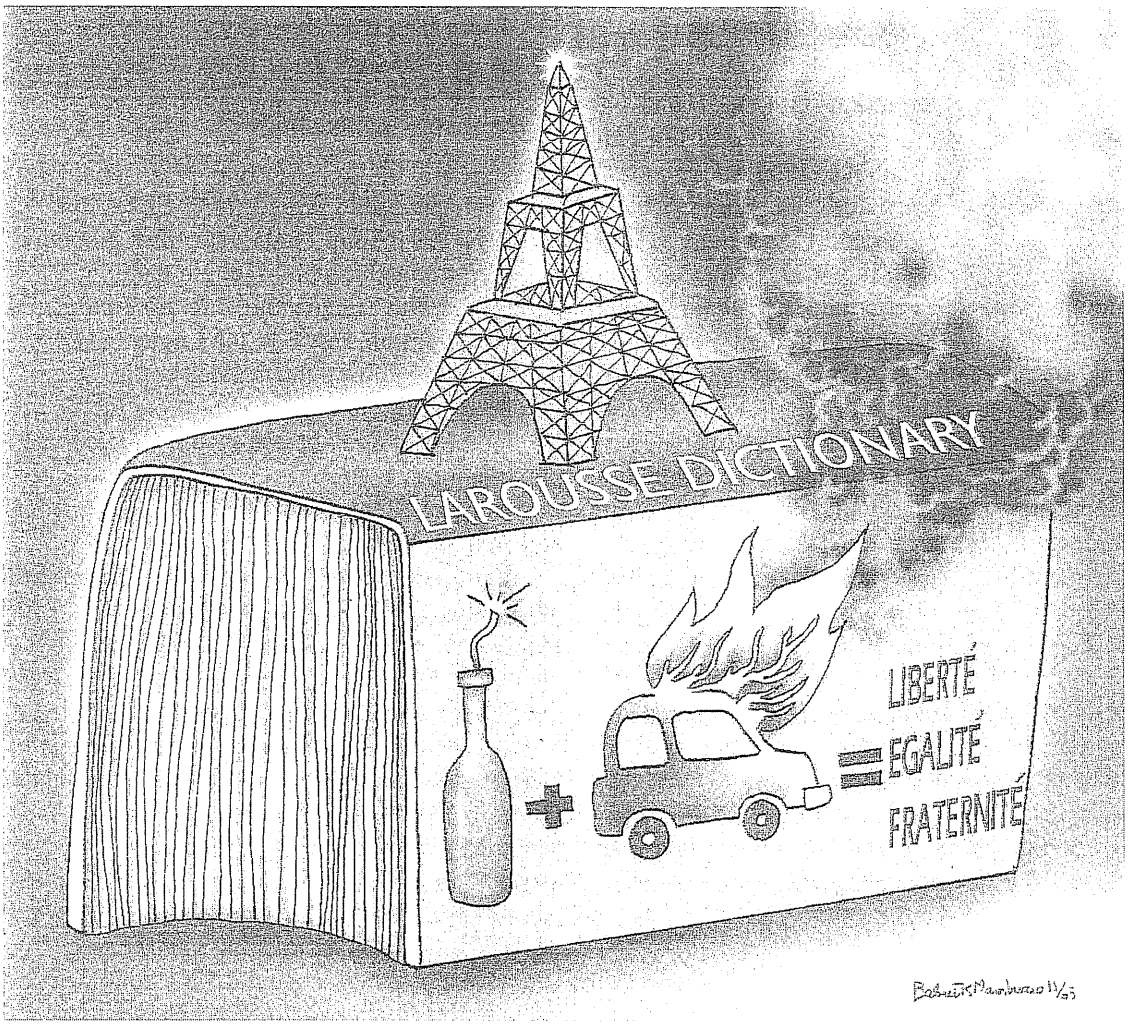

Dự phóng tương lai

Tân thủ tướng Merkel nhậm chức vào lúc Đức Quốc gặp nhiều vấn nạn. Thêm vào đó chính phủ liên hiệp do bà đứng đầu chỉ có bảy tổng trưởng thuộc đảng bà còn tám tổng trưởng thuộc đảng kia. Bao nhiêu khó khăn đang chờ đợi . Các phe phái và đoàn thể chính trị đưa ra nhiều lập luận trái ngược khen chê hợp đồng liên hiệp đã được ký kết. Người thì cho cải tổ chưa đúng mức nên kết quả sẽ không mang lại bao nhiêu. Kẻ lại cho những biện pháp cải tổ sẽ gây quá nhiều thiệt thòi cho quần chúng, làm giảm bớt mãi lực, kinh tế không tăng trưởng và nạn thất nghiệp sẽ không giải quyết được. Riêng bà Merkel, dầu thấy trước những khó khăn, vẫn tin tưởng rằng mình sẽ lướt thắng như đã khắc phục được mọi trở ngại trong quá khứ. Với niềm tự tin sẵn có và kinh nghiệm thâu thập được trong quá trình hoạt động, có nhiều triển vọng bà sẽ lãnh đạo chính phủ giải quyết được những vấn nạn của Đức Quốc trong bốn năm làm thủ tướng.

Để kết thúc bài này xin ghi lại một vài biến cố bên lề cuộc bầu cử đã làm xôn xao dư luận.

Đổ thêm dầu vào lò lửa đố kị giữa Đông Đức/Tây Đức

Trong cuộc vận động tranh cử một nhân vật thuộc CDU/CSU, ông Stoiber, đảng trưởng CSU, đã có lần phát ngôn bừa bãi khiến dư luận bất

bình. Vì sốt ruột khi thấy đảng Tả thu hút được nhiều cử tri Đông Đức, ông đã xẳng giọng nói rằng: "Chúng ta không thể nào để người Đông Đức quyết định vận mạng cuộc bầu cử này. Chỉ những con bê điên (tức là người Đông Đức bị đảng Tả thu hút) mới bầu cho kẻ sẽ đưa chúng vào lò thịt" (chỉ đảng Tả, vì đảng hậu cộng sản này đã khá thành công tại các tiểu bang bên Đông Đức, nhờ dùng một danh xưng mới ẩn dấu vết tích cộng sản và nhờ khai thác được sự bất mãn của một số người Đông Đức vừa có mặc cảm là bị Tây Đức khinh thường vừa tự cho mình là nạn nhân của nền kinh tế thị trường sau ngày hai miền Tây và Đông Đức thống nhất). Phát ngôn vô trách nhiệm của Stoiber đã làm CDU/CSU mất một số phiếu không nhỏ. Có người xấu miệng cho rằng Stoiber ám chỉ bà Merkel người Đông Đức và cố tình phá hoại vì còn ấm ức về sự thất bại kỳ bầu cử năm 2002 và bất mãn vì kỳ này CDU/CSU đã không đề nghị ông ra ứng cử thủ tướng mà lại đề nghị bà Merkel.

Bầu phó chủ tịch hạ viện

Theo nội qui quốc hội, ngoài chủ tịch hạ viện do đảng lớn nhất CDU/CSU đề cử, còn một số phó chủ tịch từ các đảng khác. Mỗi đảng trong hạ viện có quyền đề cử một hay hai phó chủ tịch tùy theo tỉ số nghị sĩ thuộc phân nhóm mình. Đảng SPD vì đứng thứ nhì sau CDU/CSU nên được quyền cử hai phó chủ tịch. Một trong hai ứng cử viên phó chủ tịch là ông Thierse SPD đương kim chủ tịch hạ viện. Tuy sắp phải rời ghế chủ tịch để một nghị sĩ của CDU lên kế vị, ông vẫn muốn có vai vế trong hạ viện nên thay vì rút lui hẳn ông lại ra ứng cử phó chủ tịch. Có lẽ điều này làm các nghị sĩ không hài lòng nên nhiều vị đã không dồn phiếu cho ông và ông được ít phiếu nhất trong số các phó chủ tịch đắc cử, điều làm ông và đảng ông mất mặt không ít.

Còn một động đất dữ dội hơn và là một biến cố chưa từng xảy ra trong các cuộc bầu cử chức vụ tại hạ viện là việc thất cử bẽ bàng của ông Biskin, đảng trưởng đảng Tả (Linke), được đảng ông đề nghị ra ứng cử phó chủ tịch. Nhưng qua bốn lần bầu mà ông vẫn không đắc cử. Cuối cùng ông đành rút lui và đảng Tả cũng không đề nghị người khác ra ứng cử, nghĩa là đảng này sẽ không có phó chủ tịch tại hạ viện. (Xin nhắc lại đảng Tả mới được thành lập để tham dự bầu cử hạ viện 2005 và đại đa số đảng này là hậu thân đảng Cộng Sản Đông Đức trước kia). Sự thất cử ê chề là điều sỉ nhục không riêng cho Biskin mà cho toàn đảng Tả và chứng tỏ rằng đảng này tuy vào được hạ viện nhưng không được các đảng khác thừa nhận vì chưa lột bỏ được quá khứ cộng sản.

Đảng trưởng SPD mất chức

Một biến cố khác đã làm rúng động nội bộ đảng SPD. Trong khi cuộc thương thuyết liên hiệp còn tiếp diễn thì ông Muentefering đảng trưởng SPD đột ngột từ chức. Nguyên do là vì ông bị mất mặt trong vụ bầu lại tổng thư ký của đảng. Theo thông lệ người được đảng trưởng đề cử vào chức vụ này là ứng viên duy nhất và thế nào cũng đắc cử. Nào ngờ khi ban lãnh đạo của đảng bầu sơ khởi trước ngày đưa ra đại hội đồng thông qua thì một ứng viên khác thuộc cánh tả của đảng xuất hiện và chiếm được 24 phiếu trong lúc ứng viên của đảng trưởng Muentefering chỉ được 13 phiếu. Bị xúc phạm danh dự nặng nề ông này tuyên bố từ chức liền sau đó, khiến toàn đảng cực kỳ hoang mang và ngay cả CDU/CSU cũng lo sợ đại liên hiệp bất thành. May thay SPD đã bầu ngay được đảng trưởng mới là ông **Matthias Platzeck** khiến tình hình lắng dịu và cuộc thương thuyết lại tiếp diễn như không có gì xảy ra. Đảng trưởng mới này cũng là người Đông Đức như bà Merkel, hiện đang giữ chức thủ hiến tiểu bang Brandenburg. Platzeck không phải là nhân vật nổi bật trong giới lãnh đạo SPD, mặc dầu ông có thành tích là đại liên hiệp SPD-CDU/CSU do ông đang cầm đầu tại tiểu bang gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Dư luận cho rằng ông đắc cử đảng trưởng là nhờ ông lâu nay không tham dự vào các cuộc tranh chấp phe nhóm trong đảng nên không mất lòng phe nhóm nào và được mọi phía tín nhiệm và kỳ vọng ông sẽ có khả năng giải hòa các lực lượng tranh chấp trong đảng. Quả nhiên ông đã đắc cử với tỉ số kỷ lục là 99,4%. Có người đùa rằng chắc ông không mấy ngạc nhiên về kết quả này vì vốn là người Đông Đức ông đã quen chứng kiến những cuộc bầu cử do đảng cộng sản tổ chức trong đó các ứng viên của đảng thường đạt tỉ số gần 100 %.

Kết thúc

Sau phong ba đến hồi gió lặng. Tấn tuồng tranh dành chức vụ đã hạ màn một cách tốt đẹp và điều đáng mừng hơn cả là lẽ phải đã thắng.

NHIỆM-KỲ BUSH II:
KHỦNG-HOẢNG LỚN BẮT ĐẦU

CỔ LŨY

Khi báo-chí Mỹ viết tin-tức có nối dài ngày nay qua ngày nọ, họ luôn-luôn nhắc lại tóm-tắt bối-cảnh (background information) của tin để người đọc tin dễ theo dõi những liên-tục và tiến-triển. Người từng theo dõi tin không bị gián-đoạn khó chịu; người mới đọc tin lần đầu cũng không bỡ-ngỡ với tin. Cái tóm-tắt bối-cảnh được lập đi lập lại trong nhiều tuần-lễ từ tháng Chín, Mười, Mười-một, và có lẽ nhiều tuần và tháng tới nữa là vụ điều-tra và buộc tội hai cố-vấn cao-cấp, uy-quyền và thân-cận nhất của hai nhân-vật đứng đầu tòa Nhà Trắng (White House), tổng-thống George W. Bush và phó tổng-thống Dick Cheney.

Cái background information lập đi lập lại như sau: Công-tố-viên độc-lập Parick Fitzgerald đang điều-tra xem cố-vấn Karl Rove của ông Bush và các viên-chức chính-quyền khác có vi-phạm luật khi tiết-lộ danh-tính và chức-vụ của bà Valerie Plame Wilson trong nỗ-lực làm giảm uy-tín chồng bà, nguyên đại-sứ Joseph Wilson IV, kể từ khi ông bắt đầu chỉ-trích chính-sách ở Iraq của chính quyền Bush. Ông Wilson từng được CIA cử qua Phi-châu điều-tra những báo-cáo về việc Saddam Hussein tìm mua uranium để làm bom nguyên-tử, và ông không thấy bằng cớ gì về việc này. Ông I. Lewis "Scooter" Libby, đổng-lý văn-phòng của phó tổng-thống Cheney, đã bị buộc tội khai gian, ngăn-trở công-lý và phát-ngôn sai-lạc sự thật. Ông Libby đã từ-chức, xác-nhận là mình vô-tội và chờ ngày ra tòa kháng án.

Đây là khủng-hoảng lớn nhất của tòa Nhà Trắng từ khi ông Bush lên làm tổng-thống tới nay. Khủng-hoảng này có triển-vọng lớn-mạnh hơn gấp bội, đi lần lần lên tới phó tổng-thống và tổng-thống, và gây ảnh-hưởng sâu-xa vào tương-lai chính-trị của hai ông—cũng như đảng Cộng-hòa trong các bầu-cử quốc-hội năm 2006 vả bầu-cử tổng-thống năm 2008.

Từ giữa năm 2003, với loạt bài về chính-quyền Bush và chiến-tranh cuả Mỹ ở Iraq người viết đã nhắc đến các mầm-mống khủng-hoảng và xì-căng-đan trong chính-quyền, nhất là với nhiệm-kỳ thứ hai. Theo chiều-hướng này, khủng-hoảng hiện nay tuy lớn-lao nhưng không phải là điều đáng ngạc-nhiên.

Cổ Lũy

Dựa trên lối viết quen thuộc về background information nói trên của báo chí Mỹ, bài sẽ trình bày những chi tiết của các đề tài chính theo thứ tự thời gian để người đọc dễ theo dõi và kiểm chứng các diễn tiến liên tục.

CUỘC CHIẾN CỦA MỸ Ở IRAQ: 2000-2003

Cuộc chiến của Mỹ ở Iraq đã được các sách vở báo chí Mỹ xác nhận là từng bắt đầu ngay từ khi ông Bush lên làm tổng thống nhiệm kỳ đầu năm 2000; quyết định dứt bỏ Saddam Hussein ở Iraq đã được thông qua rất sớm trong nội các vòng trong (inner circle) của tổng thống. Cuộc tấn công khủng bố của Hồi-giáo cuồng tín tháng Chín năm 2001cho chính quyền Bush cơ hội tốt nhắm vào Iraq.

Trong khí thế "chống khủng-bố" hùng hổ chính quyền có cơ hội đưa ra lý do để tấn công Iraq lật đổ Saddam Hussein. Làm thế nào để nối Saddam Hussein và Iraq vào khủng bố để "bán" lý do cho dân chúng chấp nhận?

BA LÝ-DO

Như đã đưa ra và lập lại nhiều lần trong loạt bài về chiến tranh Mỹ ở Iraq, ba lý do chính chính quyền đưa ra là vũ khí có tầm sát hại lớn (WMD, Weapons of Mass Destruction); liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố Al Queda, và nỗ lực dân chủ hóa Iraq và "Trung-Đông." Cả ba lý do nêu ra đều đã lần hồi bị chứng minh là không có thật hoặc không đúng (Xin xem loạt bài về Hoa-Kỳ và Iraq (*Thế-Kỷ 21*, liên tục những năm 2003, 2004 và đầu năm 2005) trước

và sau khi chính quyền Bush xua quân xâm chiếm Iraq và lật đổ Saddam Hussein. Những thăm dò dư luận dân chúng mới nhất cho thấy gần sáu-mươi phần trăm người Mỹ nghĩ rằng ông Bush đã cố ý lừa dối ("intentionally misled") dân chúng đi vào Iraq —như nghị sĩ Robert Byrd (Dân-chủ, Virginia) từng tuyên bố ngay khi cuộc chiến bắt đầu— và gần hai-phần-ba không ủng hộ nỗ lực của chính quyền ở đây —so với chín-mươi phần trăm ủng hộ ông Bush ngay sau khi khủng bố tấn công năm 2001. Riêng lý do WMD cần nhắc lại vì nó liên hệ trực tiếp đến khủng hoảng hiện tại cùng những nhân vật chính nhắc ở trên.

Trước khi tấn công Iraq, trong giai đoạn sửa soạn tâm lý và dư luận chính trị trong nước cũng như thế giới, lý do mạnh nhất chính quyền Bush thường đưa ra là mối đe dọa nguy hiểm của WMD (bao gồm vũ khí hóa học, sinh học và nhất là vũ khí nguyên tử) từ phía Iraq. Nếu Iraq tấn công Hoa-Kỳ bằng WMD —hoặc chuyển vũ khí cho khủng bố, nhất là vũ khí nguyên tử— tai họa lớn lao sẽ xảy ra gấp bội những tai họa trong vụ khủng bố tháng Chín 2001. Từ tổng thống, phó tổng thống đến cố vấn an ninh quốc gia cùng các viên chức cao cấp khác lập đi lập lại rằng nhiều địa điểm trên đất Hoa-Kỳ sẽ bị bao phủ bởi các đám mây hình nấm do bom nguyên tử "khủng bố" Iraq cho nổ —và tổng thống có quyền sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đánh phủ đầu (preemptive strike) chứ không thể nào vô trách nhiệm ngồi yên mà chờ!

Trong khí thế này quốc hội, gồm cả phe đối lập Dân-chủ, cũng phải đi theo và cho phép hành pháp quyền ra tay hành động ở Iraq dù bằng chứng chưa thấy ở đâu. Nhưng nay, sau hơn hai năm rưỡi sa lầy ở Iraq, với không một dấu vết WMD gió đã đổi chiều, giới truyền thông đưa ra nhiều câu hỏi, nhiều nhân vật đối lập bắt đầu lên tiếng thanh minh cho lá phiếu thiếu can đảm của mình dành cho ông Bush toàn quyền hành động. Đây cũng gần giống như giữa thập niên 1960 khi cả Thượng-viện Mỹ chỉ có hai nghị sĩ bỏ phiếu phản đối không cho tổng thống Dân-chủ Lyndon Johnson leo thang chiến tranh Việt-Nam dựa theo "bằng cớ" bị tấn công ở Vịnh Bắc-Việt chính quyền đưa ra —sau này bị các sử gia và giới truyền thông chứng minh là không có thực.

MỘT ÂM-MƯU QUỐC-TẾ?

Trong việc chính quyền Bush dựa vào khí thế chống khủng bố để đi vào Iraq giới truyền thông Mỹ cũng từng bị chỉ trích là đã không can đảm nói lên tiếng nói trung thực và đặt những câu hỏi cần thiết trong việc thi hành "quyền thứ tư" trong một nước dân chủ: không để các quyền khác, nhất là hành pháp, lộng hành ("checks and balances") có hại cho người dân. Riêng về lý do WMD và nhất là vũ khí nguyên tử ở Iraq, giới truyền thông Mỹ đã không công bằng và tìm hiểu kỹ lưỡng như cơ quan LHQ giám sát vũ khí dưới quyền tiến sĩ Hans Blix và cơ quan nguyên tử năng quốc tế dưới quyền ông Mohamed ElBaradei (mới vừa nhận giải Nobel hòa bình, mà nhiều người xem như "cái tát" vào mặt chính quyền Bush từng cố triệt hạ ông). Hai ông đều xác nhận Iraq không có WMD, cũng như giám sát viên Mỹ David Kay xác nhận sau một năm trời lùng kiếm WMD ở Iraq.

Giới truyền thông Âu-châu có vẻ như làm đúng vai trò của mình hơn. Giới này đã có cái nhìn khá gay gắt vì thái độ "anh chị" của chính quyền Bush, và, cũng vì chiều gió đã thay đổi giới truyền thông Mỹ cũng bắt đầu theo gót. Gần đây trong báo chí Mỹ đã manh nha câu hỏi về một âm mưu quốc tế bắt đầu với các tin tức từ đồng nghiệp châu Âu, và đây có liên hệ trực tiếp đến khủng hoảng lớn trong chính quyền Bush hiện nay.

Cơn khủng hoảng có lẽ bắt đầu với một tin rất nhỏ, mơ hồ và có vẻ không quan trọng lắm (Xin xem bài *Chiến-Tranh Iraq và Chính-Trị Mỹ, Thế-Kỷ 21,* tháng Mười 2003): nữ ký giả Ý Elizabetta Burba nhận được tài liệu về Iraq tìm mua uranium ở Niger từ một nguồn tin đáng tin cậy. Bà qua tận Niger, Phi-châu, điều tra vì tài liệu có vẻ là giả mạo (chữ ký trên tài liệu là của người đã nghỉ việc tòa lãnh sự Niger hơn mười năm trước; danh hiệu các cơ quan liên hệ không có thực), và quá thô thiển vì nó nói đến năm trăm tấn uranium mà không hề nhắc nhở gì đến phương cách chuyên chở, di chuyển). Có hai điểm lúc đầu như tình cờ nhưng sau lại mang nhiều ý nghĩa quan trọng.

Thứ nhất, trước đó không lâu tòa lãnh sự Niger ở Ý bị kẻ trộm thăm viếng. Kẻ trộm không lấy tiền bạc hay những gì quan trọng hoặc có giá trị; tòa lãnh sự chỉ mất một số giấy tờ mà sau này bị nghi là được dùng để làm tài liệu giả mạo bán uranium cho Iraq. Hai tin nhỏ trên, được nhắc sơ sài trên báo chí Mỹ trong đó có tờ nhật báo *Los Angeles Times.*

Thứ hai, bà Burba không dám đăng tin này trên tuần báo *Panorama* vì sợ mất uy tín nghề nghiệp và sợ ảnh hưởng vào công ăn việc làm ở đây. Thêm chi tiết nữa là tuần báo này nằm trong hệ thống truyền thông của tỉ phú Ý Sylvio Berlusconi, cũng là thủ tướng hữu phái và cùng với thủ tướng Anh, ông Tony Blair, là hai đồng minh gắn bó nhất với ông Bush ở Iraq. Ông Blair và ông Berlusconi từng có nhiều chuyến thăm viếng tòa Nhà Trắng (mới đây nhất là cuối tháng Mười) và cả hai được ông Bush tiếp đón nồng hậu hơn ai hết. Ý cũng là nước Âu châu thứ nhì, sau Anh, có gửi nhiều lính đến tham chiến ở Iraq.

Ký giả Burba tuy không dám đăng tin "tài liệu" bị nghi là giả mạo về chuyện Iraq mua uranium từ Niger nhưng lại gửi một bản sao "tài liệu" cho tòa đại sứ Mỹ ở Ý, theo lời bà thú nhận. Nhưng nay thú nhận này có lẽ đưa ra cái gạch nối nguy hiểm: dư luận Ý mỗi ngày một ồn ào về chuyện chính quyền Berlusconi đã nhúng tay vào việc làm giả tài liệu Iraq mua uranium từ Niger để dùng vào việc chế vũ khí nguyên tử, và chuyển "tài liệu" này đến chính quyền Bush để làm cớ tấn công Iraq như nói trên. Chính quyền Berlusconi vẫn chối là cơ quan tình báo phản gián Ý SISMI không có nhúng tay vào chuyện làm giả và chuyển tài liệu giả đến tòa đại sứ Mỹ ở La-Mã (Rome, Ý) năm 2002, qua tay một ký giả làm việc cho một tuần san của thủ tướng Berlusconi (đây chính là bà Elizabetta Burba). Bây giờ lại thêm chi tiết rõ hơn là bà Burba nhận được tài liệu giả mạo từ một doanh gia có liên hệ chặt chẽ với tình báo Ý. Doanh gia này cũng từng khuyến mãi "tài liệu" này với giới tình báo Pháp và Anh.

Tuần lễ cuối tháng Mười, trước khi ông Berlusconi qua gặp tổng thống Bush, tờ *La Republica*, một nhật báo thuộc cánh tả ở Ý, chạy một loạt điều tra tố cáo ông Berlusconi khuyến khích mật vụ quân đội Ý SISMI chuyển tài liệu giả mạo đến Hoa-Thịnh-Đốn. Trùm mật vụ SISMI, ông Nicolo Pollari phải ra điều trần kín trước một ủy ban giám sát thuộc quốc hội tuần lễ đầu tháng Mười-một. Ông Enzo Blanco, chủ tịch ủy ban giám sát tuyên bố rằng trùm mật vụ Pollari và phụ tá của ông Berlusconi, ông Gianni Letta, đã điều trần về tài liệu đã chuyển cho Hoa-Kỳ và Anh mà Ý biết là giả mạo. Nghị sĩ Massimo Brutti thuộc ủy ban cũng nói viên chức SISMI cho biết đã báo cáo với Cơ-quan Nguyên-tử-năng Quốc-tế (IAEA thuộc LHQ và dưới quyền ông ElBaradei nói trên) rằng "những tài liệu nói trên không phát xuất từ SISMI, không sản xuất và phân phối bởi SISMI." Điều trần trong quốc hội và các điều tra ngoài giới truyền thông còn tiếp tục.

Dân chúng Ý hiện nay rất phẫn nộ với chuyện chính quyền Berlusconi hỗ trợ chính quyền Bush ở Iraq, nhất là sau khi quân đội Mỹ bất cẩn bắn vào xe giải thoát một nữ ký giả Ý bị bắt cóc ở Iraq làm chết một sĩ quan tình báo Ý. Sau lễ quốc táng sĩ quan này giới tư pháp Ý làm lớn chuyện CIA Mỹ vi phạm chủ quyền Ý và luật lệ Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương (NATO) qua việc bắt cóc (khoảng một tháng trước khi Hoa-Kỳ tấn công Iraq) giáo sĩ Ai-Cập Abu Omar ở Milan, Ý, bị nghi là có liên hệ với khủng bố. Ông Omar khai ông bị chuyển qua Ai-Cập để nơi này dễ tra tấn khai thác ông. Giữa tháng Mười-một vừa qua bộ tư pháp Ý nghiên cứu văn thư để chuyển đến Hoa-Kỳ đòi dẫn độ hai-mươi-hai nhân vật CIA dính líu vào vụ bắt cóc qua Ý để chịu xử án.

Trong nỗ lực tái tranh cử hiện nay ông Berlusconi đang gặp nhiều khó khăn kinh tế và chính trị —nhất là việc ủng hộ Hoa-Kỳ tấn công Iraq và gửi quân Ý qua đây— và ông chuyển như chong chóng, thay đổi ý kiến hoàn toàn về chiến tranh Iraq. Ngay trước khi Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq tháng Ba 2003, ông ra trước quốc hội Ý tuyên bố chiến dịch quân sự này "có chính nghĩa và hợp pháp hoàn toàn." Ông cho phép Hoa-Kỳ sử dụng căn cứ và không phận Ý để hỗ trợ cuộc tấn công vào Iraq. Ý gửi ba ngàn quân qua tham chiến và hiện còn ở lại miền nam Iraq cùng với quân Anh. Với khí thế chống chiến tranh Iraq và Hoa-Kỳ hiện nay ở Ý, ông Berlusconi trước khi trở lại tòa Nhà Trắng lại tuyên bố làm ngạc nhiên tất cả mọi người. Ông nói: "Tôi cố gắng nhiều lần nhằm thuyết phục tổng thống Bush đừng đi vào Iraq. Tôi không bao giờ tin rằng chiến tranh là cách tốt nhất để đi đến dân chủ ở một nước mới thoát ách độc tài khát máu. Tôi lập đi lập lại phải tránh hành động quân sự bằng được." Ở thời điểm trước khi tấn công Iraq có lẽ chính quyền Bush không tin như vậy.

ÔNG ĐẠI-SỨ WILSON VÀ CHUYẾN ĐI ĐỊNH-MỆNH

Nhận được "tài liệu" về Saddam Hussein và Niger từ Ý chính quyền Bush có lẽ như nắm được

cơ hội bằng vàng. Ngay sau vụ tấn công năm 2001 ưu tiên của chính quyền thành "chống khủng bố" và những người lèo lái nỗ lực này gồm phó tổng thống Dick Cheney với đổng lý Lewis Libby và cố vấn truyền thông Mary Matalin, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld cùng những người tân-bảo-thủ (néo-conservative) trực tiếp dưới ông như Paul Wolfowitz, Douglas Feith (kế hoạch đặc biệt Iraq) và Steve Cambone (tình báo). Đổng lý văn phòng Andrew Card, cố vấn Karl Rove và cố vấn An-ninh Quốc-gia Condoleezza Rice của tổng thống đóng vai trò nỗ lực tổng quát. Những nhân vật này hợp thành "Nhóm Iraq" (Iraq Group) và"Nội-các Chiến-tranh" (War Cabinet) của tổng thống. Ngoài chính quyền những "chiến sĩ" tân bảo thủ nòng cốt triệt để ủng hộ nỗ lực xâm chiếm Iraq (Xin xem bài *Phái Tân-Bảo-Thủ và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ, Thế-Kỷ 21*, tháng 10, 2004)

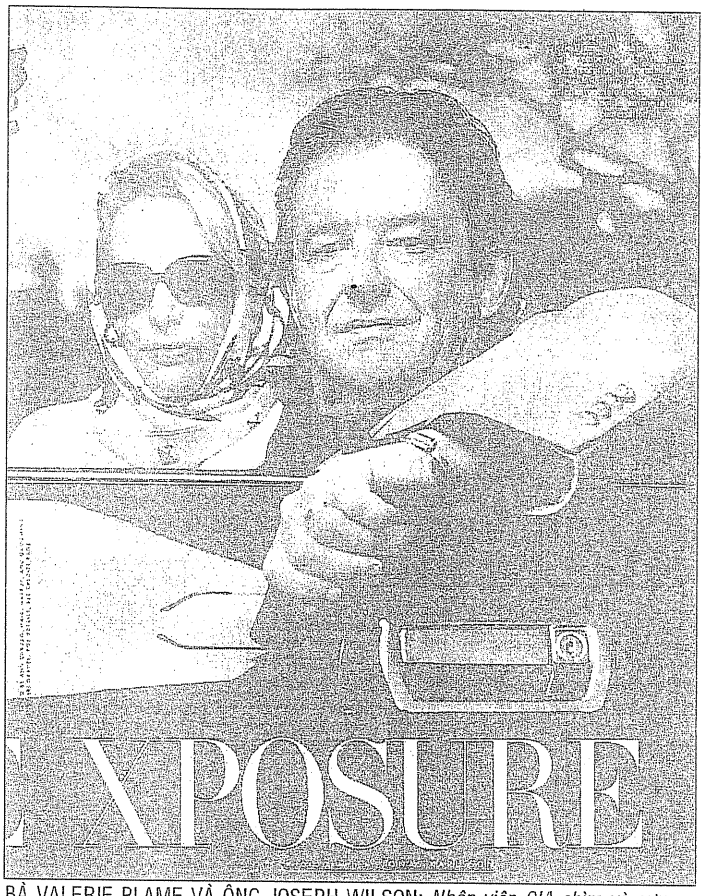

BÀ VALERIE PLAME VÀ ÔNG JOSEPH WILSON: *Nhân-viên CIA chìm và cựu đại-sứ Phi-châu là nạn-nhân của một âm-mưu?*

Ông Cheney và Libby liên tục trực tiếp giám sát, hối thúc giám đốc tình báo CIA George Tenet tìm tòi tin tức bằng cớ có lợi cho nỗ lực tấn công Iraq đã định sẵn. Tất cả những nhân vật trên nay đều phủ nhận những chuyện đã xảy ra tháng Hai 2002: ngay sau khi "tài liệu" từ Ý tới, với hối thúc của phó tổng thống Cheney ông Tenet cử người qua Niger điều tra về chuyện Saddam Hussein mua uranium từ đây. Việc chọn lựa cựu đại sứ Joseph Wilson IV vào chức vụ này đưa đến cái khúc mắc lớn lao nhất hiện nay. Ông Wilson không phải là nhân viên tình báo nhưng là người có nhiều kinh nghiệm và móc nối ngoại giao ở Phi-châu. Ông từng là đại sứ ở Gabon, nhân viên cao cấp tòa đại sứ ở Congo và Burundi; ông là tùy viên sứ quán ở Iraq và là người chót gặp Saddam Hussein trước khi ông Bush bố ra lệnh oanh tạc Baghdad và được tưởng thưởng về việc này; ông là giám đốc phân vụ Phi-châu trong Hội-đồng An-ninh Quốc-gia thời tổng thống Clinton với kinh nghiệm về mua bán các khoáng chất chiến lược. Ông từng được CIA chọn cử làm nhiều công tác trước đây. Bà vợ ông, Valerie Plame, là nhân viên CIA chìm cao cấp và có viết lời giới thiệu ông với nhân vật CIA đứng đầu ngành ngăn chặn vũ khí chiến lược. Các viên chức CIA xác nhận là bà không dự phần vào việc chọn ông Wilson qua Niger điều tra.

Trong chuyến điều tra ở Niger ông Wilson phỏng vấn nhiều viên chức và nguồn tin Niger cùng các quản đốc hầm mỏ người Pháp làm việc cho Niger. Ông cũng phỏng vấn đại sứ Mỹ ở Niger, bà Barbo Owens-Kirkpatrick, người rất quen thuộc với việc buôn bán uranium, và tướng Carlton Fulford, chỉ huy phó bộ Chỉ-huy Mỹ vùng Âu-châu. Cả ba đều kết luận có rất ít lý do để nghi ngờ Iraq tìm mua uranium từ Niger. Ông Wilson cũng báo cáo là viên chức Iraq có gặp mặt viên chức Niger trước đây.

Tường trình miệng về chuyến công du của ông Wilson được viên chức CIA ghi lại và chuyển đến các cơ quan liên hệ - dĩ nhiên tòa Nhà Trắng là nơi nhận chính vì đây là nơi phát xuất lệnh điều tra— ngày 9 tháng Ba 2002,

khoảng hơn một năm trước khi chính quyền xâm chiếm Iraq (20 tháng Ba 2003). Tổng thống Bush, với khuyến cáo của CIA, đã không nhắc nhở đến việc Iraq tìm mua uranium ở Niger trong diễn văn tháng mười cùng năm ở Cincinnatti, Ohio. Nhưng sau khi báo cáo đi đến phủ tổng thống, từ thủ tướng Anh Blair, phó tổng thống Cheney đến tổng trưởng quốc phòng, ngoại giao, cố vấn An-ninh Quốc-gia, và các "chiến sĩ" tân-bảo-thủ trong và ngoài chính quyền đều đưa ra những tuyên bố đao to búa lớn xác nhận chắc nịch là Iraq có WMD theo lời mớm của tay hoạt đầu chính trị Iraq lưu vong Ahmad Chalabi, ngược hẳn báo cáo của ông Wilson và CIA. Đại đa số trong quốc hội và giới truyền thông Mỹ đều hùa theo hoặc không dám đưa ra nghi vấn thắc mắc. Ngay trước khi tấn công Iraq ông Bush đọc diễn văn về tình hình liên bang cuối tháng Giêng 2003 lại nhắc lại "tài liệu" Iraq mua uranium ở Phi-châu nói trên làm bằng cớ, nhưng ông khéo léo nói đây là bằng cớ chính quyền Anh có được.

Sau này khi bị chất vấn về "tài liệu" và báo cáo của ông Wilson, chính quyền đều "quên" báo cáo của CIA gửi cho các viên chức phủ tổng thống như phó tổng thống Cheney và phụ tá Libby, bà Rice và phụ tá Stephen Hadley cùng người viết diễn văn chính cho tổng thống lúc bấy giờ, ông Michael Gerson. Ba ngày trước khi tổng thống đọc diễn văn tình hình liên bang đưa ra quyết định đi vào Iraq - với lý do chính là vũ khí nguyên tử - các nhân vật trên họp duyệt lại lần chót chi tiết diễn văn (đã được sửa đi sửa lại 24 lần), nhưng không một ai nhắc nhở đến báo cáo đi ngược lại xác định về Iraq và uranium ở Niger trong diễn văn.

CÁI GAI TRƯỚC MẮT CHÍNH-QUYỀN

"Nhóm Iraq" trực tiếp dưới quyền phó tổng thống Cheney và ông Libby có thể không "quên" báo cáo của CIA dựa theo tường trình từ ông Wilson. Thực ra họ coi thường và không tin vào khả năng của cơ quan này từ khi ông Cheney làm tổng trưởng quốc phòng dưới thời ông Bush bố. Đây giải thích tại sao ông Cheney và Libby trực tiếp và liên tục hối thúc và làm áp lực với CIA về Iraq. Ở bộ quốc phòng ông Rumsfeld lập Phòng Kế-hoạch Đặc-biệt để lấy tin tức tình báo riêng về Iraq, gạt bỏ qua một bên những nguồn tình báo có sẵn và lâu đời như CIA, tình báo của bộ quốc phòng DIA và BIR của bộ ngoại giao. Nguyên đại tá và đổng lý văn phòng của cựu tổng trưởng ngoại giao Colin Powell, ông Lawrence Wilkerson sau một thời gian im hơi lặng tiếng cuối tháng Mười vừa qua công khai chỉ trích lối đi đến quyết định kiểu chế độ độc tài của chính quyền. Nhiều người trong và ngoài chính quyền cũng báo cáo là những viên chức cao cấp bổ nhiệm vì lý do chính trị —nhất là những người do phó tổng thống chọn ở bộ ngoại giao, bộ quốc phòng và Cơ-quan Quản-trị Thực-phẩm và Thuốc men (FDA)— có cung cách làm việc như các "chính ủy" cộng sản đầy quyền uy trong các sở bộ, ém nhẹm hết những ý kiến, đề nghị hoặc sự kiện khác hoặc đi ngược với ý chính quyền. Những người bị xem là không "trung kiên" bị cô lập hoặc gạt bỏ. Không có gì đáng ngạc nhiên khi phủ tổng thống tin tưởng hoàn toàn vào tin tức không có kiểm chứng, nhưng hợp với mục tiêu đi vào Iraq, đến từ tay lưu vong hoạt đầu Ahmad Chalabi nói trên. Sau khi Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq ông đại sứ Wilson có viết rằng chuyến đi điều tra ở Phi-châu khiến ông nghi chính quyền đã nói dối về lý do đi vào Iraq. Và ông bắt đầu kín đáo mớm tin cho giới truyền thông đưa ra nhiều câu hỏi về lý do đi vào Iraq và những nhân vật chính quyền liên hệ. Dĩ nhiên việc này làm chính quyền rất là khó chịu, nhất là sau khi đi vào Iraq mà không tìm được một dấu vết về WMD. Hơn ba tháng sau khi chính quyền xua quân xâm chiếm Iraq, ngày 6 tháng Bẩy, năm 2003 ông Wilson viết một bài trên trang ý kiến dư luận của nhật báo *New York Times*. Ông viết về chuyến đi Niger, và những điều không tìm thấy về việc Iraq tìm mua uranium ở đây. Ông xuất hiện trên vô tuyến truyền hình và xác nhận ông cùng những người khác đã "đánh đổ" lý do chính đi vào Iraq - nhưng rồi lại thấy lý do giả mạo này phát xuất từ miệng tổng thống Bush qua diễn văn tình hình liên bang để đi vào Iraq không đầy một năm sau báo cáo của ông. Ông là nhân chứng phủ nhận việc Iraq tìm mua uranium; nay ông là nhân chứng cho thấy chính quyền đã gian dối để đi vào Iraq.

Ông là người nguy hiểm cho chính quyền. Ngoài mặt tòa Nhà Trắng tiên đoán sẽ tìm được WMD; bên trong các viên chức trong War Cabinet và Iraq Group lo sợ sẽ không tìm được WMD, và CIA sẽ tố cáo trách nhiệm về sai lạc tình báo của tòa Nhà Trắng. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tòa Nhà Trắng ra tay đối phó với những nguy hại từ phía ông Wilson với hai cố

vấn Karl Rove và Lewis Libby. Ông Rove hoặc cả ông Libby nữa mớm danh tính bà Valerie Plame cho nhà báo bảo thủ Robert Novak. Ngày 14 tháng Bẩy, 2003 ông Novak viết báo nêu rõ danh tính bà Plame. Ông Novak cũng xác nhận là ông biết được danh tính bà Plame qua hai viên chức cao cấp trong chính quyền. Những điều tiếp theo bao gồm những gì giới truyền thông đã biết được và từ điều tra của công tố viên đặc biệt Patrick Fizgerald.

ĐIỀU-TRA CỦA CÔNG-TỐ-VIÊN VÀ GIỚI TRUYỀN-THÔNG

Ngày 30 tháng Mười hai, năm 2003 ông Patrick Fitzgerald, luật sư liên bang vùng Chicago, Illinois, được chọn làm công tố viên đặc biệt để điều tra xem ai đã tiết lộ danh tính bà Valerie Plame, một nhân viên CIA chìm. Đây là một tội hình nếu cố ý, vì nó gây nguy hiểm lớn lao cho người bị lộ danh tính cũng như những người đã và sẽ hợp tác với người bị lộ (nói chung là người bị lộ danh tính không thể tiếp tục làm việc nữa), và người tiết lộ có thể bị tù đến mười năm ngoài việc bị phạt tiền vạ.

Ông Fitzgerald là người thuộc đảng Cộng-hòa, có tiếng là cương trực và ráo riết; ông cũng được chọn sau khi tổng trưởng Tư pháp bấy giờ John Ashcroft nhường quyền chọn cho thứ trưởng Tư pháp, vì ông Ashcroft sợ mang tiếng có liên hệ mật thiết với ông Bush và nhiều viên chức cao cấp khác. Một điều hơi oái oăm là luật bảo vệ danh tính nhân viên tình báo chìm được ký bởi tổng thống Bush bố, từng là giám đốc CIA, và nay luật được dùng để điều tra chính quyền Bush con.

Ngày 28 tháng Mười vừa qua, hai mươi hai tháng sau khi điều tra ráo riết và vô cùng kín đáo, ông Fitzgerald họp báo công bố kết quả

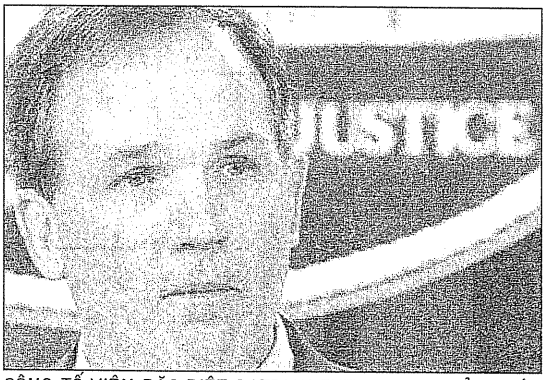

CÔNG-TỐ-VIÊN ĐẶC-BIỆT PATRICK FITZGERALD: *Tổng-thống Bush nhận-xét, "Tay này rất nghiêm-túc, chặt-chẽ."*

với ông Lewis Libby bị buộc tội như nói trên; ông Fitzgerald còn tiếp tục điều tra và có thể sẽ buộc tội ông Karl Rove —hai người từng bị giới truyền thông nghĩ là tiết lộ danh tính bà Plame để trả đũa ông Wilson tố cáo chính quyền gian dối.

Báo cáo ngắn gọn (chỉ có hai mươi hai trang) và khúc chiết, chắc nịch đưa ra những chi tiết cần thiết để buộc tội ông Libby, nhưng cũng kín đáo về những gì ông Fitzgerald sẽ làm tiếp. Ông Libby đã từ chức đổng lý văn phòng phó tổng thống, ra tòa khai vô tội và sẽ hầu tòa đại hình; việc này hứa hẹn là phó tổng thống và có thể là tổng thống sẽ phải ra tòa về những liên hệ đến vụ bà Plame và ông Wilson. Cả hai ông hiện nay rất là kín tiếng.

Báo cáo của ông Fitzgerald và tin tức báo chí cho nhiều chi tiết trước kia chỉ là phỏng đoán.

MỘT ÂM-MƯU NỮA?

Theo báo cáo của ông Fitzgerald, khoảng ngày 10 hoặc 11 tháng Bẩy năm 2003 ông Libby nói chuyện với "Viên chức A" (giới điều tra và báo chí hiểu đây là ông Rove), viên chức này cho ông Libby biết "về một đối thoại giữa viên chức và nhà báo Robert Novak về vợ ông Wilson, được nhắc đến như nhân viên CIA có liên hệ đến chuyến đi qua Niger của ông Wilson... Ông Libby được cho biết thêm là ông Novak sẽ viết bài về vợ ông Wilson." Đoạn văn trong báo cáo nói trên đưa ra một số câu hỏi quan trọng: "Viên chức A" có cho ai khác biết chuyện ông lộ tin về ông bà Wilson? Ông Libby có nói chuyện này cho ai khác biết? Có ai khác nữa biết rằng ông Novak sửa soạn công khai hóa bà Plame? Có ai phản đối chuyện này không? Ông Fitzgerald giữ kín không cho biết thêm.

Tiếp theo là một hé mở nữa, cũng đi cùng với nhiều chi tiết không được trả lời. "Vào khoảng ngày 12 tháng Bẩy 2003," ông Libby đi cùng ông Cheney và một số viên chức khác trên máy bay của phó tổng thống Air Force Two trên đường từ Norfolk, Virginia, về phủ tổng thống, để bàn định cách đối phó với ông đại sứ Wilson, một người chỉ trích chính sách chiến tranh Iraq mỗi ngày thêm một ồn ào bất lợi cho chính quyền. Phó tổng thống Cheney có mặt trên máy bay; đổng lý văn phòng Libby cũng có mặt trên máy bay, nhưng ông Fitzgerald không tiết lộ danh tính những người khác nữa. Ông cũng cho biết, "Trên chuyến bay ông Libby cho các viên chức khác

biết ông sẽ nói những gì với giới truyền thông đang chờ đợi tin, kể cả phóng viên Matthew Cooper của tuần san TIME." Cùng chiều hôm đó ông Libby nói với hai phóng viên Cooper và Judith Miller (người đã bị ông Fitzgerald cho vào tù hơn hai tháng vì không chịu tiết lộ danh tính ông Libby là nguồn tin của bà) của nhật báo *New York Times* "về vợ ông Wilson và việc bà này làm cho CIA."

Khi xếp những chuyện xảy ra theo thứ tự như trên, ông Fitzgerald ngụ ý rằng việc ông Libby nói chuyện với các phóng viên đi tiếp theo quyết định (rút từ những bàn luận trên Air Force Two) tiết lộ danh tính bà Plame cho báo chí. Nhưng ông Fitzgerald hiện nay không chịu nói chuyện gì đã xảy ra trong cuộc bàn luận hoặc những ai tham dự thảo luận. Người ta chỉ có thể đoán rằng ông Libby không cần các người dưới quyền cho phép ông làm chuyện này; ông có thể chỉ thăm dò ý kiến của họ thôi. Như vậy ông có thể đã xin phép tiết lộ danh tính bà Plame từ người độc nhất với chức vụ cao hơn ông mà thôi: phó tổng thống Cheney trên cùng chuyến bay. Ông Fitzgerald có thể biết điều này, nhưng ông cũng không chịu tiết lộ.

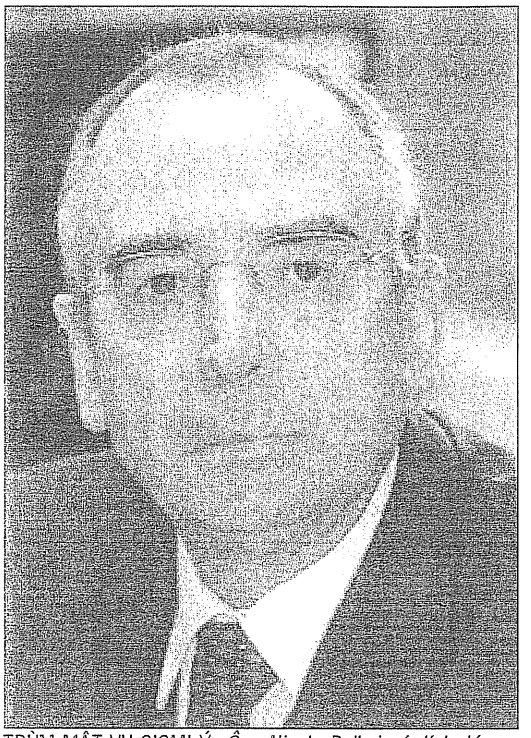

TRÙM MẬT-VỤ SISMI Ý: *Ông Nicolo Pollari có dính-dáng đến tài-liệu giả-mạo chuyển cho tòa đại-sứ Mỹ ở La-Mã không?*

Ông Fitzgerald xác định công việc của ông rất rõ rệt: "Công việc của tôi là điều tra xem có tội nào xảy ra không, có thể chứng minh được tội không, và có thể kết tội người vi phạm không... Tôi không có ý kiến về những gì ngoài việc trên. Đây không thuộc thẩm quyền tôi, công việc của tôi, hay phán xét của tôi." Với xác định rõ rệt trên ông thận trọng không buộc ông Libby tội tiết lộ danh tính bà Plame, một điều có thể khó chứng minh trong tòa. Thay vào đó ông buộc ông Lybby tội khai gian nhiều lần làm cản trở việc điều tra xem ai đã tiết lộ danh tính bà Plame, điều có thể chứng minh dễ và rõ ràng hơn khi ra tòa trước bồi thẩm đoàn. Đây cũng có lẽ là lý do ông chưa buộc tội ông Rove ngay mà còn điều tra tìm tội có thể buộc một cách chắc nịch theo đúng lối làm việc của ông —mà ông Bush phải công nhận, "Tay này rất là nghiêm túc, chặt chẽ." Nhưng giới truyền thông đưa ra nhiều chi tiết nhiều người muốn biết hơn.

Một ngày sau khi ông Wilson viết báo *New York Times*, ông Karl Rove có vẻ như chú ý đến việc làm mất uy tín ông Wilson hơn là đối đáp những sự kiện và lý luận của ông. Ông Rove —giới truyền thông đã chắc chắn ông là "Viên chức A" trong báo cáo của ông Fitzgerald— nói với báo chí là bà Plame đã đề nghị hoặc sắp xếp cho ông Wilson qua Niger điều tra. Nhưng báo cáo và ông Fitzgerald không chịu nói ai là người lộ danh tính bà Plame cho ông Novak. Trước khi danh tính bà bị lộ, có ít nhất ba người biết danh tính và vai trò chìm của bà —một nhân viên CIA, một viên chức cao cấp và ông Cheney. Nhìn lại chuyến bay trên Air Force Two, nhiều người nghĩ ông Cheney cũng là người tiết lộ danh tính bà Plame. Tin mới nhất giữa tháng Mười một từ lời khai với ông Fitzgerald của nhà báo được giải Pulitzer cao quí, ông Bob Woodward thuộc nhật báo *Washington Post* (cùng với nhà báo Carl Berstein trong vụ điều tra Watergate khiến tổng thống Richard Nixon phải từ chức năm 1974), cho thấy một viên chức cao cấp trong chính quyền cho ông biết về danh tính bà Plame và chức vụ của bà gần một tháng trước khi ông Novak công khai hóa chuyện này. Ông Fitzgerald biết viên chức này là ai, vì viên chức này cho phép ông Woodward nêu danh tính, nhưng cũng không chịu tiết lộ.

NHỮNG CÂU HỎI CHƯA ĐƯỢC TRẢ LỜI

Hai vấn đề lớn trong báo cáo của ông

Fitzgerald —cuộc thảo luận trên Air Force Two và nói chuyện giữa "Viên chức A" và ông Libby— cho thấy nỗ lực rộng lớn trong chính quyền nhằm tiết lộ danh tính bà Plame, nhưng ông Fitzgerald không chịu kết tội (như tội âm mưu chẳng hạn). Nhiều người vẫn đặt câu hỏi là ông Libby mớm tin cho báo chí theo tự ý ông hay ông làm theo lệnh từ trên ban ra. Thắc mắc lớn hơn từ đây là tòa NhàTrắng có cố tạo một môi trường nhằm trả thù và trừng phạt những ai không đồng ý với chính quyền hay đây chỉ là hành động riêng lẻ của một vài cá nhân?

Trường hợp ông Rove cũng tương tự, và thắc mắc đưa ra là ông có nói gì với tổng thống không? Nếu ông nói dối tổng thống về chuyện tiết lộ danh tính bà Plame, ông không đáng tin cậy nữa. Nếu ông có báo hoặc bàn với tổng thống đây là điều nguy hiểm: tổng thống biết và không làm gì cả, hoặc tệ hơn nữa, tổng thống tham dự vào việc trả thù và trừng phạt những ai không đồng ý với chính quyền.

Trong vai trò công tố viên đặc biệt ông Fitzgerald có lẽ rất đúng khi ông nói kết tội hình không phải là cách giải thích những gì đã thật sự xảy ra. Nhưng trong một nước dân chủ pháp trị giải thích thật sự những gì đã xảy ra là điều cần thiết. Tổng thống Bush từ đầu đến nay vẫn khăng khăng nói ông không muốn tuyên bố gì cả trong khi điều tra còn tiếp tục. Nhưng báo chí trách ông một phần điều tra còn tiếp tục cũng chỉ vì lỗi của tổng thống. Lẽ ra ông đã phải tìm câu trả lời ai là người đã lộ danh tính bà Plame ra báo chí, và giải quyết chuyện này cho xong. Báo chí đặt câu hỏi tại sao hai năm trước tổng thống không hỏi hẳn ông Rove và những viên chức khác trong chính quyền xem ai đã lộ danh tính bà Plame cho ông Novak cùng những người khác? Tại sao ông không hỏi hẳn ông Rove bây giờ? Có phải vì ông đã biết câu trả lời rồi? Hoặc ông không muốn phải cách chức ông Rove, "kiến trúc sư" sự nghiệp chính trị của ông?

Như một cách phòng hờ tai họa phải dứt bỏ ông Rove tổng thống nay nói ông sẽ cách chức người nào "bị tòa buộc tội hình vì tiết lộ danh tính nhân viên tình báo chìm." Trước kia ông cương quyết tuyên bố sẽ cách chức người nào lộ danh tính nhân viên tình báo. Tóm lại, người ta không trông đợi tổng thống Bush sẽ đưa ra câu trả lời nếu không bị bắt buộc phải làm chuyện này.

Câu trả lời có thể sẽ đến từ ông Wilson qua những vụ kiện dân sự (hộ, chứ không phải hình) chống lại các viên chức nói trên. Nhưng các vụ kiện cá nhân không phải là cách thực thi quyền được biết của người dân —một quyền nằm trong quyền tự do ngôn luận rất thiêng liêng trong hiến pháp Mỹ.

Tìm hiểu những gì thật sự xảy ra để thỏa mãn quyền được biết của người dân là trách nhiệm của Quốc hội, với đủ tư cách đòi hỏi những sổ sách tài liệu và buộc bất cứ ai ra điều trần. Quốc hội có thể chờ đến sau khi thủ tục hình luật hoàn tất mới mở những điều trần. Khi điều trần bắt đầu, khủng hoảng lớn nhất của chính quyền sẽ đưa đến nhiều hậu quả khôn lường.

Tìm đọc

NHỮNG NGÀY QUA

Bút ký của

Bác sĩ TRẦN NGUƠN PHIÊU

Cuốn sách sẽ cải chính tất cả những gì phe đệ tam quốc tế đã vo tròn bóp méo về giai đoạn đầu kháng chiến 1945 tại Nam Bộ, để mang lại Sự Thực cho Lịch Sử.

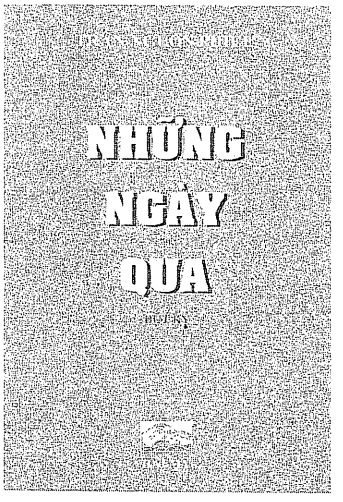

Liên lạc:

Nhà xuất bản Hải Mã

P.O. Box 19543

Amarillo, Texas 79114 – 9543, USA

Bệnh tật nhìn từ quan điểm của thuyết tiến hóa

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đối phó với một bệnh tật, chúng ta thường hay đặt câu hỏi "tại sao" (tại sao tôi mắc bệnh này?). Câu hỏi có thể được tiếp cận bằng hai giải thích: một là giải thích căn nguyên trực tiếp, và hai là giải thích bằng thuyết tiến hóa, hay có thể gọi là nguyên nhân sâu xa. Những câu trả lời trực tiếp, thường thấy trong sách giáo khoa và được dạy trong các trường y, mô tả những cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh đưa đến bệnh tật mà khoa học biết được. Những câu trả lời này cần thiết, nhưng chưa đủ. Chúng ta cần biết đến những nguyên nhân sâu xa, những câu trả lời dựa vào lí thuyết tiến hóa của Charles Darwin, mô tả những tiến trình tiến hóa của các cơ phận trong cơ thể cũng như hành vi con người ngày nay. Mục tiêu chủ yếu của y khoa Darwin (hay còn gọi là Darwinian Medicine) là tìm hiểu và giải thích tại sao chúng ta mắc bệnh.

Kiến thức y học chủ yếu dựa vào nền tảng của sinh lí học. Sinh lí học chủ yếu quan tâm đến việc phân tích cơ chế hoạt động và những tương tác của các bộ phận trong cơ thể con người. Một khi một bộ phận nào đó trong cơ thể có vấn đề hay bị trục trặc, thông qua sinh lí học, bằng lập luận về cơ chế bệnh học, chúng ta có thể hiểu được tại sao nó xảy ra, và qua cơ chế bệnh sinh đó, chúng ta có thể tìm cách chữa trị. Thành ra, có thể nói rằng chiến lược căn bản của y khoa ngày nay là khảo sát sự tương tác lẫn nhau giữa các thành tố trong một hệ thống vừa mở vừa kín, đó là: môi trường-con người (ngoại sinh và nội sinh) thông qua các đặc tính di truyền, cơ chế sinh lí của cơ thể; và phản ứng của chúng trong quá trình đáp ứng với bệnh tật của cơ thể đó trong mối quan hệ hỗ tương với môi trường xung quanh.

Nói nôm na, cách chẩn đoán và điều trị bệnh cũng giống như giới kĩ sư tìm hiểu sự vận hành và cách sửa máy móc cơ khí khi gặp phải sự cố. Nói chung, đây là một chiến lược logic, và trong quá khứ đã thành công rực rỡ trong việc khám phá ra nhiều biện pháp chữa trị hữu hiệu cho nhiều căn bệnh ngặt nghèo. Nhưng dù thành công, chiến lược này không cung cấp cho chúng ta một bức tranh toàn diện về bệnh tật, bởi vì nó chú trọng vào việc chữa trị *căn bệnh* hơn là chữa trị *con người với căn bệnh*. Nói cách khác, phương pháp phân tích cơ chế bệnh nguyên bệnh sinh theo trường phái y học Tây phương dường như bỏ quên phần con người trong phương trình bệnh tật. Chúng ta phải đi vượt qua câu hỏi "Cơ phận này vận hành ra sao" để đặt câu hỏi "Tại sao có cơ phận này."

Đứng trên quan điểm tiến hóa, cơ thể con người là một bộ máy mà trong đó các cơ phận được thiết kế tinh vi đến mức tuyệt vời, nhưng lại là những thiết kế dựa vào những thỏa hiệp giữa lợi và hại. Hãy lấy mắt, có khi được ví von

một cái vợt to lội xuống suối. Thân hình hộ pháp, vừa đi hắn vừa la lối om sòm để dọn đường cho tôi đi theo.

"Fish coming up!" Vừa lội phía trước Howard vừa la to.

Bỗng tôi có cảm giác như con cá ở đầu giây bị kéo giật ở hai phía. Tôi biết là có giây câu của người khác cuốn vào con cá của tôi. Một tay câu còn trẻ đang hí hoáy gỡ giây vướng vào giây của tôi, nó gỡ mãi không xong. Howard nổi nóng. Hắn ra lệnh cho anh chàng kia cắt đứt sợi giây cước của nó.

"Cut the line! Damn it!". Hắn la to.

Bứt được sợi giây kia con cá lại phăng phăng chạy ngược lên nguồn. Hai đứa tôi lội ngược dòng. Tôi biết là tôi phải hạ thủ con cá này thật nhanh. Tôi không thể "chơi" với con cá này lâu như kiểu tôi vần con cá salmon ở Bãi Cá Hồi vì ở đây hàng chục tay câu phải cuốn giây đứng chờ cho đến khi tôi bắt được cá. Đứng yên một chỗ tôi đưa ngược cần cong về phía sau, tôi vụt hạ cần xuống thật thấp rồi quay vội vài vòng, kéo dần con cá về. Mỗi lần kéo tôi thấy sức kháng của cá yếu dần. Sau cùng tôi đưa được cá gần bờ. Howard lội xuống suối, giơ vợt đón đầu con cá. Nhưng vừa nhìn thấy vợt con cá hoảng sợ quẫy mạnh thu tàn lực kéo tuôn giây câu. Đây là lúc dễ bị xổng cá nhất. Khôn ngoan Howard dấu cái vợt sau lưng hắn. Khi cá đến gần hắn đưa vợt ra thật nhanh xúc con cá lên. Trong lòng vợt là một chú cá steelhead lớn nặng khoảng 15 cân anh. Con cá nằm im thở dốc, hai mang phập phồng. Ở bên mép còn dính một chùm len màu đỏ cam. Chùm len tôi gắn vào lưỡi câu để nó phẩy te tua trong làn nước trông y như một con bọ hấp dẫn cá. Tôi vỗ vai cám ơn Howard. Không có nó giúp chưa chắc gì tôi đã mang nổi được con cá này lên bờ. Xách cá lên vai, tôi cùng Howard trở lại chỗ câu.

Trời phía sông hừng lên sáng nhưng lớp sương mù vẫn còn dầy đặc. Suối Biếc sau cơn sốt lại trở về với cái yên tĩnh mênh mang của núi rừng. Kinh nghiệm câu cho tôi biết cá thường cắn dội lên trong khoảng nửa tiếng đồng hồ. Sau đó là yên lặng, cho đến vài giờ sau, có khi cả nửa ngày sau mới lại nghe tiếng "Fish on!".

Trong tĩnh lặng tôi ngỡ như có tiếng hát bay trong không gian nhưng tôi nghĩ tiếng hát không thể nào có thực. Nó chỉ có thể ở trong trí tưởng tôi. *Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa*.. Dù không thấy được phía bên kia nhưng cảnh trí bên kia bờ rất quen thuộc. Bên đó là vòng cung uốn khúc của dòng Cowlitz có bãi cát lài xuống. Phía sau là rừng thưa. Tôi đã nhìn thấy rừng cây chuyển lá bốn mùa. *Em đứng lên mùa thu tàn tạ... Hàng cây khô cành bơ vơ... Hàng cây đưa em đi về giọt nắng nhấp nhô*... Bên kia bao giờ cũng là một bờ vắng lặng. Những dân câu đứng chen chúc bên này đều mơ ước có một chỗ đứng câu ở bên đó nhưng chỉ mơ thôi. Bờ bên kia là đất tư, thuộc sở hữu của chủ nhân những ngôi nhà nằm khuất sau rừng. Người câu cá duy nhất mà chúng tôi thỉnh thoảng nhìn thấy là một ông già sống một mình với một con chó ở trong căn nhà có bánh xe (trailer) đậu phía bên này của khu rừng thưa. Ông câu rất ơ thờ. Thường ông ngồi ngủ gục trên ghế xếp trước cái cần câu cắm bất động ở một chỗ. Mỗi lần đi câu tôi thường thấy ông ta dẫn chó đi dọc tới lui bên kia bờ. Chỉ có một lần duy nhất tôi thấy ông bắt được cá. Khi ông kéo con cá lên bờ, con chó bị khích động mạnh, nó sủa nhắng lên vừa sủa vừa nhẩy chồm chồm vòng tròn quanh con cá. Nhưng đó là nhiều năm về trước. Gần đây tôi ít thấy ông xuất hiện. Có thể là bây giờ ông đã già yếu. Lần cuối tôi thấy ông là đầu mùa hè. Bây giờ đã sáu tháng qua. Không biết ông còn sống thêm được một mùa đông lạnh giá.

Có tiếng chim kêu quác quác trên bàu trời. Tôi ngửng lên nhìn hai con ngỗng trời bay lả trên cao, bốn chiếc cánh rộng đập êm ả lấp lánh ánh nắng mai. Khi tôi nhìn xuống thì sương mù đã tan. Hình ảnh ông già và con chó trong tôi biến mất. Bên kia bờ có bóng hai người thấp bé. Người đàn ông tay xách con cá lấp loáng ánh bạc. Bên cạnh ông ta là một đứa bé tay nhấc lên một cái hộp đen. Hai người đi về phía cửa rừng. Tôi nghe có tiếng hát vọng sang rồi vụt tắt. Tiếng hát như cánh tay vươn của Trịnh Công Sơn dài qua bên này sông.

... mưa bay trên tầng tháp cổ... Dài tay em mấy

*

Hai bố con bước trên sỏi đi về phía bờ rừng thưa. Ở cạnh một căn nhà trên bánh xe (trailer) có một lối mòn đi vào rừng. Người đàn ông ngước lên nhìn tấm bảng gỗ đóng trên thân cây ở đầu lối mòn. Rồi hai người biến mất vào đó. Trên tấm bảng gỗ có sơn một hàng chữ đỏ. Có thể người đàn ông không hiểu tiếng Anh. Cũng có thể là ông ta hiểu nhưng cứ làm như không hiểu. Tấm bảng đề: "Private Property. No Trespassing" (Đất tư. Cấm vượt).

Nguyễn Tường Thiết

Chọn lọc tự nhiên

Hai cụm từ chủ đạo trong y học tiến hóa là *chọn lọc tự nhiên* (natural selection) và "tiến hóa." Chọn lọc tự nhiên thực ra là một nguyên lí (không phải là một lí thuyết) hết sức đơn giản nhưng dễ dẫn đến hiểu lầm. Ngày xưa, khi Charles Darwin đề xuất nguyên lí chọn lọc tự nhiên, ông chắc chắn chưa biết đến gien; ông chỉ quan tâm và dựa vào những khác biệt về đặc điểm của con người. Thành ra, ông phát biểu những ý kiến về chọn lọc tự nhiên dựa vào những thay đổi về đặc điểm con người với thời gian và một vài ý tưởng mơ hồ về "mã số" di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhưng ngày nay chúng ta biết đến gien và DNA cấu trúc của gien. Chúng ta biết rằng con người có khoảng 30.000 đến 35.000 gien, và gien tương tác với môi trường để tạo nên những đặc điểm khác nhau giữa con người.

Nguyên lí chọn lọc phát biểu rằng nếu những người với gien A có nhiều con cái hơn những người với gien B, thì về lâu về dài gien A sẽ trở nên phổ biến trong dân số hơn gien B, và gien B sẽ trở nên hiếm thấy trong dân số. Do đó, nói đến chọn lọc tự nhiên là nói đến (a) sự biến thiên về thông tin chứa trong gien làm nên những khác biệt về đặc tính một sinh vật; (b) sự khác biệt về khả năng tái sản sinh của sinh vật, do hệ quả của (c) thay đổi thông tin trong gien qua nhiều thế hệ. Chìa khóa để hiểu chọn lọc tự nhiên là nhận thức rằng sinh vật không thay đổi, nhưng thông tin và gien trong sinh vật thay đổi theo thời gian.

Với nhận thức như trên, chúng ta hãy xét qua những giải thích của y học Darwin. Tôi sẽ chia những giải thích này thành bốn nhóm: cơ chế phòng vệ, cạnh tranh với các sinh vật khác, cơ chế thỏa hiệp, và thích ứng với môi trường mới.

Tiến hóa của cơ chế phòng vệ

Nhiều triệu chứng của bệnh tật (hay ngay cả bệnh tật) là do các tác nhân gây bệnh (pathogens) hay những bất bình thường trong cơ thể gây nên, hay còn gọi là tác nhân ngoại sinh hoặc nội sinh. Nhiễm trùng, bại liệt, bệnh vàng da, hay một cơn tai biến là một vài ví dụ cho phát biểu trên. Nhưng một số biểu hiện khác thì không phải do bất bình thường trong cơ thể mà do các cơ chế phòng vệ gây nên, và các cơ chế này được quá tiến hóa để bảo vệ chúng ta khi phải đương đầu với một mối hiểm nguy. Chẳng hạn như ho, đau đớn, ói mửa, tiêu chảy, mệt mỏi, và lo lắng. Có thể nhiều người trong chúng ta cho rằng đây là những bệnh, nhưng trong thực tế có thể chúng là những cơ chế phòng bệnh!

Ho có lẽ là một chứng thông thường nhất mà ai trong chúng ta đều kinh qua. Nhưng tại sao chúng ta ho? Câu trả lời liên quan đến cơ chế phòng vệ của cơ thể. Thật vậy, ho có thể là một cơ chế phòng vệ hữu hiệu nhất, bởi vì nó giúp cho việc tống xuất những độc chất ra ngoài cơ thể. Nhiều nghiên cứu cho thấy những người không có khả năng thải các dị vật trong đường hô hấp và phổi thường bị chết vì viêm phổi. Và điều rõ ràng nhất, trong các trường hợp bị viêm phổi trong giai đoạn cấp tính, nếu bệnh nhân không ho được hoặc dùng thuốc cắt cơn ho, tiến trình bệnh sẽ kéo dài hơn và nhiều trường hợp chết vì ứ đọng đờm giãi gây tắc nghẽn thông khí.

Khả năng đau đớn và lo lắng là những "sản phẩm" của quá trình chọn lọc tự nhiên. Nỗi lo lắng và đau đớn là hai "chứng" hay đi đôi với nhau mỗi khi chúng ta kinh qua một sự mất mát lớn (như có người thân trong gia đình qua đời), và do đó chúng thường gắn liền với những cảm nhận tiêu cực. Thế nhưng khả năng chịu đựng đau đớn và lo lắng cũng có lợi ích của nó. Nếu không có lợi, có lẽ chúng ta chẳng bao giờ có khả năng lo lắng hay chịu đựng đau đớn.

Đau đớn là một cơ chế phòng vệ. Đau đớn, dù làm cho biết bao chúng ta phải khốn đốn, thực chất là một tín hiệu báo động cho cơ thể biết là các mô và tế bào đang trong tình trạng nguy hiểm hay đang bị tổn thương. Phản ứng đau là một dấu hiệu báo cho bộ não chúng ta biết, và điều khiển lí trí chúng ta phải dừng hoạt động các bộ phận đó lại để cho chúng có thời gian hồi phục. Những người không biết đau đớn thường chết sớm (trước tuổi 30), và không có cơ hội lưu truyền gien cho thế hệ mai sau. Chẳng hạn như những người với chứng rỗng tủy sống (syringoyelia), do hư hỏng dây thần kinh phát đi tín hiệu đau đớn, có thể cầm một tách cà phê cực nóng và uống bình thường, hay có thể để cho điếu thuốc lá cháy dần đến ngón tay mà không hề cảm thấy đau đớn gì cả. Hay với các bệnh nhân bị phong (leprosy), các dây thần kinh cảm giác (đau, nóng) bị tổn thương, làm cho các chi không còn biết "sợ" là gì, hậu quả dẫn đến các bệnh nhân bị cụt dần các đốt ngón tay ngón chân, do đó mà gọi là phong cùi! Thành ra, ngăn

ngừa đau đớn một cách vô ý thức bằng thuốc có thể dẫn đến nhiều hậu quả khó lường.

Sợ hãi cũng là một cơ chế phòng vệ có lợi ích. Phần đông chúng ta đều cảm thấy sợ hãi trước những sinh vật nguy hiểm như rắn, rết, nhện, hay lo sợ khi đứng trên một tòa nhà cao ngất trời. Tiến hóa và chọn lọc tự nhiên đã làm cho chúng ta phải tìm cách tránh những hiểm nguy này. Bộ não của thỏ được "chương trình hóa" để tránh chó sói, và cũng không ngạc nhiên khi biết bộ não chúng ta cũng có một khả năng tương tự. Nhưng sợ hãi cũng là một quá trình học hỏi qua tiến hóa, và bài học có khi sai, có khi đúng, cho nên chúng ta thỉnh thoảng vẫn phải trả một giá đắt cho sự sợ hãi. Giáo sư tâm lí học Susan Mineka từng tiến hành một nghiên cứu thú vị: khi khỉ được nuôi trong chuồng chúng không hề biết sợ rắn, chúng còn dám bước qua con rắn để kiếm chuối làm thức ăn; nhưng khi chúng được cho xem một video mà trong đó khỉ phản ứng sợ hãi trước con rắn, chúng trở nên sợ rắn kể từ đó và không dám lại gần rắn nữa!

Một cơn sốt, không chỉ đơn giản gia tăng tỉ lệ nội tiết, mà còn có công dụng điều chỉnh nhiệt độ cơ thể. Gia tăng nhiệt độ làm cho việc tiêu diệt các tác nhân gây bệnh (pathogens) hay độc tố nhanh chóng và dễ dàng hơn. Và chính nhiệt độ cơ thể tăng là một cơ chế làm thay đổi môi trường sống tối ưu của vi khuẩn, làm cho chúng mau chết. Nhiều nghiên cứu khoa học cho thấy ngay cả khi thằn lằn (có máu lạnh), khi được cấy vi khuẩn làm cho chúng nhiễm trùng, thường tìm đến các khu vực ấm áp cho đến khi cơ thể chúng tăng vài độ. Nếu ngăn chặn những thằn lằn đến những vùng ấm áp, chúng có nguy cơ chết nhanh vì nhiễm trùng. Một nghiên cứu tương tự của Evelyn Satinoff (Đại học Delaware) trên chuột cao tuổi cũng cho thấy một kết quả tương tự: khi chuột bị cho nhiễm trùng, chúng thường tìm đến những nơi có nhiệt độ cao để sống sót.

Nhưng nhận thức được những lợi ích của các cơ chế phòng vệ cũng không hẳn hiển nhiên như các trường hợp trên. Nhiều người trong chúng ta thường kinh qua những phản ứng tưởng như vô thưởng vô phạt trước những đau đớn, sốt, tiêu chảy, hay ói mửa. Muốn hiểu những phản ứng này, cần phải phân tích hệ thống chi phối các phản ứng của cơ thể theo lí thuyết *nhận dạng tín hiệu* (signal-detection theory). Nhiều độc tố lưu chuyển trong cơ thể thường xuất phát từ bao tử. Một sinh vật có thể tống xuất nó một cách hữu hiệu là bằng cách ói mửa, nhưng cũng phải trả một cái giá "dương tính giả," tức là cơ chế ói mửa được khởi động, nhưng trong cơ thể không có độc tố, và hành vi này tốn mất vài calories năng lượng. Thế nhưng nếu cơ chế phòng vệ không được phát động trong khi trong cơ thể có độc tố thì cái giá phải trả có khi còn đắt hơn nhiều: tử vong.

Chọn lọc tự nhiên, do đó, có xu hướng điều chỉnh các cơ chế cực kì bén nhạy theo nguyên lí nhận dạng tín hiệu vừa nói trên. Một hệ thống phòng cháy được xem là đáng tin cậy nếu nó báo động bất cứ lúc nào có khói hay có lửa, nhưng nó cũng có thể cho ra báo động giả (như khói xuất phát từ một lò nướng!) Tương tự, trong cơ thể con người cũng có rất nhiều hệ thống báo động như thế, nhưng có nhiều khi chúng cũng báo động một cách không cần thiết, và chúng ta đôi khi phải khổ sở vì những báo động "giả" này. Nguyên lí này giải thích tại sao việc khống chế các cơ chế phòng vệ thường dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng. Bởi vì phần lớn những phản ứng xuất phát từ những mối đe dọa nhỏ, việc can thiệp vào những cơ chế phòng vệ thường vô hại; chỉ khi nào các cơ chế phòng vệ lớn bị khống chế thì hệ quả mới nghiêm trọng. Ở đây ta hiểu nôm na, là sự tiến hoá của các cơ phận của cơ thể cũng tuân theo một nguyên tắc "thà đánh nhầm còn hơn bỏ sót!"

Xung đột với các sinh vật khác

Một phần lớn bệnh tật là hệ quả của sự cạnh tranh sinh tồn giữa các sinh vật. Một ví dụ hiển nhiên nhất là cạnh tranh giữa con người và vi khuẩn và những tác nhân gây bệnh. Có thể lấy sự cạnh tranh giữa thỏ và chó sói để minh họa cho ý tưởng này. Nếu có một gien (hay đột biến gien) làm cho chó sói chạy nhanh hơn các thú vật khác, chó sói sẽ bắt thỏ dễ dàng, và gien này sẽ trở nên phổ biến hơn trong các thế hệ sau. Và đối với thỏ, hậu quả của hiện tượng này là càng ngày càng có ít thỏ sống sót, và những thỏ sống sót cũng ở trong tình trạng nguy hiểm. Chỉ có những chú thỏ chạy thật nhanh mới sống sót lâu dài, và chọn lọc tự nhiên sẽ làm tăng gien làm cho thỏ chạy nhanh hơn. Ngay trong loài thỏ, thỏ rừng (hare) có độ tinh quái và tốc độ chạy nhanh hơn gấp nhiều lần so với thỏ nhà khù khờ.

Tương tự trong con người, chọn lọc tự nhiên không thể cung cấp cho chúng ta một cơ chế phòng vệ toàn năng chống lại tất cả những độc

tố và tác nhân gây bệnh, bởi vì những độc tố và tác nhân gây bệnh này thường tiến hóa nhanh hơn cơ thể con người! Chẳng hạn như vi khuẩn *E. coli*, với tỉ lệ tái sản sinh cực nhanh (một ngày tiến hóa của chúng bằng thời gian tiến hóa của con người khoảng 1000 năm), và vì thế chúng có thừa thời gian để tồn tại và tấn công vào con người, trong khi đó, hệ thống phòng vệ của cơ thể, dù là tự nhiên (nội lực) hay do sử dụng thuốc, không có đủ thời gian để đối phó với những kẻ thù mới. Chính vì thế mà cho đến ngày nay, giới khoa học gia còn vẫn đang phải bó tay với tình trạng kháng thuốc rất nhanh của vi khuẩn đối với bất kỳ một thế hệ thuốc mới nào ra đời. Hay cho đến nay, chưa ai biết nếu ngăn chặn chứng sổ mũi bằng thuốc có hiệu quả làm ngắn thời gian bệnh tật hay không? Các loại thuốc chống sổ mũi hoàn toàn không có tác dụng chữa bệnh mà nó chỉ làm cho giảm tiết dịch của tế bào mà thôi, trong khi đó lợi bất cập hại. Sổ mũi chính là cơ chế phòng vệ của cơ thể, nước mũi tiết ra là để tẩy rửa vi trùng; rồi chúng ta phải hắt xì hơi để tống xuất mầm bệnh ra ngoài. Trong khi đó dùng thuốc chống chảy mũi, chống hắt xì hơi, là chúng ta giam hãm mầm bệnh lại trong cơ thể mình, tiến trình bệnh lý còn có nguy cơ kéo dài hơn nhiều.

Nhiễm trùng là hệ quả của sự cạnh tranh vì sinh tồn giữa hai sinh vật: giữa kí sinh vật (vi khuẩn) và kí chủ (tức cơ thể của chúng ta mà vi khuẩn sống nhờ). Con người nói chung đã chinh phục nhiều tác nhân gây bệnh với những thuốc như thuốc kháng sinh và vắc-xin. Chiến thắng của con người tương đối nhanh và có vẻ như hoàn toàn, như lời tuyên bố đầy tự tin của Bộ trưởng y tế Mĩ, William H. Stewart, vào năm 1969: "*Bây giờ chúng ta có thể nói rằng bệnh truyền nhiễm đã được khống chế hoàn toàn. Đã đến lúc chúng ta đóng sổ căn bệnh này.*" Thế nhưng kẻ thù, và với sức mạnh của chọn lọc tự nhiên, đã làm cho lời tuyên bố đó trở thành khôi hài! Thực tế phũ phàng là các tác nhân gây bệnh có khả năng thích nghi với bất cứ hóa chất nào mà con người dùng để tiêu diệt chúng. Một nhà khoa học nói một cách chua chát: "*Cuộc chiến đã kết thúc, nhưng kẻ thắng trận là kẻ thù của chúng ta.*"

Hiện tượng đề kháng thuốc kháng sinh là một minh chứng cổ điển cho sức mạnh của chọn lọc tự nhiên. Vi khuẩn có những gien giúp cho chúng sinh sôi nẩy nở, mặc cho sự hiện diện của thuốc kháng sinh chúng tái sản sinh rất nhanh, và do đó các gien có chức năng đề kháng thuốc kháng sinh có cơ hội bành trướng hoạt động khắp nơi. Tiến sĩ Joshua Lederberg (Rockefeller University, giải Nobel) từng làm nghiên cứu cho thấy kí sinh trùng có thể chuyển từ kí sinh chủ này sang kí sinh chủ khác, thậm chí còn phát sinh thêm một vài mảng DNA nhiễm trùng. Ngày nay, một số vi khuẩn gây bệnh lao ở New York có khả năng đề kháng chống lại tất cả ba nhóm điều trị bằng thuốc kháng sinh; thời gian sống sót của các bệnh nhân mang những vi khuẩn này không lâu hơn so với thời gian mà bệnh nhân TB sống sót vào một thế kỉ trước.

Nhiều người, kể cả giới thầy thuốc và khoa học gia, vẫn tin rằng tác nhân gây bệnh trở nên "hiền lành" hơn sau khi chúng sống chung với kí sinh chủ một thời gian dài. Thoạt đầu mới nghe qua thì thuyết này có vẻ có lí. Một sinh vật có khả năng giết chết kí chủ một cách nhanh chóng khó mà tìm một kí chủ mới để tồn tại; thành ra, chọn lọc tự nhiên có vẻ "tử tế" với những tác nhân gây bệnh ôn hòa. Chẳng hạn như bệnh giang mai, một bệnh cực kì độc hại khi lần đầu lan đến Âu châu, sau vài thế kỉ tồn tại, bệnh này trở nên "lành" hơn. Mức độ độc hại của tác nhân gây bệnh là một câu chuyện đời, có lúc thăng trầm, tùy thuộc vào lựa chọn nào có lợi cho gien của chúng.

Bởi vì các tác nhân gây bệnh (như vi khuẩn) truyền từ bệnh nhân này sang bệnh nhân khác, và nếu mức độ độc hại thấp thì chúng có thể đem lại lợi ích, bởi vì chúng "cho phép" kí chủ (bệnh nhân) mạnh khỏe để tiếp xúc với nhiều kí sinh vật khác, và do đó chúng sẽ có thời gian và cơ hội tồn tại lâu hơn. Nhưng đối với vài bệnh, như sốt rét chẳng hạn, vi khuẩn cũng có thể truyền từ bệnh nhân này sang bệnh nhân khác, nhưng chỉ trong những bệnh nhân suy kiệt, mất gần hết năng lực. Đối với các tác nhân gây bệnh như thế, chúng thường dựa vào những "sinh vật trung gian" (như muỗi chẳng hạn), và một mức độ độc hại cao có thể đem lại lợi ích trong một tình huống nào đó. Nguyên lí này có liên quan đến việc kiểm soát và khống chế bệnh truyền nhiễm trong các bệnh viện, nơi mà bàn tay nhân viên y tế có thể là những trung gian dẫn đến việc sản sinh ra những loại vi khuẩn nguy hiểm.

Với trường hợp bệnh dịch tả, nguồn nước công cộng đóng một vai trò của con muỗi. Khi nước uống và tắm rửa bị nhiễm do các chất thải và

phóng uế từ bệnh nhân bị liệt không đi đứng được, chọn lọc tự nhiên có xu hướng tăng cường độ độc hại, bởi vì càng nhiều trường hợp tiêu chảy càng nâng cao khả năng bành trướng của kí sinh vật ngay cả khi bệnh nhân bị chết nhanh chóng. Nhưng khi tình hình vệ sinh cải thiện, chọn lọc tự nhiên có xu hướng chống lại những vi khuẩn gây bệnh tiêu chảy (như phẩy khuẩn tả) để ưu tiên cho sự tồn tại của loài vi khuẩn yếu hơn như vi khuẩn *El Tor*. Trong điều kiện này, một khi kí chủ bị chết cũng có nghĩa là vi khuẩn chết theo. Nhưng một kí chủ bệnh nhẹ hơn và còn năng động hơn, thì vi khuẩn có cường độ độc hại thấp và có thêm cơ hội lây truyền sang nhiều kí sinh chủ khác và sống lâu hơn. Một ví dụ khác tương đối hiển nhiên hơn là một khi tình hình vệ sinh trở nên tốt sẽ làm cho vi khuẩn độc hại như trực khuẩn Ly dòng *flexerie* bị loại khỏi môi trường và thay vào đó là một vi khuẩn "hiền lành" hơn là trực khuẩn Ly dòng *sonnei*.

Nhận thức được những tình huống tế nhị như thế có thể giúp ích cho việc hoạch định chính sách y tế công cộng. Dựa vào lí thuyết tiến hóa chúng ta có thể tiên đoán rằng dùng kim chích sạch và khuyến khích an toàn sex có thể cứu sống nhiều nạn nhân nhiễm HIV nhiều hơn là dùng thuốc để tiêu diệt HIV. Nếu hành vi con người tự nó có thể ngăn ngừa (hay giảm thiểu tỉ lệ) truyền nhiễm HIV, thì những chi vi khuẩn không giết chết "chủ nhà" của chúng (tức bệnh nhân) có khả năng tồn tại lâu dài hơn những vi khuẩn độc hại thường hay chết theo với gia chủ của chúng. Thành ra, ý thức được điều này có thể làm thay đổi tình hình HIV hiện nay. Nếu nhìn nhận vấn đề dưới góc độ y học tiến hoá, thì điều này hoàn toàn logic và dễ hiểu. Virút HIV nó đã tồn tại qua chọn lọc tự nhiên, thích nghi được với ký chủ qua thích ứng tự nhiên. Chúng ta cũng phải bằng cái tự nhiên để mời "những vị khách không mời" này ra khỏi cơ thể chúng ta thì hẳn là hiệu quả và an toàn hơn nhiều khi chúng ta dùng một hoá chất nhân tạo để tác động vào vi rút; một phần có thể thuốc của chúng ta chính là một sự khuyến khích cho virút HIV đột biến nhanh hơn, sớm hơn để thích nghi với hoàn cảnh sống mới, mặt khác chúng ta hại mình bằng những hoá chất đó.

Xung đột với các vi sinh vật khác không chỉ giới hạn trong các tác nhân gây bệnh hay vi khuẩn. Trong quá khứ, con người thường phải đương đầu với dã thú, những "kẻ thù" không ngần ngại dùng con người làm bữa ăn cho chúng. Ngoại trừ vài nơi trên thế giới, những dã thú ăn thịt người ngày nay không còn là mối đe dọa cho sự sinh tồn của con người nữa. Ngày nay, chúng ta đang đương đầu với những sinh vật nhỏ hơn như nhện và rắn chẳng hạn. Một điều khá trớ trêu là chúng ta sợ hãi những sinh vật nhỏ bé vì những ám ảnh về nguy cơ tiếp xúc với chúng. Sự thật là có một sinh vật còn nguy hiểm hơn cả những dã thú hay những sinh vật có khả năng đầu độc: sinh vật đó chính là... con người. Con người gây chiến tranh, đánh phá chém giết nhau, không phải để ăn thịt mà để kết bạn, để tìm thêm thuộc địa và tài nguyên thiên nhiên. Những cuộc xung đột bạo động giữa con người thường xảy ra trong phái nam, nhất là thời còn trẻ tuổi, và qua những xung đột này con người tổ chức thành từng nhóm riêng lẻ để phục vụ cho mục đích gây hấn. Chính vì thế chúng ta thấy quân đội gồm đại đa số là thanh niên, và con người phải trả một cái giá đắt cho việc tổ chức thành nhóm này!

Ngay cả những mối quan hệ mật thiết giữa con người cũng có khi gây nên những xung đột có ý nghĩa y khoa. Chẳng hạn như lợi ích tái sản sinh của người mẹ và trẻ sơ sinh, thoạt đầu thì có vẻ theo chiều hướng "đôi bên cùng có lợi," nhưng nếu xem xét kĩ thì có thể ngược lại. Nhà sinh vật học Robert L. Trivers trong một bài viết năm 1974 từng đưa ra một nhận xét rằng khi đứa con của người mẹ lên vài ba tuổi, lợi ích di truyền của bà mẹ đòi hỏi hay khuyến khích bà mẹ nên có thai một lần nữa, trong khi đó lợi ích của đứa trẻ là được tiếp tục nuôi dưỡng. Ngay từ khi còn trong bụng mẹ, cuộc "tranh chấp" đã xảy ra. Đứng trên quan điểm ưu thế của bà mẹ, kích thước tối ưu của bào thai phải nhỏ hơn một chút so với kích thước mà bào thai và người cha mong muốn. Sự mâu thuẫn lợi ích này, theo David Haig (Harvard University) làm cho cuộc chạy đua giữa bào thai và bà mẹ trong việc điều chỉnh áp suất máu và lượng đường trong máu, thỉnh thoảng có thể làm cho bà mẹ bị cao huyết áp và tiểu đường trong khi mang thai.

Cân bằng lợi và hại

Hầu như mỗi cơ phận của cơ thể con người đều được "thiết kế" để phòng chống bệnh tật, nhưng với một cái giá. Chẳng hạn như tại sao cánh tay của chúng ta không mạnh hơn để phòng chống gãy xương? Xương tay có thể thiết kế dày

hơn để chống gãy xương khi chúng ta té, nhưng nếu xương tay được làm cho dày hơn, sự năng động và khéo léo của tay sẽ bị giảm và cổ tay sẽ không linh động được.

Tại sao sinh đẻ là một quá trình đau đớn? Tại sao quá trình sinh đẻ lại quá phức tạp? Câu trả lời "trực tiếp" mà sách giáo khoa giải thích là bởi vì đường kính của khung xương chậu của người mẹ chỉ bằng hay dài hơn một chút so với đường kính của đầu của thai nhi. Khung xương chậu lại là một loại xương bán khớp, có nghĩa là nó không hẳn là một xương liền mà không hẳn khớp; nó chỉ giãn nở ở phụ nữ trong giai đoạn cuối của thai kỳ và trong quá trình sinh nở. Xung quanh khớp, xương này là hàng ngàn đầu dây thần kinh cảm giác. Khi đó, đường ra của thai nhi hẹp, dẫn đến sự đau đớn cho người mẹ, và quá trình sinh đẻ có khi trở nên phức tạp khi bài toán khung chậu và kích thước đầu thai nhi không giải quyết được qua "cơ chế cơ học." Tuy nhiên, trong khi có thai, cơ thể người mẹ tiết ra kích thích tố relaxin giúp làm cho cổ tử cung giãn nở đôi chút, và qua đó làm giảm mức độ phức tạp của quá trình sinh đẻ.

Với những câu trả lời như thế sinh viên có vẻ hài lòng, mặc dù trong thực tế đó là những câu trả lời chưa đầy đủ, nếu không muốn nói là có tính "che đậy." Thật vậy, những sinh viên nào tò mò chắc chắn sẽ hỏi thêm "Tại sao đầu của thai nhi lại quá lớn so với khung xương chậu," hay "Tại sao cổ tử cung của người mẹ không rộng hơn"? Đây là những câu hỏi không thể trả lời bằng sinh lí học, mà phải được tiếp cận từ thuyết tiến hóa. Khoảng 2,5 triệu năm trước đây, một loài sinh vật tiến hóa và tách rời thành hai nhóm sinh vật, trong đó một nhóm tiến hóa thành con người hiện đại ngày nay. Khoảng 500 ngàn năm trước đây, tổ tiên của chúng ta đã có bộ óc và sọ lớn như bộ óc và sọ của chúng ta ngày nay. Tuy nhiên, giống cái đã tiến hóa với một xương chậu tròn trĩnh hơn trước đây để cho việc sinh nở dễ dàng hơn. Nhưng có một hạn chế trong quá trình tiến hóa và thích ứng với môi trường sống — đó là con người đi đứng bằng hai chân. Nếu khung xương chậu quá rộng, việc đi đứng (rất quan trọng trong thời săn bắt) sẽ trở nên khó khăn và thiếu hiệu quả. Thành ra, có thể nói kích thước của khung xương chậu là một kết quả của sự cân bằng (hay "thỏa hiệp") giữa lợi và hại của các đặc tính con người trong quá trình tiến hóa. Sự thoả hiệp này thể hiện ở điểm "không thể được cả hai," và người phụ nữ chỉ đau khi sinh nở thôi, còn để cái khung chậu có hẹp tí chút thì lại có lợi cho cả một quãng đời sống dài.

Tại sao chúng ta đi đứng bằng hai chân? Nhiều giải thích đã được đề ra: đi đứng bằng hai chân có lợi ích sử dụng dụng cụ, vũ khí và bồng bế con. Đi đứng bằng hai chân có nhiều lợi ích, nhưng chúng ta vẫn phải trả giá bởi vì xương sống được thiết kế tối ưu cho sinh vật đi bằng bốn chân, và khi đứng thẳng một lực ép lớn đè nặng trên các đĩa của đệm phần dưới xương cột sống làm đau đớn và có khi tàn phế. Thật vậy, đau lưng là một trong những chứng thường hay gặp nhất trong tất cả các bệnh tật. Có thể thời gian tiến hóa của con người chưa đầy đủ để hóa giải những tác hại này.

Một đặc tính khác nếu mới biết qua thì có vẻ như là một thích nghi không tốt: đó là chúng ta thiếu lông (so với các động vật khác như chó và mèo). Có thuyết cho rằng thiếu lông có một ích lợi là làm tăng khả năng ra mồ hôi. Cũng có giải thích khác cho rằng trong quá trình tiến hóa tổ tiên chúng ta tiêu ra khá nhiều thời gian sống trong môi trường sông nước. Dù cho cách giải thích thế nào đi nữa thì thiếu lông cũng có một vài bất lợi, nhất là đối với những người có da nhợt tái, như hay dễ bị cháy nắng và dễ bị ung thư da, thậm chí chết vì ung thư.

Có thể xem hội chứng rối loạn thần kinh (manic depressive) nằm trong khuôn khổ giữa lợi và hại. Chứng rối loạn thần kinh có nguồn gốc từ đột biến gien và ảnh hưởng đến khoảng 1% dân số. Hệ quả của chứng rối loạn thần kinh cực kì nguy hiểm: 20% người mắc chứng này tự tử và 20% thì có nguy cơ chết vì các bệnh khác. Chọn lọc tự nhiên có lẽ chống lại các gien gây nên chứng rối loạn thần kinh, cho nên nếu các gien này tồn tại thì chắc chúng cũng có một vài lợi ích. Lợi ích gì ? Qua nhiều thế kỉ người ta biết rằng những người mắc chứng rối loạn thần kinh thường là những người có óc sáng tạo rất cao. Do đó, có lẽ chính các gien gây nên chứng rối loạn thần kinh cũng có lợi ích của chúng về mặt sáng tạo.

Bệnh hồng cầu liềm (sickle cell disease) là một ví dụ khác về sự tương quan giữa lợi và hại của gien. Gien gây nên bệnh hồng cầu liềm cũng là gien có lợi ích chống lại bệnh sốt rét. Bệnh này do một gien có tên là hemoglobin (Hb) gây ra. Gien Hb có hai biến thể (alleles: S và A) làm

nên ba dạng (genotypes): *SS, SA* và *AA*. Biến thể S thường hay tìm thấy trong các sắc dân sinh sống ở các vùng nhiệt đới và Phi châu nơi bệnh sốt rét còn hoành hành, nhưng tại các sắc dân da trắng rất hiếm (dưới 1%) người mang biến thể S. Những người có dạng gien SS rất dễ bị mắc bệnh hồng cầu liềm, nhưng nguy cơ bị bệnh sốt rét thì hầu như không đáng kể!

Thích ứng với cái mới

Môi trường mà chúng ta đang sống rất khác với môi trường mà chúng ta từng được thiết kế để sống hàng trăm ngàn năm trước đây. Phần lớn những bệnh chúng ta hay gặp ngày nay chỉ phổ biến trong vòng 100 năm qua do thay đổi môi trường sống, một phần lớn khác phát sinh từ khi con người bắt đầu làm cuộc cách mạng nông nghiệp (khoảng 15 đến 20 ngàn năm trước đây tại Đông Nam Á). Trước thời cách mạng nông nghiệp, con người sống chủ yếu từng nhóm 10 — 50 người bằng nghề săn thú và hái trái cây hoa quả. Vào thời kì đó, muối còn rất hiếm và đường chỉ có từ trái cây chín hay mật ong, và béo phì có lẽ chưa tồn tại. Nhưng ngày nay chúng ta sống trong một môi trường hoàn toàn khác.

Chỉ cần dạo một vòng bệnh viện chúng ta có thể thấy rất nhiều bệnh hiểm nghèo do chính con người gây nên. Tai biến mạch máu não, chẳng hạn, là do chứng vữa xơ động mạch, một vấn đề trở nên rất phổ biến chỉ trong thế kỉ này nhưng rất hiếm trong thời con người còn sống trong cuộc sống săn bắt và hái lượm. Nhiều nghiên cứu dịch tễ học chỉ ra hàng tá yếu tố nguy cơ mà chúng ta có thể tránh để giảm nguy cơ bệnh tim, như hạn chế chất béo, ăn nhiều rau xanh, vận động thường xuyên. Nhưng ở phương Tây, trong khi hàng trăm hệ thống nhà hàng ăn liền khấm khá ra và bành trướng thêm, thì thực phẩm "diet" (tiết thực) lại mòn mỏi đợi trong siêu thị để chờ khách hàng đến chiếu cố, và các thiết bị tập thể dục trở thành những cái móc treo quần áo thời trang đắt tiền. Tỉ lệ người Mĩ quá cân hiện đang lên đến con số 30%, và đang gia tăng. Chúng ta biết cái gì tốt và cái gì xấu cho sức khỏe chúng ta, nhưng tại sao phần đông chúng ta lại tiếp tục đi theo con đường thiếu lành mạnh và có hại cho sức khỏe?

Nhân tố nào đã đi đến những quyết định thiếu sáng suốt như thế? Trả lời: bộ não. Mà bộ não thì được hình thành để đối ứng và thích nghi với một môi trường rất khác với môi trường chúng ta đang sống. Ở vùng hoang mạc Phi châu, nơi mà tổ tiên chúng ta được "thiết kế" và hun đúc, chất béo, muối và đường thường rất hiếm và quí. Thời đó, những ai có cơ hội tiêu thụ nhiều chất béo có lợi thế sống sót rất đáng kể. Nói cách khác, những người này có cơ may thoát khỏi những đợt đói khát từng tiêu diệt hầu hết những người đồng tộc ốm yếu hơn. Và chúng ta, hậu duệ của họ, vẫn mang trong người những thói quen ham mê chất béo cho đến ngày nay, nhưng ngày nay chất béo không phải là cái gì quá hiếm hoi nữa. Những "đam mê tiền sử" này — được thôi thúc bằng những quảng cáo hấp dẫn của các công ti thực phẩm khổng lồ, những công ti cũng tìm cách sống sót vào nỗ lực bán những gì chúng ta muốn tiêu thụ — dễ dàng đánh bại tri thức và ý chí của chúng ta. Thật là trớ trêu khi con người phải lao động hàng chục thế kỉ để tạo ra những môi trường sống với sữa và mật thừa thãi, để rồi phải chứng kiến sự thành công của chúng ta gây nên những bệnh tật hiểm nghèo và dẫn đến cái chết.

Càng ngày chúng ta càng lệ thuộc vào nhiều hóa chất, nhất là rượu và thuốc lá. Những hóa chất gây ra rất nhiều bệnh tật, làm tốn kém đến ngân sách gia đình và nhà nước, cũng như nạn tử vong non. Mặc dù con người trong quá khứ vẫn sử dụng các hóa chất trợ thần kinh (psycho-active substances), nhưng tác hại chỉ trở nên hiển nhiên khi chúng ta tiếp xúc với một môi trường mới: đó là sự có mặt của các loại thuốc mới có thể tiêm trực tiếp vào cơ thể. Phần lớn những hóa chất này, kể cả nicotine, côcain và thuốc phiện, là những sản phẩm của quá trình chọn

lọc tự nhiên đã được tiến hóa để phòng chống cây cỏ và côn trùng. Bởi vì con người có chung một di sản tiến hóa cùng côn trùng, cho nên phần lớn những hóa chất này ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh.

Trong vài thập niên gần đây bệnh ung thư vú đang trên đà gia tăng. Ngoài vài trường hợp do các yếu tố di truyền gây ra, xu hướng này có thể là hệ quả của sự thay đổi môi trường và cách sống của chúng ta. Tiến sĩ Boyd Eaton và đồng nghiệp tại Đại học Emory cho biết tỉ lệ ung thư vú trong các xã hội được xem là "lạc hậu" chỉ bằng một phần nhỏ so với tỉ lệ ở các nước "văn minh" như Mĩ và Âu châu. Họ giả thuyết rằng thời gian giữa tuổi có kinh và tuổi có thai lần đầu là một yếu tố nguy cơ số một. Ngoài ra, yếu tố nguy cơ khác là thời gian từ lúc tuổi có kinh đến tuổi mãn kinh. Trong thời con người còn sống bằng săn hái, tuổi có kinh là khoảng 15 hay thậm chí muộn hơn nữa, và sau đó vài năm là có thể mang thai và sau hai hay ba năm nuôi con, lại có thai lần nữa. Thời gian giữa lúc nuôi con và mang thai lần nữa là thời gian nồng độ kích thích tố cao nhất và có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến nguy cơ bị ung thư vú.

Trong các xã hội hiện đại, ngược lại, tuổi có kinh lần đầu là 12 hay 13, có lẽ một phần là do lượng chất béo đầy đủ cho phép người phụ nữ có khả năng nuôi dưỡng một bào thai — và lần có thai đầu tiên có lẽ vài thập niên sau đó hay không bao giờ. Một người phụ nữ thời săn hái có lẽ có 150 lần kinh nguyệt trong đời, trong khi đó một người phụ nữ trung bình trong xã hội hiện đại có 400 lần kinh nguyệt hay thậm chí cao hơn.

Như đã lưu ý trên, mắt của động vật có xương sống được "bố trí" ngược. Mắt của con mực, ngược lại, không có cấu trúc ngược đời này, với mạch máu và dây thần kinh bố trí ở phía ngoài, xuyên qua những nơi cần thiết và ghim xuống cái võng mạc để không dễ dàng bị tháo gỡ. Cấu trúc sai lầm của mắt con người là do một nhầm lẫn may rủi; mấy trăm triệu năm về trước, lớp tế bào nhạy cảm trước ánh sáng trong tổ tiên chúng ta được đặt ở vị trí khác với tổ tiên của mực. Hai thiết kế tiến hóa theo hai chiều hướng khác nhau, và cho đến nay không có con đường trở lại!

Tiến hóa và y học tiến hóa

Y khoa là một ngành nghề thực tế hơn là lí thuyết. Để điều trị bệnh nhân người bác sĩ muốn biết tại sao bệnh nhân mắc bệnh và phải làm gì để bệnh nhân hết bệnh. Đứng trước bệnh nhân, người bác sĩ thực hành không cần đặt câu hỏi tại sao một cộng đồng mắc bệnh như bệnh nhân này. Bệnh nhân đến phòng mạch bác sĩ với một móng chân sưng vì có quá nhiều acid uric, và bác sĩ cần phải lập tức giúp đỡ bệnh nhân. Còn việc nồng độ acid uric cao lại có thể bảo vệ chúng ta chống lại lão hóa thì chẳng ăn nhập gì đến chuyện gây ra cái móng chân đau trong trường hợp này cũng như không nằm trong phương trình của điều trị bệnh nhân.

Thế nhưng y học tiến hóa có thể giúp cho bác sĩ trong nhiều vấn đề thực tế. Chẳng hạn như nhận thức được rằng tiêu chảy, cảm cúm, đau đớn, ói mửa, và lo lắng là những cơ chế phòng vệ có ích cho con người giúp cho bác sĩ điều trị những bệnh này một cách tinh vi hơn. Một mặt, nhận thức này buộc bác sĩ phải suy nghĩ cẩn thận trước khi quyết định có nên dùng thuốc để làm tê liệt những cơ chế phòng vệ hay không.

Đối với y tế công cộng, tiếp cận bệnh tật qua quan điểm của thuyết tiến hóa có ý nghĩa quan trọng, bởi vì nó giúp cho những người hoạch định chính sách suy nghĩ về thay đổi môi trường sinh sống của một dân số. Chẳng hạn như nhận thức rằng những sinh vật có khả năng lây truyền bệnh giữa các kí chủ (bệnh nhân) bại liệt là những sinh vật nguy hiểm có thể giúp ích cho việc phát triển chính sách y tế công cộng. Sử dụng condom không những chỉ phòng ngừa lây truyền các bệnh liên quan đến tình dục, mà còn làm giảm cường độ độc hại của tác nhân gây bệnh. Một bệnh lây truyền qua tình dục làm cho con người chết sớm hay tê liệt sớm thường có xu hướng tăng cường độ độc hại nếu bệnh nhân có nhiều quan hệ tình dục với nhiều người khác nhau; nhưng nếu bệnh nhân sử dụng các phương tiện bảo vệ hay tránh "phiêu lưu" với tình dục thì, theo thuyết tiến hóa, cường độ độc hại của tác nhân gây bệnh có thể giảm. Những nguyên lí này rất có ích cho việc phát triển vắc-xin để phòng chống bệnh tật.

Đối với nghiên cứu y khoa và giáo dục y khoa, y học tiến hóa đặt ra rất nhiều chủ đề nghiên cứu thú vị. Hiện nay, mở bất cứ sách giáo khoa y học nào chúng ta đều thấy những lí giải về bệnh tật dưới những tiêu đề như dấu hiệu và triệu chứng, các phát hiện từ nghiên cứu y học, các chẩn đoán khả dĩ, quá trình phát triển của bệnh, biến chứng, dịch tễ học, nguyên nhân, sinh lí học,

điều trị, và hệ quả. Nhưng chưa có sách giáo khoa nào có tiêu đề dành cho các lí giải về bệnh tật dưới ánh sáng của y học tiến hóa. Nhiều nhà nghiên cứu y học cho rằng đó là một thiếu sót. Một lí giải bệnh tật đầy đủ phải trả lời những câu hỏi sau đây:

* Khía cạnh nào của hội chứng của căn bệnh là trực tiếp xuất phát từ bệnh, và khía cạnh nào xuất phát từ các cơ chế phòng vệ của cơ thể?

* Nếu căn bệnh là do một phần di truyền thì tại sao các gien gây bệnh tồn tại?

* Có phải các yếu tố liên quan đến môi trường sống cũng góp phần gây nên căn bệnh?

* Nếu căn bệnh liên quan đến nhiễm trùng thì khía cạnh nào của căn bệnh là có lợi cho kí chủ (bệnh nhân) và khía cạnh nào có lợi cho kí sinh trùng? Các tác nhân gây bệnh sử dụng "chiến lược" nào để làm tê liệt hệ thống phòng vệ của cơ thể?

* Những di sản tiến hóa nào hay những dàn xếp giữa lợi và hại nào làm cho chúng ta mắc bệnh?

Những câu hỏi đơn giản như thế có thể giúp cho chúng ta một số định hướng để nghiên cứu y học trong tương lai. Ngay cả đối với cảm lạnh cũng đặt ra một số đề tài thú vị: sử dụng aspirin sẽ đem lại hiệu quả hay tác hại gì? Hệ quả của việc sử dụng thuốc hít vào mũi (inhalers) hay các thuốc chống nghẹt mũi ra sao? Một thách thức cho y học tiến hóa là đánh giá hiệu quả của các chất chống oxy hóa (anti-oxidants) như vitamin C, vitamin E và beta-carotene. Y học cổ truyền từ lâu cho rằng những chất này có hiệu quả chống lại bệnh tim mạch, ung thư, và thậm chí làm giảm lão hóa. Đến nay đã có nhiều kết quả từ các nghiên cứu lâm sàng nhất quán với quan điểm cổ truyền trên, nhưng một nghiên cứu qui mô khác vào năm 1994 lại cho thấy các chất trên có thể làm tăng nguy cơ ung thư ở vài người! Nhưng đứng trên nguyên lí của y học tiến hóa, chúng ta có thể lí giải rằng chọn lọc tự nhiên có thể làm cho nồng độ hóa chất chống oxy hóa trong cơ thể nâng cao ngay cả chúng có thể gây ra một số bệnh. Nồng độ axít uric thường cao hơn ở các sinh vật sống lâu và ở những người với bệnh gout. Rất có thể chọn lọc tự nhiên làm tăng nồng độ axít uric hay các hóa chất khác kể cả bilirubin, bởi vì đây là những hóa chất chống oxy hóa có thể làm chậm quá trình lão hóa ở những sinh vật sống lâu. Đây là những đề tài đơn giản mà chúng ta có thể khai thác trong tương lai.

Như chúng ta đã thấy qua vài trường hợp trình bày trên đây, chọn lọc tự nhiên hay tiến hóa không phải nhằm mục đích tối ưu hóa sức khỏe của sinh vật, mà chỉ quan tâm đến sự tái sản sinh của gien. Những gì đem lại lợi ích cho gien không có nghĩa là sẽ đem lại lợi ích cho sinh vật, cho chúng ta. Thành ra, một gien có thể làm cho chúng ta có khả năng tái sản sinh tốt, và gien đó sẽ trở nên phổ biến hơn trong các thế hệ mai sau, nhưng cũng chính gien đó có thể gây tác hại khác đến sức khỏe của chúng ta!

Trong phần cuối của cuốn sách nổi tiếng "Origin of Species" (Nguồn gốc của các chủng loại), Charles Darwin tiên đoán rằng công trình của ông sẽ dẫn đến nhiều nghiên cứu quan trọng trong một tương lai gần. Sau gần 200 năm, tiên đoán của Darwin đang dần dần trở thành sự thật. Mặc dù dưới ánh sáng của lí thuyết Darwin, sinh học tiến hóa nay chỉ mới đang trong giai đoạn phôi thai, và mới được công nhận là một bộ môn khoa học cơ bản của y khoa. Hiện nay, y học tiến hóa chỉ tồn tại ở mức độ lí thuyết, nhưng những giải thích sâu sắc của y học tiến hóa có thể dẫn đến một cuộc cách mạng trong y học hiện đại. Nếu không hiểu thấu đáo được sự năng động của quá trình tiến hóa, chúng ta sẽ không thể nào hiểu đúng nguồn gốc của bệnh tật.

Ghi chú:

1. Phần lớn bài viết này là tóm tắt quyển sách "Why we get sick: The new science of Darwinian medicine" *của Randolph M. Nesse và George C. Williams, Nhà xuất bản Vintage Books , New York, 1994. Có thể nói Nesse và Williams là hai nhà khoa học khởi xướng thuyết y học tiến hóa hay y học Darwin. Randolph M. Nesse là một bác sĩ tâm thần và giữ chức giáo sư y khoa, Đại học Michigan. George C. Williams là giáo sư sinh thái học và tiến hóa (ecology and evolution) thuộc đại học Stony Brook (State University of Stony Brook).*

2. Ngoài cuốn sách trên, một số dữ kiện được trích ra từ các tài liệu sau đây: Harris EE, Malyango AA. Evolutionary explanations in medical health profession courses: are you answering your students "why" questions? BMC Medical Education *2005, 5:16 doi:10.1186/1472-6920-5-16; Wick G, et al. A Darwinian-evolutionary concept of age-related diseases. Experimental Gerontology 2003; 38:13-25; Nesse RM, Williams GC. On Darwinian medicine.* Life Science Research *(published in China) 1999; 3:1-17, and 1999; 2:79-91.*

3. Tác giả cám ơn Bác sĩ Nguyễn Đình Nguyên đã đọc qua bản thảo, biên tập và góp ý vài phần trong bài viết.

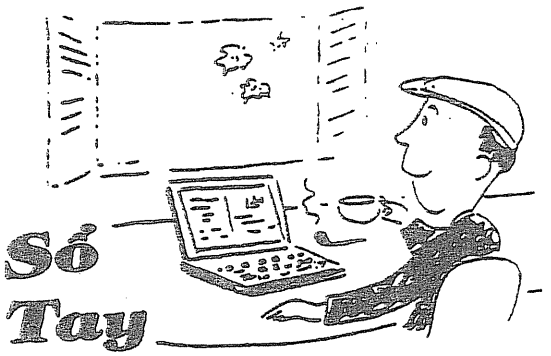

NGÔ NHÂN DỤNG

NGHỆ THUẬT SỐNG CHUNG TRONG CÙNG MỘT THÀNH PHỐ

Câu chuyện cô Đặng Thị Minh Hương ra tòa đã kết thúc tốt đẹp - mặc dù ông biện lý tỏ vẻ ngạc nhiên trước quyết định của bồi thẩm đoàn. Hồi tháng Năm năm 2005, cô đi biểu tình chống kỳ thị chủng tộc; nhân lúc có một nhóm khác tổ chức biểu tình chống di dân lậu (đại đa số là người Mễ tây Cơ vào nước Mỹ bất hợp pháp). Một cảnh sát viên thành phố Garden Grove, trong khu Tiểu Sài Gòn, California, bị mất chiếc đèn pin trong lúc can thiệp ngăn cản cuộc đụng chạm giữa hai nhóm biểu tình này. Cô Minh Hương bị truy tố về hai tội danh, "ăn cắp" và "lấy đồ vật thất lạc," khi cảnh sát nói thấy cô lấy chiếc đèn.

Phải ở một nước dân chủ thì mới có nhiều đám dân đi biểu tình cùng một lúc, hoan hô và đả đảo lẫn nhau. Cô Minh Hương may mắn lớn lên ở một nước tự do, được quyền thi hành quyền phát biểu ý kiến một cách hòa bình như vậy. Bị đưa ra tòa oan là một thứ "tai nạn" bất ngờ!

Cảnh sát đã đưa chứng cớ một cuốn phim, trong đó có hình cô Minh Hương thò tay nhặt chiếc đèn pin lên, trong mấy phút. Sau đó, cuốn phim lại thu hình cô trong đám biểu tình, nhưng tay không cầm đèn. Đây là một kinh nghiệm đáng ghi nhớ: Lượm một món đồ rớt dưới đất lên, dù mấy phút thôi, là có thể bị nghi ngờ phạm tội lấy trộm! Nếu không phải là tội cố ý ăn cắp đồ của người khác thì cũng là có ý gian, lượm đồ người ta đánh mất đem về dùng. Nhưng không có người nào làm chứng đã trông thấy cô Hương dùng cái đèn đó bao giờ, mà cảnh sát đã tới khám nhà cô cũng không tìm ra chiếc đèn pin nổi tiếng ấy. Vậy làm sao tố cáo cô một trong hai cái tội ăn cắp kia được?

Ông biện lý tỏ ý ngạc nhiên tại sao bồi thẩm đoàn lại tuyên bố cô Minh Hương vô tội. Đáng lẽ ông nên ngạc nhiên tại sao ông lại đưa cô ấy ra tòa mới phải. Chỉ có thể đoán rằng theo ý kiến của người thay mặt nhà nước bảo vệ pháp luật giúp chúng ta, thì khi ai cầm một vật gì không phải của mình, dù chỉ lượm lên cầm trong tay mấy phút, đều đáng nghi là có ý lấy trộm cả. Lần sau, có ai thấy cái đèn pin nào rớt dưới đất, trước khi lượm lên nhớ hỏi nó một câu: Cậu có phải đèn pin của cảnh sát Garden Grove hay không? Nếu nó gật đầu thì đừng có lượm lên, dù tính lượm lên để đem trả lại cho các ông, bà cảnh sát. Hãy kính cẩn chào cây đèn rồi lảng xa!

May mắn là 12 công dân trong bồi thẩm đoàn không có quan niệm về luật pháp khắt khe như cảnh sát, họ đồng ý là không thể buộc tội cô Đặng Thị Minh Hương. Cô Minh Hương may mắn thật. Vì được trao cho một bồi thẩm đoàn xét xử. Cái tục lệ xét xử với bồi thẩm đoàn này không phải là phương pháp thi hành công lý toàn hảo, tuyệt đối. Nhiều khi bồi thẩm đoàn cũng lầm. Nhưng lối xét xử đó giúp cho những người thường dân được đem ra cho những thường dân khác xử, chứ không phải là chuyện gì cũng để cho nhân viên nhà nước xét. Ở nước Anh ngày xưa sinh ra lối xét xử này là vì các nhà quý tộc không chịu để cho ông vua độc quyền xử án. Họ đòi muốn buộc tội ai thì ông vua có quyền truy tố, nhưng phải để cho những người đồng đẳng với bị cáo họp nhau phán xử. Nhà vua phải chịu, vì thế lực của các nhà quý tộc lên mạnh. Nếu trong một nước mà không ai dám đối đầu với nhà vua, thì không có lối xử án như vậy.

Có một người ở Việt Nam hồi xưa cũng có một cử chỉ vô tình như cô Minh Hương, đó là ông Hà Sĩ Phu. Ông ấy thấy có xấp giấy in lá thư của ông Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính phủ, gửi cho các ông trong Bộ Chính trị, tức là những người quyền lực nhất nước. Lá thư đó đã phát tán ra cả nước, đến ở nước ngoài cũng được đọc, trong đó ông Võ Văn Kiệt chỉ trích các chính sách sai lầm của đảng Cộng Sản, mà chính ông Kiệt là một người lãnh đạo. Ông Hà Sĩ Phu nhét lá thư đó vào trong cặp, đạp xe đi ngoài đường phố Hà Nội. Thế rồi có người cố ý đụng vào xe ông, cảnh sát tới, khám xét cặp của ông, lôi lá thư ra. Ông Hà Sĩ Phu bị buộc mấy thứ tội. Nào là tàng trữ những bí mật quốc gia; nào tội làm gián điệp cho nước ngoài, không biết là nước nào; nào là tội xâm phạm an ninh, âm mưu lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa, chưa kể cái tội chân thì đạp xe mà cái đầu vẫn suy tư không nghỉ.

Vậy thì cô Đặng Thị Minh Hương may mắn hơn ông Hà Sĩ Phu. Không phải vì cô được trắng tội còn ông Hà Sĩ Phu bị quản thúc hàng chục năm nay; nhưng vì cô được sống trong một nước tự do, ở đây người ta tôn trọng quyền của mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật. Có thể vì năm nay cô gặp hạn, bị đem ra tòa, nên cô đã quyết định đi học luật. Mai mốt cô làm luật sư để bảo vệ công lý giúp những người khác. Nếu không hài lòng với hệ thống luật pháp đang có ở xứ này, cô có thể sẽ ứng cử làm đại biểu quốc hội, tiểu bang hoặc liên bang, ngồi vào địa vị những người thay đổi luật pháp, cho công bằng hơn, đầy đủ hơn, hoặc nhân đạo hơn. Như vậy là trong cái rủi có cái may. Nếu sau này cô thành công trong nghề luật sư hoặc trở nên một nhà chính trị hữu ích cho xã hội, thì cô hãy nhớ vì đâu cô được như vậy. Tóm lại, cũng chỉ vì một cái đèn pin.

Không biết câu chuyện cái đèn pin đến đây đã kết thúc chưa. Nhưng cứ chấm dứt được chương nào hay chương đó. Một kết cục rất có hậu, giống như là trong chuyện Tàu có cảnh trạng nguyên đã hồi trào, công chúa được giải nỗi hàm oan, quân Hồ quân Hán từ nay ai ở đất người đó không đánh nhau nữa, đất nước thanh bình suốt ba trăm năm, đến gà vịt cũng hết bịnh cúm gia cầm luôn.

Nhưng đó là kết thúc kiểu chuyện Tàu. Còn ở Mỹ thì không biết còn những chuyện gì sẽ xẩy ra. Liệu biện lý cuộc có kháng cáo hay không? Liệu cô Minh Hương có kiện ngược lại, đòi bồi thường hay không? Vì ở Mỹ mọi người sống với nhau và đối xử với nhau bằng pháp luật, chứ không cố giữ tình hòa hiếu. Sống bằng luật pháp là tốt. Thói quen đó bảo vệ công lý, bảo vệ những quyền tự do, dân chủ. Nó chỉ có một cái xấu, là nếu ai nấy cứ ăn ở với nhau bằng pháp luật không thôi, hơi tí lại đưa nhau ra tòa, thì đời sống sẽ rất căng thẳng, sẽ mệt lắm.

Hãy coi quý vị cảnh sát ở Garden Grove. Không hiểu tại sao họ quý cái đèn pin như thế? Nhưng chắc không phải vì cái đèn pin; họ đưa cô Minh Hương ra tòa vì một nguyên tắc cao thượng, là ai có tội thì phải bị trừng phạt. Và họ "tin" hoặc "nghi" cô Minh Hương phạm tội.

Khi nói "nghi" tức là nói đến xác suất. Nếu thấy xác suất một người phạm tội lớn bao nhiêu phần trăm thì chúng ta nên truy tố họ ra tòa? Một biện lý giỏi thường chờ đến khi xác suất lên 100 phần trăm mới đem truy tố. Nếu thấy xác suất thấp hơn 99 phần trăm thì thôi. Nhưng cũng có khi một thám tử giỏi biết người có tội mà không đưa cho biện lý truy tố, vì thấy làm như vậy chẳng ích lợi gì cả. Không biết nếu tòa xử cô Minh Hương có tội (cô sẽ kháng án là cái chắc) thì cảnh sát ở Garden Grove được lợi gì không? Người dân đóng thuế ở Garden Grove được lợi gì không? Công Lý (viết hoa) có sáng rực rỡ hơn không? Trong một câu chuyện về Sherlock Holmes, nhà thám tử khám phá ra một viên quản lý khách sạn đã ăn trộm viên ngọc xanh của khách, rồi để cho một nhân viên dọn phòng bị bắt oan. Nhưng sau khi người quản lý tự thú, biết rằng thế nào anh lao động cũng được tha bổng, Holmes quyết định không tố cáo người quản lý với cảnh sát. Từ nay chắc ông ta sẽ không dám làm bậy nữa, nhưng nếu vào tù có thể mai mốt ông ta sẽ thành một kẻ phạm tội khác. Câu chuyện này được Sir Arthur Conan Doyle viết từ cuối thế kỷ 19 ở nước Anh, xưa lắm rồi.

Đó là một quan niệm sống khác hẳn thời nay ở Mỹ. Vì xã hội bây giờ sống duy lý chứ không vị tình. Duy lý quá đến mức máy móc, cho nên hễ có chuyện gì là đem lý lẽ, đem luật pháp ra xử với nhau. Nhiều khi vợ chồng cũng đối xử với nhau như vậy. Lúc nào cũng nhìn coi đối phương đang phạm lầm lỗi gì không, để tố cáo; và tự nhìn coi mình có phạm lỗi nào không để tự bào chữa! Nhiều người sắn tiền, chưa cưới đã tính trước chuyện thuê luật sư bàn thảo nếu mai mốt ly dị thì chia của cải, chia con cái như thế nào. Các cụ nhà ta ở phương Đông có lời khuyên rằng: Bất sử nhân tận lý! Nghĩa là đừng dùng hết lý lẽ với nhau. Đừng lý luận, vặn vẹo, bắt bẻ đến nỗi người ở bên cạnh mình, người hàng xóm hay người sống cùng trên trái đất với mình phải "cứng họng" cãi không được nữa!

Tại sao lại khuyên như vậy? Vì nếu trong xã hội mọi người đối xử với nhau một cách ôn hòa thì cuộc sống chung sẽ dễ chịu hơn nhiều! Chúng ta nên sống như vậy, nên tập sống, dần dần, cho nó dễ chịu hơn.

Mọi người sống chung trong một khu phố, cuối cùng, thế nào cũng phải sống gần cạnh nhau. Lái xe ra đầu ngõ là có dịp trông thấy nhau chạy qua, đi chợ cũng có lúc gặp nhau đứng trả tiền. Trong một thị xã, một quốc gia, cũng vậy. Thế nào cũng phải sống với nhau. Làm cách nào để cuộc sống chung thoải mái, dễ chịu nhất? Có thể chọn một trong hai cách đối xử với hàng xóm

láng giềng. Một cách là hễ nhìn thấy nhau là đề phòng ngay, coi chừng người kia có thể lầm lỡ, xúc phạm gì tới mình hay không; để kịp thời đối phó và trả đũa. Hay là, khi trông thấy nhau thì vui vẻ mừng rỡ, coi ai cần điều gì mà mình giúp được thì giúp ngay.

Tất nhiên, hai thái độ kể trên là hai cực đoan, ít khi thấy trong đời sống thật. Nhưng có thể kể ra làm hai mẫu tiêu biểu (ideal types), từ đó chúng ta dễ lựa chọn lối sống chung. Chắc nhiều người đồng ý, là khi sống chung thì ta nên sống với nhau giống như lối thứ nhì. Nên tránh xa, đừng sống theo lối thứ nhất, càng xa càng tốt.

Một câu hỏi đặt ra ngay là: Liệu chúng ta có thể lựa chọn được hay không? Trả lời "có" hoặc "không" đều rất khó. Vì nó bắt chúng ta phải đặt thêm nhiều câu hỏi rất xa, tới những câu hỏi như Tính Thiện hoặc Tính Ác. Nếu nghĩ rằng bản tính con người là thiện, thì chúng ta tin là có thể lựa chọn được, và sẽ lựa lối sống chung thứ hai cho nó dễ chịu. Còn những người lo rằng bản tính con người là ác thì sẽ bầy ra đủ thứ luật lệ để kiềm hãm cái ác, cuối cùng có thể khiến cho cái thiện bị ngạt thở, không xuất hiện được nữa!

Thế quý vị tin là bản tính chúng ta thiện hay ác? Thử hỏi các vị cảnh sát ở thành phố Garden Grove coi xem quý vị đó nghĩ thế nào. Cô Minh Hương, cô nghĩ thế nào?

Riêng tôi thì khi trong đầu còn nghi ngờ không biết chắc nên trả lời như thế nào, tôi xin đánh cá. Tôi cá là trong mỗi con người có rất nhiều mầm mống thiện chỉ chờ cơ hội nẩy mầm. Ta có thể giúp nhau cho mầm thiện trồi lên. Hãy đối xử với mọi người với giả thiết như thế, tạo cơ hội cho tất cả có dịp biểu lộ tính thiện ra. Không cần phải hơi tí là cãi cọ, đem nhau ra tòa. Ích lợi đâu chưa thấy, chỉ thấy mất thời giờ, tốn tiền, mà lại làm hư cả bầu không khí sống chung của tất cả mọi người, cả những người vô can, bầu không khí đã bị nhiễm độc. Bây giờ chúng ta cùng nhau tẩy cái độc đó đi.

NẶNG NỢ

Đầu tháng trước, một số trái phiếu lớn do Việt Nam phát hành bán được trên thị trường New York. Lần đầu tiên đi vay trong thị trường quốc tế mà số tiền thiên hạ tỏ ý sẵn sàng cho vay cao gấp sáu lần số tiền muốn vay. Đây là một tin mừng. Nhưng tin mừng cho ai? Vay rồi, mai mốt ai phải lo trả nợ? Tại sao lo? Chúng ta sẽ thử tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó.

Những người mừng nhất là quý vị quản đốc những doanh nghiệp nhà nước sắp nhận được tiền, và những công ty quốc doanh đang tính nhờ chính phủ đi vay tiền cho họ. Có tiền xài, ai chẳng mừng? Số tiền vay lúc đầu định chỉ có 500 triệu US$, đô la Mỹ. Sau nhà nước thấy vay dễ dàng quá, số người có tiền ghi tên muốn cho vay tăng quá mức dự trù, số vốn người ta sẵn sàng cho vay lên tới 4 tỷ rưỡi Mỹ kim. Nhà nước bèn nâng lên, vay luôn 750 triệu US$. Đằng nào cũng là tiền... thiên hạ, vay được tại sao không vay thêm? Đối với thị trường tài chánh ở New York thì 750 triệu Mỹ kim là món tiền nhỏ chẳng được ai chú ý tới, nhưng đối với nhà nước Việt Nam thì đây là một thành công rực rỡ.

Các vị giám đốc doanh nghiệp nhà nước như Vinashin sẽ mừng nhất vì họ sắp được trao cho gần 500 triệu, sau đó là những công ty quốc doanh về dầu khí và điện lực. Điều sướng nhất là họ không phải đích thân đi vay. Vì nếu đem cái tên của họ thì chắc không ai dám tin mà đưa tiền cho mượn? Đứng tên trên giấy nợ lần này là chính phủ Việt Nam. Tức là nếu công ty dùng số tiền vay đó không sinh ra lời để trả được lãi và vốn, thì chính phủ Hà Nội, thay mặt cả nước Việt Nam, 82 triệu đồng bào, phải lo trả nợ. Đó là những người phải lo lắng. Lo, vì không biết những ông những bà quốc doanh sẽ làm ăn như thế nào, liệu mai mốt họ có tiền trả nợ người ta hay không.

Đây là một hiện tượng lạ ít thấy trên thị trường thế giới. Thường thường, một chính phủ đi vay nợ là để lấy tiền xây dựng hạ tầng cơ sở, như đường sá, phi trường, bến cảng, đập nước, vân vân. Đó là những cuộc đầu tư chung cho quốc gia, dân chúng nói chung đều được hưởng, rồi sau sẽ lấy tiền thuế của dân ra trả nợ. Ở đây, chính phủ Hà Nội đứng ra vay, nhưng đem tiền về cho những doanh nghiệp nhà nước sử dụng, mà không biết bao giờ thì thu được thuế của những xí nghiệp đó. Trong vòng 10 năm liên tiếp phải trả lãi, rồi trả vốn, bà con chúng ta cứ việc chịu hết. Trong 10 năm tới toàn dân nên tới đền Bà Chúa Kho hàng ngày cầu nguyện cho những ông bà quốc doanh ăn nên làm ra. Còn dư chút tiền, mai mốt các ông sẽ trả nợ, vì yêu nước, giúp đỡ đồng bào ruột thịt.

Nhưng tại sao nhiều nhà đầu tư quốc tế sẵn sàng bỏ tiền cho vay như vậy? Bởi vì họ biết có quý vị độc giả của bổn báo bảo đảm lãnh nợ cho ông Nguyễn Sinh Hùng, bộ trưởng Bộ

Tài Chánh Việt Nam. Đồng bào ta ở Mỹ, ở Úc, Pháp, Đức, Ba Lan, Tiệp, Nga, vân vân, mỗi năm gửi về nước ba bốn tỷ đô la Mỹ, ông Hùng thiếu gì tiền! Người ta cho vay dễ dàng vì chính phủ Việt Nam đứng tên vay nợ chứ đâu phải mấy quan quốc doanh vay nợ? Người cho vay đâu cần biết những quan đó tên họ là gì! Hiện trong kho dự trữ ngoại tệ của Việt Nam có 3 tỷ Mỹ kim, gửi ở những ngân hàng Mỹ, Canada, Đức, Thụy Sĩ, vân vân, nếu cần thì những chủ nợ đưa đơn kiện ngay ở mấy xứ đó, đòi tiền lại có khó gì?

Đã yên tâm không mất tiền rồi, lại thấy lãi suất 7.125 phần trăm một năm, tội gì họ không mua ngay trái phiếu Việt Nam? Tuy lãi suất trên giấy (coupon) là 7 1/8 phần trăm trên mệnh giá, tức là mua mỗi trái phiếu 1,000 Mỹ kim sẽ được trả mỗi năm 71.25 đô la Mỹ, nhưng theo báo chí trong nước, những nhà đầu tư không trả đủ 1,000 đồng mà trả thấp hơn. Như vậy thì lãi suất thật chắc cao tới gần 8 phần trăm, xấp xỉ gấp đôi lãi suất khi cho chính phủ Mỹ vay. Lãi cao như vậy, nhưng có sợ rủi ro không? Món nợ này do một chính phủ đứng lãnh, chính phủ đó lại đang muốn gây uy tín trên thị trường tài chánh quốc tế, chắc chắn không bao giờ họ dám chậm trễ trong việc trả nợ. An tâm như vậy, tội gì không cho vay lấy lời cao?

Nếu đồng bào ta cứ tiếp tục làm cật lực để đóng thuế cho nhà nước cộng sản, và bà con ở nước ngoài cứ hồ hởi gửi tiền về, thì chắc món nợ 750 triệu Mỹ kim này sẽ được hoàn trả đàng hoàng, không cần biết những doanh nghiệp nhà nước làm ăn ra sao nữa. Mức tín nhiệm trên thị trường phải tăng lên, nhà nước Việt Nam lại tha hồ đi vay nợ. Đảng sẽ kêu gọi bà con ta, nhất là anh em công nhân đóng tàu ở xưởng Ba Son hay ở Hải Phòng đang phục vụ công ty Vinashin, hãy làm việc bằng hai, bằng ba, để đảng và nhà nước tiếp tục đi vay nợ!

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÁNH NON NỚT

Tình trạng nhà nước đi vay nợ về cho những xí nghiệp kinh doanh là một hiện tượng lạ, hiếm có. Một xí nghiệp muốn có vốn làm ăn thì phải gây vốn. Trước hết là phải có người bỏ vốn vào, lời ăn lỗ chịu, gọi là vốn nhà. Nếu có dự án kinh doanh nhiều triển vọng thì đem ra cho thiên hạ coi, nhiều người sẽ mua cổ phần để góp vốn. Gây vốn kiểu đó, muốn được góp vô dễ dàng thì người ta phải thấy khi nào cần có thể bán ngay cổ phần lại dễ dàng. Do đó phải phát triển thị trường chứng khoán, là cái chợ cho mọi người vào mua và bán cổ phần. Một công ty mới ra đời thì nên đi gây vốn bằng cách bán cổ phần, vì lúc đó trong thị trường chưa ai biết đến mình, người góp vốn là loại người chấp nhận nhiều may rủi. Khi đó, gọi vốn bằng cách bán cổ phần đỡ tốn kém hơn là đi vay nợ. Vì chỉ khi công ty có lời dư mới phải đem trả cổ tức cho người góp vốn. Còn khi vay nợ thì cứ 3 tháng, 6 tháng phải lo có tiền lãi đem trả rồi.

Thế thì tại sao những doanh nghiệp lớn ở nước ta không gọi vốn như người ta mà lại nhờ nhà nước đi ra thị trường quốc tế vay nợ? Thứ nhất là thị trường chứng khoán coi như chưa có gì. Thành lập được 5 năm rồi mà mới chỉ có hơn 20 công ty ghi tên để cổ phần được mua bán trong đó, mà chỉ có một công ty là không phải loại quốc doanh đổi tên đổi họ. Trong cả năm ngoái chỉ có thêm một công ty ghi danh mà thôi! Thị trường chứng khoán là môi trường tiện nhất để những công ty đi gây vốn, nhưng nhà nước không muốn pho nó phát triển vì nhà nước vẫn không dám để cho tư doanh phát triển, vì cần bảo vệ quyền lợi những quản đốc, cán bộ con cháu trong nhà dễ bảo hơn. Mặt khác, khi luật lệ về thị trường còn thiếu sót, hệ thống bảo vệ quyền lợi cổ đông nhỏ còn lỏng lẻo, ở đâu nhà nước cũng ăn trùm, thì không mấy ai dám bỏ tiền ra mua cổ phần. Luật lệ bắt những công ty ghi tên trên thị trường phải công bố kết quả tài chánh, nhưng chưa có kinh nghiệm áp dụng và luật lệ về kiểm toán chưa đầy đủ và minh bạch, thì công chúng cũng không dám liều mạng đem tiền mua những cổ phần.

Vì thị trường vốn ở Việt Nam còn quá ấu trĩ. cho nên những xí nghiệp nhà nước cũng chỉ quen gây vốn bằng cách vay nợ. Vay những ngân hàng nhà nước là giản dị nhất, họ lấy tiền của dân, tay này của đảng đưa cho tay kia của đảng chi tiêu, không chịu trách nhiệm với ai hết vì không ai được hỏi đến chuyện nội bộ của họ. Bây giờ đã tiến lên một bước, là đi bán trái phiếu ở trong nước. Công ty Petro-Vietnam đã vay 300 tỷ đồng Việt Nam (gần 20 triệu US$) bằng trái phiếu với lãi suất 7.8% trong năm đầu, bằng trái phiếu. Nhưng trong 300 tỷ đồng đó thì 70 phần trăm là do những công ty tài chánh và ngân hàng mua, chỉ có 60 tỷ bán cho những cá nhân. Vay bằng trái phiếu là một bước tiến vì công ty vay phải công bố những kết quả tài chánh, những chủ nhân trái phiếu có quyền được biết trước khi bỏ

tiền ra. Nghĩa là việc làm ăn công khai và rõ ràng hơn. Nhưng điều đó có giúp gì cho việc quản lý những công ty không, người ta còn phải chờ coi.

Vấn đề chính của doanh nghiệp nhà nước Việt Nam là quản trị - bây giờ trong tiếng Anh họ hay dùng chữ governance, nghĩa rộng rãi hơn là management, quản lý.

Trong một cuộc hội thảo về quản trị doanh nghiệp hồi năm ngoái ở Hà Nội, Ngân Hàng Thế Giới có tham dự, có bài nghiên cứu của nhóm Mekong (MPDF) cho biết 90 phần trăm những xí nghiệp ở Việt Nam coi chuyện cải thiện nghề quản trị là ưu tiên số một. Một phần ba những xí nghiệp được nghiên cứu cho biết ban thanh tra trong xí nghiệp chẳng có quyền hành nào cả, nghĩa là có quyền trên giấy tờ nhưng không được đặt câu hỏi với những sếp. Tuy rằng những xí nghiệp đều có hội đồng quản trị nhưng trong thực tế hội đồng chỉ làm vì, quyền hành trong tay viên giám đốc hết. Mà giám đốc thì do nhà nước bổ nhiệm, không chịu trách nhiệm với ai khác. Có 95 phần trăm những xí nghiệp nói họ cần được huấn luyện về quản trị, ngay cả thành viên hội đồng quản trị những công ty cũng cần được huấn luyện để cho họ biết làm kinh doanh là làm cái gì.

Trong khi chờ đợi, chính phủ vẫn có thể đi vay nợ trên thị trường thế giới, đem về cho những doanh nghiệp nhà nước tiêu pha. Ai chịu trách nhiệm trả nợ sau này? Tất nhiên là toàn thể nhân dân anh hùng sẽ phấn đấu trả nợ, bạt núi lấp sông để trả nợ. Đời cha mẹ không trả xong thì tới đời con cháu sẽ trả tiếp, sợ gì?

CÚM GÀ

Một đồng sự của tôi mới đi Việt Nam trở về, cho biết điều đáng lo nhất về bệnh cúm gà ở nước ta không phải là lo vi khuẩn H5N1 biến thái. Đáng lo hơn, là việc báo chí không được phép tự do đi tìm hiểu và loan báo tin tức. Nghề làm báo ở nước ta nó như vậy. Không có văn bản nào ra lệnh các báo không được loan tin về bệnh cúm gà. Nhưng báo nào cũng biết rằng chỉ được đăng những bản tin chính thức của nhà nước mà thôi.

Ở bên Trung Quốc hiện nay không đến nỗi như vậy. Nhiều tờ báo lớn, như Tài Kinh, nghe tin ở đâu có bệnh cúm gà là cử phóng viên đi săn tin ngay, và được phép đăng tải không cần xin phép trước. Tại sao một tờ báo kinh tế tài chánh mà người ta cũng lo thông tin cho dân chúng biết về dịch cúm? Vì bệnh dịch là một thứ "tin tức kinh tế." Nếu để bệnh cúm gà lan tràn, các nước Á Đông có thể thiệt hại 20 tỷ mỹ kim. Muốn ngăn ngừa không cho bệnh lây lan, dân chúng cần được báo động, cần biết trước các biện pháp đề phòng. Hơn hai năm trước, chính quyền Trung Quốc vẫn theo lối cai trị cộng sản cũ, không cho báo chí loan tin về bệnh SARS, lúc phát ra ở Quảng Đông cũng như khi lan tới Bắc Kinh. Phải đợi tới khi một bác sĩ ở Bắc Kinh phá rào, mật báo cho cơ quan y tế nước ngoài, chính phủ mới công nhận tình trạng bệnh lan tràn và mời các chuyên viên quốc tế đến giúp. Lúc đó thì đã trễ, không cứu được hàng trăm người mắc bệnh. Kinh tế Trung Quốc cũng thiệt hại hàng chục tỷ mỹ kim vì bệnh Sars.

Năm nay, Bắc Kinh đã rút kinh nghiệm, không bưng bít tin tức nữa. Bà Hồ Thư Lập, chủ bút tạp chí Tài Kinh, cho biết phóng viên của bà được tự do đi tìm nơi nào có bệnh thì tới mà điều tra. Chính phủ Bắc Kinh biết sử dụng giới truyền thông trong việc giáo dục dân chúng về việc đề phòng bệnh cúm gà. Hơn nữa, khi báo chí từ Bắc Kinh được tự do đi điều tra thì các lãnh tụ ở địa phương cũng không dám ngăn cấm các ký giả trong tỉnh của mình, phải cho họ tự do loan tin. Biết tin tức sớm có thể giúp nhiều doanh nghiệp bày ra cách đối phó với bệnh cúm.

Ở nước Mỹ, nhiều xí nghiệp đã có kế hoạch đối phó với nạn cúm gà ở Á châu rồi. Mười bảy phi trường lớn ở Mỹ đã thiết lập chương trình ngừa cúm gà do hành khác mang lại. Họ sẵn sàng "cô lập hóa" các bệnh nhân hoặc những người bị nghi mang vi khuẩn H5N1 trong người. Các xí nghiệp tư có chi nhánh khắp thế giới đã áp dụng các biện pháp đề phòng. Từ tháng Năm vừa qua, công ty Dupont đã thành lập một ủy ban 20 người, chuyên lo chuẩn bị đối phó với nạn dịch cúm, nếu chẳng may xảy ra. Công ty Pitney Bowes có chi nhánh khắp nơi, đã gửi thư cho các đơn vị làm việc, hỏi các nơi cho biết có bao nhiêu nhân viên có khả năng không tới sở, ngồi ở nhà vẫn tiếp tục làm việc được. Như vậy, nếu có bệnh dịch thì không lo công việc chậm trễ. Giám đốc y tế của công ty Corning đã gửi một bảng câu hỏi cho các trưởng đơn vị trong công ty; những câu hỏi như: "Nếu có 30% đến 40% nhân viên nghỉ việc vì cúm, đơn vị của bạn có còn hoạt động được hay không?"

Một biện pháp để chuẩn bị đối phó của các công ty đa quốc gia, là ấn định các nơi cung cấp

hàng mới để đặt mua hàng nhanh chóng, thí dụ ở Châu Mỹ La tinh, nếu có bệnh dịch bộc phát ở Á châu khiến các phi trường, bến cảng bị phong tỏa.

Đề phòng bệnh cúm có thể là một dịp giáo dục tinh thần công dân. Vì khi phải cùng đối phó với một thiên tai, mọi người dễ đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau hơn. Những quốc gia theo chế độ độc tài còn ngăn cấm báo chí không cho loan báo tin tức xấu sẽ khiến cho người dân lơ là, không lo đề phòng, đối phó. Và chỉ làm cho dân chúng nuôi dưỡng tinh thần ỷ lại và ích kỷ.

Ở Trung Quốc, chính phủ đã ra lệnh giết mươi triệu gà vịt khi phát hiện có nhiều con bị nhiễm vi khuẩn H5N1, loài vi khuẩn bị coi là thủ phạm gây ra bệnh cúm gà. Khoảng 15 đến 20 tỷ gia cầm đã được chích ngừa. Nhưng kêu gọi giết gà không dễ. Chính phủ các nước nghèo sẽ thấy rất khó ra lệnh dân chúng giết các con gà con vịt họ nuôi để bán, nếu không đền bù cho họ. Vì đàn gà đàn vịt có thể là cả gia sản, nuôi sống một gia đình từ năm này sang năm khác. Ở các nước nghèo, số gà vị nuôi theo lối cổ truyền rất lớn, mỗi gia đình nông dân nuôi dăm ba con. Họ thường sống lẫn với gà vịt, tiếp xúc thường xuyên, do đó dễ lây bệnh. Tiếp xúc như thế nào? Vặt lông, cắt tiết, mổ, rửa con gà con vịt trước khi cho vào nồi, đều là có tiếp xúc. Tắm, rửa chân ở cái ao có thả vịt. Ăn tiết canh vịt là cách nuốt vi khuẩn H5N1 sống tươi vào trong bụng một cách chắc chắn nhất! Nhưng không phải chỉ những người nuôi vịt, nhổ long gà mới lo lây. Chỉ cần ai đi đất giẫm chân lên một chỗ mà con gà, con vịt đã đùn ra một bãi phân, là có thể bị nhiễm H5N1 từ đám phân khô đó rồi! Điều lo lớn hơn nữa là loài vi khuẩn H5N1 có thể biến thái, thành một thứ vi khuẩn mới lây được từ người sang người, chứ không chỉ từ gà vịt lây sang người!

Tamiflu được coi là loại thuốc duy nhất có thể đương đầu được với bệnh Cúm Gà. Công ty Gilead Sciences ở California đã sáng chế ra thuốc này, nhượng quyền cho công ty Roche sản xuất hàng loạt. Số thuốc Tamiflu dự trữ và đang sản xuất chỉ đủ dùng cho 2 phần trăm số người trên trái đất, mà tất nhiên người dân các nước giàu sẽ mua thuốc nhanh, sớm hơn các nước nghèo ở Á châu, là nơi đang bị đe dọa trực tiếp.

Cho nên nhiều nước đã tự lo lấy. Công ty Roche sẽ cho các hãng bào chế trên thế giới mua bản quyền để sản xuất, và đã có 100 công ty giạm hỏi xin làm rồi. Ở Đài Loan, chính phủ ở đây tự lo trước, họ nói thẳng rằng họ đã cho chế thuốc Tamiflu trong phòng thí nghiệm, không đợi mua bản quyền của Roche. Nếu các viện bào chế ở Đài Loan và Ấn Độ sản xuất hàng loạt Tamiflu thì vi phạm luật lệ về bản quyền, có thể bị kiện. Nhưng chưa chắc công ty Roche đưa đơn kiện; bởi vì ai lại nỡ đi kiện khi người ta lo cứu mạng sống hàng triệu người? Công ty Roche đã tuyên bố sẵn sàng nhượng bản quyền cho các hãng bào chế khác. Nhưng trong hai năm qua họ đã đi ký hợp đồng thu mua hết 90 phần trăm một thứ nguyên liệu chính yếu để lấy ra chất át xít shikimic. Cái chất shikimic này, là hóa chất chính có công hiệu ngăn không cho vi khuẩn cúm phát triển, lấy ra từ hạt hồi, tiếng Anh gọi là Star Anis, thứ hạt mà chúng ta vẫn đem nấu phở! Hãng Roche đã ký hợp đồng mua gần hết các hạt hồi, mà giống cây này chỉ trồng nhiều nhất ở 4 tỉnh Trung Quốc mà thôi.

Tức là công ty Roche cũng biết đối phó với bệnh cúm gà từ mấy năm nay rồi! Một số công ty ở Trung Quốc đang gia tăng số sản xuất, như Kimberly-Clark ở Bắc Kinh đang làm thật nhanh các sản phẩm vệ sinh như khăn lau tay, xà bông sát trùng và mặt nạ y tế. Thị trường các sản phẩm bảo vệ y tế công cộng sẽ chi hàng tỷ mỹ kim, nhiều công ty đang chuẩn bị nhảy vào kiếm lợi. Công ty Applied Biosystems ở California đã giới thiệu một sản phẩm có thể phát hiện loài vi khuẩn sinh cúm, trong vòng hai giờ; và một sản phẩm khác để khám phá những biến thái nguy hiểm của các vi khuẩn đó. Cũng trong việc đề phòng cúm, các công ty Sanofi Pasteur và Chiron đang gia sức sản xuất các vắc xin ngừa cúm, và các sản phẩm khác cùng công dụng phòng ngừa.

Đã có gần 70 người chết vì vi khuẩn H5N1 lây từ gà vịt qua người. Hai phần ba số người chết là người Việt Nam. Chúng ta cần kêu gọi chính phủ Việt Nam hãy cho phép báo chí thông tin tự do hơn, để đồng bào cũng tự giác lo đề phòng, các cơ quan và doanh nghiệp phải đề phòng chung cùng với dân chúng trong vùng của họ. Những công ty kinh doanh quốc tế còn lo trước nạn dịch cúm, không lẽ một quốc gia lại không lo đề phòng sớm hơn và cẩn thận hơn họ.

Ghi Chú: Bệnh cúm vì vi khuẩn H5N1 còn gọi là Cúm Gia Cầm, gồm cả gà, vịt, ngỗng, vân vân. Có thể dịch nguyên văn chữ Bird Flu thành Cúm Chim là đúng nhất, vì các loài chim khác cũng mắc bệnh. Nhưng dịch ra tiếng Việt như vậy có thể gây hiểu lầm, nhiều người sẽ tưởng mình không bao giờ lo mắc bệnh.

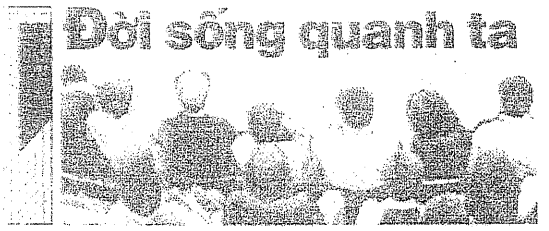

SINH VIÊN Ở CẦN THƠ: "TRẦM" QUÁN THÍCH HƠN ĐẾN GIẢNG ĐƯỜNG

Phóng sự của Bùi Thu Hiền / NVT

"Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về"

Cần Thơ nói riêng và cả vùng đồng bằng Sông Cửu Long nói chung luôn được xem là vùng đất trù phú, thiên nhiên ưu đãi, là vựa lúa của cả nước. Nhưng đây lại là khu vực được xếp vào "vùng có trình độ dân trí thấp nhất cả nước."

Vào những ngày đầu của tháng 11 này, thành phố Cần Thơ vốn đã đông đúc càng trở nên nhộn nhịp hơn bởi số lượng "tân sinh viên" từ khắp các tỉnh trong đồng bằng sông Cửu Long đổ về nhập học. Phần lớn trong số họ không che giấu được vẻ hân hoan, bở ngỡ... của ngày đầu tiên đến trường.

Nhưng, theo lời của các bảo vệ trường đại học Cần Thơ khi nói về những tân sinh viên này thì: "Mới!... Thì nó vậy đó, ngoan lắm! Chừng vài tháng nữa tụi nó thành quỷ hết! Quỷ trong "nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò"? Tôi cất công đi tìm hiểu xem "quỷ" ở đại học Cần Thơ có gì đặc biệt.

Được bao bọc bởi các quán cà phê hoạt động 24/24 nên sinh viên đại học Cần Thơ được xem là "vua trầm quán." Tôi đã thử "một ngày trầm quán" cùng đám bạn sinh viên tại quán cà phê G.N. trên đường 3 Tháng 2, đối diện cổng trường đại học Cần Thơ. Mới 6 giờ 30 sáng mà các quán cà phê này đã "chật cứng" sinh viên. Khó khăn lắm tôi và những người bạn tìm được một chiếc bàn trống nằm sát mé đường. Một điểm chung của các quán cà phê ở khu vực gần trường đại học đều có bán thức ăn sáng như: Bánh mì, cơm tấm, cháo, bún, mì, hủ tiếu... Và có cả "cơm phần, cơm đĩa, cơm hộp bình dân" với giá 5,000 đồng/ phần, phục vụ từ sáng sớm đến 9-10 giờ đêm nên sinh viên "trầm quán" không sợ "đói bụng."

Đến 11 giờ trưa, khách cũ chưa về thì số sinh viên sau khi học ra lại ghé vào uống "cà phê cữ trưa" làm cho quán càng đông thêm. Khi thấy quán đã đông khách, anh chủ quán liền "đổi đĩa" từ ca nhạc chuyển sang "đĩa phim."

Đang ồn ào, cả quán trở nên im lặng lời người thuyết minh giới thiệu tên phim: "Ân oán giang hồ." Những sinh viên đang ngồi quay mặt ra đường nhanh chóng kéo ghế quay mặt, dán mắt vào màn hình ti vi...

Mở màn với những pha rượt đuổi, đâm chém, chặt tay, mổ bụng bằng mã tấu "ngọt xớt" y như cảnh người ta chặt thịt heo ngoài chợ... Một cô tiếp viên tên T.L. của quán này với bộ đồ khá "mát mẻ": Váy ngắn cũn cỡn, áo hai dây trễ, lòi rún... đang kéo lê chiếc ghế đến ngồi vào chung bàn với chúng tôi. Và bắt chuyện với những người bạn trai đi cùng tôi, một người bạn của tôi hỏi "không có phim gì mới sao em?" Cô liền đáp:

- "Phim lẻ xã hội đen Hongkong mà anh còn chê à? Sinh viên ở đây anh nào cũng thích xem phim này... vào lúc trưa!

Bạn tôi hỏi tiếp: "Vậy, còn buổi tối sinh viên ở đây thích xem phim gì hả em?" Cô tiếp viên đưa đẩy vài câu rồi úp... mở "muốn biết thì tối nay đến xem sẽ biết". Theo lời những sinh viên ngồi bàn bên cạnh cho biết:

- Buổi trưa, quán thường chiếu phim xã hội đen, coi mấy pha đâm chém... cho đỡ "buồn ngủ". Buổi tối thì chiếu "phim hay hơn"... Càng khuya phim càng hay...

Và thứ "phim hay hơn" theo lời nhận định của những cậu sinh viên "năm nhất" đó thì không có gì ngoài thứ phim XXX...

Do cạnh tranh, một số quán ở khu vực gần trường đại học đã không ngần ngại chiếu "phim sex" để thu hút sinh viên. Không ít quán đã bị công an lập biên bản, phạt và tịch thu "tang chứng vật chứng". Thế nhưng, đâu rồi lại vào đấy...

- "Vì sinh viên không có chỗ nào để đi, thư viện thì quá đông, vào nhà sách "đọc free" hoài

cũng chai mặt, tiền đâu mà mua... Không vô quán cà phê thì đi nhậu... Thế thôi!" Một cậu sinh viên năm nhất đã trình bày lý do nghe có vẻ rất thuyết phục khi được chúng tôi hỏi.

Giá mỗi ly nước ở đây "khá mềm," không có loại nào quá 4,000 đồng, riêng cà phê đá có giá chỉ có 2,500 đồng/ly. Đó là chưa kể đến số lượt nước đá được "châm thêm" liên tục.

Khoảng thời gian từ 1 giờ chiều là thời gian bắt đầu vào tiết học thứ nhất nhưng cũng là thời điểm sinh viên bắt đầu trầm quán đến chiều... đây được gọi là "cữ cà phê chiều."

"Cữ chiều" này không kém phần rôm rả như cữ trưa hay cữ sáng vì có thêm một chút "đỏ đen". Nếu không ngồi đánh bài, đánh cờ tướng, đọc báo thì cũng bàn số để đánh... hoặc ngồi đợi lấy bài "photo thu nhỏ," tài liệu dùng để quay cóp trong các giờ kiểm tra học trình và thi học phần. Những câu nói tục, những tiếng chửi thề luôn vang lên bốp bèo... Khó mà tin họ là sinh viên đại học.

Lượng sinh viên bỏ học ra các quán cà phê "trầm" không phải là con số ít, nhưng đối với giới sinh viên Cần Thơ thì "trầm quán" chỉ là cách đốt thời gian "cấp thấp, rẻ tiền." Sành điệu hơn thì phải ăn nhậu, nhảy nhót và "có em."

Nếu sinh viên Đại học Cần Thơ là vua trầm quán thì sinh viên của Đại học tại chức Cần Thơ được xem là "trùm ăn nhậu." Muốn vào "được" ngôi trường này thì sinh viên phải đạt tiêu chuẩn "con nhà giàu học dở"...

- "Cao thủ gặp nhau mau thành chiến hữu"! Còn trẻ không ăn chơi thì làm cái gì... học à? Việc học thì phải học cả đời chứ có học một ngày một bữa là xong đâu... Đợi đến già muốn chơi cũng chẳng còn sức mà chơi!

Đó là câu trả lời làm tôi lạnh người của N.T.L. một sinh viên năm 3, khoa Thủy sản. Theo L. và đám bạn của cậu ta cho biết:

- Nhậu cũng phải sắp thời khóa biểu, lên lịch chặt chẽ, dù kín mít nhưng cũng phải sắp xếp sao cho ổn, bữa nào thì nhậu sương còn bữa nào tới bến... đâu phải ra đó.

Trong thời đại mà "cả xã hội đều gặp nhau ở quán nhậu" như hiện nay thì việc sinh viên nhậu như thế là chuyện bình thường. Chỉ có điều, sinh viên thường tìm đến nhậu ở những quán nhậu bình dân... Cũng có khi thèm rượu quá, sinh viên vẫn có thể nhậu tăng 1, tăng 2 rồi tăng 3... chỉ với trái cóc, trái ổi hay một gói mì nấu làm canh...

Đi quanh khu vực các trường đại học ở thành phố Cần Thơ, tôi thấy không ít các quán nhậu nằm cạnh nhà trọ sinh viên, hay ngay trước cổng trường học trong khi đó để tìm một nhà sách, thư viện hay sạp bán báo thì đến "đỏ con mắt" cũng chẳng thấy đâu.

Riêng, mặt hàng rượu và bia được bày bán khắp nơi, từ quán nhậu cho đến các tiệm tạp hóa, cửa hàng bánh kẹo. Thật dễ dàng để các cô cậu sinh viên mua rượu về nhà trọ nhậu... thâu đêm suốt sáng. Chị P.L., chủ tiệm tạp hóa gần cổng trường Đại học Tại Chức Cần Thơ "tâm sự":

- Mấy năm trước chị chưa có bán rượu đâu, chỉ bán bánh ngọt và đồ dùng lặt vặt nhưng hơn hai năm nay sinh viên hỏi mua rượu quá trời chị bắt đầu bán. Bán cho sinh viên cũng dễ chịu hơn, tiền bạc sòng phẳng không lè nhè...

Khi nghe tôi hỏi về suy nghĩ của các bạn sinh viên trước thực trạng ngày có nhiều sinh viên ham chơi hơn ham học, bạn M. Trí sinh viên năm thứ tư khoa Luật, cho biết:

- Bình thường thôi, "nhỏ mà không học lớn cũng làm đại úy," thực tế cuộc sống là như vậy... Rất nhiều anh chị sinh viên khóa trước đã ra trường với tấm bằng loại khá giỏi nhưng vẫn thất nghiệp! Nếu có chỗ làm thì đó cũng chỉ là những công việc chẳng liên quan gì tới ngành nghề được tạo...

Bạn M. Trí cười rồi nói tiếp:

- "Học cho lắm cũng ăn mắm với cà, học tà tà cũng ăn cà với mắm"! Học thì phải học, học cho có... Miễn bàn về chương trình học đi. Nếu đem ra nói thì nói cả ngày cũng không hết, bàn làm gì, bàn thì cứ bàn, "bất cập nhưng sinh viên vẫn phải cập"!... Thời nay không thể thiếu "ba cái có", đó là: Có tiền, có quyền và có quen biết. Thiếu một trong ba thì cũng chẳng làm được gì.

Không dừng lại ở đó, các bạn sinh viên năm tư Khoa Kinh tế còn nhấn mạnh thêm rằng: "Chúng tôi đã học rất nhiều, ngay trong lúc còn đang ngồi ở ghế giảng đường này đó là giá trị và sức mạnh của đồng tiền. Có những thứ 'tiền phí mà khi đóng không có lấy biên lai'..."

Tôi vô cùng tò mò trước câu nói này của bạn H. T. B., sinh viên năm tư khoa Kinh tế. Thấy vẻ mặt thắc mắc khó hiểu của tôi, bạn B. nói tiếp:

- Đó là tiền đề, tiền ngu, tiền nhậu...

Cô bạn sinh viên tên B. giải thích thêm về từng món tiền mà sinh viên phải "tốn oan" bao đời nay luôn được lưu truyền từ khóa trước đến khóa sau:

- Muốn được lòng thì phải đi nhậu với thầy,

thường mỗi lớp có cử ra một nhóm sinh viên nam có "tửu lượng kha khá" để đi nhậu với các thầy... Tiền tiêu cho việc này cả lớp phải "hùn hạp" lại, gọi là "tiền nhậu." Nhưng, có thầy thích nhậu ở quán thịt chó và cũng có thầy thích nhậu ở quán bia ôm...

Bạn T.T. sinh viên năm 3 Khoa Kinh tế tiếp lời:

- Còn muốn biết được "giới hạn" của đề thi hay muốn đề thi có giới hạn thì cả lớp phải góp tiền lại mời thầy đi nhậu sau đó mua quà tặng có "nhét Bác Hồ" (nguyên văn) kèm theo, cái này gọi là tiền đề. Nếu không thì có trời mới biết được giới hạn của đề...

- Và đau đớn nhất là "tiền ngu," vì thi rớt phải đóng tiền học lại... Không phải làm bài tệ mới bị thi rớt. Bạn "rớt" thường thì không vì bài làm của bạn tệ, mà vì bạn mắc một trong những cái tội sau: "Do bạn là con nhà giàu, được thầy để ý, thầy biết bạn đủ khả năng để trả tiền, 'ôm show' hết 2/3 số tiết của học phần đó, vài triệu đồng chứ có ít đâu! Vì phần đông giảng viên đều có học vị tiến sĩ. Nhưng cũng có "tiến sĩ "ác lắm không cần biết bạn là con nhà khá giả hay con nhà nông dân nghèo rớt mồng tơi, họ muốn cho rớt là rớt, muốn cấm thi thì cấm... Thầy cứ cho rớt. Quá dễ, vì bạn giống như con cá đang nằm trên thớt."

Và còn một cái tội nữa thế nhưng các bạn sinh viên này tỏ vẻ ngại nói, cuối cùng thì bạn M.T., sinh viên năm thứ tư khoa Luật bộc bạch: - Còn cái tội nữa, là "đẹp", nếu bạn là một cô gái đẹp phải "khổ và lỗ gấp ngàn lần hơn," vừa "mất tiền" vừa mất... Không đùa đâu! "Ngàn năm bia miệng" của sinh viên vẫn còn trơ trơ!

ĐÁM MA 'TẠP KỸ'

B.T.H.

Nghi thức tang lễ đang bị biến tướng đến khó tin. Nhiều đám ma ồn ào chẳng khác nào một sân khấu tạp pí lù với đủ thứ âm thanh, biểu diễn xiếc, múa lửa...

Đang thiu thiu ngủ, bỗng nhiên bị đánh thức bởi âm thanh của dàn "đồng ca" từ căn nhà cuối xóm vọng ra. Bước ra lan can để xem bên ấy có gì vui mà họ "hát" dữ quá! Thật bất ngờ, đó là một... đám ma, chứ chẳng phải tiệc tùng vui vẻ gì cả!

Thay quần áo để qua nhà hàng xóm chia

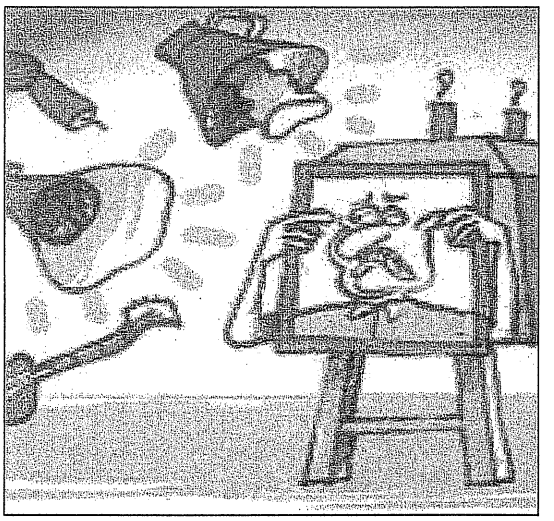

buồn cho phải cái lễ "nghĩa tử là nghĩa tận." Lúc này bài *Ơn nghĩa sinh thành* được ban nhạc cất lên, nghe đến não lòng! Trong bối cảnh "tang gia bối rối," chẳng ai để ý những điều phiền toái nữa! Nhưng khi đến cuối bài, những người tới chia buồn không thể tin vào tai mình, những lời cuối của bài hát đáng ra là "Ai ơi hãy nhớ năm xưa, lúc tuổi còn thơ... công ai nuôi dưỡng", đã bị ban nhạc cải biên thành "Ai ơi hãy nhớ năm xưa, lúc tuổi còn thơ... không ai bồi dưỡng," điệp khúc này được lặp đi lặp lại những ba lần mới chịu kết thúc.

Tiếp sau đó, bài *Hoa trinh nữ*, có đoạn "... Khi vua kéo quân về, tình cờ gặp một giai nhân..." bị đổi thành "... Khi quân kéo vua về, tình cờ gặp một ca ve...", hay bài hát *Tóc em đuôi gà*, có đoạn "... Tóc đuôi gà trong gió, như làm ngây ngất lòng anh...", bị cải biên thành "... Tóc đuôi gà không có, em buộc... đuôi chó... làm tóc..."

Có nhiều đám ma, không biết vì cớ gì, thường yêu cầu ban nhạc chơi những bài rất vui. Anh Vũ, một người thổi kèn đám ma có thâm niên năm năm, cho biết: "Nhiều đám tang rất ít người tới viếng, vì vậy đáng ra phải thổi những bài buồn, thì họ lại yêu cầu thổi bài vui nhộn để lối xóm ra xem và nghe. Một lý do nữa, theo anh Vũ: "Do nhiều người vẫn còn cái tính 'con gà ghét nhau tiếng gáy,' vì vậy để chứng tỏ sự giàu có của gia đình mình, khi nhà này thuê một ban nhạc thì nhà kia phải thuê đến hai, ba ban..."

Nói đến chuyện của những ban kèn tây, một nhóm đối tượng khác thường xuất hiện trong các đám tang để "chia buồn", cần phải kể đến

là những "ca sĩ" pêđê. Không hiểu họ đến từ đâu, nhưng hễ ở khu phố nào có nhà có tang, sau khi người quá cố nhập quan là những nhóm người này xuất hiện. Họ "hát" từ chập choạng tối cho đến mờ sáng mới thôi! Với đủ loại nhạc của các nước, từ điệu bolero cho đến chachacha... được họ chơi "tuốt tuồn tuột"!

Một lần tới thức đêm tại đám tang người thân trên đường Phạm Thế Hiển, quận 8. Đêm đầu tiên đã thấy một nhóm gần 10 "chị" xuất hiện với trang phục còn đẹp hơn các thôn nữ chính hiệu! *Ba nén hương trầm* luôn là bài mở đầu của chương trình... giải buồn, rồi Lòng mẹ, Lòng mẹ 1, 2, Tình cha, Tình cha 1 và 2..., liên tục được tiếp nối bởi các giọng ca "vàng" (sau mỗi bài hát, người nghe nhét vào phong bì khoảng 5.000-10.000 đồng để "bo").

Cứ như vậy, khi các bài "ruột" đã diễn hết, các "chị" bắt đầu chuyển sang hát... lô tô! Kèm theo đó là những màn xiếc như múa chén, tách, đĩa; ngậm mâm bàn xoay vòng vòng; thậm chí khi không còn gì để "ngậm", các "chị" bê nguyên chiếc xe đạp đưa lên miệng để cắn (gọi là màn cắn xe)... và múa lửa! Chứng kiến những "màn diễn" này, khách viếng đều phì cười trong khung cảnh u buồn của đám tang! Và tất nhiên nhà nào ở gần những đám tang có các "chị" đến để... "chia buồn", cũng phải thức để mà nghe cho trọn đêm (chứ ngủ làm sao được!).

Cũng vì yêu cầu "chẳng giống ai" của một số gia đình... trưởng giả, nên nghề thổi kèn tây phục vụ đám tang không còn đúng như ý nghĩa của nó là đưa tiễn người quá cố về thế giới bên kia. Ngoài việc... phóng tác lời bài hát một cách vô tội vạ, hầu như ban nhạc kèn tây nào cũng kèm theo... "xiếc"! Với một "nhạc trưởng" cầm cây gậy chỉ huy, tung lên không trung theo nhịp trống, một đứa trẻ khoảng 9-12 tuổi, dáng người nhỏ thó (thân hình càng nhỏ càng tốt), đầu tóc thì đủ màu sắc, ngồi trên mâm bằng gỗ. Vị "chỉ huy" dùng đầu của mình đội mâm, làm cho nó xoay vòng vòng. Ở phía trên, đứa trẻ ra sức múa may, nhảy tưng tưng để diễn "xiếc", hoặc trèo lên hòm của người quá cố mà... gào khóc thật thảm thương, đồng thời mặc những loại trang phục mà nhìn vào chẳng biết của... triều đại nào! Sau mỗi màn trình diễn như vậy, gia chủ phải "bo" thật "đậm" để được nghe nhiều tiếng vỗ tay của "khán thính giả".

(Theo báo Người Lao Động)

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

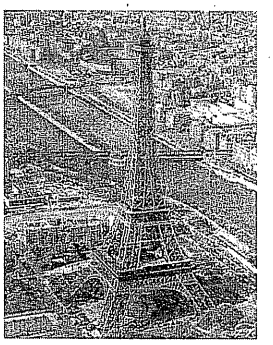

NHỮNG ÔNG, BÀ... LA SÁT !

Mỗi tuần trôi qua, trung bình có bốn bà đầm chết vì tay những ông chồng vũ phu... Sự thực phũ phàng làm mất tiếng tăm của một nước Pháp qua truyền tụng, qua sách vở là nước văn minh, kính trọng đàn bà. (Không phải rằng nơi đây âm thịnh dương suy?) Kết quả đó là do bà Catherine Vautrin, thứ trưởng bộ Bảo vệ quyền phụ nữ công bố nhân ngày Quốc tế chống lại bạo lực đối với đàn bà, 25.11.

Ngược lại thì sao? Cứ 16 ngày có một ông tây bỏ mạng, nhưng người kia nếu không bị sứt trán thì cũng lổ đầu. Chuyện gây gỗ, xô xát nhưng không đến nỗi nguy đến tánh mạng, xảy ra rất thường trong gia đình người Pháp. Có phải là vì, *yêu nhau lắm cắn nhau đau* cũng như gia đình của bất cứ nước nào trên thế giới?

Bản điều tra này thực hiện trong những năm 2003 và 2004. Người ta còn biết thêm:

- Hai tháng bi đát nhất là tháng năm và tháng sáu, không thấy tài liệu công bố giải thích tại sao, chỉ biết rằng thời tiết lúc đó cũng đã ấm áp, theo sau là tháng mười và tháng giêng. Tháng mười hai (tháng vui vẻ vì lễ lược và Noel) không có gì xảy ra trong gia đình. Chuyện thường xảy ra sau giờ cơm chiều, hay từ 22 giờ trở đi, vẫn theo tài liệu.

- Trên đất Pháp, chuyện xảy ra nhiều nhất tại các tỉnh phía nam, phía bắc và phía đông. Không thấy nhắc tới Paris, hoặc là vì không có con số hoặc là, dù sao cũng là nơi thủ đô, ngàn năm văn vật?

- Tài liệu có nói to7i lý do? 29% vì nhậu, 22% vì ghen. Số còn lại? Không thấy báo chí nhắc tới? Bí mật!

Nhân ngày quốc tế này, bà thứ trưởng đề nghị nhiều biện pháp bảo vệ phụ nữ, trong số đó, có hai điều quan trọng :

- Mở những trung tâm tạm cư đón tiếp phụ nữ, cho đến nay chuyện này chỉ dự liệu cho thiếu

niên, người lớn tuổi hay tàn tật,

- Mạng lưới tiếp đón trong một số các bệnh viện từ năm 2006.

*

Ngày quốc tế này thật sự dành riêng cho nữ giới, không nói riêng tới gia đình. Nguồn gốc có từ năm 1960, khi ba phụ nữ xứ Cộng hoà Đô mi ních (République Dominicaine) vì đòi tự do, bị nhà độc tài Rafael Leonidas Trujillo giết. Ba chị em: Patria, Minerva và Maria-Teresa Mirabal trở thành thần tượng của cuộc đấu tranh của dân chúng. Mấy tháng sau, chính Trujillo bị các tướng lãnh giết trong cuộc đảo chánh.

Do sự vận động của dân chúng và thế giới, năm 1999, Liên hiệp quốc chọn ngày này chống lại bạo lực đối với phụ nữ.

THÊM MỘT CUỘC ĐÌNH CÔNG Lần Này: Giải tỏa Nhanh chóng!

Lần thứ sáu trong năm 2005, ngành vận tải công cộng đình công. Chuyện xảy ra từ đầu tuần. Thật sự, không ai muốn và cũng ít người ủng hộ: hành khách chắc chắn là không muốn phải lội bộ dưới trời lạnh, khách hàng vận tải hàng hóa muốn có hàng mà bán nhân dịp cuối năm, chủ nhân và ngay cả nhân viên của các công quản hỏa xa cũng không. Báo chí ghi nhận: ngay ngày đầu, chỉ 23% nhân viên SNCF hưởng ứng.

Một trong những lý do chính được nại ra là «giải tư công ty Hỏa xa (SNCF).» Dominique Perben, bộ trưởng Vận tải cam kết trên giấy trắng mực đen: Không hề có chuyện giải tư công ty SNCF. Vậy mà... vẫn đình công để rồi lan sang ngành công quản RATP. Tại sao?

Gần tới ngày đại hội, tháng ba sang năm, và ngày bầu cử trong tháng tư, nghiệp đoàn CGT muốn tạo ảnh hưởng, và không gì bằng một cuộc đình công. Có điều là mỗi ngày đình công thiệt hại cho công ty 20 triệu euro! Cuộc đình công của năm 2003 gây thiệt hại cho công ty 250 triệu euro.

Rồi cũng có giây chuyền. Nghiệp đoàn SUD của công quản RATP kêu gọi đình công vô thời hạn từ sáng thứ tư để phản đối việc sáp nhập quy chế hưu bổng của RATP vào quy chế chung, ít quyền lợi hơn. Lời kêu gọi này không được hưởng ứng: buổi sáng, đường metro không bị xáo trộn bằng những tuyến đường hoả xa, buổi chiều gần như là bình thường.

Sau một cuộc hội họp với các nghiệp đoàn, Louis Gallois TGĐ công ty SNCF bảo đảm tăng gấp đôi tiền thưởng trong năm tới (120 euro mỗi người): công ty chi ra 28 triệu euro cộng thêm số thất thu mỗi ngày 20 triệu euro. Qua năm 2006, ban giám đốc đồng ý tăng 0,30% trên số lương hiện nay. Về công việc và nhân viên, ban giám đốc sẽ mở cuộc thương thảo về giờ làm đêm và tuyển dụng thêm 700 nhân viên. Đó là những điểm quan trọng.

Qua ngày thứ năm 24.11 thì tình hình chung có vẻ lắng dịu, mọi việc sẽ trở lại bình thường. Những người đã trải qua những ngày khốn đốn đình công dai dẳng... hú viá!

TRỞ LẠI VỤ NÁO LOẠN Ở NGOẠI Ô

Hy vọng rằng đây là đoạn kết thúc của vụ náo loạn ở ngoại ô và tại một số tỉnh. Trong vòng 23 ngày, trong số hơn 3 000 bị bắt, 562 thanh niên và 118 vị thành niên đã bị giải tòa. Một chuyện chưa bao giờ có với toà án Pháp cho thấy nhà nước có biện pháp mạnh đối với vụ lộn xộn này.

422 đã bị kêu án tù tính trung bình từ sáu tháng đến một năm, có người bị phạt bốn năm tù ở. Lý do đã được toà nêu ra? Bạo động chống lại nhân viên công lực, nổi loạn, và trong nhiều trường hợp, phá hoại hay mưu toan phá hoại tài sản hay hủy hoại công, tư sản.

Những vị thành niên từ 13 đến 18 tuổi chỉ bị lãnh án bằng một nửa. Cũng có thể chỉ bị làm công dịch hay là theo học khóa huấn luyện công dân. Ngoài ra có thể còn bị thêm những biện pháp khác như bị kiểm soát đi lại hay sống trong những trại giáo huấn thiếu nhi.

Nhân viên cứu hỏa đang dập tắt ngọn lửa của một chiếc xe hơi bị đốt cháy trong cuộc bạo loạn tại ngoại ô thành phố Toulouse, miền Nam nước Pháp vào ngày 10-11-2005 vừa qua.

MÙA LẠNH TỚI RỒI: LO LẮNG CHO NHỮNG NGƯỜI SDF!

Năm độ C dưới không độ tại miền trung nước Pháp, 2 đến 3 độ buổi trưa tại Paris, cái lạnh đã trở về sau những ngày nắng ấm bất thường đầu tháng 11. Tuyết rơi tại nhiều tỉnh và ngoại ô Paris. Các cơ quan Xã hội đã lo lắng cho số phận của những người sống vô gia cư (sans domicile fixe SDF) phải trải qua những đêm lạnh ở vỉa hè. Tám toán Samu social (cứu trợ) theo xe đi tuần khắp Paris từ 18 giờ và cả đêm để thuyết phục và đưa những người này về những trung tâm tiếp cư sống qua đêm.

Số giường trong những trung tâm này tăng lên: ngoài số 91 000 giường (cho cả nước, không bao nhiêu), các cơ quan Xã hội còn dự trù thêm 5 340 giường trong trường hợp coi là «bình thường.» Trường hợp lạnh lên cấp 2 (như hiện nay trong vùng giữa nước Pháp) có thêm 3 810 giường và cấp ba, hết sức lạnh, 3 291 giường. Lẽ dĩ nhiên năm nào cũng thiếu giường.

«Trong đêm 19 rạng ngày 20 tại Paris, không còn chỗ cho 23 người trong đó có hai phụ nữ,» lời của nhân viên Samu social tại Paris. Samu social cho biết rằng những người SDF hưởng ứng đông nhờ dân chúng khi thấy có người đang nằm đường liền kêu số 115 để báo tin. Cơ quan xã hội này nhắc nhở những người kêu điện thoại những điều như sau:

- Nói vắn tắt nhưng rõ ràng: nơi đang ở (đường, trước số nhà, thành phố)
- Tình trạng của người SDF để tùy theo đó mà gởi toán đặc biệt hay bình thường.

Vì trường hợp gặp người bệnh, gọi liền số 15 thay vì 115. Chuyện rất thường xảy ra là đường giây bận mà người gọi không có nhiều thì giờ chờ đợi!

Samu social lên tiếng yêu cầu những người gọi số 115 vắn tắt, chỉ nói những điều cần thiết mà thôi.

HOA NGỮ VÀO TRƯỜNG TRUNG HỌC PHÁP

Muà này là mùa mua sắm. Mới đây, khi đi mua áo quần, người Pháp thấy rằng hầu hết có nhãn hiệu *: Made in China.* Không chỉ có thế mà thôi. Hay là vì như thế mà... Ảnh hưởng của Trung Hoa đã lấn vào các trường: Hoa ngữ vừa bước một bước nhảy vọt trong các trường trung học Pháp. Số học sinh theo học tiếng quan thoại đã tăng: 12 628 em học sinh so với 9 328 em năm ngoái, tăng 35%. Trong năm năm, từ vị trí thứ chín, trồi lên thứ sáu trong số các sinh ngữ trong chương trình trung học. Hoa ngữ còn có thể lên thứ năm trong năm tới, qua mặt tiếng Nga, Bồ đào nha, Ả rập và Do thái, ức đoán của một thanh tra Hoa ngữ.

Trong hai mươi năm, sự thay đổi quá rõ. Ngày nay, người Pháp coi Hoa ngữ là một thứ «petit anglais» thông dụng như tiếng Anh, có đông người nói tới nhất trên thế giới và có thể giúp tìm việc một cách dễ dàng. Pháp là một trong những nước tiên phong gởi người thi HSK (chứng chỉ Hoa ngữ như Toefel của tiếng Anh), sau Hàn quốc và Nhật bản.

Trái với nhận xét của nhiều người, sự gia tăng nầy không phải là vì số kiều dân Trung Hoa ở Pháp tăng lên. Lý do là vì 90% học sinh là người Pháp. Cũng không phải dành cho con em của các gia đình giàu có, vì các trường như Louis Le Grand hay Henri IV ở Paris hay Lycée du Parc ở Lyon không có.

Ngược lại, tiếng Hoa được dạy tại các trường Francois Couperin ở Fontainebleau, Pontivy (Morbihan), Charles Francois Lebrun, Coutance (Manche) hay Sainte Thérèse à la Guerche de Bretagne (Ile et Vilaine).

Số người muốn ghi tên thật sự đông hơn, vì không đủ giáo sư, phải từ chối. Bộ Giáo dục đang có 190 giáo sư dạy Hoa ngữ (một nửa là giáo sư dạy giờ).

LÁ THƯ THĂM HỎI «ÂN TÌNH» CỦA SỞ THUẾ

Chuyện khai thuế năm nay coi vậy mà chưa xong đối với chừng 800 000 người sống trên đất Pháp. Những người này vừa nhận được thư của sở thuế «hỏi thăm sức khỏe.» Thật sự là như vậy! Sau lời chào mừng, thư có câu: «Những yếu tố chúng tôi đang có trong tay cho thấy rằng, trừ trường hợp nhầm lẫn của chúng tôi, đáng ra ông bà phải khai (số lợi tức trong năm 2004) cao hơn.»

Xin những người này yên chí, không phải chuyện... hăm dọa, kiểm soát giấy tờ, rồi bị phạt, mà là một lời nhắc nhở lịch sự, chỉ vì Tổng nha Thuế vụ thấy có sự sai biệt giữa con số của sở làm với con số của người khai. Sở thuế cho rằng đây chỉ là một thiếu sót... ngay tình.

Khi được thư này, đương sự phải làm gì? Nên

trả lời càng sớm càng hay. Nếu cho rằng mình thiệt tình quên thì đây là một điều may; chấp nhận con số của sở Thuế và chờ đợi để biết số thuế phải đóng cho năm nay. Con số đó cao hơn - nhưng không bị phạt. Ngược lại, nếu cho rằng con số đã khai là đúng, giải thích cùng sở thuế, và coi như xong. Trong số 938 000 hồ sơ có sự sai biệt, 138 000 hồ sơ đã được xếp lại. Trường hợp sở thuế không đồng ý với lời giải thích, họ sẽ liên lạc, thường là qua điện thoại... Khó khăn, tới đây, mới bắt đầu.

Sự tử tế này sẽ chỉ có một lần. Những người nhận được thư năm nay không còn được thư như thế này trong năm tới nếu cứ bổn cũ soạn lại.

Một chút lịch sử MITTERRAND, MAGGIE VÀ MALOUINES

Cuốn sách viết về Francois Mitterrand tiết lộ một chuyện động trời: Bị áp lực của bà thủ tướng Margaret Thatcher, cố tổng thống Pháp đã «thành thật khai báo» với bà mã số làm tê liệt các hỏa tiễn Exocet mà Pháp bán cho Argentine. Một hỏa tiễn này đã được phóng ra từ máy bay Super Etendard của Argentine phá hủy chiến hạm Sheffield của Anh: 20 tử nạn, 24 bị thương.

Ngày 7.5.1982. Mitterrand tới nói chuyện với nhà phân tâm học Magoudi: *Thiệt là bực mình với bà Margaret Thatcher! Với bốn tàu ngầm nguyên tử nằm phiá nam Đại tây dương, bà dọa sẽ phóng bom nguyên tử tới Argentine nếu tôi không cho bà ta mã số của hỏa tiễn Exocet.* Và Mitterrand đã phải cho, vì sợ hơn là lịch sự.

Mitterrand nói thêm: *Bà kết án tôi là thủ phạm của một vụ Trafalgar mới nên tôi phải nhượng bộ. Bà có các mã số đó trong tay. Khách hàng biết được chuyện này thì Pháp hết đường buôn bán.*

Ông kết luận: *Tôi phải trả đũa. Làm thế nào đây? Tôi sẽ làm cho xứ Anh không còn là một hòn đảo nữa mà nối liền với lục địa Âu châu. Làm một đường hầm dưới biển Manche nối Anh liền với Pháp. Tôi đã thành công chuyện mà Hoàng đế Napoléon thất bại.*

Hai năm sau, bà Thatcher cho phép khởi sự đào hầm qua biển Manche. (Sách vừa được phát hành nhan đề : *Rendez-vous: la psychanalyse de Francois Mitterrand*, cuả Ali Magoudi, Editions Maren Sell xuất bản.)

(TN)

Năm nay mùa đông đến nước Anh một cách đột ngột. Trái với mọi năm, tháng mười và tháng mười một năm nay thật là ấm áp, thành ra khi gió lạnh tràn về vào giữa tuần này đã khiến cho các cấp chính quyền bối rối không kịp trở tay. Bị thiệt hại nặng nhất là vùng Cornwall, vốn được coi như là vùng ấm áp và dễ chịu nhất của nước Anh, với trên một ngàn người bị mắc kẹt trên quốc lộ A 30 sau khi xảy ra một tai nạn. Đó là mới chỉ có 15 cm tuyết mà thôi. Các giới chức cảnh sát thì quy trách nhiệm cho dân chúng nói rằng nhiều người đã không để ý gì đến những lời kêu gọi của chính quyền rằng hãy tránh đi xa nếu không có những chuyện cần kíp.

Nhưng lạnh như vậy có lẽ cũng là một điều may mắn, vì cũng đúng thứ năm tuần này cũng là ngày mà luật mới cho phép các quán rượu tại Anh được quyền, nếu muốn, mở đến 24 tiếng đồng hồ một ngày. Trời lạnh và tuyết xuống tại nhiều thành phố miền bắc nước Anh như Manchester, hoặc Liverpool vốn là những nơi có thành tích về những tội phạm do say rượu gây ra đã khiến cho hai ngày thứ năm và thứ sáu vừa qua trở nên tương đối êm ả trong khi trước đó người ta đã e ngại một sự bùng nổ các tội phạm này.

Khi đưa ra đạo luật mới này, chính quyền của đảng Lao Động đã gặp rất nhiều chống đối từ phía báo chí và các tổ chức xã hội nói rằng việc cho phép các quán rượu mở cửa nhiều giờ hơn chỉ tạo ra nhiều cơ hội cho người ta say rượu nhiều hơn và gây ra nhiều tội phạm tại các khu trung tâm thành phố hơn.

Những người ủng hộ luật này trong đó có các bộ trưởng của chính phủ Lao Động thì nói rằng việc cho phép các quán rượu mở cửa nhiều giờ hơn thì sẽ làm giảm tập quán uống vội uống vàng cho đến xay mềm cho kịp trước giờ đóng cửa của dân Anh để thay vào đó lối uống rượu như của các dân tộc ở miền Nam châu Âu như dân Ý hoặc Tây Ban Nha trong đó người ta có thể

nhâm nhi một ly rượu một cách thoải mái mà không cần phải nốc cho đến say mèm.

Nhưng lý luận này có một điểm sai lầm, đó là nó đã không để ý đến bản tính của người Anh. Tật uống rượu say mèn là một phần của cái bản tính đó chứ không phải là hậu quả của việc giới hạn giờ mở cửa của các quán rượu.

Theo những tài liệu thống kê thì giới trẻ Anh đã là những người uống nhiều rượu nhất tại châu Âu. Như Shakespeare đã mượn lời nhân vật Iago trong vở kịch Othello nói ra rằng "Và bọn họ là những người uống rượu giỏi nhất: bọn Đan Mạch, bọn Đức và cả bọn Hòa Lan bụng bự - uống đi! Cũng không sánh vào đâu so với bọn Anh" (Indeed, they are most potent in potting: your Dane, your German and your swag-bellied Hollander - drink ho! - are nothing to your English)

Cái khuynh hướng uống rượu cho đến khi say mèm là một phần bản tính của người Anh và nằm trong truyền thống văn hoá của Anh. Truyền thống này dựa trên việc dồn nén các biểu hiện tình cảm cũng như những ước vọng. Đó là lý do mà tại sao dân Anh có tiếng là lạnh lùng, là "phớt tỉnh như Ăng - Lê". Nhưng cái giá phải trả cho việc dồn nén này là một sự nổ bùng quá độ khi mà áp lực của những kiềm chế được gỡ bỏ đi. Những nổ bùng này đã khiến cho dân Anh cũng nổi tiếng trong các dân tộc châu Âu về sự say rượu.

Tuy nhiên, những năm gần đây, truyền thống dồn nén tình cảm đã suy yếu dần trong xã hội Anh. Di sản đạo đức xã hội với sự nhấn mạnh đến việc tiết kiệm, cần cù làm việc và tự chế vốn là đặc trưng của xã hội Anh trong thế kỷ thứ 19 và nửa đầu thế kỷ thứ 20 nay không còn được người ta nhìn một cách kính trọng mà ngược lại bị đa số nhìn vào với một con mắt khinh rẻ.

Sự giải tỏa những dồn nén này cố nhiên là có nhiềuđiểm tốt. Người Anh hiện nay ít bị những kiềm chế và đã có thể biểu lộ tình cảm một cách cởi mở hơn. Nhưng một trong những hậu quả không tốt của tình trạng này là những chế ngự khiến cho người ta không dám công khai trở nên say rượu trước công chúng nay cũng đã bị mất đi, trong lúc khuynh hướng uống rượu cho đến lúc say mèm mới thôi thì vẫn còn.

Nhưng cũng phải nói rằng tình trạng này sở dĩ xảy ra một phần cũng là vì những chính sách của chính quyền. Hầu như thành phố nào tại nước Anh cũng có một con đường hoặc một khu phố bao gồm toàn quán rượu và các hộp đêm, hàng đêm thu hút một số khách hàng thuộc giới trẻ đến nỗi người thường, nhất là những người trên 30 tuổi thường tránh qua lại những khu phố này đặc biệt là vào những đêm thứ sáu hoặc thứ bảy.

Đây là một hiện tượng mới xuất hiện tại Anh vào khoảng trên mười năm nay. Khởi đầu là Manchester với chính quyền thành phố khuyến khích người ta mở những quán rượu và hộp đêm tại những kho hàng hoặc những cửa hàng cũ bị đóng cửa. Giống như hầu hết những thành phố công nghiệp cổ của châu Âu và Mỹ, Manchester đã bị ảnh hưởng nặng khi công nghiệp dệt của Anh bị phá sản vì không cạnh tranh nổi với hàng dệt của các nước đang phát triển. Sự sụp đổ của ngành dệt này đã kéo theo hàng trăm các hoạt động khác tùy thuộc vào hoạt động của ngành dệt cũng như sống nhờ những công nhân bị phá sản theo. Khu vực trung tâm thành phố vì vậy cũng chết dần đi. Bằng cách khuyến khích mở những quán rượu và các hộp đêm chính quyền thành phố hy vọng rằng chúng sẽ làm phục hưng lại nền kinh tế đô thị và kéo dạn chúng và các hoạt động khác trở về trung tâm thành phố.

Kế hoạch này có vẻ đã thành công mỹ mãn. Như Andrew O'Dwyer, chủ một trong những hộp đêm đông khách nhất của thành phố này thì "Khi tôi mới mở cái quán này thì đây chỉ là một đường phố tối tăm, đèn đường không có còn vỉa hè thì gập ghềnh không phẳng". Và nay thì Manchester có 4 khu phố hộp đêm như vậy chỉ trong vòng một dặm vuông. Không những vậy, các công ty lớn bắt đầu đến mở cửa hàng tại trung tâm thành phố và chỉ trong vòng 4 năm từ 2002 đến nay, Manchester đã có thêm đến một triệu square feet cửa hàng bán lẻ.

Nhưng nếu thành công trong việc thu hút người ta trở lại sinh sống và buôn bán tại trung tâm thành phố thì cái giá mà thành phố phải trả là một tình trạng nghiện rượu và những tội phạm do rượu gây ra gia tăng. Trong những năm gần đây, trong khi các nước khác tại châu Âu và cả Mỹ nữa giảm tiêu thụ rượu thì tại Anh số rượu tiêu thụ đã tăng vọt lên. Trong vòng mười năm kể từ năm 1995 đến nay tiêu thụ rượu bình quân của người Anh đã tăng lên đến 17%. Và với đạo luật mới cho phép mở cửa 24 tiếng đồng hồ một ngày này chắc chắn rằng số lượng rượu tiêu thụ sẽ còn tăng lên nữa; và cùng với số rượu tiêu thụ, số lượng những tội phạm vì rượu như đánh lộn, hiếp dâm vv.. cũng sẽ tăng lên theo nữa. Một cuộc khảo sát gần đây tại Anh cho thấy trong lúc số lượng các tội phạm nói chung trong vòng tám năm qua đã giảm đi 35% thì số lượng tội phạm liên quan đến rượu đã gia tăng 7%.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

NGỒI

Ngồi đâu sướng nhất? Ngồi sau ông quận công! Ngồi sau cái ông vốn được dè chừng là sướng nhất trên đời này là có quyền hưởng trăng thanh gió mát hoa đồng cỏ nội. Đó là chuyện xưa rồi. Ngày nay hầu như những chỗ ngồi thú vị như vậy không còn nữa. Nói hầu như có nghĩa là cũng còn. Trên miền núi cao chẳng hạn. Nhưng cũng chẳng còn được bao lâu nữa. Bên Úc, ở New South Wales, có ngọn núi cao Kosciuszko, nơi mà những người thích chinh phục đỉnh cao thường leo lên để thử sức và thử lòng quả cảm. Ì ạch trèo lên một chiều cao chóng mặt như thế thường mất rất nhiều thời giờ. Cái bụng chịu gì nổi. Cứ núp sau anh quận công cho tiện việc nhà nước. Nhà nước dân chủ ngày nay lại không ưa những thần dân học đòi trở về thời vua quan nên cho ngưng trò... quận công! *Bắt vô chuồng phải vô chuồng / Cho trăng thanh mới được nhìn trăng thanh.* Chuồng đang được xây dựng cấp tốc cho khỏi phiền cỏ cây.

Chuồng xí là danh từ ở miền Bắc hồi tôi còn nhỏ để chỉ cái chỗ ngồi ai cũng phải lui tới hầu như mỗi ngày. Căn nhà gạch to lớn tại một miền nửa quê nửa tỉnh sát Hà Nội không có chỗ cho một nơi ngồi cần thiết. Phải băng qua dãy nhà ngang, nơi có những chiếc cối xay lúa, cối giã gạo và từng chồng nong nia, phải đặt chân trên mảnh vườn khá rộng với những vườn cây ăn trái và những luống rau dài, phải tới sát bờ ao mới nhìn thấy một mái lá nho nhỏ, vách nan chỉ cao tới ngang bụng, phía trong là một cái hố lớn có những thanh gỗ bắc ngang. Không có cái riêng tư cần thiết cho một... phi vụ. Thấy có bước chân tiến tới thì phải lên tiếng cho biết là chuồng đang bận!

Cái cung cách tổ chức chỗ ngồi như vậy hình như không được cải tiến từ hơn nửa thế kỷ qua. Khi bộ đội miền Bắc vào miền Nam, họ vẫn mang cái não trạng phải phân biệt chỗ ở chỗ bài tiết. Trong "Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài", Tạ Chí Đại Trường đã cố phân tích cái não trạng... kỳ cục này: "*Sự phủ nhận mang tính cách trì níu bởi thói quen, bởi một tinh thần bảo thủ ghìm giữ họ trong sự lạc hậu, nhưng chính ở đó họ thấy thoải mái hơn, an tâm hơn... Còn ở đây, mỗi nhà gia binh đều có một cầu tiêu tự hoại, nhà trống rất nhiều, bộ đội chẳng đông bao nhiêu mà họ vẫn đào hố ngoài vườn, cắm ống sạc xuống để đi tiêu vào đấy, hưởng cái thú sau cái thú được chức quận công. Có điều giấy vứt bừa bãi, ruồi nhặng tứ tung khiến chúng tôi dọn vườn phải nôn ọe vì mùi tanh hôi.*"

Không ai muốn làm cái việc thu vén những thứ cặn bã của con người. Ngày xưa, những công nhân đổ thùng vẫn bị coi là nhưng người mạt hạng trong xã hội. Ngày nay ai cũng ngại phục vụ người khác. Đám con tôi, lúc còn đi học, khi hè đến thường tìm việc để có thêm tiền tiêu vặt. Chỗ xin việc dễ nhất là các nhà hàng fastfood. Nhưng công việc thường bao gồm cả mục chùi nhà cầu. Phiền quá! Nên cực chẳng đã mới vào làm việc tại đây. Cực nhưng vẫn phải làm nếu không có chỗ nào khá hơn. Không phải đi làm nhưng hoàng tử Harry của nước Anh vẫn cứ phải chùi như thường. Chàng con vua cháu chúa 21 tuổi này đang theo học tại Học Viện Bộ Binh Sandhurst. Trong phần cuối của chương trình huấn luyện để trở thành một sĩ quan, các khóa sinh bắt buộc phải... xắn tay áo chùi cầu. Hoàng tử cũng chẳng được tha. Harry sẽ phải thi hành thủ tục này trước khi được nghỉ hè vào ngày 12 tháng 8 này! Đưa cái tin... có mùi này là tờ báo *News of World*. Hoàng gia Anh coi bộ chưa được... văn minh lắm. Họ rất lấy làm phiền vì cái tin không lấy gì làm vẻ vang này. Và họ ra lệnh cho những người có trách nhiệm phải bít không cho báo chí dí mũi vào những chuyện như vậy!

Chẳng phải là hoàng tử hoàng tiếc gì, ông Tạ Chí Đại Trường cứ thoải mái viết sách kể về cái phi vụ Apollo của các sĩ quan quân đội cũ bị lùa vào trại tù học tập cải tạo. "*Các thùng phuy được cắt làm đôi đặt trong conex có đà gác lên trên. Lúc thùng đầy thì hai người được cắt xỏ đòn vào quai sắt làm sẵn khiêng đi đổ. Chúng tôi gọi là 'đi Apollo'... Một chuyến đổ thùng được ví von nên thơ là một "phi vụ". Nhưng chất thơ chắc không đánh bạt được mùi hôi nồng nặc, không che lấp được bầy dòi loi nhoi lúc nhúc lan ra*

ngoài thành thùng, rớt lộp độp dưới đất, nhưng dù sao sự đùa bỡn — tất nhiên trước và sau lúc 'bay' — cũng khiến người ta mạnh dạn thi hành công tác để rồi sau vài lần sẽ thấy là tự nhiên."

Cái công việc cùng mằng ai cũng muốn tránh này có thực sự là công việc hạng chót trong nấc thang xã hội chăng? Chưa chắc! Tổ chức "Nhà Vệ Sinh Thế Giới" ở Singapore vừa thành lập một trường Đại Học chuyên về toilet đầu tiên trên thế giới. Họ đào tạo chuyên gia chuyên trị về mọi loại toilet khác nhau. Những "cử nhân toilet" được huấn luyện để có thể quản trị toàn bộ các công đoạn từ việc thay bóng đèn, sửa ổ khóa, sửa chữa vòi nước đến lau chùi một cách có kỹ thuật. Lương của họ có thể vượt mức một ngàn đô Mỹ một tháng. Khóa đầu tiên sẽ khai giảng vào tháng 10 sắp tới. Trong tương lai trường sẽ có các ngành thiết kế và kiến trúc toilet!

Trong những ngày đầu nơi tù cải tạo, thỉnh thoảng có một xe căng tin vào bán cho chúng tôi những nhu yếu phẩm. Chúng tôi từng tổ xếp hàng đi mua. Hầu như mỗi người đều ôm trong tay cuộn giấy đi cầu quý giá. Mấy anh quản giáo dương mắt ngạc nhiên nhòm. Nhưng họ không hỏi gì. Chỉ khi nói chuyện với một hai người họ mới... théc méc về cái sự lạ lùng kia. Khi chúng tôi cho biết đó là giấy đi cầu, họ bĩu môi lên giọng. Các anh đúng là tiểu tư sản, đi cầu mà cũng phải có giấy chùi riêng! Với họ, chỉ cần giấy báo là quá đủ rồi. Không có giấy báo? Hề chi! Cứ bứt lá cũng xong. Rồi chúng tôi cũng tới thời kỳ lá lẩu. Cây rừng thiếu gì, nhưng được lá chuối non là nhất, thứ thượng hảo hạng đấy! Việc chúng tôi trở về với... thiên nhiên vang ra tới xã hội bên ngoài. Trong các món thăm nuôi mà người nhà mang tới, món gì cũng được gói giấy báo lớp trong lớp ngoài. Để phục vụ phần dưới và sau thân thể! Trong truyện ngắn Mùa Thơm của Lê Lô trên Văn Học số 226, tháng 7 & 8/ 2005, tả lại sự tình bà chị đi thăm nuôi em. *"Rồi chị lôi từ cái giỏ để dưới chân lên một cái túi ny lông gói trong giấy báo. Chị mở bọc giấy báo cũ vàng, trải lên bàn, lấy từng tờ ra, vuốt thẳng, miết ngón tay trên nếp giấy rồi cẩn thận gấp lại vuông vắn như khăn mui-soa. Tôi nhìn những ngón tay nứt nẻ của chị vuốt trên nếp giấy, đè lên những tít bài in đậm khẩu hiệu, các hình lãnh tụ tươi cười, các thành quả vang dội sau kế hoạch năm năm lần thứ nhất, và tinh thần hồ hởi của cả nước đang chuẩn bị tiến vô kế hoạch năm năm lần thứ hai. Chị nói dành cái ni cất đi mà lau đít. Nghe người ta nói trong ni lau bằng lá sao sạch."*

Từ một vị trí xa xôi hẻo lánh, chuồng được vào nhà lúc nào chẳng biết. Cũng chỉ mon men được tới rìa nhà, trong một vị trí kín đáo sau chiếc sân rửa. Dù sao cũng... ấm cúng hơn. Và tiện lợi cho các công nhân đổ thùng. Mai Kim gợi nhớ những ngày Hà Nội trong cuốn Giòng Sông Đỏ. *"Cầu tiêu vẫn là cầu tiêu thùng. Mỗi lần vào là cả một cực hình. Vừa nóng, vừa hôi lại có ruồi nhặng bay tứ tung. Cũng may là nhà ở phố Hàng Đào rất dài, cuối nhà ở ngõ Gia Ngư, nên người đi đổi thùng không phải đi qua nhà."*

Mon men vào được nhà, cái chỗ ngồi bon chen quá lắm. Nhích lên một chút, chúng nằm hiên ngang trong nhà. Nhích lên chút nữa, chúng cận kề với phòng ngủ. Từ một chỗ bị coi là dơ dáy bẩn thỉu, chúng đổi lốt thành một tiểu thư cành vàng lá ngọc. Chúng có vị trí trong đầu óc những người đi mua nhà. Mấy toilet, có một cái riêng trong master bedroom hay không? Đi coi nhà thì chúng được coi đầu tiên và là một trong những yếu tố chủ chốt trong quyết định mua hay không mua căn nhà đó!

Tiện nghi? Hấn là số một. Tiện lợi? Đó là cái mà người ta đang tiến tới. Trường Đại Học Vienna vừa nghiên cứu xong «toilet thông minh.» Bộ cái chỗ để ngồi lại có đầu óc nữa hay sao? Chứ gì nữa! Khi «khách» bước vào, nó đã biết kích thước để điều chỉnh tay vịn và độ cao thích hợp cho thân chủ. Khi khách đã nhẹ nhàng bụng dạ, nó biết là đã tới lúc tự động xả nước. Nhóm nghiên cứu gồm 10 chuyên gia dự định sẽ lấy bằng sáng chế và đi vào sản xuất. Hai loại điều khiển sẽ được sử dụng: hoặc bằng «thẻ thông minh,» hoặc bằng giọng nói!

Cái điện thoại nằm chết cứng trong nhà đã đi theo chúng ta bằng chiếc điện thoại di động. Còn cái chỗ ngồi thì sao? Cũng phải cho nó đi theo chứ! Công ty Daycar tại Broomsgrove ở Anh vừa cho ra lò cái chỗ ngồi di động. Nó theo chúng ta trên xe hơi. Tên nó là Indipod. Đừng vội nhăn mũi chứ. Cam đoan nó không làm phiền những người chung quanh. Khi không xử dụng, nó bằng kích thước một chiếc va ly nhỏ nặng 8 kí. Đó là một loại túi hơi như bong bóng. Khi vào việc người ta chỉ việc cắm vào chỗ châm thuốc lá trên xe để bơm nó lên với kích thước rộng một thước và cao một thước hai. Lập tức nó trở thành một căn nho nhỏ kín đáo cho

khách... hành sự. Bạn là đồng hành trong xe chăng? Cứ yên tâm ngồi đọc sách như thường, không việc gì phải bịt mũi. Một loại hóa chất đặc biệt sẽ «nuốt» đi cái mùi thiên nhiên. Hãng sản xuất Daycar mới đây đã thực hiện một chuyến đi thí nghiệm kéo dài bảy ngày tại Ý mà mọi người không phải ra khỏi xe. Chỉ sau khi chuyến đi kết thúc , số chất thải trên xe mới được đổ đi. *Indipod sẽ có mặt trên thị trường vào cuối năm nay với giá bán là 540 đô Mỹ.*

Leo lên ngồi trên xe hơi, quá trình đi lên của cái chỗ ai cũng phải lui tới chưa phải là đường cùng. Nó leo cao hơn nữa. Leo tới... bàn ăn! Vừa phải thôi chứ! Ăn là giai đoạn khởi đầu còn ngồi là giai đoạn cuối, cách chi mà... đốt giai đoạn được. Vậy mà cái chỗ ngồi nó... cách mạng được đấy. Nó bắt đầu nơi đất Tầu tổ sư ăn uống. Đầu têu là anh chàng Eric Vương, một nhân viên ngân hàng. Anh chàng trẻ tuổi dám nghĩ dám làm này đã tung hê cái chỗ ngồi tiện nghi trong nhà băng để xông pha vào nơi... tanh tưởi. Ý tưởng kỳ quái của chàng Vương phát xuất từ một câu chuyện khôi hài rất phổ biến ở Nhật. Chuyện kể một con búp bê robot chỉ thích sực phàn món bã người đựng trong bánh kem có hình con ốc. Eric Vương muốn chứng minh câu chuyện tưởng như đùa này. Anh đi bán kem đựng trong bánh có dạng hình bồn cầu trên đường phố Cao Hùng, Đài Loan. Người ta xúm lại mua kem bồn cầu. Mỗi ngày anh bán được cả ngàn... bồn dù anh đã bán mắc hơn loại kem thường từ 5 đến 10 đồng mỗi cái. Bốn tháng sau, anh tiến lên một mức. Khai trương nhà hàng Marton Theme vào tháng 5/2004. Cái tên Marton được nhái theo âm Matong của tiếng Hoa có nghĩa là "nhà vệ sinh." Tất cả tô, đĩa, chén trong nhà hàng đều được làm theo hình dáng cái bồn cầu Tây phương hoặc bệ xí chồm hổm của Nhật. Thực khách kéo tới nườm nượp để được thưởng thức... đặc sản được đựng trong những bồn cầu cẩn hoa và vỏ sò, bồn tắm nhiều màu sắc; vòi nước , kiếng soi, màn tắm trang trí như trong một tiệm bán thiết bị vệ sinh.

Từ cái thân phận bị hất hủi ngoài góc vườn, anh toilet đã xâm nhập vào trong nhà và nằm yên ấm bên cạnh phòng ngủ, anh ấy đã bằng lòng chưa nhỉ? Tôi e rằng chưa. Anh ấy còn ngoi lên làm... văn hóa nữa! Một họa sĩ nổi tiếng tặng ông bạn thân một bức tranh ưng ý để bạn treo trong nhà. Khi họa sĩ tới chơi, ngồi ngoài phòng khách, có ý nhìn mà chẳng thấy tranh của mình đâu. Ngồi lâu, anh vào toilet mới tá hỏa khi thấy bức tranh yêu quí ngự trị trong đó. Anh tức giận, vấn ông bạn. Ông bạn điềm tĩnh trả lời. Nói thực với toa, chỉ treo ở trong đó moa mới có thời giờ ngắm tranh của toa. Moa quý tranh của toa lắm đó!

Nhà văn Võ Phiến là một người có những nhận xét rất tinh tế. Ông phân vân tại sao ngày xưa trong nhà thường có một phòng đọc sách mà ngày nay, dù nhà sang trọng và rộng rãi đến thế nào chăng nữa, cái phòng văn hóa này hầu như biến mất. Ông đã diễn tả nỗi mất mát này trong câu chuyện với nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. *"Thành thử cái sự kiện con người xa sách, nó không phải chuyện bất thường, tạm bợ, ngẫu nhiên. Xa này là xa hẳn, là dứt khoát. Sự xa rời ấy đã ăn vào nếp sống, vào tập tục ngày nay, nó âm thầm ảnh hưởng tới quan niệm của ngành kiến trúc mới lúc nào không ai hay. Cái sự mất đi phòng sách là sự quan trọng: mất phòng là mất đền, mất đạo. Bất luận cái phòng ấy chứa đựng một nội dung phong phú hay nghèo nàn, nó tiêu biểu một nhu cầu. Không còn nó nữa là không còn một nhu cầu."* Vậy thì sách báo, chúng nằm ở đâu? Cũng chính nhà văn Võ Phiến đã điều tra ra nơi ở mới của... văn chương. *"Ở Mỹ bây giờ thỉnh thoảng bên mép bồn tắm có tờ tạp chí đặt úp mặt xuống để làm dấu một trang đang đọc lỡ dở, thỉnh thoảng trên nắp thùng nước ở cầu tiêu cũng có cuốn sách bị bẻ gấp một trang đánh dấu đang đọc..." (Đàm Thọai, nxb Văn Mới)*

Hóa ra là thế! Lui tới nhà bạn bè, người thân, tôi cũng đã nhiều lần thấy sách báo ẩn núp trong nhà cầu. Thấy thường quá cũng phải sinh ra thắc mắc. Tại sao cái nhà cầu lại tham lam quá đáng như vậy? Vấn một anh bạn sau khi giật nước đi ra. Nói thực với toa, moa thấy đọc sách trong lúc ngồi đồng là thú vị nhất! Vấn một anh bạn khác. Toa nghĩ thử coi, chỉ có lúc ngồi trong đó mình mới có thời giờ ngó qua sách báo, ngoài lúc đó ra, giờ đâu? Tôi ngẫm nghĩ. Chịu. Trả lời chi được khi chính mình sáng sáng cũng vớ vội tờ báo trước khi vào chỗ ngồi mà cũng chỉ đủ thời giờ liếc qua được mấy hàng tít chính. Ông anh tôi mỗi khi chạy vào nhà... kín, dù khẩn cấp thế nào đi chăng nữa, cũng phải vơ vội được một cuốn sách trước khi khép cửa. Vừa ấy vừa đọc thú vị lắm, cậu cứ thử coi thì biết!

Cái đứng hạng chót trong tứ khoái ngày nay

lại bầu bạn mật thiết với văn hóa đến như vậy chăng? Văn hóa phải chăng đã xếp hàng thành... đệ ngũ khoái?

Còn cái khoái làm thơ của các thi sĩ của chúng ta phải chăng cũng bít bùng trong toilet?

Làm thơ ơi hỡi làm thơ
cầm lên bỏ xuống một tờ giấy trơn
nước đâu tắt nghẽn giữa bồn
mẹ ơi, cá mú làm răng chết chìm?
(Hoàng Xuân Sơn)

09/2005

TƯỚI

Từ đứng, vị trí gần trời nhất, đến nằm, vị trí sát đất nhất, con người có bao nhiêu tư thế, tôi không cần biết. Nhưng tưới thì có hai thế. Thế đứng và thế ngồi. Chuyện tưởng như không quan trọng mà lại thành quan trọng. Cũng bởi cái khoảng cách giữa trời với đất. Nhưng cũng bởi cái giới tính của người đứng và giới tính của người ngồi. Đứng là một vị thế dõng dạc, ngang nhiên trong khi ngồi là một vị thế lè xè, khiêm cung. Một giới cất cao đầu vắt dòng nước ngang với trời, một giới túm tím thi đua với cỏ cây, phiền là ở chỗ đó.

tiếng nước đái
nhỏ giọt
trong bồn cầu tí tách
thứ nước ấm sóng sánh vàng
hổ phách
trong người tôi tuôn ra
phải rồi\tôi là đàn bà
hạng đàn bà đái không qua ngọn cỏ
(Nguyễn Thị Hoàng Bắc)

Vậy là có chuyện. Chuyện thân phận chứ không phải giỡn. Thân phận ngồi và thân phận đứng.

một lần
giải thủy phất phơ dòm sau ngó trước
bụi
bờ ở đâu
cũng liều mưa
xuống gậm cầu
ơn em vũ lộ
ướt
đầu tóc xưa.
(Hoàng Xuân Sơn)

Hiên ngang tưới như vậy, môn phái vòi rồng làm nực lòng môn phái hoa sen là phải. Nắm đầu ai mà hỏi han cho ra lẽ? *Tạo hóa sinh chi cuộc hý trường?* Cứ cái anh... kỳ thị này mà vấn cho ra ngô ra khoai. Nhưng anh ta ở xa tít mù khơi, vấn chi nổi. Một ông muốn thay quyền con tạo để mang lại công bằng. Ông sáng chế ra chiếc bồn lòng vòng để cho môn phái hoa sen cứ đứng mà làm phận sự. Hay, nhưng chuyện này xưa rồi. Tại những vùng quê phía Bắc nước ta, trước cửa mỗi nhà, người ta thường để một cái lu thấp để lạc quyên nước tưới ruộng tưới vườn. Phe vòi rồng cứ đứng mà gia ơn, phe hoa sen thường trang bị một chiếc váy đen, và chỉ một chiếc váy đen, cũng hiên ngang đứng theo thế cân phân trên miệng lu mà mưa móc. Bình đẳng cách chi đâu!

Bình đẳng là tư thế đầu đời khi mọi người bỗng thấy mình có mặt trong cuộc sống này. Cứ nằm phè ra mà tưới. Thằng cu hay cái hĩm đều như nhau. Tiến lên đến tư thế bò, đi, chạy, được trang bị bằng một chiếc tã, vẫn cứ như nhau. Khi được giải phóng khỏi sự bao bọc mà tối ngủ vẫn cứ dẫn thủy nhập điền một cách tự nhiên là có vấn đề. Thế nào là tè dầm? Khi đến tuổi đáng lẽ phải biết kiểm soát sự... tháo nước trong người, con gái là năm tuổi con trai sáu tuổi, mà không có khả năng kiểm soát, tối ngủ cứ thản nhiên tưới trên giường là thuộc diện cá biệt. Có khoảng từ 3% đến 8% từ năm đến 12 tuổi và khoảng từ 2% tới 5% từ 12 tuổi trở lên đến vị thành niên vẫn đỏ mặt mỗi khi ngủ dậy phải thu dọn chiến trường. Bố mẹ có thể bị phiền hà nên la lối con cái nhưng cũng nên nhớ đái dầm là một bệnh di truyền! Nếu bố hoặc mẹ thuở nhỏ bị bệnh đái dầm thì 40% con cái cũng rứa. Nếu cả bố và mẹ thuở nhỏ đều gây ra lụt lội thì 70% tới 75% con cái cũng... nối dõi! Tè dầm do nhiều nguyên nhân: khả năng phát triển bàng quang không tốt, bàng quang quá nhỏ, không kiểm soát được hoạt động của ống dẫn tiểu, không kiểm soát được hoạt động của bàng quang, chậm phát triển hệ thống thần kinh... Khi bàng quang đã đầy nước tiểu mà bệnh nhân chưa muốn thức giấc là tá họa! Cha mẹ thường đổ lỗi cho con trẻ ngủ say nên mới nên nông nỗi nhưng thật ra đái dầm không liên quan tới giấc ngủ mặc dầu trẻ lớn thường thức giấc kịp thời để chạy ra nhà số 1 nên ít phóng ra giường. Trẻ có những chứng bệnh như tâm lý căng thẳng, ngủ ngáy lớn vì bị thịt dư trong cổ họng, đi tiểu thường xuyên vì bị nhiễm trùng đường tiểu, bệnh đái tháo, bệnh thận, bị nghẹt đường tiểu... thường bị tè

dầm.

Muốn chữa bệnh đái dầm thì cho ăn... nhện nướng! Đó là một cách chữa mẹo. Hiệu quả ra sao, chẳng có thống kê nào để kiểm chứng. Thuốc tây thì có: oxybitunin chloride (Ditropan), Imapramine HCL (Tofranil), Desmopressin acetate (DDAVP). Dùng thuốc nào cho trường hợp nào thì phải hỏi bác sĩ. Tuy nhiên, bố mẹ cũng có cách... phòng chống đái dầm riêng như: hạn chế cho con uống nước, đánh thức con dậy đi tiểu, hạn chế ăn chocolate, uống sữa, nước cam, trà, coca-cola... Đái dầm không phải là cái tội nên chẳng nên trừng phạt. Trái lại, cần phải giúp đỡ trẻ vượt qua khó khăn, lấy lại tự tin để tự cải thiện. Ngày nay, người ta đã chế ra dụng cụ chống đái dầm. Dụng cụ này được nối với đồng hồ báo thức và gài vào trong quần của đương sự. Khi trẻ vừa dấm đài, quần có độ ẩm cao, đồng hồ reo vang đánh thức trẻ dạy chạy vào toilet!

Nhưng mỗi ngày chạy khẩn cấp ba chục lần thì đồng hồ nào báo cho nổi. Đó là trường hợp bà Arline Nielson ở ngay Montreal này. Năm nay 73 tuổi, bà bị bệnh không nín tè được, thua xa bà dân biểu nín tè năm xưa ở Hạ Viện. Bà được Bác sĩ Jacques Corcos, Trưởng khoa Tiết Niệu của bệnh viện Jewish General Hospital điều trị bằng cách chích Botox vào bàng quang. *Botox?* Vâng, đúng là cái chất các bà thường chích vào mặt để làm đẹp đấy! Ông bác sĩ tài ba này đã tìm ra là cái chất thường được nghĩ là liên quan mật thiết với các thẩm mỹ viện này có thể cải thiện được chức năng giữ nước tiểu của bàng quang tới 65%. Ông đang chữa trị cho 50 bà trên 60 tuổi và kết quả khá khả quan. Vào giữa tháng 9/2005 vừa qua, trong một Hội nghị của ba ngàn chuyên gia về tiết niệu được tổ chức tại Montreal, ông đã công bố khám phá này. Ngay từ năm 2001 ông đã bắt đầu thử nghiệm và cho rằng trong tương lai, với sự ấn định liều lượng botox chính xác hơn và với việc nghiên cứu chỗ chích thích hợp hơn, liệu pháp này sẽ có kết quả hơn.

Chuyện tưới tưởng chỉ là chuyện sè sè thôi, ai ngờ nó cũng có trăm đường tưới. Biết cách tưới thì nó cũng công hiệu cho sức khỏe ra gì. Đó là túi khôn của nhà thơ Xuân Diệu. Nhà văn Tô Hoài, trong cuốn «Cát Bụi Chân Ai» cho biết đã được Xuân Diệu khuyên bảo một cách thân tình như thế này. *«Xuân Diệu khuyên tôi phải biết quý miếng ăn. Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái thì cắn chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khỏe chẳng kém hàng ngày uống vitamin B. Xuân Diệu bảo bí quyết dưỡng sinh gia truyền ấy, ông thân sinh đã dạy từ khi còn bé. Tôi cảm tưởng Xuân Diệu ăn uống chẳng bao nhiêu, nhưng ăn cố. Không phải Xuân Diệu ăn, mà một người nào khỏe gắp hộ, biến Xuân Diệu thành con ma ăn, trông đến thương.»*

Xuân Diệu luôn luôn bị ám ảnh vì cái ăn, còn Nguyễn Tuân thì chỉ mê cái uống. Tưới mà cắn chặt hai hàm răng lại đâu có hào sảng như cách tưới của Nguyễn Tuân. Cũng Tô Hoài kể lại. *«Giữa trưa, xe lửa chạy Lào Cai. Đường sắt này mới chữa lại năm trước... Khách vắng, cả cái toa hạng ba chỉ có Nguyễn Tuân, Văn Cao với hai két bia mang theo. Người nhà tàu đội mũ lưỡi trai vui tính và chiều khách, không cho ai lên thêm toa ấy. Và cũng uống bia chan hòa với chúng tôi. Mới lưng cốc đã mặt đỏ găng. Không biết uống, nhưng vì thích các ông khách quá... Người coi toa say bia, đi ngủ từ chập tối. Nhưng vẫn nhớ công việc, anh khóa trái cửa hai đầu toa rồi chúi đi nằm đâu không biết. Làm thế nào, buồng vệ sinh ở phía ngoài. Mà hai két xách theo chứa những hai mươi bốn chai bia Trúc Bạch uống cả đêm nay. Thế mà rồi cũng xong. Bởi vì cửa sổ tàu vẫn mở.»*

Xả xuống những lùm cây đám cỏ hai bên đường tàu, có chết thằng tây nào đâu! Nhưng đó là một cái thú. Cái thú tôi đã được hưởng khi đáp tàu từ Saigon đi Quy Nhơn vào đầu thập niên 60. Trời tối, ánh trăng lờ mờ, cỏ cây hai bên đường sắt lươn lướt trôi đi như mặt biển. Chúng tôi, cùng chung một toa tàu nhưng có ai biết nhau đâu, vậy mà cứ hai người một, đứng vắt vẻo hai bên bực thang lên xuống, vẽ những đường nước cong theo gió dưới ánh trăng, lòng lâng lâng hưởng một thứ tự do hiếm có. Như một... tiểu Quận công!

Tưới như vậy chỉ là một cái thú khơi khơi. Tưới nên vợ nên chồng mới là cái tưới... duyên nợ! Trong truyện ngắn "Lạt Mềm Buộc Chặt" (Tạp chí Văn, số tháng 7 & 8, 2005), nhà văn Phan Thị Như Ngọc vi vút: *"Nghe tôi hỏi bí quyết làm sao để lấy được chồng Sương vui hẳn, cười sằng sặc. Mụ kể hồi mười tám tuổi ở khu B. L. bom pháo ác liệt lắm. Có lần đụng trận mụ bị hơi bom dồn tức ngực, thêm phi pháo dập, chịu không nổi, ngất luôn. Thằng cha chỉ huy hét, đứa nào đái vô mặt con Sương cho nó tỉnh coi. Mấy cha sồn sồn chối không mắc không*

đái được. Rốt cuộc, thằng Trung bị phân công. Khi Sương mở được mắt, nhìn lên thì thấy... Tôi cũng cười, hay thiệt, sao nữa mày. Sương thở dài. Tao ướt hết tóc tai mặt mũi, khai không chịu nổi. Còn thấy nhãn tiền cái vòi phun nước của nó. Tao khóc hu hu. Nó cũng chết trân, đỏ mặt. Sau trận đó, tao với nó xin đổi công tác, tổ chức không cho thì chớ, còn bắt tao đền cho nó. Đền làm sao? Thì lấy nhau. Vậy là có chồng chứ tán tỉnh yêu đương gì đâu... "

mối nối của lớp vải đã phai mầu. Thỉnh thoảng ông tôi lại ấp cái áo lên mặt, hít vào thật sâu như là muốn chút mùi hương còn vương lại trong áo bà tôi có thể thẩm thấu vào tận đáy phổi của người. Đôi môi ông hơi mấp máy. Trong cái yên tĩnh của buổi chiều tà, tiếng thì thầm của ông lan trong căn phòng nghe như tiếng gió rì rào, nhẹ nhàng cất lên những lời âu yếm với người vợ đã khuất. Cung cách đặc biệt này đã trở thành một thứ nghi lễ của ông tôi kể từ ngày

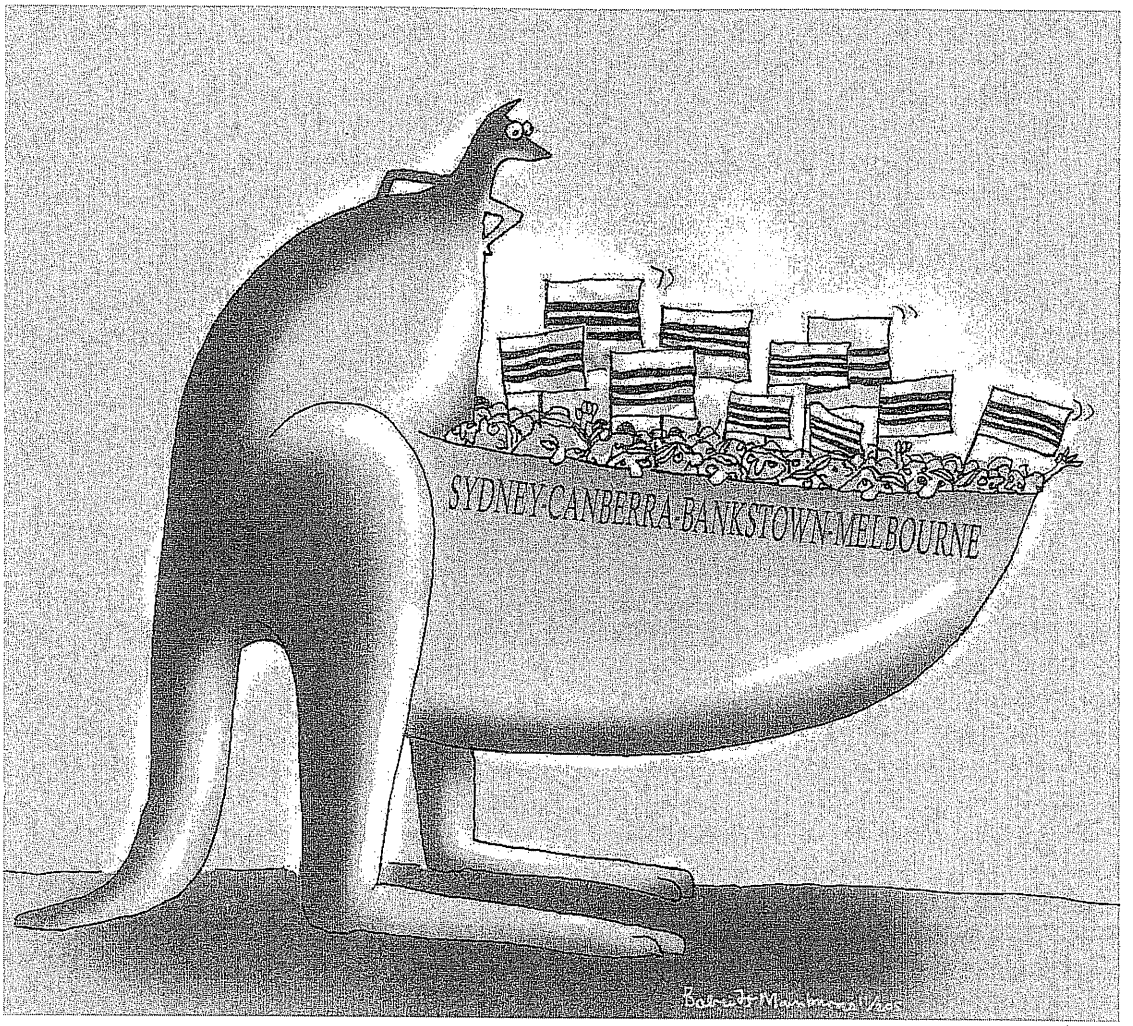

Nhưng tưới kiểu như ông ngoại của nhà văn Kiên Nguyễn lại là kiểu tưới khi đã nên vợ nên chồng! Chính anh đã kể trong cuốn «The Unwanted,» bản dịch của nhà văn Nhật Tiến mang tên «Thân Phận Dư Thừa.» Sau ngày bà ngoại anh mất, ông ngoại anh nhiều lần mở một cái áo cũ của vợ ra ngắm nghía. "*Hai mắt ông nhắm lại, những ngón tay tật nguyền vì phong thấp cứ vuốt mãi lên những đường viền, những bà tôi qua đời. Đôi khi, cái cảm giác dường như bà tôi vẫn còn lẩn khuất đâu đây trong căn phòng với ông tôi khiến tụi tôi phát khiếp... Đôi mắt ông trầm ngâm, những ngón tay mò mẫm lướt nhẹ trên chiếc áo dài nhung đen đơn giản, có hàng cúc bạc lớn và cái cổ cao theo truyền thống. Một vệt ố bẩn dài làm đổi mầu kéo từ vai xuống tận phía dưới bụng.*»

Cái áo dài này bà ngoại của tác giả, khi sinh

tiền, rất ưa thích. Bà mặc trong mọi dịp quan trọng: đi mua sắm, đi ăn tối tại nhà hàng Le Colonial, đi dự lễ ngày ông chồng lên chức Đại úy, đám tang đứa con trai út... Nhưng tại sao chiếc áo có vệt ố bẩn chạy dài từ vai xuống phía dưới bụng?

«Để ông sẽ kể đầu đuôi cho cháu nghe. Chuyện bắt đầu vào một đêm trăng tròn, đẹp, lúc ông bà vừa đi ăn tối trở về. Bà ngoại bỗng nổi cơn ghen bậy. Cháu chưa thấy bà ngoại nổi cơn ghen đâu, còn hơn là sư tử Hà Đông. Mà càng ghen tuông càng dễ khiến cho con người ta làm những điều khờ dại... Tối đó, ông muốn đi ra biển hóng tí gió mát cho nó tiêu cơm. Chẳng hiểu sao bà lại không tin, bà lén đi theo cách xa chừng ba chục thước để dò thám. Ông biết là bà theo dõi ông nhưng làm bộ như không biết. Ông đi lạch bạch như con chim cánh cụt trên bãi cát để cho bà thấy mắc cỡ mà bỏ về, nhưng bà vẫn theo ông sát nút. Cuối cùng, ông đứng lại, vươn vai nói thật to để bà có thể nghe được: «Ui da, mắc tiểu quá, đái ở đâu được bây giờ nhỉ?» Ông nghe thấy tiếng bà nhảy vào một bụi thông. Chờ một lát, ông quay ngược lại bước thẳng tới cái bụi. Cái đầu tóc bả đen thùi lùi, ông còn thấy rõ, nhưng làm bộ đui, ông kéo khóa quần, nhắm ngay tóc bà mà tiểu xuống. Bà ngồi lặng không nhúc nhích, ngay cả đến một cái nhích bắp thịt, nhưng ông có thể nghe thấy lời rủa thầm trong nhịp thở của bà. Rồi ông huýt sáo, chỉnh tề lại, lẩm bẩm khi bước đi: 'Đây là hiệp một. Chắc lại sắp phải xả thêm hiệp hai.'. Vẫn không có một lời nào. Bà ngồi tỉnh queo, chờ ông cuốn gói ra khỏi tầm mắt.»

Tưởi như thế kể đã là hi hữu. Nhưng tưởi như Phan Thị Như Ngọc thì cổ kim chỉ có một. Phải có nhà thơ của thần thoại Bùi Giáng thì kiểu tưởi độc nhất vô nhị này mới thành được. Chuyện do chính đương sự, Phan Thị Như Ngọc, kể lại trong bài "Ba Ngày Bùi Giáng" trên tạp chí Văn, số tháng 5&6 / 2005. Cô quen một tăng nhân trú tại một phòng trong Viện Đại Học Vạn Hạnh. Từ Đà Lạt, cô tới với người yêu, với một cành hoa đào. Phòng đã có thêm Bùi Giáng mới dạt về ở chung. Chàng phải cuốn gói xuống ngủ trong thư viện, để nàng chung phòng với nhà thơ. Phòng nóng và tù túng, cô sợ khi chung phòng với một ông già lúc tỉnh lúc điên. Buổi tối, cô cuộn mình trên giường, không ngủ, cũng không đọc được gì. *"Thấy tôi vào nhà tắm, Bùi Giáng bật dậy, vào theo. Tôi tái mét. Ông ta ôn tồn. Cho coi một chút thôi. Cô ngồi xuống tưới cỏ cây đi, tui nằm coi. Mát mẻ con mắt vậy mà, mai mốt cỏ trên mồ cũng mát theo. Trời ơi! Toàn « m» - mát mẻ, mai mốt, mồ mả, mắt mũi... lùng bùng đầu óc. Tôi không giận, và cũng nghĩ ông không đùa giỡn, suồng sã. Chỉ là ngạc nhiên. Sao lại là lúc này, lại là tôi. Những «mẫu thân» của ông đâu hết? Tại sao ông trở đi trở lại câu thơ Nguyễn Du " Sè sè nấm đất bên đường / Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh " khi nằm nhai gạo lức trong bóng đêm?»*

Cô gái quyết định sẽ trở về Đà Lạt vào buổi trưa. Bùi Giáng đi đâu không biết. Giường chiếu như bãi chiến trường. Giấy tờ với nét chữ trẻ con vương vãi. Một mảnh giấy có chiếc dép chặn ngang, nằm dưới đất, rõ ràng viết cho cô: «Đợi một ngày, còn chuyện nhờ đó.»

"Chuyện nhờ vẫn là chuyện cũ, song thái độ thiết tha và ánh mắt trẻ con rưng rưng chỉ cần tôi nói không là òa khóc khiến tôi cầm lòng không được, lẩy câu Kiều: "Đã lòng dạy đến, dạy thì xin vâng" trút bỏ xiêm y, ngồi xuống, và mưa. Bùi Giáng nằm dán mắt nhìn mưa móc cỏ hoa và mặt đất tràn bờ, dập dềnh. Mặt ông chói rực luồng sáng riêng tư, hoàn toàn không thể hiểu biết và chia sẻ. Mái đầu nhiều tóc bạc, gương mặt dãi dầu, gầy gò, hai tay nhăn nhúm đen xạm... tất cả như nở hoa, hân hoan từ mặt đất, mặt nước trên lầu bốn. Dưới đường vẫn ngược xuôi xe cộ, tiếng động của đời sống con người vẫn vọng lên đầu đặn. Không ai biết mắt người điên Bùi Giáng vô cùng trong sáng, đẹp sững sờ!»

Tôi chép lại hai đoạn thơ của Bùi Giáng trong cuốn "Mưa Nguồn," chẳng biết ông làm lúc nào!

Một hôm nào em mở cửa đầu khe
Và bữa đó đến bây giờ cỏ rạ
Thi nhau mọc mặt trời lên lả tả
Bông lúa chín trong rừng kêu tiếng lá
Chóc chim xanh đòi đẻ trứng bây giờ.
Một đoạn khác.
Thưa em buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nức nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành.

09/2005

Website: www.songthao.com

Tìm mộ Nam Cao

TRẦN CÔNG NHUNG

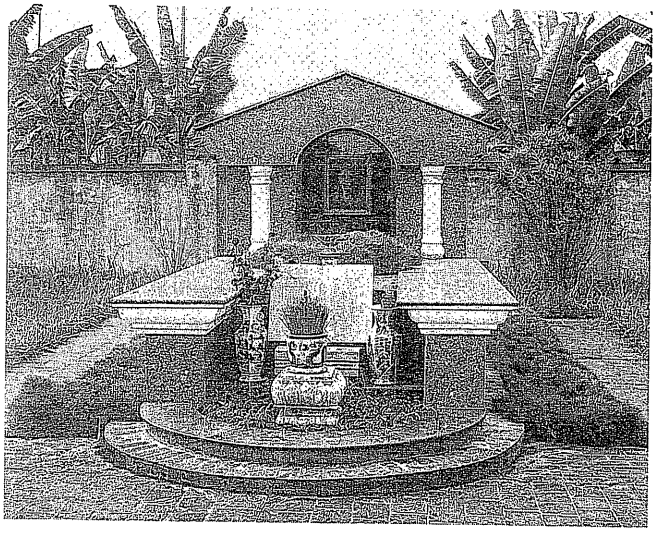

Trong buổi gặp gỡ với một số anh em văn nghệ ở Bắc Giang, tôi được nghe câu chuyện "Tìm Mộ Nam Cao," câu chuyện có vẻ huyễn hoặc, mê tín nhưng là câu chuyện thực, xẩy ra ở nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ 20.

Nhà Văn Nam Cao, một trong những ngôi sao sáng của dòng Văn Học cận đại. Nói đến Nam Cao là nhớ ngay đến Chí Phèo, tác phẩm đã vẽ những nét sắc bén, cay độc của xã hội thời Nam Cao. Nhân vật Chí Phèo, Thị Nở xuất hiện (năm 1941) như những mũi tên bén nhọn vạch thẳng vào cuộc đời của những con người tưởng không còn gì hơn con vật, những nét thật sắc, khiến cho xã hội không thể làm ngơ, bỏ quên. Chí Phèo ra đời như một báo hiệu nghiệp chướng (1) của nhà Văn Nam Cao.

Nam Cao tên thật Trần Hữu Trí giấy khai sinh ghi ngày 29 tháng 10 năm 1917 (2) tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Song, nay là xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông đã ghép hai chữ của tên tổng và huyện làm bút hiệu: Nam Cao.

Trong khi trà nước, tình cờ có người nhắc đến Nam Cao. Một anh khẳng định:

- Nam Cao chết là do Tố Hữu, chính Tố Hữu, Phó Thủ Tướng đặc trách kinh tế đã cử Nam Cao về Ninh Bình thu thuế nông nghiệp nên bị Comando Tây giết. Trong dịp tìm mộ Nam Cao, Tố Hữu đã hối hận nói: "Giá tôi đừng cử Nam Cao đi..."

- Bây giờ mới "giá buốt" thì nói làm đếch gì!

Câu chuyện có nhiều bí ẩn, tôi tò mò:

- Các anh bảo "tìm mộ Nam Cao," sao lại tìm?

- Vì lúc Tây bắn (1951) nó chôn chung bốn thi thể một hầm, lấy được xác về chôn nơi khác, rồi cải táng bị mưa gió thất lạc tên, cuối cùng nằm chung với những mộ vô danh. Đến năm 1994 bà Trần Thị Sen, vợ Nam Cao mới làm đơn yêu cầu Ủy Ban Unesco Việt Nam tìm giúp mộ chồng.

- Ủy Ban này đã khởi xướng việc tìm mộ Nam Cao rộng rãi trong mọi tầng lớp quần chúng, ai có tin tức gì về mộ Nam Cao, kể cả chuyện bói toán, nằm mộng, các nhà ngoại cảm... Tổng cộng có 40 tổ chức tham gia tìm mộ Nam Cao, từ Hội Nhà Văn, Đài Truyền Hình, ...quân đội, nhân dân...

Chuyện thật ly kỳ, tôi hỏi thêm:

- Thế rồi diễn tiến việc tìm mộ rao sao, và nay mộ nhà văn nằm ở đâu?

- Ôi dông dài lắm, cuối cùng thì cũng đưa được Nam Cao về quê ông ở Đại Hoàng. Muốn rõ mọi chuyện về Hà Nam hỏi em Nam Cao, cụ Trần Hữu Đạt là biết.

Bị kích thích về chuyện "tìm mộ Nam Cao," tôi rủ anh bạn quê Bắc Giang cùng đi, vì chính anh cũng là một thành viên trong ban tổ chức tìm mộ.

Về Hà Nội, tôi sắp xếp ngay chương trình đi Hà Nam, vì không còn mấy nữa đã đến ngày về lại Mỹ. Hà Nam không xa Hà Nội bao nhiêu, tôi đi qua hoài trên những chuyến tàu vào Nam ra Bắc, nhưng chưa dừng chân lần nào.

Chúng tôi đồng ý sáng thứ bảy, hẹn nhau 6 giờ tại ga Hàng Cỏ. Từ đây đi xe Buýt ra ga Giáp Bát, rồi đi xe Gáp Bát Phủ Lý. Đi sớm để mọi việc gọn trong ngày. Thế mà 6 giờ 30 gọi phone vẫn nghe: "Số máy thuê bao quí khách vừa gọi hiện không liên lạc được." "Không liên lạc được"

thì đi một mình. Ra ga Giáp Bát, bắt ngay chuyến xe đi Nam Định, đến Phủ Lý tôi nhảy xuống.

Thị xã Phủ Lý không lớn, trông bề ngoài còn kém hơn nhiều thị trấn huyện lỵ. Nhiều người cho biết, trong thời kỳ chiến tranh, Phủ Lý bị san bằng nhiều lần, nay vẫn chưa xây dựng được bao nhiêu. Ghé vào một quán nước hỏi thăm đường về làng Đại Hoàng, cũng may, bà chủ quán, người gốc Hà Nam nên rất rõ vùng quê Nam Cao.

- Ông vào ngã ba trong đây đón xe về Vĩnh Trụ, từ đấy ông đi xe ôm.

- Xe ở đâu về Vĩnh Trụ hả bà?

- Xe Hà Nội.

Tôi mua chai nước rồi thả bộ dọc theo khu phố. Điện thoại rung lên trong túi, ông bạn giọng ngái ngủ:

- Ông đang ở đâu?

- Phủ Lý. Chờ ông hơn nửa tiếng, không gọi phone được tôi phải đi. Từ Phủ Lý về Đại Hoàng bao nhiêu cây?

- Hai mươi cây.

Vào ngã ba, nơi đây có con sông Đáy chảy qua nhưng cảnh không có gì đẹp, sông nhiều lục bình, nước đục như nước sông Hồng. Đợi mãi mới có chuyến xe rẽ về hướng bà quán chỉ, tôi đón nhảy lên nhưng xe đi Thái Bình. Kêu lắm phụ xe mới cho xuống. Ai đời mình nhầm xe mà họ cứ đòi chở để lấy tiền. Cuối cùng phải mặc cả đi xe ôm. Đi Vĩnh Trụ thì được, mà về Đại Hoàng, anh xe có vẻ mù mờ. Người Hà Nam mà không biết Nam Cao, đúng là "vô duyên đối diện bất tương phùng." Suy cho cùng, đói cơm dốt chữ thì "Cao Thấp" biết cũng chẳng để làm gì.

Về thị trấn Vĩnh Trụ, tôi gặp được cậu chạy xe nhanh nhẹn, biết mộ Nam Cao, biết cả Chí Phèo... Từ Vĩnh Trụ về Đại Hoàng cũng khá xa, hơn 20km, thế nghĩa là từ Phủ Lý đi Đại Hoàng hơn 40km. Ông bạn đã tự động rút ngắn nửa đoạn đường cho tôi đỡ sốt ruột!

Hà Nam là tỉnh có nhiều đồng chiêm trũng, đất phù sa nên ruộng vườn chỗ nào cũng xanh tươi. Xe ngon đường cứ chạy mãi, qua bao nhiêu cánh đồng mà chưa thấy mộ, hỏi người đi đường, đúng là đang về quê Nam Cao nhưng còn xa. Măn mo mãi, cuối cùng phải nhờ người địa phương chỉ cho. Lúc bấy giờ, anh xe mới à: "Chỗ này em có chở một sinh viên đến chụp ảnh, nhưng không nghe anh nói gì nên không nhớ." Từ ngoài đường cái nhìn vào, thấy ngay khu Nhà Tưởng Niệm khá bề thế. Nhà xây theo lối mới song nóc mái cũng như đầu hàng cột trước hiên trang trí hoa văn theo lối chữ triện, kiểu nhà nửa ở nửa thờ. Cửa ra vào là cửa xếp bàn khoa rộng 3m là ít, cửa sổ lá sách hai bên lớn không kém. Trên khung cửa chính có đắp hàng chữ "Nhà Tưởng Niệm Nhà Văn Liệt Sỹ Nam Cao." Hai chữ "Liệt Sỹ" làm cho tôi liên tưởng ngay đến cảnh nghèo nàn hiu quạnh hoang phế của nhà văn Nguyên Hồng (3). Điều này nói lên Việt Nam chưa có một tổ chức độc lập thẩm định công trình của văn nghệ sĩ để lưu giữ bảo tồn. Mọi định đoạt giá trị đều do Đảng và Nhà Nước, những ai ca ngợi Đảng hay chết vì Đảng mới được vinh danh. Điều này sẽ để mất nhiều kho tàng quí báu của nền học thuật đối với thế hệ mai sau.

Trước sân Nhà Tưởng Niệm có nhiều bồn cảnh nhưng chưa trang trí bao nhiêu, hoặc giả lâu ngày không săn sóc cây chết, để bồn không. Bên hông phải Nhà Tưởng Niệm là mộ nhà văn, làm theo lối mộ người Thiên Chúa Giáo, tất cả bằng đá rửa công phu, nằm trong vòng tường có cổng sắt khóa lại. Trên đầu mộ, bức ảnh chân dung rất trẻ, có lẽ chụp năm nhà văn mất? Bức ảnh quá lớn không cân xứng với thiết kế chung.

Đi quanh một vòng không thấy ai, cửa kín mít. Đang lay hoay thì có người đàn bà đi chợ về, bảo người trông coi ở phía sau. Tôi nhờ chị gọi giùm. Một lát có cậu bé đi ra, biết là khách phương xa đến viếng nên cậu ta vui vẻ mở cửa.

Bên trong, giữa có bàn thờ chạm trỗ công phu song hình dáng đã cách điệu, không như tủ thờ cổ điển. Lư nhang chân đèn bình hoa... theo lối "ngũ sự," có phần hơi rườm rà luộm thuộm, chỉ có pho tượng đồng bán thân là sắc sảo, uy nghi. Theo tôi, thờ tự đối với những người làm văn hóa nghệ thuật nên đơn giản cô đọng, phải gợi lại được điều gì đó của nhà văn, còn như thờ ông Địa thì không hay. Nghĩ vậy thôi chứ có được một nơi để nhang khói là quí rồi.

Chung quanh tường treo nhiều tranh ảnh liên quan đến cuộc đời hoạt động của Nam Cao. Nhiều tủ kính trưng bầy những tác phẩm đã xuất bản. Có nhiều cuốn viết về Nam Cao tôi mới thấy lần đầu:

Nam Cao người kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực.

Nam Cao Đời Văn và Tác Phẩm.

Nghĩ tiếp về Nam Cao...

Những phương diện chủ yếu của thi pháp văn xuôi tự sự Nam Cao...

và nhiều nữa.. Có bộ sưu tập những bài viết của Nam Cao trong báo Tiền Phong, tờ báo của Hội Văn Hóa Việt Nam trước 45.

Một lô sách viết về Nam Cao, nhưng lướt qua những tiêu đề của sách tôi thấy lê thê nặng nề đến mệt. Về ảnh cũng khá đầy đủ, ảnh tư liệu rất quí từ thời Nam Cao còn là học sinh. Hình ảnh chung với các Văn nghệ sĩ khác... trong số có ảnh Nhà thờ Vĩnh Đà xã Nhân Mĩ, nơi làm phép cưới – Căn nhà Nam Cao ở trước năm 42 – Thầy trò trường Thành Chung Nam Định (36-40). Một khung ảnh lớn gồm chân dung những người trong gia đình Nam Cao:

Mẹ: bà Trần Thị Minh (1895-1980), vợ: Trần Thị Sen. Trần Hữu Đạt (em trai), Trần Thị Khiết, Trần Thị Trinh, Trần thị Chánh (em gái).

Hình ảnh về công cuộc tìm kiếm mộ, khai quật mộ khá đầy đủ... Ảnh cánh đồng Miễu Giáp, Gia Phiến, Ninh Bình nơi Nam Cao bị bắn. Toàn bộ tài liệu để trưng bầy chứ không bán

- Nhà Tưởng Niệm có từ năm nào hả cháu?

- Dạ, có từ tháng 11 năm 2004.

- Còn mộ đưa về năm nào?

- Dạ, 1998

- Nhà cụ Trần Hữu Đạt đi lối lào? Có gần đây không?

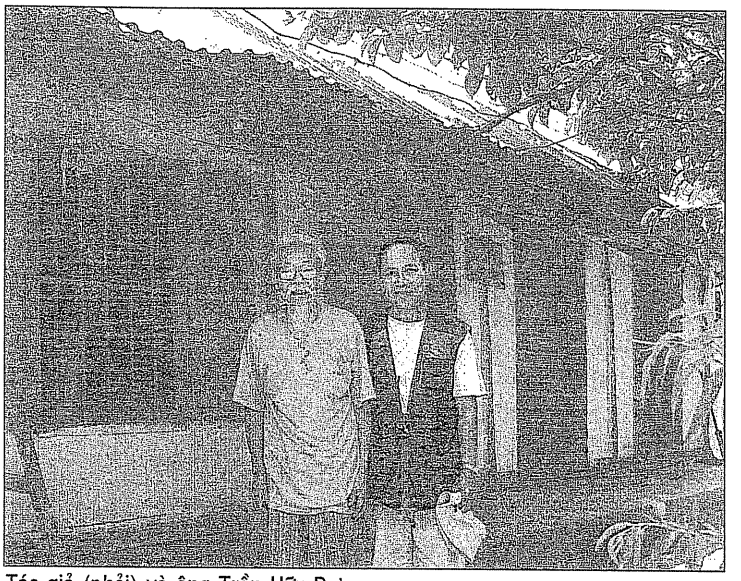

Tác giả (phải) và ông Trần Hữu Đạt

- Bác qua bên kia đường vào trong xóm chừng vài trăm mét, hỏi ai cũng biết.

Tôi tặng cậu bé tí quà rồi đi tìm nhà cụ Đạt. Quanh co một lúc mới thấy nhà.

Ngôi nhà tôn nghèo nàn, trong nhà lờ mờ ánh sáng, hai ông bà đang chuẩn bị ăn trưa, thấy tôi, họ ngưng tất cả lại và vui vẻ tiếp. Cụ Trần Hữu Đạt, đầu tóc bạc trắng, râu ria xồm xoàm, nhưng người còn mạnh và có dáng như một nông dân nghèo.

Tôi thưa nhanh mục đích thăm viếng của mình rồi vào đề. Tuy muốn cho nhanh nhưng ông bà vẫn đủng đỉnh pha trà, lại phải "Uống nước đã."

- Thưa cụ, tôi là bạn của anh Quang trên Bắc Giang, có nghe anh nói sơ về chuyện tìm mộ cụ Nam Cao nên hôm nay xin phép hỏi thêm cụ cho rõ.

- À Quang hay về đây, thế ông ở tận đâu?

- Dạ, Nha Trang.

- Mời ông xơi nước.

- Thưa nhà văn Nam Cao bị Tây bắn trong lúc về Ninh Bình thu thuế nông nghiệp phải không ạ?

- Đúng thế, đoàn công tác có bốn người và một chèo đò, không ai có vũ khí, không hộ tống. Lúc đò chèo qua cánh đồng chiêm ngập nước thì bị Comando Tây vây bắt. Anh chèo đò chạy thoát, bốn người kia Tây đưa về nhà thờ Miễu Giáp Ninh Bình. Ngày hôm sau chúng đưa ra bắn rồi lấp chung một hố trước nhà thờ (30–11–51). Đêm đến du kích vào lôi ra nhận diện từng người rồi chôn ở làng Vũ Đại. Khi có nghĩa trang xã, lại đưa mộ về xã, đến lúc thành lập nghĩa trang huyện Gia Viễn, mộ dời tiếp. Khi sát nhập hai huyện Gia Viễn và Nho Quan thành huyện Hoàng Long, mộ cải táng về Hoàng Long. Năm 1955 tách huyện, mộ lại trở về Gia Viễn. Trong lúc chuyển từ Hoàng Long về Gia Viễn, gặp trời mưa trôi mất giấy dán trên Tiểu của bốn hài cốt, nên không còn biết Tiểu nào của ai, đành chôn vào nghĩa trang vô danh.

Từ đó người nhà đi thăm phải thắp nhang cho cả bốn ngôi mộ, nhưng thường lẩn quẩn hai mộ số 306 và 310.

Chết rồi mà chỗ nằm không yên, chỉ vì chính sách, vì quyền lợi của người sống mà Nam Cao cứ phải chuyển chỗ nọ qua chỗ kia.

- Thưa cụ, rồi cơ duyên nào mà tìm ra mộ cụ Nam Cao?

- Gần 50 năm sau, từ 51 đến 94, gia đình biết

Nhà tưởng niệm Nam Cao

có người đã tìm được hài cốt bằng cách nhờ các nhà ngoại cảm, bà Sen mới làm đơn gửi Câu Lạc Bộ các gia đình văn hóa Việt Nam trong hiệp hội Unesco Việt Nam, nhờ tìm mộ Nam Cao. Vậy là có phong trào vận động mọi tầng lớp quần chúng, ai biết gì về mộ Nam Cao, kể cả nằm mộng, bói toán...

- Và nhiều nhà ngoại cảm?

- Vâng, gồm có Thẩm Thúy Hoàn, Đỗ Bá Hiệp, Nguyễn Văn Liên, Phan thị Bích Hằng, họp tại Huyện Ủy Gia Viễn, triển khai việc tìm mộ nhà văn. Mọi tin tức, báo mộng, gọi hồn... trong số có thông tin từ những báo mộng của cô Bích Hằng tương đối chính xác(4). Bích Hằng còn cho biết, số mộ của Nam Cao bằng số tuổi, xương sọ và xương đùi bên trái bị vết đạn bắn. Tuy nhiên do những nghi ngờ giữa hai ngôi mộ 306 và 310 nên gia đình xin bộ Thương Binh Xã Hội cho khai quật cả hai. Lúc đầu Bộ đã đồng ý, về sau chỉ chấp thuận cho một mà thôi, muốn khai quật mộ thứ hai phải đợi hai năm sau.

Cuối cùng ngôi mộ số 306 được chọn, 306 là 36 đúng số tuổi của Nam Cao lúc mất.

- Lúc khai quật mộ có trở ngại gì không thưa cụ?

- Mộ được đào lên từ 3 giờ sáng, lúc đưa Tiểu lên thì tôi chợt thấy rõ hình hài anh Nam Cao, tôi khóc òa lên, ngoài ra không ai thấy gì. Mọi người nghĩ rằng do cảm ứng ruột thịt tôi mới thấy thế và đoan chắc là đúng mộ rồi. Tuy nhiên, hài cốt vẫn đưa qua Viện Khoa Học Hình Sự giảo nghiệm để kiểm tra xem có vết đạn như cô Bích Hằng dự đoán không. Kết quả xét nghiệm cho thấy đúng vậy.

- Chi phí nhà tưởng niệm chắc cũng tốn nhiều?

- Trên một tỉ.

So với khu lưu niệm cụ Nguyễn Du (tỉ tư) thì phí tổn gần bằng mà kém nguy nga.

- Tôi thấy tác phẩm cụ Nam Cao in rất nhiều, như vậy gia đình có được phần nào không?

- Sách do nhà xuất bản Công An Nhân Dân in, bán được 60 triệu đồng, cho gia đình 10 triệu, còn để làm tượng Nam Cao.

- Hằng năm đến ngày giỗ gia đình có được giúp đỡ gì không?

- Chả có gì, tự lo liệu cả.

- Các đoàn thể có đến viếng chứ, thưa cụ?

- Vâng, đến thắp nhang rất đông.

- Nhà văn Nam Cao có người con nào theo nghề văn chương không hả cụ?

- Ba trai, một gái, không ai nối nghiệp Nam Cao.

- Thưa, mộ cụ Nam Cao nằm trên nền nhà cũ của nhà văn?

- Không, nhà Nam Cao phía trên cách đó 200m. Chỗ mộ Nam Cao là cạnh nền nhà Lão Hạc, lúc còn sống hai người chơi thân, cuộc đời Nam Cao có những trùng hợp kỳ lạ, Chí Phèo sinh ở Vũ Đại thì Nam Cao chết ở Vũ Đại, Nam Cao viết tác phẩm Lão Hạc, thì mộ nằm trên đất Lão Hạc. Nam Cao người làng Đại Hoàng thì cũng có một thời dạy học tại trường Đại Hoàng ở Thái Bình...

Thấy đã quá trưa, tôi xin gửi ông bà chút quà rồi cáo lui. Ra sân đứng chụp chung với cụ Đạt một tấm ảnh, cụ nói thêm: "Đây là ngôi nhà bốn anh em tôi sống từ nhỏ."

Theo dõi công việc của tôi, bây giờ anh xe tỏ ra rất có cảm tình, anh mời tôi về nhà anh cơm nước nghỉ trưa, hai giờ đi xe từ Vĩnh Trụ về thẳng Hà Nội. Tôi nhận lời, nhưng dọc đường nhớ chuyện xe ôm cô gái "Liêu Trai" kể nên sợ, tìm cách thoái thác. Năn nỉ mãi anh mới chịu trả tôi về phố thị trấn. Tìm một quán phở ăn tạm, lang thang cho đến khi có chuyến xe đầu tiên đi Hà Nội.

Một ngày hơi vất vả nhưng vui vì biết thêm được nhiều điều mới mẻ.

Tháng Năm 2005

(1) Làng Vũ Đại của Chí Phèo là địa danh sáng tác, nhưng lúc chết, Nam Cao chết tại làng Vũ Đại trong Ninh Bình. Vì vậy khi tác phẩm Chí Phèo ra đời, nhiều bô lão ở Ninh Bình bảo "Nam Cao nói láo" (lời cụ Đạt).

(2) Cụ Trần Hữu Đạt em Nam Cao xác nhận năm sinh 1915.

(3) Đọc Nhà văn Nguyên Hồng QHQOK 5.

(4) Cô Bích Hằng lúc học cấp 3 bị chó dại cắn, sau khi chữa khỏi thì có khả năng "tìm mộ từ xa."

Người Đứng Lại

THẾ UYÊN

Trong những nhà văn Việt Nam, có lẽ tôi và nhà văn nữ Nhã Ca thì phải, là những người đầu tiên dùng máy chữ để viết văn. Ở Tây phương, việc sử dụng máy chữ để viết, là việc quá thường. Ở nơi tôi, việc sử dụng máy chữ phát xuất từ luật lệ Sở kiểm duyệt (mang nhiều tên khác nhau, tên chót rất hoa mỹ: Sở Phối hợp Nghệ thuật) thường đòi hỏi nhà xuất bản nhà văn phải đánh máy bản thảo làm ba bản, một bản sẽ được trả lại để in. Lợi tức như tôi hồi trẻ, máy chữ kể như ngoài tầm tay, do đó máy chữ đầu tiên sỡ hữu do một kỹ sư Pháp về, tin chắc tôi sẽ trở thành một nhà văn khá, mua tặng để khuyến khích. Máy này không trụ lâu: mẹ tôi đem bán lấy tiền đi chợ cho các em, trong một thời gian tôi vắng nhà khá lâu. Máy chữ thứ hai do một dược sĩ thích tiểu luận "*Nghĩ trong một xã hội tan rã*" của tôi, mua tặng. Kể từ máy chữ thứ ba trở đi, lợi tức tôi đã cao đủ để mua lấy máy chữ mỗi khi cần, và lúc đó tuổi đã lớn, không ai thấy cần phải giúp đỡ như hồi trẻ nữa.

Tôi thường đánh máy lấy những bản thảo của mình (ở Việt Nam cũng như ở Mỹ sau này, tiền thuê đánh máy là một khoản khá tốn), và cũng nhân dịp này sửa bản thảo lần chót. Một ngày kia tôi chợt khám phá ra bản đánh máy giống y chang bản thảo, không cần sửa, vậy tại sao không viết văn thẳng bằng máy chữ? Tôi thí nghiệm vài lần và thành công, từ đó viết thẳng bằng máy chữ, trừ thư từ cho bạn bè họ hàng. Thư viết tay thân mật hơn và cũng là dịp cho mười ngón tay nghỉ ngơi đỡ nhức vì đánh máy quá nhiều. Viết tay, như mọi thứ trò truyện với người ở xa... Và dĩ nhiên có những loại thư không thể đánh máy được, như thư tán gái hay tỏ tình với nữ nhân.

Chính vì quen sử dụng máy chữ như thế, sau này làm tạp san Thái Độ không đưa Bộ Thông tin kiểm duyệt, gọi là "báo chui," tôi mới có khả năng đánh stencil để quay ronéo tất cả, mỗi số trung bình 120 trang (trước sau ấn hành được sáu số Thái Độ và hai tập thơ), trước khi chuyển sang công khai. Nghĩa là nạp sở kiểm duyệt Bộ Thông tin như mọi đặc san khác, in typo, nhưng đang in Thái Độ công khai số 2, bộ Thông tin đã ra lệnh tịch thu tất cả. Do đó trong 21 năm tuổi thọ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam, sự nghiệp tự mình làm báo của tôi chỉ có vậy. Chưa một chính phủ nào chịu cấp cho tôi và bằng hữu một giấp phép ra báo bình thường.

Sang thập niên đầu thế kỷ 21, nhà văn nữ Thơ Thơ ở Cali đã viết một truyện tình, trong đó chàng tán nàng và tỏ tình toàn bằng email, vậy mà nàng cũng cảm động, yêu chàng, thành một truyện tình hay hẳn hoi. Hiện nay không cứ ở Mỹ, khắp thế giới, kể cả ở Việt Nam, những mối tình cyberspace là "truyện thường ngày ở huyện", không có gì đáng nói.

Sau 30 tháng 4, 1975, máy chữ bị chính quyền Cộng sản, một thứ chính quyền thô sơ, chậm tiến vào hạng nhất nhì thế giới, coi mọi máy móc thông dụng ở miền Nam, như máy ảnh, xe hơi, radio, máy quay ronéo... như dụng cụ tối tân, chỉ bè lũ tay sai của CIA mới có dùng, nên tìm mọi cách không cho tư nhân được tư hữu nữa. Cái máy chữ Olivetti xách tay của tôi được vợ cất kỹ, cho đến khi chồng được tha khỏi trại cải tại, mới lấy ra để trên bàn. Tôi không có dịp dùng quá một tuần công an khu vực đã nhòm ngó, nhưng tôi được một bạn quen trong Thành Ủy cho biết máy chữ không nằm trong danh mục chính thức cấm, nên cứ dùng tiếp, thoải mái và công khai. Nhưng, cũng như một câu nói đùa nổi tiếng thời còn Chiến tranh Lạnh: Ở Pháp người dân được phép làm mọi sự, kể cả cái bị cấm. Ở Liên Xô, cái gì cũng bị cấm, kể cả những cái cho phép...

Công an khu vực: có vai trò tương tự như cha xứ xóm đạo, cũng có phần xưng tội (thành khẩn khai báo được khoan hồng) nhưng phần giải tội thường quá mạnh: cho đi cải tạo), nghĩa là kiểm soát dân cả về phần xác cũng như phần hồn. Yêu

nhau, lấy vợ lấy chồng, ngoại tình, học hành thi cử, có người đến ở tạm hay chính mình đi xa, đi lính, cải tạo hay được phục viên, tha về... cái gì cũng phải trình với công an khu vực, hay có chữ ký duyệt của chức sắc này. Cúng giỗ lớn, tiệc cưới, đám tang... đều phải mời công an khu vực ngồi vào bàn danh dự. Chức sắc này được Đảng cho toàn quyền vào nhà dân bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm. Kể từ khi có Đổi Mới, Công an được lệnh nới lỏng bớt sự kiểm soát, khống chế, nhưng không hề bỏ chế độ Công an Khu vực. Việt kiều về du lịch và thăm thân nhân ít thấy rõ mạng lưới Công an này vì thân nhân trong nước đã chạy lo trình báo, và lo lót, cúng sổ vàng thay cho ông bà Việt kiều lớ ngớ...

Cái máy chữ của tôi cũng vậy, khi tôi thông báo cho Công an Khu vực, một anh "quê Bác," là tôi có quyền có máy chữ: ra khỏi trại cải tạo một thời gian, được trả quyền công dân, đi học sư phạm bồi dưỡng, được bổ nhiệm làm giáo viên cấp 2 ở Sài Gòn, dạy cả con cán bộ, Công an cũng như "con ngụy", tính bướng bỉnh của tôi từ từ trở lại, sau những năm phải nén nó bẹp dí trong trại cải tạo. Bắt nạt không xong, anh công an đề nghị mượn tạm máy cho Phường Công an. Tôi giao hẹn cho mượn ba ngày thôi. Anh tìm cách khác, đợi lúc tôi đi vắng, đến mượn máy đánh giấy tờ gấp. Bà vợ tôi láu lỉnh bê máy chữ để ra bàn ngoài hiên, mời anh Công an cứ việc mang giấy tờ đến đánh, bao giờ xong cũng được. Công an thời đó có mấy ai biết đánh máy, anh lầm lì bỏ đi. Rồi gây áp lực bằng cách lượn qua lượn lại cả ngày lẫn đêm, thấy tôi gõ lách cách, là vào ngay hỏi: Anh đánh cái gì vậy? Mệt quá, tôi chịu thua, đưa máy chữ cho vợ mang ra chợ trời bán lấy tiền đong gạo cho các con (mua chợ đen). Y như số phận chiếc xe gắn máy Yamaha, chiếc tủ lạnh cùng các vật dụng điện khác của gia đình... Để rồi sau cùng trong nhà không còn cái gì gọi là máy móc, kể cả bút máy... Bếp nấu bằng củi, bằng mạt cưa, đèn điện khi có khi không, tôi viết bài chấm bài dưới ánh sáng ngọn đèn dầu nhỏ.

"Dân quê Bác": những cán bộ quê miền "Tam phủ", nghĩa là Thanh Nghệ Tĩnh, được gọi chung là dân quê Bác (bác Hồ). Những cán bộ loại này dân nể sợ nhất vì thường bảo thủ và khắc khe nhất. Về sau, vì không phân biệt được các giọng nói miền Trung, người viết bài này cũng như nhiều dân miền Nam cũ thấy ai "trọ trẹ" là tấn phong là dân quê Bác hết. Ai không phải, phải lên tiếng đính chính.

"Truyện thường ngày ở huyện": tên một sách dịch từ Nga ngữ, tả đời sống thường nhật ở một huyện nào đó Liên xô, với tất cả mọi thứ trì trệ quan liêu chòng chéo phi lý và lãng phí, và đĩ nhiên cả nghèo khó và tham nhũng nữa, trong xã hội các nước xhcn. Sách được hoan nghênh và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp Đổi Mới của Gorbachev sau này. (Rất tiếc người viết không nhớ được tên tác giả và dịch giả).

Miền Nam nói chung bị đẩy lùi lại mức văn minh Đông dương thuộc Pháp thập niên 30, thời Hồ Chí Minh về nước thành lập đảng CS, và giơ tay bắt quyết một cái, giống như một bà tiên ác gõ cái đũa thần một cái, là mọi sự bị freezed, đóng băng, không biến đổi nữa, nên khi được đến Mỹ năm 1987, khi được trở lại Đại học, tôi vội vàng ghi danh học đánh máy chữ điện rồi chuyển sang computer nhập môn. Chẳng vội cũng không được vì khoảng một năm sau, dù chỉ là một trường đại học cộng đồng, các giáo sư bắt đầu thôi không nhận bài viết tay nữa. Ai chưa có máy chữ, vi tính, xin mời vào trường làm bài. Và tôi cũng vội, một cách thích thú, coi phim, sách báo... để cập nhật hóa kiến thức phổ thông vì sống sau bức màn tre, giống như sống trong một cái hũ bị đút nút kín, không còn biết thế giới bên ngoài ra sao. Thậm chí sau một cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, tôi hỏi hoài không ai biết người trúng cử là ai. Mãi về sau nghe đài phát thanh chửi "thằng Ri-gân" ầm lên, mới hay...

Nhờ đi học như thế, vài năm trước khi bị stroke, khi viết xong bài văn, tôi biết save thêm vào floppy disk, cùng với một bản in sẵn, gửi cho chủ biên các báo chí. Đúng lúc và kịp thời vì tòa soạn các báo cũng tiến bộ cùng nhịp với hiện tượng hiện đại hóa của ngành computer và in ấn. Không chơi trò thủ công, manual nữa. Ai không chịu học vi tính, hay quá tuổi để học, đều phải nhờ người khác đánh hộ bài vào máy vi tính.

Khi đang học một đại học 4 năm, một ông thầy thấy cô sinh viên châu Á vợ tôi mặt mũi hiền lành dễ thương, liền nhờ dạy và kèm computer cho ông. Vợ tôi nể thầy đang dậy mình, bèn nhận lời dạy... thày! Sau hối hận vì ông thày này nhờ Học vụ, biết rõ thời khóa biểu của vợ tôi. Bất cứ khi nào tắc, và mới học ách tắc xẩy ra thường xuyên, lại thấy ông thày tóc tiêu muối thò đầu vào lớp mình đang học, ra dấu cầu cứu. Đành phải đeo túi sách lên vai ra đi cứu nguy

cho thầy. Nàng thề với tôi là không bao giờ nhận dạy hay kèm thầy nữa.

Nghe nói tổng thống Bush (cha) khi còn tại chức, phải nhờ người dạy vi tính nhập môn. Chắc vì ông đã già và người dậy không phải là một cô sinh viên tập sự xinh và sexy như cô Monica, nên không có ồn ào sex scandal như thời tổng thống Clinton trẻ tuổi và đẹp trai, để những truyện riêng tư giữa nam nữ như nàng... cho tổng tư lệnh quân đội Mỹ... được mang ra lưỡng viện thảo luận, cân nhắc công khai từng giọt tinh khí, để cả thế giới cùng nghe và coi ké. Thế mới gọi là công khai dâm ô, chứ làm tình ngoài công lộ công viên, như dân thường làm ở khắp thế giới, thấm vào đâu...

Rồi chẳng mấy lúc đã đến thời internet và email. Thắc mắc bất cứ điều gì, người ta vào Net trước đi một một đường search, trước khi mở bất cứ tự điển bách khoa nào. Người ta ít viết thư tay đi, thay bằng gửi email, vừa nhanh lại vừa tránh được mục tem, bưu điện. Và còn hơn thế nữa.

Vào thời kỳ mới tới Mỹ định cư, tôi được đọc một giai thoại như sau: Chàng đi công tác xa bên kia lục địa Mỹ, nhớ nàng ở nhà, điện thoại bảo anh nhớ cái đó của em lắm, giá được coi lại một phút xem "*cỏ trên mình mẩy em sầu ra sao*" (Bùi Giáng)... Nàng ngưng làm việc, đóng cửa phòng lại, cởi quần lót ngồi gác hai chân lên bàn làm việc, lấy máy ảnh polaroid chụp vài tấm, bỏ vào máy fax gửi cho chàng dễ dàng, nhanh chóng. Bây giờ, thời đại của vi tính và kỹ thuật số, nàng không phải lỉnh kỉnh vất vả như thế nữa, chỉ việc căn bộ phận thâu hình hướng về hạ bộ rồi vén váy lên, thế là xong. Chàng được coi live hẳn hoi và muốn có chút âm thanh phụ đề, cũng có ngay (dùng cell phone cũng được nhưng hình ảnh không được rõ vì nhỏ quá).

Không phải chỉ ở Mỹ mới thế: ở Bắc Kinh, Hà Nội, Sài Gòn, Tokyo, Seoul... bây giờ cũng vậy. Người ở Việt Nam có thể gửi cả bản văn đấu tranh, văn chương "chui" ra nước ngoài (chiều ngoài vào hay gặp "bức tường lửa" của Công an). Tất cả thế giới xôn xao xì xào đủ truyện và nói chuyện liên lục địa xuyên đại dương, trừ tôi. Vâng, đúng thế, trừ tôi.

Tôi khựng lại, đứng lại tại chỗ vì nhiều lý do. Trước hết đời sống ở xã hội Mỹ chuyển vận với tốc độ cao trong một guồng máy tân tiến, sự kiện ấy không xa lạ gì với nhiều người. Hậu quả đầu tiên là hầu như ai cũng bận rộn, thiếu thì giờ cho mọi sự. Thậm chí hẹn với bồ buổi trưa, cũng phải timing từng năm phút một. Đến được thềm bấn, là lo khai hỏa ngay, mặc vội lại quần áo, rồi nam hay nữ đi như chạy tiếp vào guồng máy... Đến Mỹ được mười mấy năm, tôi đã lạng lách để tìm một sự quân bình giữa tất cả và cho tất cả. Trong thời gian làm giáo dục và dư học ở Việt Nam, tôi chỉ đọc sách và báo VN, coi TV Việt... Nhất định không coi sách báo Mỹ hay nghe đài CNN hay BBC. Khi ở Mỹ, tôi làm ngược hẳn lại. Đỡ phần tâm phân trí mệt mỏi. Tôi có thời gian để làm điều phải làm (tất nhiên), thời gian thư giãn để coi TV, coi movie (thuê ở tiệm hay cable), đọc báo Mỹ hàng ngày buổi sáng, đọc Playboy, Penthouse, đọc các tạp chí văn nghệ văn học Việt hải ngoại, nhất là đọc sách truyện cả Anh Pháp lẫn Việt (tôi vẫn thích đọc sách Việt nhất, của hải ngoại cũng như nội địa). Rồi còn thì giờ nghe nhạc Việt và quốc tế, nói chuyện với vợ con, nựng các cháu và nhìn chúng chơi đùa, đứa nào cũng xinh và dễ thương (xin phép được chủ quan một chút vì nói tới các cháu mình, khó ông bà nào khách quan...) Còn làm vườn trồng hoa, đi chơi đi ăn du lịch xa gần, kể cả Reno, Las Vegas, Paris, Việt Nam... chưa kể những chỗ lặt vặt như thăm hội hoa, sòng bạc Da Đỏ (bao giờ cũng bỏ cái cell phone ở nhà... vì may quá, tôi không phải là tổng thống Mỹ...)

Đời sống quân bình và nhiều tiếng cười, những lúc vui nhiều hơn là buồn phiền (chứ không phải là không có buồn phiền, vì buồn phiền là mặt bên kia của vui). Trong cả cuộc đời đã dài, chưa bao giờ tôi có thời gian nào nhiều sung sướng như kể từ khi đến Mỹ định cư. Bây giờ có anh Net cô email ở đâu đòi nhảy vào, đòi hỏi một số thời giờ hơi nhiều mỗi ngày. Tôi bớt đi những mục nào đây để dọn giờ cho hai vị mới tới này? Tôi đang thấy đời mình đầy đủ, đâu cần thêm cái chi mới đâu? Bớt thì giờ chơi với vợ? không có tôi. Bớt thì giờ chơi với các cháu, coi các cháu chơi thì đúng hơn, cũng không có tôi. Bớt thì giờ nói truyện tầm phào với các con khi gặp, không có tôi nốt. Bớt thì giờ tụ họp vài bạn thân uống bia, cà phê, bàn truyện thời xưa (như Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm có phải là người bất lực như ông Liễu Hạ Huệ bên Tầu không), truyện thời nay như quân Mỹ rượt theo Bin Laden bao giờ mới bắt được, cô Madonna hôn môi cô Britney Spear trước công chúng để bàn giao sứ mệnh văn học nào đây... Hay bớt thì giờ ngồi viết văn đi, càng không ổn nữa vì

viết văn là một thứ hobby khó bỏ, ai đã dính vào, dám là xuốt đời luôn. Viết văn, là nghề tự mình chọn nhưng cũng là nghiệp, là karma...

Đang ngần ngừ cân nhắc về email thì một bà bạn tới than phiền. Bà này không phải nữ nhân tầm thường, bà là kỹ sư điện tử, chuyên viên điều chỉnh những thứ tối tân hiện đại của quân lực Mỹ. Có đêm đang ngủ với chồng, bà bị MP đến gõ cửa mời đi gấp, bay thẳng đến một mẫu hạm vùng biển San Diego để sửa, điều chỉnh nhiều thứ. Mẫu hạm này đang tiến về Seattle, nhưng đợi đến nơi mới sửa, không kịp giờ xuất quân sang vùng Vịnh. Bà đã ở luôn trên mẫu hạm đang chạy mà làm việc. Và buổi tối ở nhà, nếu trời trong mây tạnh, bà không ngồi uống trà với chồng, mà ra một phòng riêng trống trải, dùng viễn vọng kính quan sát các vì sao chổi, đổi ngôi... Một nữ nhân như vậy mà phải than khổ vì email, mỗi sáng phải lúi húi vứt vào thùng rác biết bao junk mail điện tử, dĩ nhiên không thiếu porn mail. Rồi những cãi vã, tranh luận đủ loại đủ kiểu (người Việt không phải chỉ dân Quảng Nam mới hay cãi). Tôi có ông bạn làm chủ biên chuyên môn về stroke, nghĩa là bị hết cơn lớn đến cơn nhỏ, vẫn còn vẽ được và đi trên hai chân đàng hoàng, cũng phải lên tiếng năn nỉ các ông hội đoàn đấu tranh đủ loại, làm ơn làm phúc bỏ địa chỉ email tờ báo ra ngoài danh sách những nơi nhận...

Cứ nghe thế là đủ ớn rồi. Còn internet, các lời than phiền được nghe còn ghê hơn: Net như một thứ ma túy, mắc vào là mê, khó mà rời được computer. Đi làm về, là chúi đầu vào computer, ngồi thiền trước máy, không phải một tiếng mà bốn năm tiếng một ngày là thường. Tôi được đọc trên một tạp chí một truyện như Liễu Trai: một ông khoe có lần thức tới 2 giờ sáng với tri kỷ, quên cả bà vợ nằm trên giường. Và không thiếu những bà vợ ăn nem, cũng có partner trên cyberspace. Lành mạnh như cô tài tử Meg Ryan, vậy mà cũng có lần yêu say sưa qua computer, trong phim *You got mail*. Tự xét mình đã hai thứ tóc mà vẫn còn giữ óc tò mò của một đứa trẻ, tôi đã vào Net, cái gì cũng muốn coi một chút, biết ngày nào ra... Và nhất lại là không phải là cái thứ Liễu Hạ Huệ, tôi không ngại nghé mắt nhòm những cô con gái nhà nghèo (mặc ít vải vì ít tiền mua), và nếu có gái vô sản (nghèo quá không tiền mua vải), càng tốt, (chắc tôi không tắt máy đi ngủ như những ông bà đạo đức thật/giả mong muốn, để "giữ cho mình đậm đà bản sắc dân tộc," như trong nước hô hào.)

Liễu Hạ Huệ: điển tích Trung Hoa: Một buổi tối ông Liễu Hạ Huệ đang ngồi đọc sách một mình, có một nàng quần áo toàn màu đỏ xin vào ngủ nhờ. Nhưng nàng không chịu nằm trên giường, cứ ngồi lên lòng LH Huệ. Ông này tỉnh bơ đọc sách tiếp. Đêm đó khu phố bị cháy, Huệ nằm mơ thấy nàng áo đỏ hiện ra, bảo: Ta là bà Hỏa đây, đêm nay có nhiệm vụ đốt khu người. Nhưng thấy ngươi đứng đắn, ta tha cho. Sáng ra thấy toàn khu bị cháy tiêu, trừ nhà Liễu Hạ Huệ.

Những nhà nho thiển cận thường dùng điển tích này để đề cao những kẻ sĩ đứng đắn, không để ý tới ý nghĩa thứ hai là: bà Hỏa thấy còn trẻ như LHH mà đã bị liệt dương, tội nghiệp quá (mất bao nhiêu lúc vui và còn vô hậu vi đại), nên thương hại không đốt nhà. Kể ra "đứng đắn" được như Liễu Hạ Huệ, Việt Nam chắc chỉ có được hai người là Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm...! Nhưng hai ông này không có nhà riêng, khỏi lo cháy...

Tôi còn đang phân vân như thế, lên Net hay không, email hay không email, cho hiện đại hóa cập nhật hóa "kịp tầm thời đại," một cơn tai biến máu não đã ập tới, nhận chìm tất cả trong một biển rong rêu quấn chân quấn tay, mê muội và sáng suốt lẫn lộn, vùng vẫy để sống còn trước đã. Đến khi tỉnh ra được một chút, vèo một cái thời gian đã đi qua vài ba năm.

Bức tường

Thời gian vài ba năm đã qua ấy, tôi điểm bước đi của thời gian ít bằng những tấm lịch, mà bằng các mùa hoa nở khác nhau. Khi thấy hoa crocus lủn xủn hai màu tím vàng tươi trên mặt đất thẫm màu trong vườn, là biết mùa đông sắp qua. Khi hoa đào nở hồng tinh khôi, là mùa xuân đến. Miền tôi ở các thành phố trồng hơi nhiều đào, dân trồng trong vườn một vài cây, thành phố trồng hàng dãy dài ven lộ. Ngồi trong xe hơi vẫn còn phải để máy sưởi, tôi nhìn thấy hoa đào nở tại những chỗ bất ngờ: ngày thường bị thông tùng đủ loại che khuất, đến mùa xuân mới có áo hồng nổi bật trên nền lá xanh đen. Sau màu hồng hoa đào, đến màu vàng tươi của daffodil, một thứ hoa được lòng cả nhà nên nhà ở đâu cũng trồng ít nhiều cùng tulip. Hồi trẻ, trước 1975, xem phim *Bác sĩ Zhivago* quay theo truyện cùng tên của nhà văn Liên Xô, tôi cùng mấy đứa em gái say sưa cảnh nàng Sonia bụng bầu đi giữa cả ngàn hoa vàng đu đưa trong mùa xuân. Sau này sang

được Mỹ coi lại phim này mới hiểu nhiều điều xưa không hiểu: trước hết thảm hoa vàng ấy là hoa daffodil và thời đó gia đình Zhivago phải xin hồi hương quê vợ lập nghiệp nông tang, ở lại thành phố Moscow, Zhivago bị đưa đi trại tập trung cải tạo là chắc chắn, theo diện vừa là trí thức vừa là thi sĩ, chưa kể cái gốc địa chủ rõ ràng.

Hoa hồng nở vườn trước vườn sau là mùa xuân đã đến thật sự, nghênh ngang với mầm lá chồi mới nõn nà. Còn hoa hồng đẹp, biết rồi, nhưng có vài thứ hoa hồng khi chưa mãn khai, nhìn chăm chú vào lòng hoa, như mường tượng được nhìn vào đường vô thiên thai một người nữ trẻ. Công ty quần áo lót phụ nữ Victoria Secret có lần trưng cuối gian hàng một bức hình chụp thật lớn phía bên trong một bông hồng, trông gợi tình gợi dục một cách tài hoa. Còn khi nào thứ hoa biểu tượng của tiểu bang WA xuất hiện, là hoa có tên dài lắm, thường được gọi tắt rhodo nhiều màu xuất hiện một cách tưng bừng, phô trương không biết ngượng, là thời tiết đã ấm lên của tháng Tư rồi tháng Năm.

Chính vào khoảng thời gian đó, lần đầu tiên từ khi gục xuống vì tai biến máu não, tôi ngồi trở lại trước computer quen thuộc, định viết một đoản văn. Tôi ngồi trước computer. Im lặng. Không nhúc nhích. Một phút năm phút mười phút... trôi qua, tôi vẫn không nhúc nhích một ngón tay. Tôi còn năm ngón của bàn tay trái cử động bình thường, nhưng chúng vẫn lặng lẽ trên bàn phím. Lý do thật giản dị: chủ chúng, tôi, không biết cách bật computer chỗ nào, chứ đừng nói sử dụng. Toàn bộ hệ thống trơ ra im lìm. Tôi cố ráng nhớ, nhưng não bộ lặng thinh, để tôi ngồi trơ ra đó trước một bức tường bí mật không nói năng.

Tôi cầu cứu đứa con, nó đến gần đọc từng bước cho tôi làm. Nhưng còn đóng, tắt máy... là làm sao? Nó bảo bố cứ làm ngược thứ tự lại là xong. Ngược lại hả, ngược lại là thế nào, óc tôi ì ra ngẩn ngơ không hiểu. Con lại kèm từng bước. Nhưng khi nó đi, tôi thử mở máy một mình: không được. Bức tường lại hiện ra, câm nín trở lại. Sau cùng các con phải viết cho bố già một handout chữ lớn, để thường trực bên cạnh bàn phím. Nhưng mọi sự không ổn, là không ổn đâu

Khê Kinh-Kha

Mùa thu Hà Nội

mùa thu về đó lá thu rơi
nắng reo trong gió, gió đầy trời
bước ai về giữa trời thu lạnh
để tóc mây trời xõa trong tôi

một chút mưa phùn lạnh bước ai
trời thu man mác ướt đôi vai
ngồi đây đếm lại từng thu cũ
mà nhớ người xưa áo lụa dài

hồ Tây giờ vắng bóng người qua
nhặt lá vàng rơi mắt lệ nhòa
người hỡi phương trời nào trông ngóng
có biết lòng tôi vẫn đợi chờ ?

thu vẫn về đây giữa phố xưa
người ơi, tình ấy có bao giờ?
người có âm thầm trong nỗi nhớ
hay đã quên rồi lá mùa thu?

hồn thơ lành lạnh giữa thu sang
phố vắng mưa bay chút muộn màng
từng đêm úp mặt vào trang sách
mà nhớ tình xưa nhớ lá vàng

đây. Thí dụ năm ngón của bàn tay trái bây giờ phải bao sân cả bàn phím, như thế nào đây? Vấn đề phải giải quyết cách khác thôi, nếu không thì cuộc đời viết văn chấm dứt từ đây. Tôi có thể viết tay trái nhưng là những thư ngắn ngắn cho bạn bè, viết quá một trang chữ, là mệt rồi.

Tôi nhớ lại trong thời gian nằm bệnh viện, có lần được đưa tới một computer đặc biệt có bàn phím dài phía tay trái để tôi tập lại, trong chương trình phục hồi chức năng. Tôi từ chối không tập, viện lẽ bây giờ nhập tâm thêm một keyboard mới, dễ làm cho óc rối loạn vì vướng bàn phím cũ quen thuộc bao năm -- lúc ấy tôi còn tin tưởng chỉ một hai năm tập luyện, là khôi phục được tay phải. Thấy tôi không chịu học, bà huấn luyện viên chua chát và dịu dàng nói: Có thể phục hồi tay phải như ông ước mong, nhưng cũng có thể liệt luôn xuốt đời...

Bây giờ thì tôi biết bà huấn luyện viên nói đúng, nói thật. Tôi quyết định trở lại bệnh viện để học thứ keyboard một tay năm xưa, nhưng sau khi khảo sát sơ bộ, bà chuyên viên của Rehab phán ngay: Theo trị liệu mới nhất, kể từ nay chỉ dạy keyboard một tay cho những người trẻ tuổi cụt tay vì tai nạn. Còn những người trên 60 bị tai biến mạch máu não, chỉ ôn tập cho họ thứ keyboard cũ, cho tới khi nào họ nhớ lại. Tránh làm cho não confused rối loạn thêm. Sau đó bà chỉ cho... vợ tôi cách setting ra sao để cho tôi đỡ vất vả một chút. Bà bảo: chị nhấn năm lần chỗ này, bốn lần chỗ kia rồi cạch cạch hai cái... là xong. Vợ tôi gật đầu, ghi ra giấy để về nhà thực hiện, còn tôi trước sau như một, trước không hiểu gì, sau thì ù ù cạc cạc.

Cá nhân tôi thiếu gì khuyết điểm lớn cũng như nhỏ, nhưng bù lại có được chút lòng kiên nhẫn, biết học chịu đựng điều không thể chịu đựng được (hình như câu này của Nhật hoàng thời chiến tranh thứ II). Trong khá nhiều ngày, tôi vừa tập đánh máy một tay vừa tập động não trở lại, mỗi ngày được nửa trang rồi một trang. Dần dần não bộ ra khỏi tình trạng bảo tử, co-coon, năm ngón trái tập dần bao sân cho mười ngón năm xưa. Thấy năm ngón, lại của bàn tay trái, bao sân kiểu một làm việc bằng hai, quá vất vả nên tôi không nỡ ép chúng viết tiếng Việt có dấu. Tôi dần dần sản xuất được những bài văn vụng về hời hợt, như không phải của anh chàng T.U. năm xưa. Đã thế lại còn bỏ dấu tay nữa, làm các chủ biên phải kiếm người đánh máy lại mới có thể in ra. Tuy thế mấy vị này thường tỏ ra thông cảm, chịu khó đăng đều đều để khuyến khích... mầm già văn nghệ. Và cũng để hi vọng sự phục hồi sẽ khá hơn nữa, với thời gian qua thêm.

Con cọp và con báo

Dần dần mọi sự khá dần lên thật, nhưng khá tới đâu tôi không tìm hiểu, so sánh trước/sau before/after làm chi. Còn viết ra văn, bài còn được đăng trên những báo văn học đứng đắn, thế là đủ vui rồi và đáng viết tiếp. Còn tương lai, như một lời ca phổ thông của châu Mỹ: *Que sera sera... Whatever will be will be...* Biết ra sao ngày sau... Tôi vẫn còn nhớ một câu chuyện anh huynh trưởng kể hồi còn là sói cọn: Có con cọp về già, nó đâu có biết thế, cho đến khi vồ hụt con mồi đầu tiên. Nó buồn, buồn hơn năm phút nhiều, rồi lại đi săn mồi tiếp vì có ai kiếm đồ ăn cho cọp đâu, trừ phi vào sống trong một Sở Thú của loài người. Nhưng kể từ nay cọp tránh vồ chụp những con thú chạy nhanh và kiên nhẫn rình mò những con nhỏ, chậm chạp.

Khi nào cọp già quá thì tà tà đi vào nghĩa địa cọp, nằm chờ cái chết. Đừng ai hỏi nghĩa địa cọp ở đâu vì người viết chỉ được biết nó không cách xa nghĩa địa voi là mấy. Còn nghĩa địa voi ở đâu, xin hỏi nơi mấy huyền thoại Phi châu da đen.

Nhà văn Mỹ Ernest Hemmingway kể rằng có lần leo núi Kilimanjaro cao nhất Phi châu, thấy một chú báo đen nằm chết ở độ cao 3000m, ông tự hỏi chết đâu chẳng được, tại sao báo đen lại cầu kỳ dùng hết sức tàn leo lên tới tận độ cao như thế, để chết. Đây là một thứ công án thiền kiểu Mỹ, ai muốn giải ra sao, tùy ý. Phần tôi, tôi biết hiện nay có hơi nhiều Việt kiều già và có tiền đang đi rà rà khắp nước Việt Nam, để kiếm một nghĩa địa voi cho chính mình. Chẳng biết có vị nào lên sườn Ba Vì, Lang Biang hay Hoàng Liên Sơn cho mát mẻ hay không đây... Phần tôi, người đang đứng lại, nghỉ ngơi nhìn ngắm giòng chảy ào ào của mọi tối tân hóa hiện đại, chắc tôi sẽ chọn như mẹ tôi, nghĩa là chết đâu chôn đó, gần gũi nơi con cháu định cư nơi miền đất mới. Chọn chỗ nào cảnh đẹp cây cao bóng mát để cho con cháu sau này có thể tổ chức đi thăm mộ ông nội như một chuyến picnic. Tôi khoái mấy đứa cháu, chút và chít nữa, chạy nhảy trên mộ tôi vui vẻ, như bây giờ vẫn leo lên cổ lên vai ông...

Tháng 5, 05 Bothell

ĐÊM VANG

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Viết cho Đặng Thơ Thơ.
NTT

Ở một bên bờ nơi vòng cung uốn khúc của dòng Cowlitz bãi cát lài xuống lổn ngổn những hòn đá cuội tròn và trơn rêu. Một người đàn ông ngược từ phía sông đi lên. Ông ta vừa đi vừa xếp lại chiếc cần câu, đặt cần ngay ngắn trên một mô đá rồi cởi đôi găng ướt hơ hai bàn tay lạnh cóng trên ngọn lửa. Ánh hồng của đám củi cháy soi bóng hai người trên bờ sông vắng. Bóng hai cha con. Lát sau người đàn ông ngước lên nhìn trời. Lúc ấy không gian vừa hừng một chút ánh sáng yếu ớt đầu ngày, thứ ánh sáng màu đục nhờ nhờ không đủ sức xuyên qua màn sương đêm dầy đặc giăng tỏa mặt sông. Gần chiếc mô đá nơi đặt chiếc cần câu, đứa bé con đang đùa nghịch với con cá nằm thoi thóp trên bãi sỏi. Một con cá thật to và thật đẹp. Nó chưa bao giờ thấy bố nó câu được một con cá to thế. Con cá mình thon dài, nửa sống lưng trên màu xám rêu, nửa phần bụng dưới màu thép bạc, ở chỗ cái mang lớn hai bên má lại có cái màu hồng hồng. Nó lấy ngón tay chọc chọc vào mang con cá. Rồi nó xòe bàn tay đo bề ngang con cá dài hơn một gang tay. Trong khi đó bố nó lục trong ba-lô lấy ra một cái phích nhỏ rót cà-phê vào nắp phích. Cà-phê nóng bốc khói. Ông ta cúi xuống nhặt một cọng cây có tàn lửa, lục túi lấy bao thuốc lá nhón một điếu dí vào tàn lửa châm hút rồi đi ra mé bờ ngồi trên mô đá. Bên kia sông tối đen mơ hồ như có ánh lửa. Hình như từ xa lại có âm vang của núi rừng vọng về ... O.. O... ON... o... on... on.

Thằng bé đã chán con cá. Nó cúi xuống nghịch cái máy cát-xét. Từ một tiếng đồng hồ qua máy cứ phát đi phát lại mấy bài hát cũ rích của Trịnh Công Sơn. Nó táy máy vặn cái nút volume. Tiếng hát to lên rồi lại nhỏ đi. *Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ... Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa...* Từng tiếng từng tiếng giỏ xuống ảo não. Thanh âm như những hạt sương rơi đọng lại bên bờ hoang vắng này của dòng sông tưởng như không đủ sức loang xa vào màn đêm mênh mang dầy đặc. Thế nhưng, ở tận bên kia sông, tiếng hát ngừng sững nơi vách đá sau lưng tôi, đội vào tâm thức tôi vang âm của một thời kỷ niệm đã mù xa khuất bóng.

Người đàn ông búng mẩu thuốc về phía sông. Trời vụt quang đãng. Tấm màn sương ở khúc sông trước mặt như vừa có ai vén lên. Mùa đông con sông Cowlitz tái tê vì lạnh. Mặt nước mờ mờ sương khói. Bên kia sông vách đá dựng đứng. Trên đỉnh cao lơ thơ mấy cây thông. Lưng chừng vách từ những vết rạn ẩm nhớp rêu phong khói lam bay tỏa. Dưới chân vách đá, dọc theo Blue Creek (Suối Biếc), cả trăm người câu cá đứng chen vai sát cạnh nhau.

Người đàn ông đứng lên khoác ba-lô trên vai, một tay cầm cần câu, tay kia xách con cá. Đứa con trai ông ta cúi xuống ôm chiếc máy cát-xét. Nó mò cái nút volume để tắt máy nhưng lại vặn nhầm chiều, hết cỡ. Trước khi máy vụt tắt có tiếng hát Khánh Ly vang qua bên kia bờ sông:

Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ... Dài tay em mấy

*

Hàng năm khi những trận mưa tả tơi của tháng mười một vừa ngớt và bầu trời sũng nước của tiểu bang được vén cao chào đón con nắng trở về sau những ngày dài khuất bóng mang theo cái lạnh se buốt của mùa đông, giới mê câu của tiểu bang miền Tây Bắc như lên cơn sốt.

Cá steelhead! Cá steelhead mùa đông!

Hàng triệu con cá từ ngàn dặm xa trở về tập trung ngoài cửa biển chờ hiệu lệnh của thiên nhiên nhất loạt tiến vào những con sông của tiểu bang để đẻ trứng. Hiệu lệnh là những trận mưa tầm tã. Mưa tiêu điều trời đất. Mưa ung thối cỏ cây.

Mưa mênh mang mặt sông dâng cao. Mưa tuôn nước ngầu đục mang trôi cành khô lá mục. Như được khích động, những con cá ngoài cửa biển ồ ạt tiến vào sông. Nước càng xiết, sông càng dâng, chúng càng hồ hởi ngược dòng lội sâu về nguồn. Giới câu chờ đợi chờ đợi. Sau lễ Tạ Ơn qua mùa Giáng Sinh, mưa dứt, trời quang, mặt sông dịu xuống trả lại con sông màu xanh lục cố hữu, cá đã đầy sông. Hàng ngàn dân câu xếp hàng nghênh đón ở hai bên bờ.

Bên ngoài trời tối thẫm. Hai vệt đèn pha halogen màu trắng xanh vạch thủng màn sương dầy phía trước. Tôi kềm chiếc xe chạy dọc miết theo lằn kẻ lề phải xa lộ liên bang I-5 South với tốc độ trung bình 70 dặm. Đến Lối Ra số 68 tôi chuyển xe qua đường liên tỉnh 12 East. Như vậy là sắp đến Blue Creek (Suối Biếc). Đồng hồ trên xe mặt lân tinh sáng lên con số 3:45. Tôi tính nhẩm. Từ đây đến Suối Biếc 15 phút. Thay đồ câu mất 15 phút. Lội bộ đến chỗ câu 30 phút nữa. Nếu mọi chuyện xẩy ra đúng dự trù thì tôi có mặt ở Suối Biếc lúc 4:45AM. Vào mùa này tại cái địa điểm câu nổi danh ấy của tiểu bang Washington nếu tôi đến trễ sau 5 giờ sáng, tôi sẽ không hy vọng tìm được một chỗ đứng để câu. Trừ khi tôi gặp Ben, Tony hoặc Howard, chúng nó cho tôi xen vào đứng ở giữa, nhưng mò ra chúng trong lúc trời tối trong đám cả trăm người câu là cả một chuyện khó khăn.

Chiếc Outback chậm chạp theo sau ánh đèn pha lăn trên lớp đá răm kêu lạo xạo trong đêm vắng. Trong chỗ đậu xe của bãi xuống tàu (boat ramp) có khoảng hai chục chiếc xe hơi đậu sẵn. Bấy giờ là 4:05AM. Tôi ngừng xe, tắt đèn pha. Trong bóng đêm tôi ngồi im một lát hoạch định chương trình câu.

Suối Biếc là một cái lạch nhỏ, ngắn, chỉ dài khoảng vài trăm thước. Nó nổi tiếng trong giới câu vì nó là khúc nối giữa con sông lớn Cowlitz và xưởng ươm cá steelhead. Tại xưởng ươm cá này hàng năm hàng trăm ngàn con cá steelhead bé tí teo được ươm từ trứng, được đánh dấu (cắt vẩy lưng) rồi phóng thích. Những con cá ấy sống trong nước ngọt một thời gian rồi chu du ra ngoài biển khơi vượt qua hải phận Gia Nã Đại lên sống vùng cực lạnh Alaska. Hai ba năm sau trưởng thành ngoài biển chúng trở thành những con cá lớn, cân nặng từ 8 đến hơn 20 cân anh. Trước khi đẻ chúng tìm đường trở về nguồn cách xa hàng ngàn dặm. Theo một hướng dẫn nào mà khoa học chưa hiểu nổi, chúng tìm lại được đúng nơi chúng sinh ra, nghĩa là về lại đúng con sông Cowlitz nơi chúng ra đi, bơi vào Suối Biếc, luồn vào xưởng ươm cá, nhờ những bàn tay con người nặn ra những bọc trứng, nuôi hộ đám con, để rồi lại tiếp tục cuộc hành trình thứ hai, thứ ba ra ngoài biển khơi, nếu chúng may mắn thoát qua hai cửa ải tử thần là con lạch mang tên Suối Biếc và suốt cả chiều dài con sông Cowlitz trứ danh.

Người câu cá chỉ đứng câu được ở một bên bờ của Suối Biếc, bờ sát vách đá, có chen vai cũng chỉ chứa được khoảng trăm tay câu, đó là chưa kể nếu nước sông dâng cao bất thường ngập vào vách đá thì diện tích đứng câu còn bị thu hẹp hơn nhiều. Hai chục chiếc xe trên bãi đậu, hai chục tay câu đến trước tôi. Tôi không lo không có chỗ đứng. Nhưng những chỗ câu tốt mà chỉ những người câu rành mới biết rất có thể đã bị đám người đó chiếm mất, nếu họ đều là những tay câu nghề. Tôi hy vọng là có nhiều tay câu tài tử trong số hai mươi người này.

Mở cửa sau của chiếc station wagon tôi bắt đầu mặc đồ câu. Ngoài xe trời lạnh thấu xương. Bốn lớp áo hai lớp quần bên trong bộ đồ lội bằng cao-su và đôi giầy ủng nặng nề khiến tôi đi đứng lộm cộm khó khăn. Lúc tôi khoác chiếc ba-lô lên vai, một tay cầm cần câu tay kia chiếc đèn pin sửa soạn đi vào đường mòn dẫn đến Suối Biếc thì trên bãi đậu xe có ánh đèn pha sáng lóe khắp nơi. Cả chục chiếc xe rần rần chạy tới. Con đường mòn xuyên rừng dài khoảng nửa dặm. Sau mùa mưa lũ đường đất ngập bùn trơn trượt, có đi nhanh cũng mất nửa tiếng. Dưới ánh đèn pin tôi rảo bước trên con đường đất tôi đã thuộc lòng từng ngã rẽ, từng chỗ có thân cây đổ ngang. Tôi cố đi nhanh sợ những người mới tới vượt qua mặt tôi đến Suối Biếc trước tôi và chiếm hết những chỗ tốt. Mỗi bước chân của họ, những người Mỹ to cao và trẻ trung, dài bằng hai bước của tôi. Họ nện những bước chân chắc nịch và hung bạo bất chấp đường bùn trơn trượt.

Đi được nửa đường thì có tiếng chân nặng nề sau lưng tôi và một ánh đèn pin loáng chiếu từ phía sau. Cùng lúc ấy ở phía trước tôi có ánh đèn măng-xông sáng và hai người Mỹ đi ngược chiều hiện ra trên đường mòn. Một người giơ cao chiếc đèn. Người kia hai tay xách hai con cá to. Từ sau lưng tôi có tiếng hỏi hai người phía trước:

"Day shift or night shift?" (Ca ngày hay ca đêm?)

Người cầm đèn măng-xông trả lời gọn lỏn:

"Night!" (Ca đêm!)

Ca đêm chỉ những người câu từ chiều ngày hôm trước cho đến mờ sáng hôm sau. Những người như tôi, dù là đi sớm cách nào, cũng gọi là câu ca ngày. Sở dĩ có tiếng hỏi ca đêm ca ngày vì cũng có những người câu ca ngày, khởi câu từ hai ba giờ sáng, đến bốn năm giờ đã may mắn bắt được hai con steelhead (theo luật chỉ lấy được hai con là tối đa) nên bỏ đi về rất sớm.

Thấp thoáng sau rừng cây gần Suối Biếc có những đốm đèn sáng xanh uốn lượn nhấp nhô dọc theo vách đá. Đoàn người câu mỗi người một đèn măng-xông di chuyển chậm chạp trong đêm trông hư ảo ma quái làm tôi liên tưởng tới những đoạn phim bập bùng ánh đuốc bên dòng Missisippi của đảng Ba K (Ku-Klux-Klan) miền trung Mỹ trong thập niên 50. Lúc tôi đến chỗ câu thì số người ở Suối Biếc nhiều hơn gấp bội con số hai chục mà tôi trù tính. Một số lớn dân câu đã đổ bộ xuống Suối Biếc từ những chiếc thuyền máy thả neo dọc theo bờ con sông chính Cowlitz. Những địa điểm câu tốt đã bị chiếm hết. Tôi đoán là chỉ còn trống ở một vị trí cuối con lạch, chỗ tiếp giáp với con sông chính, nơi đó rất khó câu vì nước chẩy xiết và rất dễ mắc đá ở đáy sông.

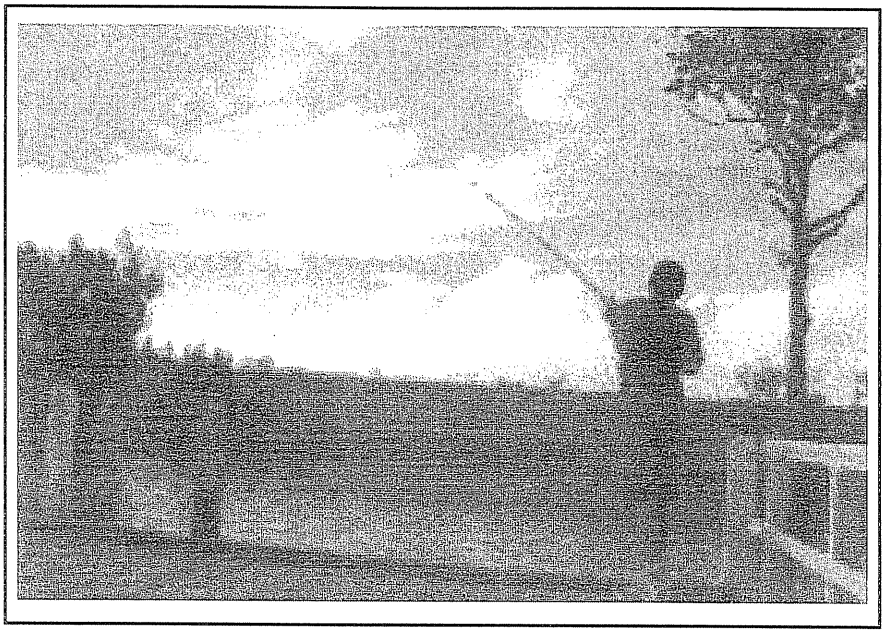

Lội suối dọc theo vách đá tôi luồn sau lưng một hàng dài người câu tiến xa về vị trí ấy. Trên bờ những nhóm lửa cháy soi những con cá vây bạc trắng nằm thoi thóp trên cát. Vừa đi tôi vừa nhìn mực cao của nước, định tầm chẩy xiết của sông và quan sát những người đã bắt được cá xem họ dùng mồi gì, chì nặng bao nhiêu và nhất là định chiều dài của "leader", tức khúc giây từ hòn chì đến hạt nổi, một yếu tố có tính cách quyết định để câu được cá steelhead ở khúc sông này.

Đến cuối con lạch ở cửa vào sông Cowlitz tôi thấy quả nhiên còn nhiều chỗ trống. Tôi quơ đèn pin tìm một phiến đá rộng, mặt thật phẳng, rồi đặt ba-lô xuống. Mục tiêu thứ nhất của tôi đã đạt. Tôi đã tìm được một chỗ đứng. Và bây giờ tôi có thể nghỉ ngơi. Đâu cần câu vội. Tôi có hẳn một ngày trời trước mặt. Rời Seattle vào lúc hai giờ sáng, tôi đã vượt một đoạn đường dài tương đương với đoạn đường từ Sài Gòn đi Vũng Tàu, trong màn đêm lạnh hai độ dưới độ đông của đá, chỉ để đến đây, lúc 4:50AM, chiếm một chỗ đứng trên phiến đá này. Còn có câu được cá hay không là chuyện khác. Tôi rọi đèn pin lục ba-lô lấy ra phích cà-phê. Nhấp cà-phê nóng tôi đứng yên nhìn ra phía sông tối đen. "Giá có được điếu thuốc lá". Một ý nghĩ thoáng gợn lên rồi qua ngay. Tôi đã bỏ thuốc lá từ hơn mười năm. Bờ bên kia của dòng sông tối đen tôi không nhìn thấy gì cả. Nếu có thấy chăng chỉ là một tàn lửa ánh lên mơ hồ trong thời quá vãng của mình.

Tôi đạp chiếc xe lọc cọc đổ xuống con đường đá sỏi nằm giữa khu rừng thông. Phía trước tôi mặt hồ Than Thở còn mù hơi sương. Tôi rẽ trái trên con đường đất đỏ dẫn đến ấp Thái Phiên. Đến một căn chòi rơm cất cho khách trú mưa tôi dựng xe đạp bên gốc thông. Cầm cần tre tôi theo một con đường mòn đi về phía cuối hồ. Không một bóng người. Trên mặt nước có dựng năm sáu cái bục gỗ làm giàn đứng cho người câu. Tôi vén quần cao lên tận bẹn, một tay giơ cao đôi giầy, một tay ôm cần câu tôi bì bõm lội nước trèo lên sàn gỗ. Nước hồ Đà Lạt lạnh buốt khiến tôi run rẩy. Tôi móc điếu thuốc lá Ruby châm hút thở khói trong sương nhìn qua bên kia hồ trên bục câu có

người vừa bắt được cá. Ánh sáng đầu ngày qua làn sương sớm con cá quẫy mạnh trên nước như mặt gương tung tóe ánh bạc trong trí tôi một buổi sáng mù xa bốn mươi năm trước. Trôi đi ảo não trong tâm tưởng tôi có tiếng hát mơ hồ xa diệu vợi. *Ừ thôi em về, chiều mưa giông tới.. Bây giờ anh vui, hai bàn tay đói... Bây giờ anh vui, hai bàn chân mỏi... Thời gian nơi đây...*

Thời gian nơi đây ở thành phố Đà Lạt có những buổi sáng sương mù tôi thức dậy thật sớm đạp chiếc xe cọc cạch đến hồ Than Thở cũng chỉ để tìm một chỗ câu tốt. Trong ký ức tôi những ngày rất xa xưa ấy thành phố lúc nào cũng như ướp hơi sương và như ướp cả những bản nhạc tình hồi đó còn chưa đọng mùi chiến tranh của người nhạc sĩ họ Trịnh. Trong khung cảnh êm đềm ấy tôi đi câu và mê câu từ đó. Tôi đã bắt được con cá to đầu tiên trong đời ở hồ Than Thở. Thật ra, tôi đã câu được con cá đó hay chính con cá đó đã câu tôi? Bởi vì trong suốt bốn mươi năm tôi không giằng thoát ra khỏi lưỡi câu khắc nghiệt của nó.

Năm ấy con hồ này hấp dẫn nhiều tay câu của thành phố vì được chọn làm thí điểm nuôi cá phi, một loại cá giống cá chép, thịt ăn rất ngon. Suốt một mùa hè năm ấy ngày nào tôi cũng phải có mặt ở hồ vào lúc tờ mờ sáng để giành giựt một cái giàn câu dựng trên mặt nước. Giàn là một tấm ván nhỏ chỉ đủ rộng cho một người đứng câu thoải mái. Cả một cái hồ rộng chỉ có khoảng mười cái giàn như thế mà dân ghiền câu ai cũng muốn chiếm hữu.

Tôi đứng đó, trên ván gỗ, lạnh run. Điếu thuốc lá đầu ngày không đủ làm tôi ấm. Ruby ba đồng bốn điếu tôi mua ở khu Chi Lăng. Tôi không đủ tiền để mua hơn. Mình phải rất tần tiện, còn lại có ba điếu cho cả một ngày dài. Tôi quẳng giây câu xuống hồ. Chiếc phao tõm xuống nước rồi trồi lên nhấp nhô cái đầu phao tí hon màu đỏ tươi. Cái phao tôi mới mua hôm trước ở tiệm tạp hóa Vĩnh Chấn đầu giốc đường Minh Mạng. Trước đó tôi dùng phao tôi chế lấy bằng cọng chổi, phao chỉ nổi lúc đầu, khi thấm nước nó tự động chìm xuống từ từ rất là vô duyên.

Lát sau có một ông già mà tôi gọi là "ông già nón lá" bì bõm lội nước trèo lên cái giàn gỗ cách tôi chừng chục thước. Đứng trên bục ván ông ta nhìn tôi tức tối. Chả là hôm nay tôi cố tình đi thật sớm để chiếm cái bục câu của ông ta, một chỗ câu tôi nghĩ là rất tốt, vì từ lúc bắt đầu đi câu đến giờ đã hai tuần lễ tôi chả bắt được một con cá to nào trông ra hồn, trong khi ở cái giàn câu tôi đang đứng hiện giờ ông già kia bắt được rất nhiều cá to.

Tin tưởng lần này tìm được chỗ tốt tôi chăm chú câu. Trong lúc mắt tôi hàng giờ không rời cái đầu phao đỏ lúc ẩn lúc hiện trên làn nước thì tâm trí tôi lại như trôi đi trong làn ánh sáng lăn tăn của buổi sớm mai bên phía bờ kia của hồ Than Thở. Tôi thấy tôi mười năm về trước chạy lăng xăng trên sườn đồi thông bên kia, súng cao-xu cầm tay, ngước nhìn ngọn cây tìm kiếm những con chim kêu tao tác trong rừng, tôi nhìn thấy chị tôi mặc chiếc áo len đỏ đứng trên sườn đồi lộng gió, tôi nghe thấy có tiếng quẫy trên nước của con cá dính lưỡi câu ở đâu đây, tôi nhìn thấy tôi trở về chỗ ba cha con tôi picnic trên đồi mang theo một con chim bị bắn chết khoe trước mặt cha tôi thì ông đang ngả người hút thuốc, lưng dựa vào một gốc thông, những vệt ánh sáng yếu ớt lọt qua lá thông chạy lòa xòa trên mặt cha tôi.

"Cậu còn thuốc lá cho già này xin điếu?"

Ông già nón lá nói vọng sang từ bục câu bên kia. Một nụ cười rất tươi nở trên khuôn mặt nhăn nhó thường ngày rất khó chịu của ông ta.

"Chả nói giấu gì cậu hôm nay tôi để quên gói thuốc ở nhà. Lúc nẫy thấy cậu hút thuốc mà tôi thèm quá. Trời lạnh này giá có một điếu..."

"Cháu không có nhiều nhưng cũng xin biếu bác một hai điếu."

Ông già lập cập lội qua chỗ tôi. Trên bục ván ông đứng có một con cá nằm thoi thóp ông ta bắt được lúc nào tôi không hay. Ông già châm điếu thuốc, thở khói, rồi ông ta lục trong túi lấy ra một bịch cơm nắm thật to, gỡ lần vải ông véo hai ba cục cơm to bằng nắm tay vứt ra xung quanh cái bục câu của tôi. Xong xuôi ông dí nắm cơm vào mũi tôi nói:

"Thơm lắm! Cơm giã với thính, cá thích lắm! Cá dưới đáy hồ ngửi thấy mùi thính ủi vào cục cơm. Cơm bể là có bọt khí nổi lên. Cậu phải nhìn mặt nước thật kỹ. Khi nào thấy bọt là cứ thả cần đúng chỗ đó."

Nói xong ông già bì bõm lội về chỗ cũ, mang theo trong túi điếu thuốc lá Ruby. Tôi chỉ còn đúng một điếu. Trưa hôm đó tôi hút điếu thuốc còn lại, ngon không tả, để tự thưởng cho mình câu được một con cá phi thật to đầu tiên trong đời.

"Any luck?" (Gặp may chưa?)

Một ánh đèn pin chiếu về phía tôi. Không thấy mặt nhưng tôi nhận ra ngay giọng nói của Howard. Tôi đáp:

"I just got here. Not even started yet!" (Mới đến, chưa động đến cần câu!)

Hắn lẳng lặng đặt ba-lô xuống rồi chiếm một tảng đá bên cạnh tôi. Tôi nhìn hai bên. Lúc này dân câu đã đứng chật khúc sông. Ánh đèn măng-xông sáng lên chung quanh. Tôi gỡ cần câu sửa soạn ra quân rồi quay qua Howard tôi hỏi hắn:

"Have you seen Ben?" (Mày thấy thằng Ben đâu không?)

"Yep. He's up there!" (Có. Nó câu ở trển!)

"And Tony?" (Còn Tony?)

Howard nhìn tôi, mỉm cười, nói:

"Today Sunday, remember?" (Hôm nay Chủ Nhật. Mày quên rồi à?)

Tôi cũng mỉm cười. Tony là một đứa rất ngoan đạo. Chủ Nhật nào nó cũng ở nhà đưa vợ con đi lễ nhà thờ khiến thằng Ben một bữa nổi nóng vì không được chở đi câu vào một ngày Chủ Nhật câu tốt lý tưởng. Một bữa trong cuộc tranh luận về tôn giáo giữa bốn đứa bạn câu chúng tôi, Ben đã tuyên bố một câu xanh rờn: "I would rather go fishing thinking about God than go to church thinking about fishing" (Tao thà là đi câu để suy nghiệm về Chúa còn hơn là ngồi trong nhà thờ mà đầu óc cứ tơ tưởng chuyện đi câu).

Trời còn tối. Tôi không nhìn được sức nước chẩy của khúc sông trước mặt nhưng tôi bắt đầu thăm dò bằng hòn chì nặng 1 ounce. Tôi dí sát lưỡi câu vào ánh đèn pin trước khi ném hòn chì về phía trước. Lưỡi câu cột một hạt nổi có sơn chất lân tinh. Hạt nổi vạch trong đêm đen một vệt sáng hình vòng cung rồi chìm xuống ở lòng sông. Dưới đáy, dọc theo chiều dài của Suối Biếc, hàng trăm những hạt nổi như thế múa sáng như hàng trăm con đom đóm lập lòe, những đóm sáng chờn vờn trôi đi trước cửa miệng và khiêu khích những chú cá steelhead. Rồi chỉ một phút tức mình không chịu được, chú cá phóng mình đớp lấy hột sáng. Nhưng ngay khi chú nhận ra là hột sáng còn có dính lưỡi câu, con cá tinh khôn ấy cảm thấy ngay có cái gì không ổn và nó nhả mồi ra kịp thời; trừ khi nó gặp một tay câu cừ khôi, cũng cảm thấy ở đầu giây câu có cái gì không ổn, giật mạnh đúng lúc, móc lưỡi câu vào mép cá. Đó là tất cả bí quyết đã nâng cái thú câu cá steelhead lên hàng nghệ thuật. Tôi đã mất cả mười năm trời để chỉ có được một cảm giác mơ hồ khi nào cá steelhead cắn câu, một loài cá có lối chiến đấu dũng mãnh khi bị mắc lưỡi, không hổ danh là "cá đầu thép", nhưng đồng thời cũng là một loại cá thận trọng và tinh khôn, có một lối đớp mồi rất dịu dàng.

Năm đầu đi câu ở Suối Biếc tôi không bắt được con cá steelhead nào. Mỗi lần đi là mỗi lần về tay không. Cho đến một ngày tôi gặp Ben. Truyền kinh nghiệm cho tôi, hắn nói: "Seldom do you feel the steelhead's bite, you just sense it!" (Khó mà cảm giác được khi nào cá steelhead cắn. Chỉ linh cảm thôi). Để có được cái "sense" ấy phải cần nhiều thời gian và kinh nghiệm. Steelhead là loại cá thận trọng và kiên nhẫn. Mình phải kiên nhẫn hơn nó. Đó là bài học quan trọng nhất mà hắn dậy tôi.

Tôi thu giây về thay hòn chì 1 ounce rưỡi vì nước chỗ này chảy xiết hơn thường lệ. Trong đêm đen, truyền qua sợi cước, tôi cảm thấy hòn chì khuơ điệu luân vũ nhẩy nhót trên những hòn đá sỏi dưới đáy sông sâu. Bằng cách này tôi đã "sờ" vào đáy của khúc sông ấy. Như một bác sĩ áp ống nghe vào ngực bệnh nhân, trong mấy chục năm nay tôi mò mẫm tiếp cảm cái thế giới vô hình của đáy sông, của lòng biển; nơi đó, tựa bờ bên kia của đời sống, luôn luôn là một thế giới tối đen, sâu thẳm, bí mật, ám ảnh và quyến rũ. Chính nó mới đích thực làm nên cái đam mê không rời của tôi.

"FISH ON!" (Cá mắc câu!)

Tiếng la to trong đêm. Âm vang "... o...o... O . .. ON!" kéo dài theo vách đá dọc theo hơi thở hàng người đứng câu, lan ra sông, dội trên nước, vọng qua bờ Cowlitz.

Đám người nhốn nháo! Lại một tiếng thứ hai "FISH ON!" vang dậy ở đầu kia. Màn đêm như vừa bừng sáng. Suối Biếc thức dậy! Cuộc chiến bắt đầu!

Theo luật chơi, người có cá mắc lưỡi phải hô thật to "Fish on!" để tất cả những người khác ở gần hai bên tức tốc cuốn ngay giây câu về. Nếu không tất cả những giây câu sẽ bị rối loạn vào nhau và người được cá sẽ mất cá. Tiếng hô phát ra ở phía thượng nguồn của suối, tức là phía xưởng ươm cá, cách chỗ tôi đứng khá xa, nên Howard và tôi vẫn tiếp tục câu.

Lát sau lại có tiếng la vang dội, báo hiệu con cá cắn câu đang lội ngược dòng:

"Fish coming up!"

Lát sau nữa, cá lại đổi chiều lội xuôi dòng:

"Fish coming down!"

Tiếng hô báo cho biết con cá bị mắc lưỡi đang tiến về phía chúng tôi. Tôi và những người chung quanh bắt đầu cuốn giây câu. Con cá này chắc lớn. Nó cứ phăng phăng kéo dây tuôn trên lõi của máy khiến người câu, vì sợ giây đứt, cứ phải lội

theo cá. Bên trái tôi hàng chục tay câu lùi phía sau, nhường chỗ cho người có cá lội dần về phía tôi. Trước mặt tôi là cửa con lạch nối ra sông to Cowlitz. Nếu để cá thoát ra sông, nước xiết sẽ trôi phăng con cá đi, giây cước sẽ đứt! Biết được điều ấy người câu đứng dừng lại. Hắn bắt đầu nâng cần cong vòng về phía sau và xiết chặt giây câu lại. Bỗng cần câu bật thẳng lên. Hắn dậm chân, buông một câu chửi thề, cũng to như tiếng hô "fish on!" của hắn:

"Damn it!"

Tôi nhìn cái dáng cao lớn của hắn thất thểu đi về chỗ cũ. Cũng như hắn tôi đã nhiều lần thốt ra câu chửi thề ấy. Mất cá sau khi đánh nhau dữ dội với cá là cả một kinh nghiệm não nề. Tôi nhớ một lần, cách đấy vài năm, vào một buổi trưa mùa hè, tại Salmon Beach (Bãi Cá Hồi), tôi đã chiến đấu bền bỉ và dũng mãnh với một con cá salmon (tức cá hồi, một loại cá sống nước mặn có hình thù giống cá steelhead nhưng to và khỏe hơn) trong một thời gian rất lâu để rồi cuối cùng, mệt nhoài và kinh hoảng, tôi đã đánh mất nó. Nhưng tôi nhớ mãi ngày hôm ấy không phải vì tiếc đã để xổng một con cá thật to mà vì con cá đã kéo tôi lạc vào một vùng đất cấm. Những gì tôi chứng kiến hôm đó đã ám ảnh tôi nhiều đêm trong những giấc ngủ nặng nề.

Salmon Beach là một bãi cát mảnh và dài, nằm dưới chân cầu Narrow Bridge vắt qua vịnh Puget Sound, một cây cầu treo dài và cao nổi tiếng của thành phố Tacoma. Bãi cát nằm dưới chân một bờ vực sâu thăm thẳm. Song song với bãi cát, nắm ép vào chân vực, là con đường tàu hỏa chạy xuyên suốt chiều dọc của nước Mỹ men theo bờ Thái Bình Dương. Đứng ở trên cầu Narrow nhìn xuống chân cầu, những toa xe lửa nhỏ như những hộp diêm, chạy quanh co nép vào chân vực dọc theo bờ cát hẹp. Ở bãi cát đó, Bãi Cá Hồi, tôi đã nhiều lần đứng câu. Những toa xe lửa đồ sộ thường chạy qua rầm rầm rung chuyển sau lưng tôi. Tôi thường nhìn lên cây cầu Narrow cao tít trên kia, trên đó như lẫn trong mây, những chiếc xe hơi nhỏ như một đàn kiến di chuyển hầu như bất động trên cầu, ánh mặt trời phản chiếu trên kính xe lóe những chấm sáng li ti.

Trưa hôm đó trời trong và nóng. Tôi câu một mình ở Bãi Cá Hồi. Vùng vịnh này nổi tiếng là chỗ câu cá salmon tốt, đặc biệt là loại cá hồi lớn còn gọi là King (Cá Vua). Dân câu thường dùng thuyền máy để câu, ngay chỗ chân cầu Narrow, chứ ít ai mạo hiểm câu ở Bãi Cá Hồi vì ngán con dốc cheo leo từ bãi đậu xe xuống đó. Nhưng chính vì thế mà tôi thích câu ở đây. Khung cảnh nơi này lúc nào cũng tạo nên cho tôi một cảm giác rờn rợn trước ý thức sâu thẳm về sự bé nhỏ của con người đối diện cái hùng vĩ của thiên nhiên.

Hai giờ đồng hồ đứng câu không xảy ra một động tĩnh gì khiến tôi nản chí. Đã thế tôi lại mất quá nhiều chì chài vì lưỡi câu rất dễ bị mắc kẹt vào kẽ đá ở đáy vịnh. Đúng vào lúc tôi toan trở về nhà thì có cá dùng dằng ở đầu giây. Thoạt đầu tôi nghĩ lại một lưỡi câu nữa bị vướng đá. Tôi toan giựt mạnh cho đứt giây thì tôi bỗng có cảm giác như ở đầu giây khối đá từ từ *chuyển động*. Linh tính cho biết khối đá chính là một con cá salmon "King" cực lớn, chuyên ăn mồi ở đáy. Tôi biết ngay là với sợi giây cước chỉ có sức chịu đựng tối đa 12 cân anh, tôi không thể cưỡng nổi một con cá mà trọng lượng có thể lớn gấp ba lần. Cách duy nhất để khỏi bị đứt giây là tôi phải vừa chiến đấu để làm cá mệt vừa phải nhượng bộ nó bằng cách từ từ lội theo cá. Tôi nâng cần lên cao để giữ cho giây câu lúc nào cũng thật căng rồi vừa lội nước vừa trèo qua những hòn đá lớn nhỏ dọc theo vách đá, dọc theo con đường xe hỏa. Giơ hai tay đưa cần lên cao vừa mò mẫm trèo qua những tảng đá trơn trượt là một công việc cực nhọc và nguy hiểm. Nhưng cơn say đấu với cá làm tôi quên mệt. Tôi lội không biết bao xa và cũng không biết là trong bao lâu, với hy vọng là con cá sẽ mệt và đầu hàng trước khi tôi chịu thua nó. Thời gian trôi qua tưởng như bất tận. Tôi đã lả người mà con cá vẫn cứ kéo đi phăng phăng. Trời lại nóng. Người tôi ướt đẫm mồ hôi. Tôi đã vượt qua bờ bên kia của nhiều vách khuất đến những nơi mà tôi chưa bao giờ từng nhìn thấy.

Qua một khúc quành, sau một vách đá dựng đứng, một bãi cát bỗng mở rộng trước mắt tôi, bãi cát ăn sâu lõm vào đá trông như cửa một cái động. Trên đầu tôi một cây cầu sắt bắc ngang hai vách đá. Ánh sáng từ trên cao rọi xuống soi những phiến đá to nằm trên cát trắng. Trên những phiến đá đó, trên bãi cát, nhễ nhại mấy chục thân người trần truồng như nhộng. Từng cặp từng cặp đứng, nằm, ngồi, ôm ấp, quấn quýt. Hình như tất cả những con mắt đều hướng cả về tôi. Cùng lúc đó ở đầu giây con cá King xuất hiện. Nó, một con cá cực lớn, như một ngư nhân chồi khỏi mặt nước, phóng mình lên cao. *Tu tu... Tu tu...* Trên đầu tôi tưởng như có đoàn tầu hỏa rầm rộ qua cầu.

"Fish on!"

Tiếng hô của Howard cùng với bàn tay hắn đập

mạnh vào vai tôi làm tôi choàng tỉnh hốt hoảng giựt mạnh cần câu. Ở đầu giây có cá cưỡng lại. Tôi bật hô lớn:

"FISH ON!"

Trong lúc tôi mơ màng không chú ý, Howard đã trông thấy ở đầu cần câu của tôi một mấp máy bất thường và với cặp mắt kinh nghiệm hắn biết ngay có cá cắn và hô to để tôi giật cá. Khi cá vừa cưỡng lại ở đầu kia thì một cảm giác rung lên truyền dọc theo giây cước dội vào lồng ngực khiến trái tim tôi như muốn nổ tung. Thình thịch. Thình thịch. Tim tôi đập hỗn loạn. Con cá vừa bị mắc lưỡi đã tung mình theo dòng chẩy xiết của sông Cowlitz, kéo giây câu tuôn khỏi lõi máy. Chả mấy lúc cá sẽ tuôn hết giây ở lõi và khi hết giây là giây đứt. Điều này hầu như chắc chắn sẽ xẩy ra. Trừ khi tôi có thể làm cho cá quay đầu lội ngược vào trong Suối Biếc. Tôi dí đầu cần chúi sát xuống mặt nước đồng thời tôi xiết bộ phận của máy không cho giây tuôn. Một là giây đứt. Hai là cá quay đầu. Tôi không có lựa chọn nào khác. Phật một cái! Giây đang căng bỗng chùng xuống như thể bị đứt. Tôi tính buông một câu chửi thề thì sực nhớ ra. Nếu cá quay đầu đâm ngược về phía người câu thì cũng tạo nên giây chùng, cũng tạo nên cảm tưởng như giây bị đứt. Phải giữ giây thật căng! Lóe lên trong óc tôi bài học câu căn bản. Giây càng căng thì lưỡi câu càng gắn chặt vào mép cá, dây chùng rất dễ bị tuột lưỡi. Để cho giây căng, tôi phải tức tốc quay thật nhanh để thu giây về lõi. Tốc độ thu hồi phải nhanh hơn tốc độ bơi của cá! Quay tới tấp được khoảng chục vòng thì ở đầu giây kia có cái gì làm cho khựng lại. Tôi cảm thấy con cá vẫn còn nặng trịch ở đầu giây.

Vụt một cái! Ngay trước mặt tôi khoảng ba thước con steelhead phóng từ dưới sông lên cao khỏi mặt nước.

Vụt một cái! Óc tôi lóe hình ảnh con cá "King" thuở nào ở Bãi Cá Hồi, con cá cực to như một ngư nhân chồi khỏi mặt nước. *Tu tu... Tu tu...* Tiếng còi xe hỏa ngân lên như một tràng cười rũ rượi vang dọc vách đá. Như bị thôi miên tôi nhìn trừng trừng vào đám người trần truồng trên những phiến đá kia. Đám thịt người bị con cá King thức tỉnh! Những con bọ khổng lồ quấn quýt nhau trên đá, trên cát, bỗng cựa mình quay đầu hướng nhìn con cá quẫy mạnh trong không trung. Những con mắt của họ trông ghê ghê dại dại làm sao! Rồi đồng loạt cả trăm con mắt quay lại nhìn tôi chằm chằm. Những con mắt xanh veo! Lạnh lẽo... Vô hồn... Những con mắt của giống đực!

Con cá King đã lôi tôi vào vùng cấm kỵ, vào khu vực bí mật của những người đồng tính luyến ái, vào thế giới tình yêu của "ghê" (gay)!

Kinh hoảng chạy dọc sống lưng, tôi lùi lại. Những con mắt "ghê" gắn vào tôi làm tôi tê dại. Trong ánh phát ra lạnh lẽo từ những hòn bi ve thủy tinh có lẫn những tia giễu cợt, đe dọa. Cùng lúc tôi nghe tiếng còi tàu hụ lên. Từ một hóc tối đen ngòm khoét sâu trên cao vách đá chiếc đầu tàu xe hỏa đồ sộ phóng ra rầm rộ qua cầu, những bánh xe nặng nề nghiến trên đường sắt, cây cầu rung lên bần bật, dưới chân mặt đất rung chuyển. Tôi lùi lại, lùi lại... Tôi vấp phải hòn đá, ngã khuỵu xuống bãi cát... *Tu tu... Tu tu...* Ở đầu cần sợi giây câu lỏng le. Con cá tuột mất khỏi lưỡi câu lúc nào tôi không hay. Tôi quay đầu ù té chạy tay vung cần câu, kéo theo sợi giây cước dài lòng thòng trên cát. Đằng sau tôi những con mắt ghê như đeo cứng vào lưng. Tôi trèo lên, nhẩy xuống, vấp ngã, gượng dậy, trên những tảng đá lớn nhỏ lổn ngổn dọc theo bãi bờ hoang vắng... Nửa giờ sau ngồi trên xe ở bãi đậu đầu cầu Narrow quả tim tôi vẫn còn đập mạnh. Trong cơn hốt hoảng tôi đã bỏ quên trên bãi cát hộp đồ câu của tôi nhưng tôi không nghĩ đến chuyện trở lại lấy. Cái cảnh những con đực trịn rịn vần nhau trên bãi Salmon Beach còn in rõ trong óc, mới đó mà như đã bị đẩy lùi vào trong quá vãng, trong hư ảo, trong hoang tưởng. Hình ảnh như từ một giấc viễn mơ chui ra, trong đó những tấm thân nhễ nhại dưới nắng kia biến thành những ngư nhân tắm ánh bạc trong thần thoại, những con đực hóa thân từ loài cá chồi lên cạn làm tình tập thể giữa thiên nhiên hoang dại.

Con cá King mà tôi để xổng đã kéo tôi lạc vào thế giới man dại của tình yêu trong vùng đất cấm khuất nẻo, nằm nấp sau một vách tường đá sừng sững, tuy không có bảng treo "No Trespassing," nhưng thiên nhiên tự nó đã là một tấm bảng "Cấm Vượt" vĩ đại rồi.

Dưới ánh đèn măng-xông thân con cá steelhead loáng ánh bạc, cái đầu cá lắc lư vùng vẫy trong không trung như cố lắc lưỡi câu khỏi miệng. Rồi nó rơi tõm xuống tung tóe mặt nước. Tôi quyết lần này không để xổng nó như tôi đã để mất con cá King mấy năm trước. Đúng như ý muốn của tôi, con steelhead bắt đầu chui vào Suối Biếc. Tôi la lớn:

"Fish coming up!"

Con cá đâm đầu xuyên vào giữa đám giây câu. Mọi người nhốn nháo thu vội giây câu về, nhưng không kịp. Howard buông cần câu của hắn, xách

một cái vợt to lội xuống suối. Thân hình hộ pháp, vừa đi hấn vừa la lối om sòm để dọn đường cho tôi đi theo.

"Fish coming up!" Vừa lội phía trước Howard vừa la to.

Bỗng tôi có cảm giác như con cá ở đầu giây bị kéo giật ở hai phía. Tôi biết là có giây câu của người khác cuốn vào con cá của tôi. Một tay câu còn trẻ đang hí hoáy gỡ giây vướng vào giây của tôi, nó gỡ mãi không xong. Howard nổi nóng. Hấn ra lệnh cho anh chàng kia cắt đứt sợi giây cước của nó.

"Cut the line! Damn it!". Hấn la to.

Bứt được sợi giây kia con cá lại phăng phăng chạy ngược lên nguồn. Hai đứa tôi lội ngược dòng. Tôi biết là tôi phải hạ thủ con cá này thật nhanh. Tôi không thể "chơi" với con cá này lâu như kiểu tôi vần con cá salmon ở Bãi Cá Hồi vì ở đây hàng chục tay câu phải cuốn giây đứng chờ cho đến khi tôi bắt được cá. Đứng yên một chỗ tôi đưa ngược cần cong về phía sau, tôi vụt hạ cần xuống thật thấp rồi quay vội vài vòng, kéo dần con cá về. Mỗi lần kéo tôi thấy sức kháng của cá yếu dần. Sau cùng tôi đưa được cá gần bờ. Howard lội xuống suối, giơ vợt đón đầu con cá. Nhưng vừa nhìn thấy vợt con cá hoảng sợ quẫy mạnh thu tàn lực kéo tuôn giây câu. Đây là lúc dễ bị xổng cá nhất. Khôn ngoan Howard dấu cái vợt sau lưng hấn. Khi cá đến gần hấn đưa vợt ra thật nhanh xúc con cá lên. Trong lòng vợt là một chú cá steelhead lớn nặng khoảng 15 cân anh. Con cá nằm im thở dốc, hai mang phập phồng. Ở bên mép còn dính một chùm len màu đỏ cam. Chùm len tôi gắn vào lưỡi câu để nó phẩy te tua trong làn nước trông y như một con bọ hấp dẫn cá. Tôi vỗ vai cám ơn Howard. Không có nó giúp chưa chắc gì tôi đã mang nổi được con cá này lên bờ. Xách cá lên vai, tôi cùng Howard trở lại chỗ câu.

Trời phía sông hừng lên sáng nhưng lớp sương mù vẫn còn dầy đặc. Suối Biếc sau cơn sốt lại trở về với cái yên tĩnh mênh mang của núi rừng. Kinh nghiệm câu cho tôi biết cá thường cắn dội lên trong khoảng nửa tiếng đồng hồ. Sau đó là yên lặng, cho đến vài giờ sau, có khi cả nửa ngày sau mới lại nghe tiếng "Fish on!".

Trong tĩnh lặng tôi ngỡ như có tiếng hát bay trong không gian nhưng tôi nghĩ tiếng hát không thể nào có thực. Nó chỉ có thể ở trong trí tưởng tôi. *Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa..* Dù không thấy được phía bên kia nhưng cảnh trí bên kia bờ rất quen thuộc. Bên đó là vòng cung uốn khúc của dòng Cowlitz có bãi cát lài xuống. Phía sau là rừng thưa. Tôi đã nhìn thấy rừng cây chuyển lá bốn mùa. *Em đứng lên mùa thu tàn tạ... Hàng cây khô cành bơ vơ... Hàng cây đưa em đi về giọt nắng nhấp nhô...* Bên kia bao giờ cũng là một bờ vắng lặng. Những dân câu đứng chen chúc bên này đều mơ ước có một chỗ đứng câu ở bên đó nhưng chỉ mơ thôi. Bờ bên kia là đất tư, thuộc sở hữu của chủ nhân những ngôi nhà nằm khuất sau rừng. Người câu cá duy nhất mà chúng tôi thỉnh thoảng nhìn thấy là một ông già sống một mình với một con chó ở trong căn nhà có bánh xe (trailer) đậu phía bên này của khu rừng thưa. Ông câu rất ơ thờ. Thường ông ngồi ngủ gục trên ghế xếp trước cái cần câu cắm bất động ở một chỗ. Mỗi lần đi câu tôi thường thấy ông ta dẫn chó đi dọc tới lui bên kia bờ. Chỉ có một lần duy nhất tôi thấy ông bắt được cá. Khi ông kéo con cá lên bờ, con chó bị khích động mạnh, nó sủa nhắng lên vừa sủa vừa nhẩy chồm chồm vòng tròn quanh con cá. Nhưng đó là nhiều năm về trước. Gần đây tôi ít thấy ông xuất hiện. Có thể là bây giờ ông đã già yếu. Lần cuối tôi thấy ông là đầu mùa hè. Bây giờ đã sáu tháng qua. Không biết ông còn sống thêm được một mùa đông lạnh giá.

Có tiếng chim kêu quác quác trên bàu trời. Tôi ngửng lên nhìn hai con ngỗng trời bay lả trên cao, bốn chiếc cánh rộng đập êm ả lấp lánh ánh nắng mai. Khi tôi nhìn xuống thì sương mù đã tan. Hình ảnh ông già và con chó trong tôi biến mất. Bên kia bờ có bóng hai người thấp bé. Người đàn ông tay xách con cá lấp loáng ánh bạc. Bên cạnh ông ta là một đứa bé tay nhấc lên một cái hộp đen. Hai người đi về phía cửa rừng. Tôi nghe có tiếng hát vọng sang rồi vụt tắt. Tiếng hát như cánh tay vươn của Trịnh Công Sơn dài qua bên này sông.

... mưa bay trên tầng tháp cổ... Dài tay em mấy

*

Hai bố con bước trên sỏi đi về phía bờ rừng thưa. Ở cạnh một căn nhà trên bánh xe (trailer) có một lối mòn đi vào rừng. Người đàn ông ngước lên nhìn tấm bảng gỗ đóng trên thân cây ở đầu lối mòn. Rồi hai người biến mất vào đó. Trên tấm bảng gỗ có sơn một hàng chữ đỏ. Có thể người đàn ông không hiểu tiếng Anh. Cũng có thể là ông ta hiểu nhưng cứ làm như không hiểu. Tấm bảng đề: "Private Property. No Trespassing" (Đất tư. Cấm vượt).

Nguyễn Tường Thiết

Giới thiệu bản dịch tiếng Anh cuốn Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng

TÔN THẤT THIỆN

Ton That Thien
223 Britannia Road
Ottawa, ON.K2B 5X1
Tel: 613-596.8181
E-M: tonthatthien@rogers.com
..... 2005

Dear ...

I am writing this letter so that you will not be surprised when you receive a book from Australia from someone named Nguyen Ngoc Phach. I have suggested that he send a copy of it to you for your assessment.

The book bears the title "Whence... Whither... Vietnam?" It is the English translation of a book written in Vietnamese by Nguyen Gia Kieng.

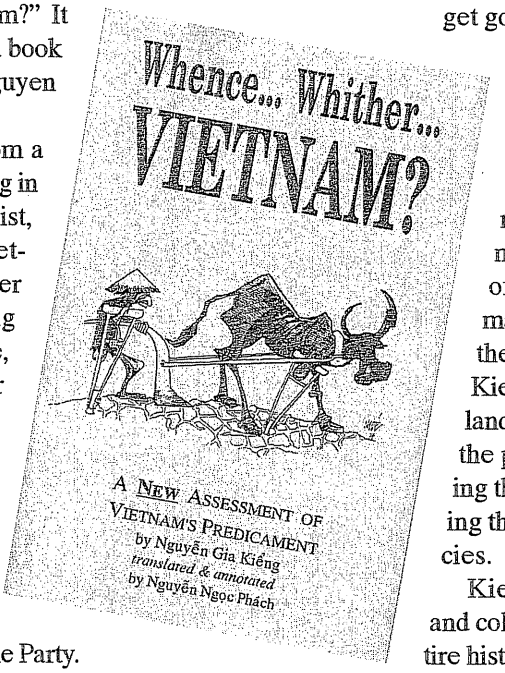

Kieng is an engineer from a French "Grande Ecole," living in Paris. He is a political activist, well-known among the Vietnamese diaspora as a founder of the magazine "Thong Luan," a high brow magazine, and leader of the "Rally for Pluralist Democracy," also a well known organization among the Vietnamese diaspora, and considered a great trouble maker by the CPV leaders in Hanoi because it appeals to a growing number of dissidents of the Party.

Nguyen Ngoc Phach is Nguyen Ngoc Linh's brother. You probably don't know him, but you surely know his brother Nguyen Ngoc Linh, who used to be General Ky's press secretary and was well known among press circles in Saigon. Phach has undertaken to translate the book — for no charge — because he feels that the book should be read by English speaking people, especially by non-Vietnamese speaking Americans of Vietnamese origin, to have a better understanding of Vietnam's problems, especially of Vietnam's sorry state.

The original title of the book in Vietnamese is "To Quoc An Nan," meaning literally "Remorseful/Repenting Fatherland." A rather odd title. But it conveys the author's view that Vietnam is mired in the present calamitous situation, because the Vietnamese, in particular its elite "the intellectuals" do not love their country. And this because they have no Fatherland to love. When they turn to what is supposed to be their Fatherland, they get only oppression, poverty, neglect. The intellectuals are only concerned about their personal advance, work hard only to pass examinations and get good positions, abjectly submit to authority, do not fight injustices, do not concern themselves with matters of public interest. They look upon others as rivals to be kept back by all means fair and foul, instead of considering them as team mates with whom to work for the progress of society, etc... Kieng defines "love of Fatherland" as caring for the land and the people, instead of neglecting them and wantonly destroying them by war and stupid policies.

Kieng advocates a thorough and cold revision of Vietnam's entire history, in particular its cultural heritage, and has come to the conclusion that Vietnam's ills stemmed from the Vietnamese's obstinate adherence to "traditional values," which were Confucianist. They were thus predisposed psychologically to accept Communism, which is but Confucianism under a new garb.

I myself had come to this view long ago. I had even written an article in International Affairs (Chatham House) in 1968, in July, if my memory is correct. But I have not seen clearly the connec-

tions of Vietnam's cultural heritage and its problems with the particular the ease with which Communism has conquered Vietnam, and the persistent unability of Vietnam to become a free society and achieve economic development. It was the reading of Kieng's book, especially the English version of it, that I have become convinced that my views are correct. The weight of Vietnam's heritage is very heavy and inhibitive, and an effective reconstruction of Vietnam must begin with a full reassessment of its cultural values leading to changes of certain of them to allow Vietnamese society to modernize itself in order to achieve freedom and prosperity. This has become very clear to me after reading the book.

In the process of elaborating on his main thesis, Kieng has been led to discuss the major problems of Vietnam - lack of freedom and democracy as well as economic development -, against the cultural background of Vietnamese society, and the various options available in the world at present.

I think that, as someone steeped in philosophy, as well as in sociology and psychology, you will find the book interesting. I hope you will find the time to read it, in particular the pages in which Kieng discussed at length the inhibitive effects of Confucianist culture on Vietnamese society. And, if you find that for those interested in Vietnam, in Asia, and especially in Africa, from the point of view of the blocking and dragging down effect of the cultural heritages of the countries of those regions, this book would be useful and deserves mention it in the Book Review section of "The Economist," that would be wonderful.

In any case, I would like to know what you think of it, in particular of the approach adopted by Kieng, which I personally find very novel and very productive, as far as seeking realist and effective solutions to Vienam's problems is concerned.

Best regards,

Thien

TRẦN YÊN HÒA

Những Ngày Hạ Đỏ

Có thể buổi sáng nay
Thành phố nóng hơn ngày thường
Vì có anh ở cạnh em.

Anh mang hơi hướm của người trở về
từ một nơi xa thẳm
Có thể em không nhìn ra anh
Anh của những ngày tháng cũ.

Anh đã đến
Rồi đi
Anh bất tận
Mãi miết giữa cuộc đời em
Em vẫy tay
Em vẫy gọi
Em kêu gào riết róng
Chỉ có bóng nắng
Và lời thất thanh
Bay trong bụi mù khói tỏa của tiếng xe qua
Hạ đỏ, hạ đỏ

Sân trường không có bông hoa phượng nào nở cả
Chỉ có Phượng của anh
Em ở phía ngoài
Em ở phía trong
Trong vô thức
Đã đánh chiếm, tấn công, thắng trận
Đã ngự trị, hành hạ, thỏa thuê
Rồi cất nụ cười tình rất nhẹ
Anh làm kẻ kiệt sức giữa cuộc đời em
Non choẹt

Ở đây cái gì cũng đỏ
Đỏ như những giòng kinh nguyệt
Chảy trong châu thân
Em ngày tháng

Ở đây cái gì cũng nóng sốt
Mùa hạ nóng
Khẩu hiệu nóng
Hoan hô đã đảo nóng
Anh cũng nóng lên vì em khỏa thân
Cặp đùi trần cong cớn

Chỉ có em là lạnh
Giữa những ngày hạ đỏ
Giữa anh và Sài Gòn.

NGÔ THÌ NHẬM

1746-1803

NGUYỄN DUY CHÍNH

"Ngô Thì Nhậm là nhà văn hoá lớn bậc nhất của thế kỷ 18, thế kỷ của những rung chuyển xã hội và lịch sử, thế kỷ tạo ra những con người khổng lồ của lịch sử văn hoá. Ông là nhà chính trị, nhà văn hoá... đã có những đóng góp lớn lao trong một thời điểm bi thương và hào hùng của lịch sử..."

Những dòng chữ trên đây trích trong *Lời Nói Đầu* của Mai Quốc Liên trong bộ sách bốn cuốn tương đối công phu và vĩ đại có nhan đề *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* do Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học - nxb Văn Học ấn hành tại Việt Nam năm 2001.

Ngô Thì Nhậm – mà miền Nam chúng ta thường quen gọi là Ngô Thời Nhiệm vì kiêng tên vua Tự Đức (Hồng Nhậm) — không phải chỉ là một nhà văn hoá. Ông được đánh giá dưới nhiều phương diện khác nhau, một nhà nho uyên bác, một nhà chính trị tài ba và một nhà ngoại giao lỗi lạc. Ngoài ra ông còn được coi như một trong những cư sĩ đóng góp nhiều cho Thiền học phái Trúc Lâm.

Viết về ông xuất hiện đầy rẫy trong văn chương cũng như biên khảo. Khi ca tụng vua Quang Trung, người ta dường như không thể tách rời sự thành công quân sự của ông với nhãn quan chính trị của người văn thần họ Ngô và những thắng lợi về ngoại giao mà người bầy tôi này đóng góp. Ở trong nước người nào dám đụng chạm hay nghi ngờ ông là đã phạm vào một điều cấm kỵ, một thứ phạm huý và có thể bị suy diễn thành những tội tày trời.

Trong bài này, chúng tôi xin xác định trước. Chúng tôi không đề cập đến con người tôn giáo, cũng không bình luận văn chương và sở học tế thế kinh bang của ông mà chỉ đánh giá lại một số vấn đề liên quan trực tiếp đến tư cách chính trị của Ngô Thì Nhậm.

TIỂU SỬ:

Ngô Thì Nhậm là con trai của Ngọ Phong Ngô Thời Sĩ, người làng Tả Thanh Oai, tỉnh Hà Đông. Ông từ trẻ đã nổi tiếng thông minh, đỗ Tiến Sĩ năm Ất Mùi đời Cảnh Hưng thứ 36 (1775), được chúa Trịnh Sâm vời vào làm tư giảng, dạy thế tử Trịnh Khải. Về sau ông được bổ nhiệm làm đốc đồng xứ Kinh Bắc.

Sau vụ án năm Canh Tý mà ông có liên quan, ông được thăng lên thị lang bộ Công nhưng khi Trịnh Khải lấy lại được nghiệp chúa, ông phải trốn về quê vợ ở Sơn Nam, thay tên đổi họ ở đó trong sáu năm, mãi đến khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, xuống lệnh tìm quan lại cũ để làm việc thì ông nắm lấy cơ hội ra trình diện được Nguyễn Huệ phong cho làm tả thị lang bộ Lại, cùng với trung thư lệnh Trần Văn Kỷ lo việc chiêu mộ những người cựu trào ra cộng tác với nhà Tây Sơn.

Nhờ có văn tài, Ngô Thì Nhậm được Nguyễn Huệ tin dùng trong việc giấy tờ giao dịch, bang giao giữa nhà Tây Sơn và Thanh triều ông đóng một vai trò khá quan trọng mặc dù chưa phải là người có đóng góp to lớn nhất như người ta thường nhầm lẫn.

Sau khi vua Quang Trung mất, ông không còn được trọng dụng như trước nên chuyển sang nghiên cứu Phật giáo, hoàn thành một tác phẩm rất có giá trị là Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh (1796). Khi Nguyễn Ánh diệt được nhà Tây Sơn, lên ngôi niên hiệu Gia Long, một số cựu thần cộng tác với triều đại cũ bị đem ra đánh trượng trước văn miếu. Ngô Thì Nhậm bị đánh về nhà ốm chết. Ngoại sử còn truyền lại một câu đối giữa ông và Đặng Trần Thường khi thụ hình:

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai

Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế thế thời phải thế

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XÉT LẠI:

1/ Vụ án Sát Tứ Phụ Nhi Thị Lang

Dưới nhan đề *Tháng 9, mùa thu, Trịnh Sâm truất bỏ ngôi của con trưởng là Khải và bắt giam*

giữ, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục – Chính Biên quyển XLV chép như sau:

... Khải là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ đến bảy tuổi, cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì đến 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử. Nhưng Sâm cho rằng Khải (tên cũ là Tông) không phải do vợ cả sinh ra, nên không yêu quí, dùng Nguyễn Phương Đĩnh, hoạn quan, làm bảo phó của Khải. Lúc Khải đã 9 tuổi mới cho đi học, dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm tả tư giảng và hữu tư giảng. Chưa được bao lâu, Trần Thản mất, Nguyễn Lệ cũng ra trấn thủ Sơn Tây, chỉ sai Khải đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, theo thời tiết vào phủ đường triều yết mà thôi. Viên quan trong Ngự sử là Nguyễn Thưởng và Vũ Huy Đĩnh trước sau nhiều lần xin với Sâm về việc lập thế tử, đều bị giáng chức. Sau vì Đặng Thị Huệ, một thị nữ được yêu nuông, sinh con là Cán, Sâm rất yêu quí, sách phong Đặng thị là Tuyên Phi. Đặng thị tự gây dựng lấy bè đảng cho vây cánh được dầy dặn, bên ngoài nương nhờ Hoàng Đình Bảo làm viện trợ, ngầm có ý cướp ngôi thế tử cho Cán. Khải không được yên tâm. Lúc Sâm có bệnh, nhiều lần Khải đến cửa tẩm thất để vào chầu thăm hỏi, thường bị quân giữ cửa ngăn cản, không được vào.

Ngoài phủ đường có lời phao đồn là Sâm bị bệnh nặng. Khải bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và bọn đầy tớ nhỏ là Thế và Thẩm (hai người đều sót họ) rằng: "Vương thượng mắc bệnh mà ta không được vào chầu, nếu xảy ra biến cố như việc tên Cao, tên Tư đã làm ngày trước, thì toan tính thế nào?". Bọn Xuân Thụ xin bí mật chứa sẵn binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, nếu một ngày kia trong phủ đường có sự không lành, thì đóng cửa thành lại, giết Đình Bảo, bắt giam Đặng Thị, rồi phi báo cho quan hai trấn, đem quân vào hộ vệ, thì ngôi chúa có thể vững vàng được. Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn vay ngầm của nội thị Chu Xuân Hán 1,000 lạng bạc, để nuôi dũng sĩ và sắm khí giới. Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây, từng giữ chức tư giảng cho Khải, Nguyễn Khắc Tuân trấn thủ Kinh Bắc, là con nuôi Nguyễn Phương Đĩnh, cùng Khải vốn có tình thân mật, nay đều cho mật báo, để họ sẵn sàng dự bị.

Ngô Thì Nhậm, đốc đồng Kinh Bắc, trước kia, giữ việc hàng ngày giảng nghĩa sách cho Khải, rất được Khải thương yêu kính trọng. Hà Như Sơn, một tên đầy tớ nhỏ, là học trò (Thì) Nhậm, hiện làm người giữ sách cho Khải. Như Sơn biết được việc này, đem nói với Nhậm, Nguyễn Huy Bá, cấp sự trung là người giảo hoạt thâm hiểm, vì tội tham tang, bị bãi chức. Bá cho con dâu vào làm thị tì hầu hạ Đặng thị, lại sai người thân tín cầu cạnh làm hầu hạ Nguyễn Khắc Tuân, nên dò biết việc này, bèn vào phủ tố cáo với Đặng thị. (Thì) Nhậm định tự mình phụ hoạ với Đặng thị, bèn cùng Huy Bá hợp mưu cáo tố là Khải lén lút cấu kết với hai viên trấn thủ, mưu toan làm việc trái phép. Sâm giận lắm, cho triệu Đình Bảo vào phủ bảo về việc này, ý Sâm muốn phê phó giao xuống để trị tội ngay. Đình Bảo can rằng: "Khải dám làm việc to lớn này, chính do hai viên quan hai trấn ở Tây và Bắc chủ mưu, nay họ đều cầm quân ở ngoài nếu trị tội một cách vội vàng, e sẽ xảy ra biến cố khác. Vậy chi bằng trước hết triệu hai viên trấn thủ ấy về triều, rồi sau sẽ dần dà phát giác sự trạng để trị tội". Sâm nhận là phải, bèn hạ lệnh triệu Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây. Khi Lệ về đến nơi, Sâm yên ủi có phần hơn trước. Cách mấy hôm sau, mật bắt được bè đảng của Lệ; nhân đấy lại cho triệu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc. Khi Tuân đã về, bắt giam lại cùng với Nguyễn Lệ và Nguyễn Phương Đĩnh, rồi sai Ngô (Thì) Nhậm cùng với hoạn quan là Phạm Huy Thức tham dự việc tra hỏi. Gặp lúc ấy (Thì) Nhậm vì cha mất, từ chức về, nên đổi sai Lê Quí Đôn tra hỏi lại, bọn Xuân Thủ, Thế và Thẩm nhận hết tội lỗi. Sâm bèn truất Khải xuống làm con út (quý tử), giam ở nội phủ. Bọn Xuân Thụ đều bị giết. Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuân bị giam vào ngục. Phương Đĩnh vì nuôi dưỡng Trịnh Khải không thành công trạng gì, nên bị lột hết chức tước đuổi về làng. Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc chết.

Trịnh Khải đã bị phế, ở ngôi nhà ba gian, ăn uống ra vào không được tự do, người ta đều lo ngại cho Khải, nhưng không người nào dám nói. Lúc ấy có viên tri châu cũ là Lê Vĩ, dâng thư biện bạch cho Khải là bị tội oan, nhưng không được Trịnh Sâm xét đến.

Trước kia, Ngô (Thì) Nhậm sắp phát giác tội của Khải, đem việc ấy bàn với cha Ngô (Thì) Sĩ, Sĩ cố sức can ngăn, đến nỗi phải đem cái chết để thề bồi với con, nhưng chung qui Nhậm vẫn không theo. Kịp khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Về phần Nhậm, vì có công phát giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Lúc ấy người ta có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi thị lang" nghĩa là giết bốn

người cha để mà làm thị lang. Câu ấy là có ý khinh bỉ (Thì) Nhậm đó.

Lời chua: Ngô (Thì) Nhậm: người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, là con Ngô (Thì) Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau thờ nhà Tây Sơn, làm quan đến thượng thư bộ Binh; đến năm Gia Long thứ nhất, bị đánh bằng trượng cho đến chết.

Tứ phụ: Ý nói Ngô (Thì) Sĩ là thân phụ, thế tử Khải là quân phụ; Khắc Tuân và Xuân Hán là phụ chấp (bạn của bố). (Xuất xứ ở sách cố Lê nhất thống chí). Có thuyết nói: Nguyễn Lệ, Phương Đĩnh và Khắc Tuân đều là phụ chấp của Nhậm, nên gọi là tứ phụ.(1)

Việc này Hoàng Lê Nhất Thống Chí có chép khác đi một chút như sau:

... Lại nói, từ khi vương tử Cán sinh ra, Thế tử Tông có ý rất bực tức, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thần là mấy tên hầu Thế Thọ, Thẩm Thọ ... nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân phận tạp lưu Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm, Thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo chầu chàm, đội mũ chữ đinh, đứng ở phủ đường. Sáng mai, Thế tử kể lại với bọn gia thần và nói:

- Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến, ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên Thế tử nên ngấm ngầm sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ: một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết Quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây Bắc (Sơn Tây, Kinh Bắc) đem quân vào Kinh, bắt ép các đại thần để dựng Thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi Thế tử lại sai người báo ngầm cho Khê Trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, Thế tử mật báo cho các viên Trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cắt đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy hơi bị tiết lộ. Hồi đó có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm, tính tình nham hiểm giảo hoạt, thường vẫn quen thói tố giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thuỵ Quận Công mà y được lên làm chức Tham nghị ở trấn Sơn Nam. Dần đà, y ngoi lên chức Tiến triều, rồi lại thăng tới chức Đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ, rồi thường nhặt nhạnh những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngầm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với Quận Huy, Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

- Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ Thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên Trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy vẫn còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị Thế tử e sẽ có biến khắc. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều giam cả ở trong phủ rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thể.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi Thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt Thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch Các. Lại sai Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) là Nguyễn Quỳnh làm Tả tư giảng, và Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) là Nguyễn Đính làm Hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên Trấn thủ Tây Bắc về triều, bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh Tý (1780) niên hiệu Cảnh Hưng.

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc có viên Đốc đồng Ngô Thì Nhậm Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) vốn là gia thần và Tuỳ giảng của Thế tử, thường vẫn rất ăn ý với Trấn thủ Tuân sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuân). Về phía Tuân, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của Thế tử là Tuân không hề nói đến. Trước đó mấy ngày Sơn Thọ là gia thần của Thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được Thế tử sai đến kể rõ mưu mô của Thế tử cho Nhậm biết, rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người lẻn lên vùng

Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

- Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tớ xui giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được ngài ư? E rằng tai hoạ sẽ xảy ra lúc nào không biết, bọn gia nhân của Thế tử rồi không còn đất giấu thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Tuân nghe, và khuyên Tuân phải hoả tốc về kinh, can ngăn Thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này.

Khắc Tuân không nghe, nói rằng:

- Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét: ngoài ra những việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Tuân và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới kinh, họ thấy Trấn thủ Sơn Tây (Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khản) và a bảo Hân quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả xuyên. Nguyễn Tuân xin vào điếm Quyển Bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyến Trung hầu ra trách Khắc Tuân rằng:

- Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuân quay ra, gặp Thì Nhậm ở điếm Tiểu bút, Tuân cầm tay Nhậm than:

- Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện, tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế tính sao bây giờ?

Thì Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liền làm tờ khải, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyến Trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyến Trung hầu đem tờ khải ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khải bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên Trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thì Nhậm:

- Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khải, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị oan mà Thế tử cũng sẽ an toàn không việc gì.

Thì Nhậm bất đắc dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khải, lại càng giận dữ nói:

- Quả như lời nói của người ta không sai.

Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triêu hầu, Đường Trung hầu, Án Trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thì Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên Trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về.

Chúa bèn giao cho viên Đồng Tham tụng là Nghĩa Phái hầu Lê Quý Đôn, Bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng nắm hết được tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung, vừa khóc vừa nói:

- Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bầy tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch, hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiên, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là việc bất đắc dĩ. Các ngươi cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ phép nước mà định tội nó đi!

Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên tội phạm đều nên xử tử còn riêng về Thế tử thì không dám bàn.

Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

- Cứ xét theo nghĩa của kinh Xuân Thu thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nỡ như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi. Còn bọn các quan thì viên Trấn thủ Sơn Tây và Khê Trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân Quận công là người thật thà không tham dự vào mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường.

Mệnh lệnh ban xuống, Khê Trung hầu và Tuân Sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử.(2)

Hoàng Lê Nhất Thống Chí là sách của nhà họ Ngô, trong đó một phần do chính Ngô Thì Nhậm viết nên cố tình viết trại đi để gỡ tội cho mình. Mai Quốc Liên cũng biện bạch như sau:

Sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí (38-39) và Ngô gia thế phả (40) lại chép khác, rằng khi biết

có âm mưu đảo chính thì Ngô Thì Nhậm đã từng can ngăn Nguyễn Khắc Tuân và khi bị gọi về triều, Ngô Thì Nhậm còn tìm cách gỡ tội cho bọn họ. Nhưng vừa lúc ấy thì Ngô Thì Nhậm phải về cư tang, việc xét xử chuyển sang tay Lê Quí Đôn. Lê Quí Đôn vốn ghét Nguyễn Khản nên mới khép vào trọng tội. Ngô gia thế phả còn ghi rằng Hoàng Tố Lý (Quận Huy) vốn ghét Ngô Thì Nhậm, muốn để Ngô Thì Nhậm mắc tai tiếng mới xui Sâm thăng Ngô Thì Nhậm lên làm Công bộ hữu thị lang. Ngô Thì Nhậm biết Quận Huy hại mình, muốn cố từ, nhưng em là Học Tốn khuyên nên mềm dẻo để tránh thù oán. Ông nhậm chức và lấy cớ có tang cha không dâng biểu tạ ơn. (Ngô Thì Nhậm tác phẩm I, tr. 38)

Lẽ dĩ nhiên, chúng ta cũng không gạt bỏ quan điểm cho rằng Ngô Thì Nhậm không phải là người tố giác việc "*âm mưu phản loạn*" của Trịnh Khải nhưng chắc chắn ông cũng không phải là người tìm cách "*gỡ tội cho bọn họ*". Cái chết của Ngô Thì Sĩ đã quá rõ ràng, chính họ Ngô cũng không thể nào nói gì khác được. Tuy nhiên nếu quả Ngô Thì Nhậm dù không tố cáo nhưng biết chuyện mà không báo thì cũng đồng loã, không lý nào lại được giao cho nhiệm vụ "*điều tra*" những người đồng phạm khác (*Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triêu hầu, Đường Trung hầu, Án Trung hầu cùng tra xét vụ án đó* – Hoàng Lê Nhất Thống Chí tr. 20). Còn như nếu quả Quận Huy muốn hại Ngô Thì Nhậm thì đây là dịp bằng vàng để tâu với Trịnh Sâm xử tội ông, việc gì phải cho ông mắc tai tiếng bằng cách xui Trịnh Sâm thăng ông lên "*thị lang*". Nếu quả ông có công như thế ắt sau khi Trịnh Khải lấy lại ngôi vương (1782), người ta đã chẳng xui Trịnh Khải bắt ông, may nhờ vị chúa mới này rộng lượng (có lẽ nể tình ông là thầy học trước kia) nên ông mới có thể "*chạy trốn về quê vợ ở Sơn Nam trong gần sáu năm*" (Ngô Thì Nhậm tác phẩm I, 39).

Thực ra Ngô Thì Nhậm là phe cánh của Quận Huy và Thị Huệ, thành thử Nguyễn Khắc Tuân không dám bàn với ông, nếu không phải là chính phạm chủ mưu tố cáo để đến nỗi cha ông xấu hổ phải tự tử thì cũng là một người có công rất lớn trong vụ đại án này.

2/ Ba bài biểu "*suy tôn*" Nguyễn Huệ

Sau khi Trịnh Khải lấy lại được nghiệp chúa, Ngô Thì Nhậm lúc nào cũng nơm nớp sợ bị trả thù nên trốn về quê vợ, nghiên cứu sách vở và tôn giáo. Việc đó cũng chỉ là thường tình của những người bị thất sủng, không phải cao khiết gì, chẳng qua ông chỉ nằm nhà chờ một cơ hội khác. Vì tâm trạng muốn "*xoá bài làm lại,*" ông trở nên một trong những người tích cực nhất trong nỗ lực thủ tiêu chính quyền xứ Bắc Hà. Cơ hội đó đã đến năm 1788, khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc diệt Vũ Văn Nhậm, sau đó ra lệnh tìm kiếm quan lại cũ của nhà Lê để làm việc, Ngô Thì Nhậm là người tất tả chạy ra "*trình diện*" đầu tiên.

Bấy giờ viên quan văn là Ngô Thì Nhậm vào yết kiến trước, Ước (Võ Văn Ước, lễ quan có nhiệm vụ đưa những người đến trình diện vào gặp Nguyễn Huệ) tưởng lầm là hoàng tử nhà Lê, liền mời cùng ngồi với mình. Tiếp đó, bọn Lê Phiên đến, đều lạy ở dưới dân. Ngô Thì Nhậm trong bụng rất áy náy, vội đứng dậy đi ra. Ước lấy làm lạ không biết là ai, bèn hỏi:

- Người vừa ngồi đây là ai thế?

Có người trả lời:

- Văn ban Ngô Thì Nhậm đấy!

Ước giận mà rằng:

- Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ như vậy?

Rồi Ước tức tốc sai người theo bắt. Ngô Thì Nhậm biết trước chuyện đó, nên lúc ra, vội vàng trốn tránh ngay.(3)

Ngô Thì Nhậm bị truy nã vội chạy đến Trần Văn Kỷ là người thân tín của Bắc Bình Vương để nhờ che chở. Trần Văn Kỷ đưa ông vào yết kiến, được Nguyễn Huệ phong cho làm Lại bộ tả thị lang, Tình Phái hầu. Cũng nên biết rằng rất có thể chính Ngô Thì Nhậm là tác giả của những hàng chữ này(4) nên đã miêu tả một cách vinh quang là vì Nguyễn Huệ nghe tiếng ông nhưng cũng có thể chỉ vì ông xung phong ra trước nên được trọng dụng để cho người khác noi gương.

Dẫu sao cái triều đình rệu rạo ấy chẳng qua chỉ là một thứ bù nhìn, chức vụ của ông cũng chỉ là một thứ chức hàm để đóng vai chiêu tập quan lại cũ cho dễ. Trong thời gian ngắn ngủi Nguyễn Huệ ở lại miền Bắc (chỉ chừng vài mươi ngày - tháng 4 đến tháng 6/1788) Ngô Thì Nhậm đã làm được một số công tác nổi bật. Trong khi phần lớn cựu thần nhà Lê ra cộng tác với tân trào với tâm trạng hoang mang, miễn cưỡng, chiếu lệ thì Ngô Thì Nhậm tỏ ra tích cực và cố gắng để "*gãi đúng chỗ ngứa*" cho chủ mới.

Ngay từ lần đầu ra Bắc Hà Nguyễn Huệ đã có bụng muốn thay họ Trịnh làm chúa. Ông

không vừa lòng với cái tước Nguyên Soái Phù Chính Dực Vận Uy Quốc Công mà vua Hiển Tông ban cho, đến khi thấy miền bắc quả là "*không có người*" như Nguyễn Hữu Chỉnh đã nói, trong bụng lại càng khao khát muốn chiếm ngôi nhà Lê. Chính vì thế ông đã ghét cay ghét đắng ông cháu rể Vũ Văn Nhậm vì cái tội đưa ông Hoàng Tư Lê Duy Cẩn lên làm "*giám quốc*" khiến ông mất cái dịp "*theo đạo trời để làm vua trong nước*" (chiếu lên ngôi). Cũng có thể Vũ Văn Nhậm ngầm thực hiện ý định của Nguyễn Nhạc là dựng nên một nước Bắc Hà song song với Nam Hà hầu chặn đứng tham vọng của Nguyễn Huệ, vô hình chung trở thành một thứ "*kỳ đà cản mũi.*"

Ngô Thì Nhậm thì lại theo một con đường khác. Ông luôn luôn biết đâu là phía mạnh và đâu là phe đã thất thế. Trước đây ông đã đứng hẳn về phe Quận Huy và Đặng thị Huệ, đối kháng với những nhà nho bảo thủ còn tuân thủ triết lý chính thống của Khổng giáo không tán thành phế trưởng lập ấu để đến nỗi gây ra vụ đại án năm Canh Tý (1780) thì lúc này ông cũng đã nhìn ra được gió đã đổi chiều. Chỗ ngứa của Nguyễn Huệ là gì, nếu chẳng phải là lên ngôi hoàng đế, làm chủ luôn cả cõi Bắc Hà. Nguyễn Huệ không cảm thấy mình phải nợ nần gì nhà Lê, không có liên hệ vua tôi như ông sau này đã khẳng định, ông chưa làm chẳng qua vì thời cơ chưa thuận tiện mà thôi. Chính vì cái tham vọng của ông quá lộ liễu nên Lê Duy Kỳ đã hoảng sợ bỏ chạy khi quân Tây Sơn kéo ra bắc, dù dưới danh nghĩa phù Lê.

Chỉ chưa đầy một tháng phục vụ chủ mới, thị lang Ngô Thì Nhậm đã tập hợp được một số cựu thần nhà Lê và soạn ngay một tờ biểu suy tôn để xin Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế. Công việc có chiều hấp tấp và lộ liễu đó không được mấy người hưởng ứng, những người có tư cách đều không ra, có kẻ bị ép thà tự tử nên Nguyễn Huệ phải hậm hực kéo quân trở về Thuận Hoá.

Văn Huệ sai người lùng hết các bầy tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đêm đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ.

Văn Huệ ở lại vài ngày, bèn sai Duy Cận đứng giám quốc, giữ việc thờ cúng (tôn miếu nhà Lê) còn mình thì rút quân về Nam.(5)

Hoàng Lê Nhất Thống Chí viết như sau:

Qua vài ngày, Bắc Bình Vương dẫn quân về Nam. Trước khi lên đường, Vương chọn năm sáu viên văn thần là bọn Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn, Nguyễn Bá Lan ... phong cho quan tước. Ích làm chức Tả thị lang bộ Hộ, tước Thuỵ Nham hầu, được đưa về Nam còn bọn Lịch, Tốn, Lan ... thì đều được phong chức Hàn lâm trực học sĩ, theo Đại Tư Mã Sở ở lại đất Bắc. Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên đều xin về dưỡng nhàn, nhưng vẫn được Bắc Bình Vương cho giữ nguyên chức tước, và sai bộ Lễ cấp phát giấy tờ cho họ trở về làng xóm. Tham tụng là Bùi Huy Bích, Thiêm đô là Nguyễn Huy Trạc đều có đến Kinh, nhưng không chịu cho dẫn vào lạy chào. Rồi đang đêm Bích trốn còn Trạc thì tự tử ở đài Ngự Sử.

Đến kinh đây chúng ta phải hiểu là bị áp giải đến chứ không phải tự nguyện và vì thế không chịu vào lạy Nguyễn Huệ. Về Nguyễn Huy Trạc không biết là người thế nào nhưng trong vai ngự sử ông hẳn là cương trực. Cái chết của ông không phải Ngô Thì Nhậm thì còn ai chịu trách nhiệm ở đây?

Thế nhưng theo *Hàn Các Anh Hoa* thì không phải chỉ một lần mà đến ba lần Ngô Thì Nhậm viết biểu suy tôn Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế để ép các quan ký tên. Đây là bản dịch của bà Đỗ Thị Hảo trong *Ngô Thì Nhậm tác phẩm I* từ trang 165 đến trang 171:

Tờ Biểu Suy Tôn (lần thứ nhất)

Thần nghe:

Nghĩa của Xuân Thu là "đại nhất thống" cho nên bậc vương giả chịu mệnh trời, hưởng phúc nước, ắt phải thể theo đạo trời, dựng nên ngôi báu, thì sau kỷ cương mới thống nhất, pháp độ mới phân minh.

Nước Việt Nam ta6 cõi bờ gồm 13 thừa tuyên, giữa chừng chia cắt hơn 200 năm. Trước đây vua Thái Đức ghi năm đầu tuy rằng thừa thời cơ mà dựng vị hiệu, nhưng vẫn chỉ chiếm cứ riêng một phương, thiên hạ chưa định hẳn về một mối. Nay (nhà vua) vâng mệnh trời, thuận lòng người, mở rộng bờ cõi, lần thứ hai xa giá ra Trung đô, liền có cả thiên hạ. Thế nhưng vẫn mang niên hiệu Thái Đức, để cho sĩ dân ngơ ngác, không biết qui hướng vào đâu. Nếu không sớm lên ngôi báu, thì lấy gì để gắn bó lòng người. Cúi mong bậc thánh thông minh, lấy thiên hạ làm trọng, ngẩng lên vâng theo ý trời, cúi xuống xét tình dân chúng, lên ngôi hoàng đế, xuống chiếu đổi niên hiệu, để thoả tấm lòng suy tôn của thần dân, để lưu

truyền mãi mãi cơ nghiệp ức vạn năm tông xã. Đó là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.

Theo lý mà nói, lời lẽ trong bài biểu này không có gì là thuyết phục. Thế nào là *"bậc vương giả chịu mệnh trời?"* (nguyên văn *cố vương giả thụ mệnh hưởng quốc ...*). Còn bảo vua Thái Đức *"thiên hạ chưa định hẳn về một mối"* thì Nguyễn Huệ cũng chỉ mới làm chủ có một phần giang sơn. Các quan nhà Lê không khứng chịu việc thay bậc đổi ngôi một cách trắng trợn như thế nên tờ biểu này không dùng được. Chẳng bao lâu họ Ngô lại viết một bài biểu thứ hai.

Thần nghe:

"Trời giúp thiên hạ đặt ra vua ra thầy" cho nên người có đức lớn ắt được chịu mệnh trời, làm chúa tể của thần dân thiên hạ. Nước Việt ta từ năm Giáp Ngọ (1774) trở lại đây, Nam Bắc gây chiến, dân chúng rơi vào cảnh lầm than. May nhờ lòng trời ghét cảnh loạn lạc, nên chia lâu tất hợp. Bệ hạ thuận theo ý trời, nắm được thời thế, dấy binh dẹp loạn, cứu trăm họ trong cảnh gian nan, thống nhất non sông, công trạng hơn hẳn đời trước. (Bởi thế) giữ được mệnh trời, thu được thần khí, thần dân trong bốn biển đều dụi mắt để xem nền chính trị mới. Bệ hạ nên theo lệ cũ của triều đại trước, lấy năm đại định lên ngôi báu. Trên là để nối lại giềng mối lớn trời Nam, rồi sau xây dựng kỷ cương, dấy nền pháp độ của triều đình thì cơ nghiệp dài lâu, thế lực hùng mạnh, sẽ tốt lành mãi mãi đến ức muôn năm.

Cúi đọc chữ vàng phê phó (thấy): lòng thánh nhân rất mực nhún nhường, việc lên ngôi trọng đại mênh mang khó hình dung được. Song mệnh trời giao phó, trăm họ suy tôn, ứng hình tượng rồng bay trong hào ngũ quẻ Kiền chính là việc hôm nay. Bọn thần hèn mọn, tài năng tầm thường, gặp thời anh minh, dám đâu không dốc lòng hết sức, để giúp thành nghiệp lớn. Cúi mong bệ hạ hãy soi thấu cái nghĩa của thời cuộc, thể tất tấm lòng của dân chúng, nhận lấy danh nghĩa

VŨ NGỌC ÁNH

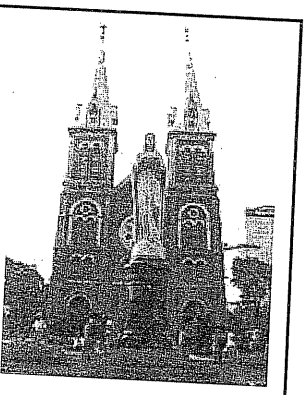

Chiều thánh đường

Tà dương nhuộm úa hàng cau
Nhớ nhà khơi dậy những chiều tuổi thơ
Cổng đá câm lặng bơ vơ
Nắng xuyên song trúc ngẩn ngơ hồn chiều
Đèn chầu hiu hắt cô liêu
Vòm cao vời vợi nguyện cầu dâng lên
Gần xa đâu tiếng phong cầm
Thiệt êm xoa dịu những niềm thương đau
Gió lên hàng nhãn xôn xao
Chuông trầm trầm gọi mây cao chuyển lời
Núi Đức Mẹ bóng chạy dài
Có cô thiếu nữ chắo tay thì thầm
Mơ hồ mùi huệ thoáng lan
Đồng trinh ý nhiệm Cao Xanh gửi về
Phương đình cánh vạc bay qua
Bay qua Cầu Ngói xuôi về Cồn Thoi
Sông Ân mây, nước, bèo trôi
Núi xa mờ tím chiều vơi buồn buồn
Thuyền ai cập bến cô đơn
Trăng lên lấp lánh ngọn bàng Phố Trong
Mây cao xém chút bụi hồng.

(Phát Diệm, ngày xưa)

rạng rỡ của thiên hạ, khiến cho thần dân Nam Bắc có chỗ trông cậy. Rồi ra được thấy bốn biển mãi mãi thanh bình, nghiệp lớn thêm bền vững, để sánh với sự hưng thịnh của vua Thang, vua Vũ, vượt lên trên công nghiệp của nhà Hán, nhà Đường. Đó là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.

Bài này cường độ "*tâng bốc*" đã tăng lên một mức, lấy toàn điển cố, sánh Nguyễn Huệ với các bậc thánh vương trong khi trên thực tế ông chưa làm được gì cho dân miền Bắc cả ngoài việc vơ vét gạo thóc, kho tàng chở về Nam. Cũng như bài biểu thứ nhất, bài này cũng không ai hưởng ứng và có lẽ cũng chẳng thèm nhớ đến nếu không được chép lại trong *Hàn Các Anh Hoa*. Thành thử Ngô Thì Nhậm lại cố công gọt giũa để thêm một bài "*suy tôn*" lần thứ ba bằng lối văn biền ngẫu:

Trộm nghĩ:

Sao Bắc thần yên vị, ba viên soi Hà Hán huy hoàng.

Ngôi Nam diện sáng ngời, tám cõi ngóng áo xiêm thịnh trị.

Vươn cổ ngóng tầng mây, dốc lòng theo bóng nhật.

Chúng thần trộm nghĩ:

Đạo đức đã tràn đầy ba cực, phải có tay chăn dắt dân đen.

Vua thầy là trách nhiệm một người, chẳng nên bỏ hư lâu ngôi báu.

Nghĩ Việt Nam ta từ Hùng Vương dựng nước,

Sách trời ghi chép rõ ràng, mười ba tuyên cõi bờ muôn dặm

Dòng họ dõi truyền rực rỡ, vài ngàn năm giềng mối trăm vua,

Thực nhờ sự phù hộ của hoàng thiên, nên mới dám đối chọi với Trung Quốc

Từ đông bắc nhân họ Lê suy yếu, đất đai bèn chia cắt bởi quần hùng

Tuy tây nam có hoàng huynh nổi lên, oai trời chưa tràn lan khắp cõi

Binh xa thì xa xôi không tới, quân mã liền ồ ạt nổi lên

Kể từ năm Giáp Ngọ (1774) khởi binh, rồng thần đã ra tay khắp cõi

Nay tới năm Mậu Thân (1788) gặp vận ngôi thiêng cần đợi bậc thay trời

Vì đức sang hợp sự mở mang, nên bốn cõi vào tay nắm giữ.

Kính nghĩ hoàng đế bệ hạ:

Trời sinh khí sáng thần giúp tài cao

Một áo nhung gây dựng non sông, là em quý của anh hùng Tây thổ

Ba thước kiếm quyết trừ loạn lạc, là chân nhân sáng suốt cõi trời nam

Một cơn giận dữ dụng võ yên dân, bốn cõi xông pha giương oai dẹp giặc

Từ Tiêm La ra Bắc không một thành bền, vang dậy vẫn ngọn qua vua Vũ

Từ Long Đỗ về nam hai lần xe đuổi, duy trì cho cung điện vua Nghiêu

Công trạng lớn mênh mông khôn tả, chính sự hay rực rỡ đáng ghi

Trăm quan nghiêm huấn lệnh, làm việc binh không để nhiễu dân

Ba tạng để di ngôn, sửa phong tục chẳng cần cầu Phật

Mưu cao mở lối kinh luân, kế giỏi trổ tài vận dụng

Hai kinh mở ra cung điện, gốc nguồn tông xã được vững vàng

Đôi miếu xum họp thân biền, đường lối võ văn đều thực hiện

Công đức thực tốt đều hai mặt, nên trời người thuận cả một chiều

Trăm điều bói mộng tốt lành, càng tỏ rõ câu văn trì thống

Dân chúng âu ca qui phục, hiệp theo lời sấm phá điền

Xét theo lý số không sai, so với thời cơ rất hợp

Thánh nhân cân nhắc sự nghe theo, khiêm nhượng nêu cao đức lớn

Dân chúng trông chờ điều đổi mới, suy tôn tỏ rõ lòng thành

Trông cậy khắp trời đâu cũng vậy, qui mô thống nhất chính là đây

Cúi mong:

Sớm lên ngôi báu, rộng mở nghiệp vua

Lời nói việc làm giữ đạo trung dựng xây chế độ

Chủ trương chính sách ở ngôi cao nắm giữ mối giềng

Tế tự dâng nghi lễ kính thành huy hiệu chép tôn nghiêm rạng rỡ

Để được thấy muôn phương an lạc, bốn biển thanh bình

Xuân năm đầu nghiệp lớn mở mang, trông bệ thánh sánh cùng sao sáng

Nước bốn mùa ơn sâu đằm thắm, mừng nhà vua hưởng phúc lâu dài.

Nếu không tìm hiểu về thực trạng lúc đó, bài biểu này ắt sẽ cho chúng ta một hình ảnh xã hội thiên đàng. Thực ra, tình hình còn đang ngả

nghiêng, về hành chánh cũng như chính trị đều chông chênh quân Tây Sơn đang cố thanh toán nốt những khu vực còn trung thành với nhà Lê.

Theo lời khai của bọn Nguyễn Huy Túc với quan nhà Thanh thì như châu Hoan, châu Diễn (tức vùng Thanh Hoá, Nghệ An) và một số trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Kinh Nam, Kinh Bắc, Tuyên Quang, Hưng Hoá ... vẫn còn một số thổ hào, hưởng ứng cần vương nổi lên chống lại nhưng lực lượng yếu ớt, không có gì đáng kể.(7) Tại Yên Thế có Dương Đình Tuấn, vốn dĩ là một tay "*anh chị*" ở Lạng Giang, nay hưởng ứng Cần Vương được phong làm Bình Khấu tướng quân. Trần Quang Châu, Trần Đĩnh, Hoàng Xuân Tú ở Chí Linh. Trần Quang Châu được phong là Định Vũ Hầu. Ở Thanh Hoa có con cháu nhà Lê là Lê Duy Trọng, Lê Duy Phác. Hoàng đệ Lê Duy Chi (em vua Chiêu Thống) thì dấy lên ở Tuyên Quang, Thái Nguyên. Ngoài ra còn vô số các thổ hào và dư đảng họ Trịnh mỗi người làm chủ một cõi.

Theo lời Nguyễn Huy Túc khai ra thì đất An Nam trước nay có 52 phủ, trong đó 12 phủ là do thổ mục, man tù sinh sống (tức người vùng núi), còn thực quyền là 40 phủ, trong đó đạo Thanh Hoa gồm 4 phủ 15 huyện, đạo Tuyên Quang 3 châu 1 huyện, đạo Hưng Hóa 10 châu 2 huyện là chưa đầu hàng Nguyễn Văn Huệ, ngoài ra An đạo 4 phủ 12 huyện của miền trên(8) cũng chưa hàng, còn miền dưới thì hàng cả rồi. Đạo Sơn Nam 9 phủ 36 huyện, miền trên cũng đã hàng, miền dưới chưa hàng. Đạo Sơn Tây gồm 5 phủ 24 huyện, miền trên chưa hàng, miền dưới cũng đã hàng. Đạo Kinh Bắc gồm 4 phủ 20 huyện, miền trên chưa hàng, miền dưới hàng rồi. Đạo Hải Dương 4 phủ 19 huyện, miền trên đã hàng, miền dưới chưa hàng. Đạo Thái Nguyên 8 huyện, 3 châu, miền trên chưa hàng, miền dưới đã hàng. Đạo Cao Bằng 1 phủ, 4 châu và Lạng Sơn 1 phủ, 7 châu cũng đã đầu hàng. Nguyễn Văn Huệ muốn xúi bẩy dân chúng bắt giao Lê Duy Kỳ nên đã hứa miễn giảm sưu thuế cho dân trong mười năm.(9)

Xem như thế, các vùng xuôi tuy đã dưới quyền kiểm soát của quân Tây Sơn nhưng các vùng núi phần lớn chưa bình định được. Việc đánh giữ và thu phục lòng người không phải chuyện một ngày một buổi, dư đảng nhà Lê và các thổ hào tuy chưa thống nhất chỉ huy thành những lực lượng lớn nhưng gần như có mặt khắp nơi.

Mặc dù Nguyễn Huệ cố tuyển mộ gấp rút một đoàn quân địa phương để bổ xung lực lượng, đa số quân trú đóng ở miền Bắc vẫn là quân đem từ miền Nam ra mà khác biệt về tiếng nói, phong tục, cách sinh hoạt chưa có thể khắc phục một sớm một chiều. Nhân sĩ Bắc Hà hoang mang không biết phải làm sao, tình hình biến chuyển nhanh hơn những gì họ có thể dự liệu nên nhiều người đã nghiêng qua ngả lại, theo gió đổi chiều đến mấy lần.

Chính vì thế mặc dù Ngô Thì Nhậm cố hết sức thuyết phục, o ép cựu thần nhà Lê ký vào bản "*suy tôn*" nhưng thời thế chưa chín mùi để Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế. Không thể đóng quân mãi ở xa đại bản doanh, thả mồi bắt bóng, ngày chậm tháng chầy có thể đưa đến những bất lợi, cực chẳng đã, Bắc Bình Vương đành phải để một đại tướng trấn giữ miền Bắc rồi rút về Thuận Hoá chờ cơ hội khác.

(Còn tiếp)

Chú thích:

1. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, *(KDVSTGCM) bản dịch Viện Sử Học (Hà Nội: nxb Giáo Dục 1998) tập II, tr. 751-4*

2. Ngô gia văn phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí *bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch (Hà Nội, nxb Văn Học 2002) tr. 15-21*

3. Hoàng Lê Nhất Thống Chí *tr. 302-3*

4. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng những chương về vua Quang Trung trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí *là do Ngô Thì Nhậm viết. (*Ngô Thì Nhậm tác phẩm I, *tr. 17)*

5. KDVSTGCM tr. 835. Theo ý của đoạn này, cái chết của ngự sử Nguyễn Huy Trạc xảy ra vào lần suy tôn thứ ba và có thể vì thế mà tình hình đột nhiên căng thẳng nên Nguyễn Huệ tức tối bỏ về nam. Về sau số người cộng tác với nhà Tây Sơn đông hơn nhưng tới lúc này thì chỉ có vài người nêu tên ở trên, những người khác trốn tránh hoặc theo vua Lê tìm đường khôi phục.

6. Trong nguyên văn chỉ viết là "ngã Việt" nghĩa là nước Việt ta chứ không ghi là Việt Nam. Quốc hiệu Việt Nam lúc này chưa có, tôn trọng dịch giả chúng tôi để nguyên văn.

7. Trang Cát Phát: Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu *(Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh 1987) tr. 353 (đây là bản chụp lại bản của Đài Loan năm 1982) tr. 346.*

8 nguyên văn thượng lộ và hạ lộ hẳn là phiên dịch mạn ngược và miền xuôi

9 Trang Cát Phát: sđd tr. 353

Đứng Ngẩn Trông Vời

HOÀNG QUÂN

Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn,
Tuổi hai mươi đến có ai ngờ,
Một hôm trận gió tình yêu lại
Đứng ngẩn trông vời áo tiểu thơ
Huy Cận

Buổi sáng, ngày nào cũng một tuồng tương tự, tôi vừa sửa soạn đi làm, vừa hò hét kêu Bê dậy đi học. Lâu lâu phải lên giọng doạ dẫm: "Nếu Bê cứ ngủ nướng như vậy, Mẹ sẽ giao công tác buổi sáng cho Ba. Ba sẽ áp dụng kỷ luật sắt." Bê nhừa nhựa ngái ngủ: "Thôi, con thích Mẹ kêu con dậy thôi." Khi Bê đánh răng, tôi đã xong áo sống lượt là, dọn cho Bê bữa điểm tâm gọn trước khi đi học. Rót sữa vào chén để ăn với cốm, Bê hỏi:

- Hôm nay Mẹ không đi làm sao?

- Có chứ. -Tôi ngạc nhiên.

- Sao Mẹ không thay áo quần cho rồi.

Buổi sáng không phải là lúc Bê thích chọc ghẹo tôi.

- Mẹ chuẩn bị xong xuôi rồi, Mẹ đi sau con vài phút như thường lệ.

Giọng Bê hấp tấp:

- Mẹ, Mẹ mặc áo đầm này đi làm hả?

- Ừ, thì mùa hè mà.- Tôi nhìn áo đầm trên người mình, với những hoa hướng dương màu sắc như tranh của Gaughin. Tôi không nghĩ áo đầm này có một nét nào giống áo ngủ. Hoa hướng dương đang là thời trang năm nay. Cái áo đầm rất xinh trong mắt tôi.

- Nhưng Mẹ đâu mặc áo này được!

Tôi nhìn Bê, dò hỏi:

- Ở hãng mẹ, người ta vẫn mặc đầm như vầy đi làm.

- Nhưng mà cái áo này là cho, là cho... Maedchen (1).

Tôi thở phào, trêu Bê:

- Thì Mẹ cũng là Maedchen chứ sao.

Bê nghiêm giọng:

- Không phải, Mẹ là người không trẻ mà cái áo như vầy rất 'in' (2) cho mấy đứa con gái trong trường con.

Hai mẹ con ngừng đối thoại về cái áo đầm có hoa hướng dương. Bê mang cặp trên vai, ngập ngừng ở cửa như muốn nói điều gì. Tôi đoán ngay:

- Bây giờ Mẹ không đủ thì giờ thay áo khác, nhưng ít bữa Mẹ sẽ không mặc áo này đi làm nữa.

Suốt đoạn đường đến hãng, Tôi nghĩ hoài về nhận xét của Bê. Tự đó đến giờ, Bê có hề để ý đến áo quần của Bê đâu. Áo quần của người khác lại càng chẳng quan tâm. Vậy mà, tự lúc nào Bê biến trong phòng tắm lâu hơn để chải đầu, xịt keo lên tóc trước khi đi học. Bê không còn mặc cả với tôi từng phút xin ngủ nướng mỗi sáng. Bê xăng xái tự thức dậy sớm để đủ thời giờ "trang điểm." Bê cứ băn khoăn, sao tóc mình hay bị chỉa. Ở nhà, Bê đội suốt cái nón len, để những sợi tóc mất trật tự được ép đi vào khuôn khổ.

Tôi tập dần quen với suy nghĩ bước vào tuổi chớm già của mình. Nhưng vẫn chưa muốn nhận thấy con mình không còn là đứa trẻ nhỏ, chạy lúc thúc theo mình, vòi vĩnh đòi bồng ẵm. Vài năm trước, khi Bê bể giọng, ồ ề. Tôi cứ tự nhủ, như kiểu tự kỷ ám thị, thằng nhóc chắc mặc áo quần không đủ ấm nên bị cảm lạnh. Tôi như cố tránh ý nghĩ con mình bước vào tuổi dậy thì. Tôi nhớ, Bê vào lớp một trường tiểu học, Bê thành 'người lớn' một sớm một chiều. Ba năm ở mẫu giáo Bê là Bê. Một hôm, bà Hahn vui vẻ kể cho tôi nghe rằng, bé Sandra con bà, đã 'chỉnh' bà. Khi bà hỏi Sandra về Bê, Sandra lên giọng:

- Mami ơi, Bê bây giờ là người lớn rõi. Tụi con không phải trẻ nít ở Kindergarten nữa. Tụi con đã đi Schule. Bây giờ nó là Quân. Mami không được gọi nó là Bê nữa nhe.

Lên trường, Bê là Quân, phân biệt rạch ròi. Nhiều thầy cô đọc tên Bê là Kwan. Khi Bê xong lớp bốn chuẩn bị lên trung học, tôi chợt có ý nghĩ,

ra sở hộ tịch đặt thêm cho Bê cái tên thời thượng, Thomas, Oliver gì đó cho người Đức dễ gọi. Vợ chồng tôi vừa đặt vấn đề, Bê tỏ vẻ giận dữ:

- Con là Quân, chớ không phải tên gì khác.

- Tại Ba Mẹ chỉ sợ có người gặp vấn đề với tên của con.

- Hồi giờ đâu có ai gặp vấn đề gì đâu. Nếu ai không phát âm được tên của con, ráng chịu.

Coi như hồ sơ đổi tên của Bê xếp lại nhanh chóng.

Tôi nhớ mới năm nào đây, Bê học nói. Chữ Mẹ của Bê dần dà thành chữ Mẹ-ấm. Bởi Bê ghiền được Mẹ ấm lắm. Bê không gọi tôi là Mẹ ơi, mà gọi là Mẹ ấm. Có lần trái gió trở trời Bê khóc ử ử suốt, tôi vác Bê hoài cũng đuối. Thấy Bê nhắm mắt thiu thiu ngủ, tôi định chuyền Bê qua chị tôi để nghỉ ngơi, kiếm chút chi bỏ bụng. Vậy là Bê khóc ré lên, mắt vẫn nhắm tít. Chị tôi lắc đầu:

- Thôi tao trả lại, nó làm như ai ngắt véo nó không bằng.

Thiệt ra, Bê đâu cần phải mở mắt mới nhận ra Mẹ. Bê đang thích nhõng nhẽo, mà biểu Bê xa mùi Mẹ là Bê la làng ngay.

Thuở cậu Thuận mới o cô Loan, cùng với nhiều cậu bạn khác ghé Bad Nauheim chơi, rồi sau đó đi xem triển lãm xe hơi ở Frankfurt. Cậu Thuận rủ dại:

- Bê đi coi xe hơi không?

Nghe tới xe hơi, Bê thích mê tơi:

- Dạ, con đi liền.

Bê lật đật lấy giày, lấy áo. Cậu Thuận nhắc:

- Mà đi không có Mẹ Bê đâu nhe.

- Con thích đi với cậu thôi à. -Bê nói tướng.

Đi chơi với mấy cô cậu vui quá trời. Tới Frankfurt, xe cộ đông ơi là đông. Lúc đến cổng trình thẻ vô cửa Bê thấy chỉ còn vui chút xíu, Bê bắt đầu thấy vắng mẹ. Người ta đông quá, mà toàn là người lạ, không có ai dễ thương như Mẹ của Bê. Bê không thấy vui nữa. Bê muốn có Mẹ ở đây. Bê níu tay cậu, mếu máo:

- Cậu Thuận ơi, con muốn về, con nhớ mùi Mẹ.

Mấy cậu xúm lại dỗ Bê: 'Mình lại gian hàng coi xe Mercedes nhe.' Bê dùng dằng không chịu đi. Cậu Thuận ngồi xổm, nói Bê leo lên lưng cậu. Ở hãng Mercedes, cậu xin cho Bê một hộp đựng viết màu hình cây bút chì bằng gỗ thật to. Bê hơi hơi tươi lên một tị, như vậy Bê tha hồ vẽ. Cậu Thuận thả Bê xuống. Bê ôm chặt hộp đựng viết, Bê nhớ Mẹ quá, Bê đi không nổi. Không lẽ cứ đứng hoài ở quày hàng xe có ngôi sao này à. Mấy cậu còn muốn đi coi mấy chiếc xe BMW đời mới nữa. Đến đâu Bê cũng được cho quà, Bê chỉ vui lên một chút, rồi Bê lại ra rả điệp khúc: 'Bao giờ mình về Mẹ?' Mấy cậu vừa phải dỗ ngọt, vừa phải nghiêm giọng cho Bê biết là bao giờ coi đã đời mới về.

Chiều tối, cả nhóm cùng về. Vừa thấy tôi, Bê chạy lại khóc mếu máo. Hai mẹ con ôm nhau như thể không gặp nhau cả vài năm. Bê thút thít:

- Con không bao giờ đi đâu mà không có Mẹ.

Cậu Thuận than trời vì phải cõng Bê sụm cả lưng. Có cậu còn gọi Bê là D'artagnan, không phải tại Bê giống mấy chàng ngự lâm pháo thủ, mà tại Bê thiếu mẹ, Bê nhăn nhó khó thương. Cậu Nghĩa than:

- Cái thằng Bê này không biết điều gì hết. Cậu nó mới cua được đào, tưởng đâu có dịp nắm tay đào đi ngắm xe hơi. Rốt cuộc chỉ nghe ông Đặc-Ta-Nhăn Bê lèo nhèo khóc đòi mẹ.

*

Bé Kim thấy trong phòng cậu Út có hình cô tóc dài. Bé Kim hỏi tôi:

- Ai vậy cô?

- Đó là cô Hà, bạn cậu Út.

Mặt bé Kim nghiêm lại:

- Không có được. Con gái không có được làm bạn với con trai.- Mặt bé Kim ta đây như bà cụ non.

Tôi kể cho mẹ Kim nghe mà không nín cười được. Yến nói:

- Đối với Bé Kim, chỉ có anh nó mới được phép làm bạn với nó thôi. Còn trong vườn trẻ, Kim chỉ chơi với con gái thôi.

À, như vậy cũng giống Bê hồi nhỏ đó. Những năm Bê ở tiểu học và thời gian mới vào trung học, đám bạn của Bê toàn là con trai. Bê chỉ chơi với các em gái bà con họ hàng, ngoài ra Bê chê con gái chung chung là komisch (3). Bê kể về bữa tiệc sinh nhật chỉ có Alex, Michael, Daniel. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Đôi khi Bê cũng nhắc những tên Alexa, Michaela, Daniela, tức là với những mẫu tự a cuối tên giúp tôi nhận ra: À, cậu ấm nhà tôi bây giờ cũng có 'giao thiệp' với con gái.

Thiệt ra, Bê cũng tập đối đáp với phái nữ, mà đại diện là tôi. Bê biết viết tiếng Việt đến bây giờ đã gần mười năm. Vậy mà, mỗi lần sinh nhật tôi Bê cứ chúc một câu căn bản: Chúc Mẹ vui vẻ, trẻ đẹp. Thật ra, Bê có thể sử dụng nhiều từ ngữ rắc rối hơn. Nhưng Bê lựa những chữ đơn giản để viết- cho chắc ăn. Lâu lâu Bê khen: Mẹ

đẹp. Tôi cười tươi: chắc không? Bê ôm lấy tôi cười rúc rích: Con cũng không biết nữa, mà cứ khen cho chắc ăn. Bê rất thích xài cụm chữ: cho chắc ăn. Thỉnh thoảng, Bê nói cho tôi lên tinh thần:

- Mẹ trẻ.
- Trẻ như ai?
- À, à, Mẹ trẻ hơn mấy người già.

Bê chỉ tôi chơi cờ Pokemon. Ai đè tôi cũng cao tay cờ làm Bê thỉnh thoảng phải xuống nước năn nỉ. Bạn của tôi dự báo rằng: Nếu Bê tìm bạn gái dựa theo tiêu chuẩn như Mẹ Bê, coi chừng Bê ế chổng chơ.

*

Em gái tôi lo lắng kể với tôi:

- Tụi em mất ngủ mấy hôm nay.
- Có chuyện gì vậy?
- Hôm sinh nhật bé Cún. Tiệm hoa mang đến 14 hoa hồng, thật đẹp. Em hỏi người gởi là ai, tiệm hoa nói họ không được phép trả lời.

Nghe đâu em gái tôi trằn trọc mấy canh, duyệt qua danh sách những "thủ phạm tình nghi." Biết, mấy chục năm trước, tuổi mười ba đã được gọi là nàng, đã làm cho chàng về yêu hoa cúc hoặc mến lá sân trường. Nhưng bây giờ, bé Cún vẫn bé tí teo trong mắt cô em tôi. May quá, cô em tôi sớm tìm được ra manh mối. Cũng là con cái chỗ quen biết. Cũng hơn bé Cún được... một tuổi. Tự nhiên tôi đâm ra cảm tình với thằng bé có vẻ lãng mạn này. Mấy đứa con nít khác chỉ hít hà tiếc rẻ. Phải chi thằng nhóc mua chips và sô cô la đem tặng, cả đám nhào vào, tha hồ mà chung vui. Hỏi ra, biết đó là Dự, nhỏ hơn Bê vài tháng. Hồi xưa khi còn ở Bad Nauheim, có lần vợ chồng tôi dẫn Bê đến nhà Dự chơi. Hai đứa có chụp hình chung. Vậy là Cún đưa cho Bê một mission... possible: tìm tấm hình đó cho Cún. Xui, mấy hôm đó tôi đi làm xa. Tôi vừa gọi về, Bê chưa kịp hỏi thăm Mẹ khoẻ không, mà chỉ liền hỏi tôi còn nhớ cất tấm hình ở đâu. Theo như hướng dẫn của tôi, Bê đã lật mấy cuốn Album to tướng, cuối cùng tìm ra tấm hình như tôi diễn tả. Trong hình có hai đứa bé thật, có điều chụp từ xa, hai đứa như hai con kiến. Bê đoán mình là đứa bé mặc áo thun sọc ngang. Nhưng Bê đâu có thấy mặt mũi Dự ra sao đâu. Thôi đành chờ hôm nào về Bad Nauheim, Bê sẽ coi Dự ra sao, mà tôi cứ xuýt xoa khen thằng bé dễ mến.

Mỗi lần Bê báo tin sẽ về nhà ông bà Ngoại là Cún, Nâu trông đứng trông ngồi. Khi Bê đến, đứa thì nhảy lên ôm cổ, đứa chạy lại chập bàn tay chào nhau. Tôi nói với Nâu:

- Bây giờ vui như vậy, chứ ít bữa anh Bê có bồ, đâu được như vậy nữa.

Nâu lắc đầu:

- Tụi con cứ như vậy hoài.
- Nâu có chắc không? có bồ là anh Bê quên mất tiêu mấy đứa à.
- Không, con biết chắc mà. -Nâu nhỏ giọng- Bây giờ anh Bê có Freundin (3) rồi mà tụi con vẫn vui đó.

Tôi giật mình, hỏi dồn Nâu:

- Thiệt không, thiệt không?
- Dạ, thiệt mà. Nhưng chuyện này chỉ có tụi con biết thôi.

Chỗ quen biết, Nâu bật mí cho tôi nghe:

- Nhưng con không kể thêm gì nữa đâu. Mà thôi, con kể nhỏ cho dì nghe.- Nâu dí sát vào tai tôi, thì thầm: Bồ của anh Bê là con gái đó.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thời buổi bây giờ, chi tiết này kể ra cũng rất giá trị. Tôi bắt đầu nghe ngóng các trao đổi của những bậc phụ huynh có con trai lớn. Tôi nghe kể, con trai lớn của bà chị họ đưa bạn gái về nhà chơi, cậu dắt cô đến chào bác trai, bác gái rồi cùng nhau "lặn" về phòng cậu. Chị hối chồng chạy ra tiệm thuốc

lê đình nhất lang

Kiểu Mẫu Frost

Thi hào Robert Frost của Hoa Kỳ
mỗi lần dọn nhà chưa biết làm gì
hay khi ôm ấp một dự định lớn,
thường mua một thửa đất, rồi
đi cày.

Dân Việt gốc nhà nông trồng lục bát,
đi sang đây vì nhà tan nước mất,
mộng có thể nuôi, và vốn được vay,
thích mua nhà, gần chỗ họ
"đi cày."

Điều này giải thích sao giá nhà cao
ở California, và dự báo:
ở Hoa Kỳ, nội trong một thế kỷ,
sẽ gia tăng đáng kể số thi sĩ.

tây mua "hệ thống phòng thủ." Anh dãy như đỉa phải vôi: Bà còn vẽ đường cho hươu chạy nữa. Anh nhất định không rời bỏ "hiện trường." Anh nóng ruột đi lui đi tới ngoài hành lang, giống như lính của hoàng gia Anh canh giữ lâu đài. Chị không còn cách nào khác, vội lấy xe chạy ù ra phố. Về nhà chị gõ nhẹ cửa phòng, bảo cậu ra cho chị nói chuyện, rồi chị kín đáo dúi vào tay anh con trai món hàng vừa mua. Tôi tấm tắc ngưỡng mộ: Trời trời, chị ngầu quá. Rồi khi đưa cho nó, chị nói sao? Nhiều người cười tôi khéo lo bò trắng răng. Bê mới vào trung học. Thong thả mà, đến khi cần tự nhiên nghĩ ra à.

Bây giờ, Bê còn một năm nữa là tròn 18 tuổi. Tôi cứ lo lắng miết, lỡ có khi tôi ở vào tình huống như bà chị họ, liệu tôi có đủ bình tĩnh chạy ra tiệm thuốc tây chăng. Tôi cũng chưa tưởng tượng được rồi mình sẽ nói ra sao với Bê.

*

Dỡn sóng lâu thấm mệt, tôi về phòng trước. Tính mở tủ lạnh lấy nước uống, mắt tôi chợt dừng lại. Một vỏ sò điệp xinh xắn trên bàn. Có lẽ của con Bé con Dung. Con Bé chắc vào nhầm phòng, nên để trên bàn của phòng gia đình tôi. Tôi mân mê vỏ sò trong tay. Gần 30 năm trước, có người đem tặng tôi cái vỏ sò, trong có nắn nót mấy chữ."Ra biển nhớ người anh thương." Tôi đã quýnh quíu, hốt hoảng dấu vội vỏ sò, tưởng như cả nhân gian đang chằm chằm nhìn thấy tôi... phải lòng người dưng. Tôi không dám ngó người ta. Tôi phân vân không biết làm sao giữ bí mật to lớn này. Cất vỏ sò vào cặp, sợ chúng bạn bắt gặp. Tôi đổi ý, lấy ra. Để trong tủ áo quần, sợ chị em biết "tội" của mình, tôi không yên lòng. Cuối cùng, tôi đã giấu vỏ sò sau những chậu cây trong vườn um tùm của Ba tôi. Đi học về ngó quanh quất không thấy ai, mới len lén đem vỏ sò ra ngắm, bâng khuâng. Nhiều biến động, tai ương đến với gia đình tôi. Tôi không còn dịp nâng niu vỏ sò. Tôi không biết đã đánh mất vỏ sò ở đâu, lúc nào. Người ta cũng biệt tăm. Tôi không còn hình dung người ta ra sao, bởi, có hồi nào tôi đã ngước nhìn thẳng mặt đâu. Nhưng vỏ sò, vẫn cứ đậm nét trong trí nhớ của tôi. Phút giây này, tôi tưởng như mình đang bồi hồi, bối rối như cô bé học lớp chín xưa lắc xưa lơ. Tôi nghĩ thầm, lát nữa tôi sẽ xin con Bé cái vỏ sò này. Rồi tôi lúc lắc đầu một mình. Thôi khỏi, trong ký ức tôi vẫn nguyên vẹn cái vỏ sò năm xưa. Tôi mở cánh cửa thông qua phòng Dung, đặt chiếc vỏ sò lên bàn cạnh giường. Trở về phòng mình, tôi nằm nhoài ra. Nửa tỉnh, nửa ngủ, tôi như đang trong giấc mơ thật nhẹ nhàng. Bê vào phòng lúc nào tôi không hay, đang nóng nảy tìm kiếm gì đó.

- Mẹ, Mẹ, nãy giờ mấy đứa nhỏ có vào phá phòng mình không?

- Không, chỉ có Mẹ về trước, chứ mọi người đang ngoài bãi biển mà.

Bê ngập ngừng:

- Mẹ có thấy cái vỏ sò để trên bàn không?

Tôi nhổm dậy:

- Có, mà sao?

- Mẹ cất ở đâu?

- Mẹ đem qua để bên phòng của cô Dung.

- Tại sao? ... Của con mà.

- Con định tặng cho Mẹ phải không?

Bê ngần ngừ:

- Dạ... không. Con qua phòng cô Dung lấy lại nghe.

Bê vội vàng chạy qua phòng bên.

Đột nhiên, tôi tỉnh hẳn. Trong trí tôi bao nhiêu là câu hỏi, bao nhiêu là giả thuyết. Cu Bê đã nhặt vỏ sò, không phải để tặng Mẹ như từ trước đến giờ. Bê vẫn hay tặng tôi những thứ lỉnh kỉnh dễ thương. Ô, vậy là, vậy là, Bê có dự định tặng cho "con bé" nào đó sao! Ý nghĩ đó làm tôi như giật bắn cả người. Con bé chắc học ngang lớp Bê, cũng mười bảy như Bê? Hay học dưới lớp Bê, cỡ tuổi tôi hồi đó? Bê sẽ có viết gì trong vỏ sò không? Ui chao, con bé đó có cuống quít không. Có như tôi, có vội vàng cúi đầu giấu mặt vì sợ người ta biết nó xao xuyến. Ồ, có lẽ không. Tụi trẻ bây giờ dường như là vật chất lắm. Tụi nó tặng nhau những dĩa nhạc thời thượng. Thâu cho nhau cả trăm bản nhạc vào ipod. Đứng cạnh nhau mà vẫn gởi thư sms qua điện thoại di động ào ào. Biết đâu, khi Bê đưa cho "nó" món quà, con bé nhún vai, nhíu mày một cách dễ ghét, hỏi vặn Bê : Was kann ich damit anfangen (4)?

Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn, ... không biết Bê có khái niệm áo tiểu thư là gì chưa, đã có trận gió tình yêu nào đó thổi qua chưa. Riêng tôi, thấy mình buồn buồn, đang đứng ngẩn trông vời đứa con mình khôn lớn, đủ lông cánh xa dần khỏi tầm tay.

Tháng tám 2005

(1) Maedchen: Con gái
(2) In: hợp thời
(3) Komisch: kỳ cục
(3) Freudin: bạn gái
(4) Was kann ich damit anfangen: Tôi/Em làm gì với cái quái này?

cải táng

NGUYỄN HƯƠNG

MỊCH

Nhau tôi chôn chỗ này, dưới gốc cây sao, ở giữa dãy núi và nhánh sông chảy qua làng. Cha tôi bảo lúc ông vùi lấp xong sợi nhau trắng nhẫy, ngẩng trông hướng gió thì sao Bắc Đẩu đang nhấp nháy sáng. Nhỏ xíu. Như hạt cát rơi xuống lưng chừng thì dừng lại, lơ lửng cách sườn đồi một sải tay trời đêm.

Vậy là tôi thành thầy địa lý: nghề của cha tôi truyền lại. Công việc muôn đời không sợ hết. Địa hình, vô số địa hình biến hóa từ từng đó thứ: gió, nước, núi, sông, và phương hướng sao trời. Những thứ trong mắt cha tôi đêm ấy.

Tôi cũng không biết đêm ấy là bao giờ. Địa hình không có đường thẳng lịch sử, không có biến cố, ngoài những vận hành tiềm ẩn trong đất, bằng động lực của gió, nước, núi, sông, và phương hướng sao trời.

Nửa đêm, gió hú trên triền núi. Gió tốc liếp phên chái bếp, đập thôi thúc. Nửa đêm, gió uốn cây cành răng rắc. Tôi mơ hồ nghe tiếng cây cối nổ dòn trong bom lửa.

Nở, vợ tôi, trở mình. Tôi vòng tay qua người nàng. Ngón tay tôi chạy dọc một đường thẳng từ sóng mũi nàng xuống môi, qua chỗ trũng ở cổ, chạy giữa hai vú, xuống bụng, vùi vào khoảng trống sâu hút trong người nàng.

Bên trong là địa hình, với gió nước, núi sông, và phương hướng của sao Trời. Tỉnh lặng. Ướt nóng như thuở sơ khai. Tôi cười bâng quơ, trườn qua nằm phủ lên người nàng. Xương nàng cứng cáp. Da thịt nàng mềm.

NỞ

Nửa đêm, gió luồn qua chỗ lỏm bên hông sườn núi, oằn oại hú trên ngọn tre làng, vật rầm rầm xuống mái tôn. Người ta cho nổ núi lấy đá đắp đường cho xe tải hàng công nghiệp hóa đất nước. Đám thanh niên thất nghiệp đập đá, mài nhẵn thành rồng cuộn trên bộ đồ trà bán giá hai trăm nghìn cho du khách. Núi lòi ruột. Đá nham nhở xanh. Không như Mịch tưởng, bên trong không có địa hình bình lặng, không có thế giới sơ khai.

MỊCH

Tôi lặp lại điều cha tôi làm đêm ấy. Tôi chôn cha tôi giữa quả núi đầu rồng và nhánh sông uốn khúc. Bây giờ tôi chôn tôi vào người nàng. Chờ phát ở đời sau.

NỞ

Địa hình đeo đẳng theo Mịch như một thứ ảo giác phi lịch sử. Răng Mịch sáng trong đêm. Mịch nấc tha thiết lắm, mộng du trong động tác khai nguyên. Hắn mong con trai nối dõi, lặp lại khởi đầu một cách mơ ngủ.

Chúng tôi lấy nhau đã hơn mười năm. Bây giờ đã muộn mằn sanh nở.

Muộn mằn nghề nghiệp. Lòng sông vốn hẹp lại cứ đầy dần, vì mất rừng, đất đỏ trên đồi trôi tuột xuống sông. Còn núi. Nói núi thì hơi quá. Đồi thì lở loét vì mìn. Mìn chiến tranh. Mìn nổ đá công nghệ. Sông núi không chỉ lẳng lặng theo những biến chuyển địa chất muôn đời trong thế giới của phong thủy. Địa hình đầy biến cố: hận thù, cơm gạo.

MỊCH

Gà gáy. Tiếng gà trống đơn độc trên rào tre trước sân. Trời không còn gió. Tôi trỗi dậy pha trà. Nàng hãy còn ngủ. Đầy đặn.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Ông Thiện đang dừng lại trước cổng, cúi nhìn những đường gân xanh trên hai bàn tay. Ông vụt ngẩng lên gọi:

"Ông Mịch ơi. Tôi có chuyện nhờ."

Sương sớm đọng giọt trên cổng tre. Tôi quay vào mặc áo. Có tiếng ông mở cổng ngoài sân.

Ông Thiện ngồi trước mặt tôi. Hai chén trà bốc khói. Ông nói:

"Đêm qua gió. Thằng Thọ lại lên cơn, rúc vào góc nhà, bịt chặt tai. Mất nó trợn ngược. Mép

sùi dãi. Ông phải giúp tôi."

"Thì tôi đã nói với ông. Chỗ chôn cất cụ nhà tốt thật, nhưng chỉ phát được một đời. Còn thì phá các đời sau."

Ông Thiện lẩm bẩm:

"Không. Hàm rồng cơ. Chỉ tại chúng nó phá núi làm đường. Động mạch."

Ông nhìn tôi:

"Ông Mịch, tôi phải cải táng ông cụ. Tôi có mỗi thằng con trai."

Tôi đi dọc bờ sông tìm nơi cải táng cha ông Thiện. Biết đâu dời xuống bụng rồng chẳng mang an lành đến cho đám hậu duệ. Nắng quá ngọ chói chan trên mặt sông sóng lăn tăn như vẩy cá đang hóa rồng. Tôi che mắt nhìn.

Có tiếng gọi sau lưng tôi. Bà Vị cấp nón vẫy vẫy dưới nắng.

Bà xốc tới:

"Ông Mịch, may quá gặp ông. Con tôi, thằng Hỷ, nó lại về ông ạ. Em nó bảo thung lũng sương đọng, chướng khí, lạnh lẽo." Bà chậm mắt. "Ông giúp giùm tôi. Chọn cho em nó một chỗ ấm áp bình yên."

Tôi về đến cổng nhà là gà đã vào chuồng. Nàng trong nhà đi ra.

Nàng cười, xòe tay cho tôi xem quả trứng to tướng, bóng nhẵn, vân trắng trên nền hồng. Nở nắm lay tay tôi:

"Cầm lấy xem."

Quả trứng mát lạnh. Ra là đá hoa mài. Nở bảo:

"Cái này bán cho du khách cũng khá đấy, anh."

Nở quay lưng, tôi níu tay nàng:

"Nở này. Thằng Hỷ, con bà Vị, làm sao mà chết?"

"Thì đàn ông chết trẻ là chết bom chết đạn."

NỞ

Chồng tôi tối ngày lững thững ở chỗ tha ma như cơn mộng du về quá khứ. Không dứt. Trước, chồng tôi đi săm soi con nước, triền đồi.

Bây giờ, mọi thứ đều được trưng dụng để lấp liếm vẻ nhếch nhác trên con người, trên nhà cửa. Người ta mơ vàng, mơ kho tàng giấu trong bụng núi. Người ta cho nổ mìn. Đá tảng thành đá cục. Không có điều gì giấu kín trong lòng núi. Đá cục mài nhẵn thành đá trứng. Những quả trứng tròn lẳng, xám, xanh, hồng, tía, trào ra từ bụng núi. Mỗi quả biết đâu lại chẳng chứa một điều kỳ diệu. Lũ thanh niên thất nghiệp mài. Lũ trẻ con thất học mang đi bán cho du khách, hai mươi nghìn một quả, một ước mơ, một điều kỳ diệu.

Du khách mua, mười sáu nghìn một quả, một thế giới thứ ba nhốt kín.

Chồng tôi lững thững ở những nơi phong thủy đã thu hẹp. Quanh đi quẩn lại những chỗ Mịch bày cho người quyền chức chôn ông chôn cha. Những lỗ huyệt dấu kín. Mỗi lỗ là một cuộc đời và nhiều câu chuyện giấu kín.

CHUYỆN TRONG MỒ CỦA HỶ

Người kể không phải là Mịch, không phải là Nở. Chuyện người chết không cần tên người kể. Như chuyện ma. Ma lai rút ruột. Chỉ đầu, tóc, ruột, bay lơ lửng trong đêm. Không nương, không bám được vào đâu. Không căn cứ. Lời lẽ hoang đường.

Hỷ lạnh. Mớ xương cứng lại vì lạnh. Trí nhớ Hỷ mù mịt. Sương đục, la đà đọng lại chỗ trũng giữa hai quả đồi. Hỷ thèm trời trong, đồi núi sắc nét, không có mù sương, chan hòa nắng. Hỷ thèm nắng ấm, nóng chảy da như những buổi trưa Hỷ trốn trên gác. Giọng mẹ Hỷ dưới nhà rên rỉ với cán bộ Phụ Nữ đến động viên bà cho con đi nghĩa vụ:

"Nó biến rồi chị ạ. Tôi mà biết nó ở đâu tôi lôi về đóng nọc. Xấu cả họ."

Hỷ nghe tiếng bà Vị khóa trái cửa, tiếng lục đục dưới bếp, tiếng chân trên nấc thang tre kẽo kẹt. Cơm nguội trên lá chuối, lấm tấm đỏ mấy rẻo tép phi. Hỷ cười với mẹ. Hỷ không có cha. Tóc bà Vị lòa xòa mồ hôi, bệt vào da. Những đêm trăng da bà sáng mờ mờ, tóc bà rơi rũ, bệt vào má, vào gáy. Nhưng đó là chuyện bà Vị.

Còn Hỷ. Hỷ cũng đang nhớ những đêm trăng.

Hỷ nhớ Nở. Da Nở sáng mờ mờ dưới trăng. Tóc Nở rơi rũ, phủ lên mắt, lên môi Hỷ. Ve gào trên đồng cỏ. Cánh đồng cỏ hoang đường nở bông đậu hạt. Hạt cỏ bay mù dưới trăng. Gió bay đến đâu cỏ mọc đến đó. Cánh đồng lan ra mãi, phủ một màu hoang tưởng lên làng mạc, phố sá, tỉnh thành, quốc gia. Chỉ còn cánh đồng cỏ trong đêm trăng.

Áo Nở gió tốc ra xa. Nở cười chồm dậy đuổi theo, bỏ Hỷ nằm trần truồng dưới trăng. Nở chạy đến bìa cỏ, với bắt chéo áo. Nở chênh choáng ở mép cánh đồng. Bên dưới là sao, sao như cát sông Hằng, chen chúc sáng. Nở gọi Hỷ. Tiếng Nở bay lơ lửng. Cánh đồng bay lơ lửng trong đêm sao. Lúc Hỷ chạy đến nơi là Nở đang rơi giữa vũ trụ, bóng tối xuyên suốt qua người.

Sao bung như pháo bông. Hỷ gục xuống áo Nở còn vướng trên bụi cỏ. Mìn cá nhân nổ chát tai. Áo Nở thấm đầy máu Hỷ.

Hỷ rú lên mà chắc gì ai nghe. Tiếng hú của Hỷ bay lơ lửng như ma lai rút ruột. Không nơi tựa. Không luận cứ. Không ngôn từ.

CHUYỆN CỐT CHA ÔNG THIỆN

Sống, tôi là người rộng rãi. Chẳng những chỉ bọn tá điền của tôi mà cả làng ai túng bấn đến đều được tôi cho vay không thóc thì tiền. Vâng, thì lấy lãi. Nhưng là để giữ kỹ cương. Không bọn rỗi nghề chỉ có ỷ lại mà nát rượu. Năm chồng tháng chất không trả nổi thì đem con đến gả bán. Mà tôi vẫn giữ gia phong. Không phải cứ sẵn đó mà quàng vào cho rối. Nền nếp đâu đó bà cả bà hai đã rõ ràng. Trong nhà, ngoài ngõ, đường đường chính chính, không ai chê trách vào đâu được.

Ấy vậy mà khi chết, thằng Cả nhà tôi phải chôn chui chôn nhủi như mèo giấu cứt. Nó làm chức to thế mà thằng cha nó chết khát trong tư thế thúc khủy, lúc con Vị đang xỉa xói tố địa chủ. Cha thằng Mịch đi bày cho thằng Cả lỗ xoáy ở hốc núi: hàm rồng.

Lẽ ra thì cũng được đi. Đời xưa, tổ vua Lê còn dám nhảy xuống Hàm Rồng cho hậu duệ nên nghiệp đế vương.

Nghiệp đế nào không xưng tụng bằng máu? Máu tổ tiên, thiên hạ, công thần, con cái. Nay sá gì cái xác bầm dập của tên địa chủ ác ôn này. Khổ nỗi, chính cha thằng Mịch xưa cứ bảo: Hàm rồng chỉ nơi đó trên sông Mã, nghìn năm mới mở một lần, tổ nhà Lê lấy mẹ nó rồi, còn thì là hàm chó tất. Sáu trăm năm đất chó. Dễ đến bốn trăm năm nữa.

Kệ đất với nước, xưa kia với mai hậu, tao cũng có được cái hốc núi mà nằm.

Tưởng đã yên. Nào ngờ tối hôm kia thằng Cả Thiện nửa đêm xách đèn bão chỉ trỏ cho hai tên vai u thịt bắp quật mồ cha nó, mò mẫm hốt cốt mang đi cải táng xuống gần mé sông. Chưa đào xong, nước đã đọng đầy lỗ huyệt. Ấy vậy mà chúng nhẫn tâm vùi tôi xuống. Thằng Thiện vốc đất quăng xuống nắp quan tài đánh độp.

Nước lõm ngõm buốt xương. Chừng đó tôi mới khám phá mình mất xương bả vai. Chúng bỏ sót vai phải của tôi trên hóc núi, trời ạ.

Thế là thằng tôi vắt vẻo giữa hàm chó và bụng cá-chưa-hóa-rồng.

Vĩnh cửu.

Ơ! Cái con Vị làm gì thế nhỉ? Nó dải phân lên mồ cha chồng hụt của nó đấy à. Xong còn vén quần đái sè sè xuống chỗ đất còn tươi.

Nước ngấm qua ba tấc đất. Mùi hôi thối lan trong đêm, xông vào

Vĩnh Cửu.

Chém cha con Vị. Từ dưới huyệt nhìn lên, trông gái lục tuần đái vẫn mát mắt. Hồi xưa con Vị còn thon thả mà mông đã đẫy, chắc nịch. Tao xem đâu ra đấy mới xin cho thằng Thiện. Tao biết đâu được bố thằng Mịch đã nằm ấm chỗ. Thằng thầy bói đất lúc đó đã có mẹ con thằng Mịch. Con Vị nhà bần, trai chơi đã chán chê, mà còn làm hỗn, không thèm chỗ Dâu Cả nhà tao.

Ấy thế, tao phải đè nó ra cạnh giếng nước để xác định thứ bậc xã hội. Nó dưới. Tao trên. Không thì còn ra cái thể thống gì. Đêm đó da nó cũng trắng mờ mờ như đêm nay.

Tự dưng xương tôi buốt lắm. Ai mà không tham sống. Thịt da ấm áp, len vào Vĩnh Cửu.

NỞ

Mùi phân trên khoảng đất tươi bay ra như một tín hiệu được đánh đi: Má cha thằng Thiện đấy. Cứ thế, mỗi sáng lại thêm một đống phân tươi.

Ông Thiện đến tìm chồng tôi, vò đầu bứt tai. Mịch ung dung bảo: "Tôi thì tìm chỗ khác được đấy. Sẽ yên thôi. Tùy ông. Ai ngờ dân họ thù ông cụ thế."

Mà có phải họ thù ông già đâu. Lão dù gì cũng đã đền tội. Oán là oán ông Thiện. Con trai bà Vị đang nằm yên trên gác. Ông Thiện phát động phong trào động viên nghĩa vụ, ập vào từng nhà, lôi tuột Hỷ xuống, kéo lê Hỷ trên bãi mìn Cambuchia. Môi Hỷ đỏ. Anh bộ đội nhân dân Việt Nam tình nguyện trên đất nước anh em anh hùng.

Mìn xé toạc tới háng Hỷ.

Tôi không nghe tiếng mìn nổ. Đêm nằm giữa cánh đồng cỏ tôi thấy Bãi Mìn của Hỷ trên trời. Mìn chen chúc như sao, bung như pháo bông giữa đêm tối. Không có tiếng nổ. Tôi chờ nghe tiếng nổ. Tôi chờ nghe tiếng rú của Hỷ.

Nhiều năm sau đó tôi còn mơ thấy áo mình thấm đầy máu Hỷ. Màu đỏ tươi chói chan dưới trăng. Áo tôi đỏ tươi giữa cánh đồng cỏ đen trắng, giữa đêm đen trắng. Câm lặng.

MỊCH

Lúc ông Thiện bỏ vốc đất xuống nắp áo quan

đánh độp, tôi thấy ông rùng mình. Trong cái chớp mắt của ông, tôi thấy quang cảnh cánh đồng cỏ qua góc vai phải ông cụ. Bắp tay ông cụ lay lay trong động tác chắc nịch, chính xác. Trên cao là cánh diều căng gió.

Cậu bé Thiện lấp xấp chạy theo lưng bố, mắt dán vào cánh diều trên khoảng trời cao vút, đóng khung ba bề bằng góc vai phải và bắp tay của bố.

Ông Thiện quay lại nhìn tôi. Cơ bắp quanh mắt ông co giật. Tôi thấy trên đó gương mặt của Thọ. Mất tai phải. Vết sẹo như con tắc kè cong đuôi bám quanh mắt phải. Thọ thuộc lớp nhỏ hơn tôi.

Phải làm gương trong chiến dịch động viên địa phương của bố. Thọ trở về từ Cambuchia không tai và mất trí. Mỗi lần nghe tiếng động to, như khi trời gió, là Thọ mắt trợn ngược, sùi dãi, nép vào góc nhà.

Ông Thiện là nhà lãnh đạo gương mẫu. Tố cha. Đẩy con đi chiến trường. Quá khứ và tương lai, ông nghiền nát cho hiện tại, cho quyền chức, cho quốc gia, cho tập thể. Hiện Tại vĩnh cửu.

Tôi phục vụ ông Thiện, uy quyền, bạo lực, phục vụ Hiện Tại. Tôi mang theo mình sự cảm thông với Hiện Tại mà Nở không hiểu được. Nở vẫn tưởng tôi sống trong quá khứ xa xưa, mơ ngủ trong chuyện muôn đời của phong thủy như một thứ ảo ảnh phi lịch sử. Nở có biết đâu trên bãi chiến trường của tôi, Hiện Tại đã đốt cháy đồng đội, đốt cháy kẻ thù, đốt cháy tôi. Chúng tôi tái sinh trong bạo lực và uy quyền của một thì hiện tại miên man, không dứt.

Tôi không mơ ngủ. Tôi biết Nở năm đó tối tối lẻn ra tìm Hỷ ngoài đồng cỏ. Tôi thấy Nở nằm phủ lên Hỷ. Tóc Nở rơi rủ lên mắt, lên môi Hỷ. Tôi thay điều đó trong luận cứ, trong ngôn từ của Nở.

Tôi thấy cả, vì tôi nhìn bằng đôi mắt của quyền lực. Soi mói. Len lỏi. Không cùng. Mê

ĐỖ VIỆT ANH
Sài Gòn 1965

Thư viện Đồn Đất

Những chiếc lá rơi ngoài trời
không một âm thanh vang động
nhưng tiếng rụng âm thầm xoáy tận hồn tôi
và trong tôi có cả tiếng mùa đông mon men ngoài cửa sổ

chiếc bàn trải dạ xanh chạy dài vô cùng
hoặc ngừng lại, như một khung nhà ấm
một không gian êm đềm
nơi có người ngậm đầu bút chì trú ẩn.

tiếng guốc đơn sơ một người con gái
gõ trên nền gạch
như hòn đá rơi vào ao ký ức
sóng gợn hình đất trời thuở Lara

tôi ngồi yên
gục đầu trên tay ôm ấp mặt bàn
dạ xanh êm đềm ấm nồng hơi thở của nàng
nghe khí lạnh tràn trên bờ vai
chạy vào máu luân lưu cơ thể

ôi dù sớm thế nào cũng là vẫn trễ
Lara.

sảng. Mọi thứ quyền lực đều sáng suốt và mê sảng.

Tôi chếnh choáng trước uy quyền và bạo lực của những điều ẩn dấu.

Thâm cung bí sử. Tôi biết cả. Vì tôi biết địa hình. Biết gió nước, biết núi sông, biết phương hướng sao trời. Nửa đêm, tôi đi cải táng cha ông Linh.

Mả cha ông Linh bỗng dưng đùn mối. Ông Thiện bảo:

"Mịch, đi bốc mộ nó. Làm sao cho tàn mạt mấy đời sau nó thì thôi."

Ông Linh là cấp dưới ông Thiện. Nay lăm le hất chân ông Thiện. Ông Linh đi khui vụ vi cánh ông Thiện bán lậu mìn trong kho đạn thời chiến ra cho dân phá núi tìm vàng, lấy đá. Cho dân tầm thù đặt chất nổ nhà nhau.

Lần này tôi không cần phu đào huyệt như lần trước. Tôi đào một mình. Tôi quì trên đất mới. Tôi thọc tay xuống huyệt móc moi, thỏa mãn như đang thọc tay xuống cổ họng mình moi móc ruột gan. Tôi muốn sờ vào chỗ tận cùng, ngửi mùi mồ mả.

Tôi moi cốt cha ông Linh mang đi vùi vào hốc núi, chỗ đám thanh niên thất nghiệp đặt mìn nổ đá. Mìn kho đạn thời chiến bán lậu ra ngoài còn nguyên sức công phá. Cốt cha ông Linh bắn tung tóe, lẫn vào bụi đá.

Con trai ông Linh bị xe tải tông chết, ba ngày sau khi tôi cải táng cụ nội nó. Thằng Hậu lúc đó đang phóng xe máy cao tốc qua đèo.

NỞ

Hậu, Hỷ, và Thọ xưa là bạn cùng lứa, mười bốn mười lăm, nhỏ hơn tôi dăm tuổi. Thời đó chúng tôi tối tối rủ nhau đi gỡ khoai hợp tác xã. Tôi nướng khoai, Thọ đánh cắp rượu Liên Xô ở tủ rượu nhà ông Thiện. Hậu và Hỷ kháo nhau chuyện trong Nam. Giấc mơ tang bồng của chúng chỉ đến thế. Thọ không mơ gì xa xôi cả, chỉ Cái Hoa.

Cái Hoa mặc áo hoa, có mụn sữa trên cánh mũi. Cái Hoa lãng tai, hay nghễnh ngãng hỏi anh Thọ nói gì?

Tôi gặp Mịch năm tôi hai mươi, lúc Mịch giải ngũ trở về từ chiến trường Miền Nam. Mịch lành lặn. Không có dấu vết gì của sự tàn phá. Tôi chùi vào dưới người

Mịch, ấm áp. Hai năm sau tôi về với Mịch. Tôi bước vào giấc mơ của thời xa xưa, tĩnh lặng. Của núi, của sông, của phương hướng sao trời. Một thanh bình mê ngủ sau chiến tranh. Tôi thả dây bầu xanh ngắt bò lổn ngổn trên đất, rơi rũ trên dàn.

Năm đó, Hỷ phiêu lưu vào Nam trở về. Hỷ cao khỏng, mười chín, con vô thừa nhận. Hỷ ập về như thực trạng thời hậu chiến. Hai năm sau hòa bình, sức công phá của chiến tranh giải phóng chúng tôi thoát khỏi sự kìm tỏa của hy vọng, đẩy chúng tôi vào một thế giới hư vô. Dây bầu của tôi khô héo trên dàn. Tôi lao vào đêm sao của cánh đồng cỏ. Bóng tối xuyên suốt qua người như cái chết.

Chỉ một năm sau là Hỷ đã đi khuân đạn trên Bãi Mìn một cuộc chiến khác.

Hơn một thập kỷ sau đó, lúc người ta đã chôn sạch mọi cuộc chiến, tôi đi đám tang của Hậu. Trong bọn, có Hậu là trở về từ Cambuchia lành lặn. Lúc lấp huyệt Hậu, ông Linh bắt gặp ánh mắt tôi. Ông nhìn tôi trừng trừng. Ông nhìn xuống huyệt Hậu trừng trừng, như cố khám phá điều giấu kín ông.

Lúc mọi ngươi tản mát, tôi đến cầm tay ông Linh. Ông hỏi:

"Thằng Hậu, làm sao mà chết? Xe tông thì bầm dập, làm sao lại không còn nó nữa, hả cháu?"

Tôi không cho ông được một nguyên nhân. Tôi lấp bấp:

"Chồng cháu cải táng cụ nội của Hậu."

Ông Linh hỏi:

"Xe tông thì bầm dập, sao lại mất biến đi?"

Một tuần sau, tôi đi chôn Mịch. Tôi chôn Mịch sau nhà, ngay hôm nhận xác. Tôi đào huyệt với lũ gà. Tôi thả dây bầu xanh ngắt, bò lổn ngổn trên mả Mịch. Tôi không nhờ ai xem cuộc đất.

Hôm đó, ông Linh mặt tái mét lấp bấp ngoài cổng nhà tôi, chỗ ông Thiện đứng tháng trước:

"Tôi phải nhìn xem làm sao xe tông mà lại mất đi."

Ông Linh kể Mịch ngoái lại nhìn ông lúc bị ông đẩy vào đầu xe tải. Ông kể người Mịch văng vào vệ đường, ngoặt nghẹo. Ông kể Mịch nhìn trời rồi nhắm mắt.

Ông kể sống chết vẫn là điều giấu kín ông. Nhưng Mịch thì thấy cả. Chết giữa ban ngày mà Mịch nhìn thấy ngôi sao Bắc đẩu nhấp nháy, lơ lửng cách sườn đồi một sải tay trời đêm. Mịch sáng suốt, mê sảng.

Còn tôi. Cuối cùng rồi tôi cũng nghe được tiếng rú của Hỷ bay lơ lửng trong đêm. Không luận cứ. Không ngôn từ.

Nguyễn Hương
1998

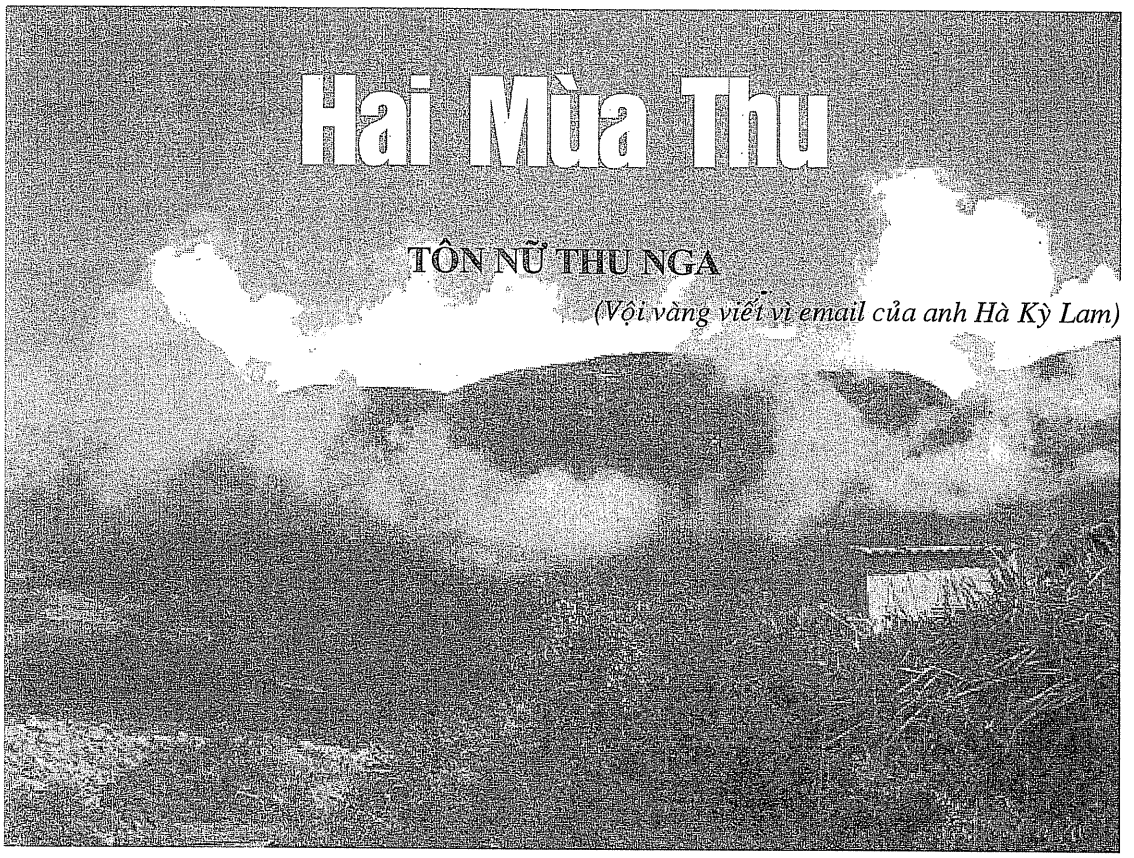

Hai Mùa Thu

TÔN NỮ THU NGA

(Vội vàng viết vì email của anh Hà Kỳ Lam)

Chiều biên giới

Buổi chiều tối, đang vơ vẩn ngắm nhìn dòng sông Nậm Thi nước đen, lấp lánh phản chiếu ánh đèn màu từ bên kia biên giới, cô em gái tôi bỗng kêu lên:

- Mùi hoa sữa thơm quá chị ơi!

Tôi hít thật mạnh mùi hương đêm, gió sông nhè nhẹ phảng phất mùi thơm không tên nào đó. Lần đầu tiên tôi thưởng thức mùi hoa sữa, xưa nay chỉ được nghe tán tụng qua lời nhạc.

Tôi nhìn quanh các ngọn cây đen từ công viên ra đường phố, vạn vật đã chìm vào bóng tối, chiều Việt Bắc, thị trấn Lào Cai yên lặng và êm đềm hơn những buổi chiều đô thị của Hà Nội hay Sài Gòn. Anh tài xế, một người tánh tình vui vẻ, mới hát cho chúng tôi nghe một bài ca về sự cô đơn của người trấn thủ biên thùy xong, bây giờ dáo dác nhìn quanh kiếm cho tôi cây hoa sữa.

Anh chỉ vào cây hoa ven công viên, chúng tôi chạy ùa về phía ấy, trèo lên một mô đất thấp, tôi kề chiếc máy ảnh chụp mấy chùm hoa trắng ngào ngạt thơm, nghĩ rằng mai mốt về bên ấy, cho Tuấn xem tấm ảnh này để anh biết được đóa hoa sữa như thế nào, sau bao năm nghe các bài hát về mùa thu Hà Nội.

Hải Dương

Tôi không cần tìm mùa thu nữa vì nàng thu đang bàng bạc quanh tôi. Buổi chiều thu tại Hải Dương, tôi ngồi chờ hoàng hôn trong công viên cùng với Steve Ringer, anh bác sĩ nhi khoa từ Boston qua và một anh bác sĩ người Việt từ Bắc Cạn về tu nghiệp. Chúng tôi ngồi trên ghế đá công viên, nói chuyện trên trời dưới đất, nhìn mặt trời như viên ngọc đỏ chìm dần vào làn mây tím, rồi khuất bóng sau dãy nhà bên kia hồ, kéo theo những sợi tơ vàng long lanh trong ánh nước. Công viên sạch và đẹp, liễu rũ soi bóng quanh hồ, cũng như bờ hồ Hoàn Kiếm, các cụ già Hải Dương cũng rủ nhau ra bờ hồ tập thể dục và đi bộ. Các bà mẹ đem các con nhỏ ra đút cơm chiều. Tôi và Steve tha hồ chụp ảnh, hết chụp cảnh lại chụp người, tôi bảo Steve:

- Chắc dân ở đây tưởng mình khùng, chụp ảnh lung tung, thấy cái gì cũng chớp!

Steve quệt mồ hôi trên trán, chỉ vào máy ảnh kỹ thuật số, cười khoái chí, nói tiếng Việt:

- Không có phim!

Mộ Trạch

Ngày hôm sau, hết buổi làm việc ban sáng, tôi gặp anh nhà báo Trung Tín. Anh rủ thuê xe đi chơi làng Mộ Trạch, nơi đào tạo ra nhiều ông Tiến Sĩ. Thèm chụp ảnh đồng quê mà chưa có dịp nên tôi đồng ý ngay. Người bạn đồng hành của tôi là Zarah thấy có dịp du ngoạn nên mừng lắm, Zarah thường theo tôi lên rừng xuống biển chẳng ngại ngần chi cả. Allen, bác sĩ quang tuyến tại UCI và vợ là Toby dẫn đứa con nuôi Việt Nam đi theo chúng tôi. Hằng là một cô gái trẻ được Allen và Toby giúp đỡ, thương yêu. Cô ta xinh, nhí nhảnh, dễ thương, tập nói tiếng Anh lảnh lót như con chim vành khuyên. Đường về Mộ Trạch có những khoảng rất gồ ghề, Allen ngồi cuối xe, một hồi sau ê ẩm quá phải bò ra phía trước.

Chuyến đi này chỉ là một cuộc du hành nho nhỏ ra phía đồng quê, thăm một ngôi đền mới xây dựng theo kiểu Á Châu, trong đền có con rùa đội bia đá ghi "Sự tích vẻ vang của thủy tổ họ Vũ" và một cái trống lớn. Chụp vài tấm hình kỷ niệm trong đền và ngồi hóng mát một lúc, tôi yêu cầu xe ghé lại đầu phố để chụp hình dãy phố cổ. Khi xe ngừng, Zarah kéo tay tôi, năn nỉ tôi đi bộ với cô trở lại một khoảng ngắn để cô xem một cái trường học nào đó. Tôi nhăn nhó không muốn đi vì chỉ muốn ở lại đầu phố để chụp hình. Zarah năn nỉ mãi và níu cánh tay tôi khăng khăng kéo đi, chiều bạn, tôi theo cô. Thoáng thấy căn nhà cổ, tôi sững sờ đứng lại. Zarah mỉm cười.

- Thấy đẹp không? Vậy mà cứ phải năn nỉ mãi mới chịu đi!

Căn nhà cổ rêu mốc, ẩn sau một cây bàng, muốn đến phải bước xuống một khe nước nhỏ. Ngoài hành lang, bên cửa sổ, dựng một chiếc xe đạp treo thêm cái nón lá, chắc là xe cô giáo. Tôi thấy cô đứng cầm cây thước kẻ, nhịp nhàng chỉ những chữ phấn trắng trên tấm bảng đen cho lũ trẻ tập đọc. Tôi băng qua sân trường nho nhỏ, Zarah rón rén đi theo, như sợ kinh động bầu không khí nghiêm trang của lớp. Tôi bước tới cửa chào cô giáo, giới thiệu mình và xin cô cho tôi chụp vài tấm ảnh. Cô vui vẻ cho phép tôi chụp hình. Tôi xin cô cứ tiếp tục dạy tự nhiên trong lúc tôi chụp ảnh. Các em bé thật ngoan, chỉ liếc nhìn chúng tôi rồi lại tiếp tục tập viết trên tấm bảng đen nhỏ của mình. Cô giáo cho các em một thời gian ngắn để viết, hết hạn cô ra dấu và các em đưa tấm bảng cao khỏi đầu cho cô kiểm soát. Những em bé này mới học lớp một nhưng chữ viết thật là đẹp chẳng bù cho bọn trẻ con tôi, chỉ biết đánh máy vi tính, khi viết thì xấu hơn chữ bác sĩ! Cô Zarah lại chép miệng.

-Phải chi mình có kẹo cho bọn nhỏ thì vui biết mấy!

Tôi móc túi lấy tờ giấy bạc đưa cho anh Trung Tín, anh cầm tiền chạy tới cái quán xép đầu đường, có lẽ anh đã mua sạch cả tiệm nên vác về một thùng kẹo bánh thật lớn. Xin phép cô giáo cho các em lãnh kẹo xong, Zarah, Hằng, Toby, Allen và anh Trung Tín đi quanh phát kẹo cho cả lớp. Tôi cầm máy ảnh, chụp lia lịa những ánh mắt, nụ cười của người cho và người nhận. Ngoài đường lộ, các bà mẹ và cha ẵm con đi chơi thấy vui cũng ngừng lại xem. Những đứa bé này cũng nhận được kẹo bánh từ chúng tôi nên ai cũng vui vẻ cả.

Sắp về, Zarah lại khám phá ra một ngôi trường khác, các em này đang học mẫu giáo, chơi tung tăng trong sân. Anh Trung Tín lại phải đi mua thêm kẹo cho các cô phát. Các cô giáo trường này tập họp các em lại làm bốn hàng, tay em này đặt lên vai em kia. Tôi, Allen và Toby chạy ra hàng cuối, đặt tay lên vai các em giả bộ xin kẹo từ các cô giáo, Zarah và Hằng. Các em bé quá nên chúng tôi phải khom cả người xuống.

Phía sau trường là đồn công an, có anh ra dòm chừng nhưng có lẽ thấy chúng tôi là một bọn người vô hại nên chỉ đứng xa nhìn tới. Dù không biết họ nghĩ gì về mình! Tôi cũng không quan tâm những gì diễn ra trong tâm trí họ. Tôi chỉ muốn làm những gì mình cho là đúng, trong khả năng mình, để mang lại cho mọi người và cho chính mình những niềm vui nho nhỏ mà thôi.

Rời Mộ Trạch, chúng tôi về lại Hải Dương. Tôi ngắm cánh đồng lúa vàng có các con bò thảnh thơi nhai cỏ. Nông dân đánh xe trâu chở lúa, lũ trẻ bì bọp bắt ốc trong các ao hồ, các hoa bèo xanh trang điểm quanh ao tạo thành những bức tranh quê tồn tại muôn đời trong trí tưởng.

Nha Trang

Tôi lặn lội khắp nơi với Steve và nhóm "Đông Tây Hội Ngộ." Tôi được đi xe lửa từ Saigon về NhaTrang trong đêm mưa. Xe khởi hành, nhân viên báo tin có mì xào bò trong thực đơn ăn tối tại toa hàng ăn, cô hành khách cùng toa chép

miệng.

- Thôi dẹp đi mấy ông ơi, dơ thấy mồ ai dám ăn!

Cô này người Việt, hộ khẩu Sài Gòn, đi công tác miền Trung, câu nói của cô ta làm chúng tôi cười lăn. Tôi nằm dài trên giường, chuyện trò và chụp ảnh sân ga một hồi lâu mới chợp mắt.

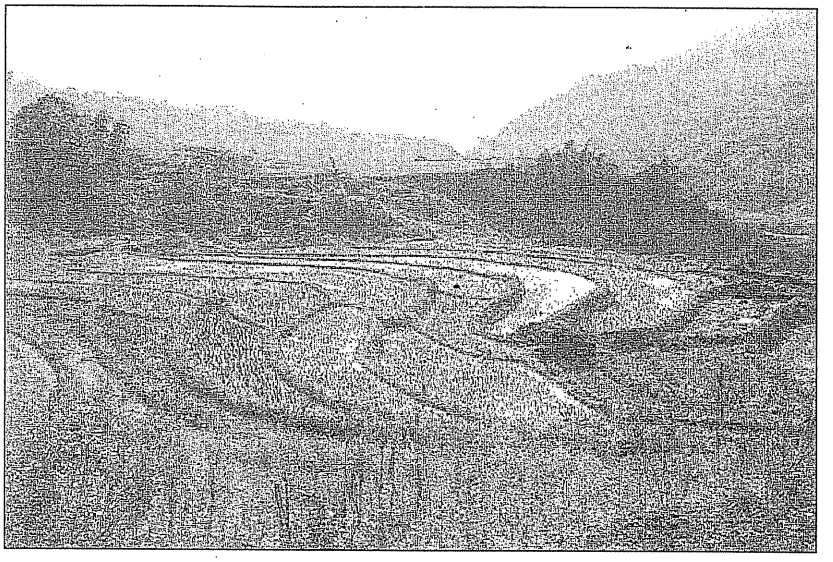

Xe lửa chạy dùng dằng, dục dặc qua đêm, đôi khi tôi thức giấc vì xe đổi đường rầy hoặc ngừng trước các ga nhỏ, nhìn qua cửa kính, cảnh vật hoang dã mênh mang dưới ánh trăng non nhợt nhạt, lâu lâu có cái chòi lá hoặc cái lô cốt ánh đèn leo lét như ma trơi. Khoảng hơn bốn giờ sáng, tôi không còn ngủ được nữa, có lẽ sự mong chờ nhìn lại vùng đất mình lớn lên cả thời niên thiếu đã âm thầm sôi sục trong đáy tim. Tôi ngồi dậy, dí mũi vào cửa kính, nhìn dãy núi và các cánh đồng chạy dài bên đường sắt. Xa xa, đám sương trắng quấn quít trên sườn đồi Phan Rang, có lẽ mùa này đang mưa nên cây cỏ rất xanh tươi. Một ngôi chùa mái đỏ cong vút huyền hoặc vươn lên trong ngàn xanh gợi nhớ tới những ngôi đền rải rác vùng ngoại ô Vọng Các.

Xuống sân ga Nha Trang trong cơn mưa nhẹ hạt, xe chạy về khách sạn trên con đường Lê Thánh Tôn ngày xưa. Tôi bồi hồi cố gắng nhận cho ra ngôi trường Thánh Tâm của mình, tòa nhà làm việc của ba tôi, cái nhà xác quân đội, bệnh viện Nguyễn Huệ. Tất cả đều thay đổi, như sự thay đổi của cuộc đời tôi. Niềm thiếu vắng và mất mát như xé trái tim tôi thành hai mảnh. Như hai mảnh đời riêng biệt, như một tình yêu dành cho hai tổ quốc. Bỗng dưng trên vùng đất thân quen này, tôi cảm thấy cô đơn vô cùng tận giữa những vòng tay yêu thương của gia đình và bè bạn. Từ bao giờ, tôi trở thành người lạ???

Từ bao giờ tôi trở thành người lạ?
Thành phố buồn không có dấu chân tôi!
Tuổi thơ ngây trả về cho em đó,
Ngậm ngùi tìm trong những giấc mơ phai! (1)

Tối hôm ấy Minh Hà, người bạn gái Nha Trang, nằm dài trên giường tôi trong khách sạn, tâm sự vụn như những ngày còn niên thiếu. Cả mấy năm mới gặp nhau một lần nhưng chúng tôi dường như có một sự liên kết bất thành văn nào đó, không thường nói chuyện, cũng không điện thư nhưng không có một chút gì ngăn cách. Phải chăng tình bạn ấy là những dấu hiệu vô hình cho cô bé lạc trong khu rừng cổ tích, để cô ta tìm được lối về???

Mưa Hà Nội

Sau hai tuần làm việc với Project VietNam, tôi và Zarah ở lại thêm một tuần nữa vì tôi hứa sẽ đem cô đi chơi. Tuy lặn lội trên nước Việt hai tuần, Zarah chỉ mới được đi chơi vài ba giờ với những người bạn trẻ cô gặp. Các bạn ấy dẫn cô đi thăm gia đình họ tại Vũng Tàu, họ dẫn cô đi phố, đi ăn và nghe nhạc vào những buổi chiều sau ngày làm việc tại Sài Gòn và Hà Nội.

Từ Hải Phòng, tôi về Hà Nội trong buổi chiều mưa dầm dề sướt mướt, quốc lộ kẹt xe nghiêm trọng. Trên xe, Allen dạy cho Hằng nói: "She sells seashells on the seashore" và tôi dạy Allen "Thầy Thiện Tâm thích thịt tái, thầy thưởng thức tô thiệt to, thầy thương thực tí tắt thở." Trong lúc ấy thì anh tài xế chửi "bọn công an ăn béo mề, thấy trời mưa đi trốn mất không chịu điều khiển giao thông." Hơn sáu giờ chiều, chúng tôi về Hà Nội. Đến khách sạn Hòa Bình gửi bớt hành lý, tôi và Zarah chạy xuống phòng tắm hơi và tẩm quất trước khi lên ăn tối và đáp xe lửa đi Sapa. Hẹn với người em ruột và cô cháu gái từ Nha Trang ra để đi chơi với nhau, ăn tối xong, chúng tôi vội vã ra ga Hà Nội. Sự hào hứng dâng cao

trong lòng chúng tôi, nhất là khi tôi nhìn ánh mắt, nụ cười của em tôi và cháu Trâm Anh. Hai mẹ con lần đầu được ra Hà Nội và cũng là lần đầu được du lịch kiểu Mỹ, dù chỉ với một người Mỹ gốc Huế và người kia là Mỹ gốc Phi Luật Tân. Trâm Anh buộc phải thực hành tiếng Mỹ với Zarah và tôi. Lâu lâu nếu cần, tôi mới nói tiếng Việt với Thu Dung về các công việc gia đình. Nhờ vậy Trâm Anh có cơ hội nói tiếng Anh, rất quan trọng cho ngành học du lịch của cô bé.

Tàu đêm Ratraco khá sạch sẽ và tiện nghi, chỉ thua tàu Victoria một chút xíu. Lúc mới lên tàu, máy lạnh chưa mát lắm, khách Tây cởi giày vớ, nằm thò chân ra cửa, cả khu hành lang hôi mùi bí tất bẩn, Zarah chê hôi không chịu đi phòng tắm, tôi nằm ôm bụng cười, hai người Việt Nam đồng hành vui sướng như tiên vì lần đầu tiên được đi xe lửa giường mềm, máy lạnh nên không có vấn đề gì cả. Chúng tôi đóng cửa phòng ngủ ngồi đấu láo cho đến khuya. Tàu dùng dằng, dục dặc, xình xịch chạy qua thành phố Hà Nội, qua cầu Long Biên...

Tôi chỉ cho Zarah xem những ngôi nhà bên đường, cả gia đình quây quần ăn tối hoặc xem truyền hình, các quán ăn tấp nập vui vẻ, các xe gắn máy đứng chờ sau cổng đường sắt. Tôi chỉ cho cô cách chụp ảnh, kể cho cô nghe các câu chuyện nho nhỏ. Tôi nhớ lời bác sĩ Quý khi các bạn hỏi tôi một câu văn chương gì đó:

- Chị là người thông thái nhất trên chuyến xe này!

- Không thông thái sao được khi chị lớn hơn các em mấy mươi tuổi?

- Chị nói tiếng Việt giỏi quá dù đã đi xa hơn ba mươi năm!

- Nhờ lắm mồm và cũng nhờ đi theo Project VietNam nên phải học thêm, không thôi chị hay bị người ta cười vì dùng tiếng Việt cổ điển đấy!

"Đi một ngày đàng học một sàng khôn." Tôi không nghĩ rằng mình học được nhiều như vậy, nên tôi cứ mãi chu du trên đường thiên lýđể ráng học thêm cái khôn của thiên hạ.

Mây Trắng SaPa

Leo bốn tầng lầu lên căn phòng ngủ của khách sạn Auberge thì tôi chỉ muốn ngả lưng xuống giường để làm một giấc thiên thu. Nhưng đám mây trắng bồng bềnh trên trời xanh kia đã kéo tôi tỉnh giấc. Tôi dựa vào lan can, nhìn dãy núi biếc, nắng thu vàng trải trên ngàn xanh một giải lụa óng ánh, hứa hẹn dẫn tôi vào một vùng trời cao nguyên ảo diệu. Thế là tôi lại nai nịt lên đường. Ba lô máy ảnh, phim lắp sẵn, bình điện đầy đủ, tiền cụ Hồ cả xấp trong túi, tôi và các bạn đồng hành xuống nhà ăn khách sạn, uống tách cà phê nóng, ăn mỗi người một tô phở bò dần bụng trước khi tung cánh bay trong bầu trời diễm tuyệt của phố núi SaPa.

Vì được đến SaPa mấy năm trước, tôi đã quen đường đi nước bước của phố núi. Đi chơi vui, nhanh, gọn và dễ chụp ảnh cũng như dễ cho cái đầu gối của mình là phải đi bằng xe gắn máy. Gọi bốn chú xe thồ, chúng tôi phóng xuống Cát Cát cho các bạn xem làng người Hmong và suối Cát Cát. Đường xuống làng bây giờ có thêm nhiều quán bán các sản phẩm như khăn quàng, áo, mũ, nữ trang ... Thấy nóng đầu tôi mua một cái mũ, chỉ có một đồng bạc. Bên đường thỉnh thoảng có mấy con heo mập rúc trong bụi cỏ tìm thức ăn, Zarah chạy theo chụp ảnh. Tôi chụp hình các bà mẹ ẵm con, các đứa trẻ nhỏ chơi quanh quẩn. Zarah thường dúi cho tụi nhỏ tiền cho nên chúng nó cho cô chụp ảnh thoải mái. Thường thì sau khi bán được mấy món quà lặt vặt, những người dân tộc này cho mình chụp ảnh kỷ niệm. Trong một căn nhà nhỏ, chúng tôi thấy một chú bé nằm ngủ vùi trong tấm chăn hoa, người mẹ than rằng chú bé đã hai tuổi mà không đi được. Chúng tôi cảm thấy thật buồn nhưng không làm gì giúp bà ta được. Nhìn quanh mình, ai cũng cần giúp đỡ cả, ai cũng nghèo cả và những đồng bạc mình chi ra, không bằng hạt muối trong đại dương. Trong một căn nhà khác, các đứa bé mũi lò thò, chơi với nhau rồi đánh nhau, cắn nhau kêu la chí chóe. Mấy bà mẹ nhảy vào lôi ra, vỗ về dỗ dành và phân trần ríu rít với thổ ngữ của họ.

Buổi sáng thật yên bình trong làng Cát Cát, những cây tre lao xao dưới nắng, mấy con gà bới đất trong sân; mấy con vịt, con ngan chạy lạch bạch qua đường. Các thửa ruộng bậc thang loang loáng nước. Xa xa trong thung lũng, ẩn hiện vài căn nhà tranh lặng lẽ, đìu hiu.

Rời Cát Cát, chúng tôi đi Suối Bạc và Cổng Trời. Tại Suối Bạc, tôi đãi mọi người bữa cơm Lam và thịt lợn rừng nướng. Zarah và Trâm Anh leo lên suối, Dung ngồi nghỉ trong quán, tôi lững thững dạo quanh, nhìn những đóa hoa Ban trắng, những đóa hoa dại không tên điểm trang rừng nhiệt đới. Có hai anh dân tộc vừa kiếm được một cây hoa lan thật lớn muốn bán giá có vài đồng bạc. Thèm lắm nhưng chẳng được đem về Cali-

fornia nên chỉ ngậm ngùi tiếc rẻ.

Tại Cổng Trời, bên tay trái chúng tôi ngắm ngọn Fan Si Pan trùm tóc sương mù; bên hướng phải, thác tình yêu tạo hình trái tim qua hai dòng nước; trước mặt là hẻm núi mênh mông ngút ngàn. Hùng vĩ thay núi non Việt Bắc, thảo nào cứ bị mấy cụ lính Tàu len lén đi dời cột mốc để xâm lấn biên cương.

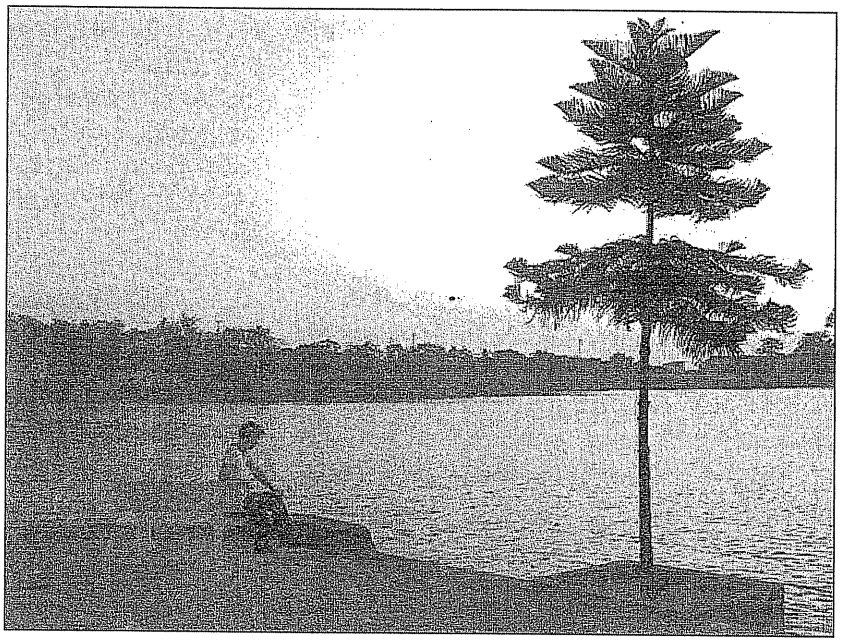

Về lại phố SaPa, sau bữa cơm trưa, hai người Việt Nam đi ngủ. Hai người Mỹ gốc da vàng ngồi trong tiệm ảnh Hoàng Tùng trên góc phố Cầu Mây chờ sang CD, tán dóc với nhiếp ảnh gia Hoàng Tùng và nhìn ông đi qua, bà đi lại - Ý quên! Phải nói là" Ông Zhao đi qua, bà Hmong đi lại" mới đúng. Lẫn lộn với người Việt, Nhật, Tây, Úc, Mỹ, phần lớn là dân sắc tộc về phố mua hoặc bán hàng. Áo quần họ mặc rất sặc sỡ, màu sắc tùy theo từng bản. Tôi chỉ phân biệt được người Zhao đỏ, Người Záy, Người Hmong đen và Hmong Hoa thôi. Người Hmong đen nào cũng có một cuộn dây, lúc đi cũng làm việc với cuộn dây ấy không ngừng. Các cụ già Hmong và Zhao ngồi thêu bên lề đường, không thấy ai đeo kính. Buổi chiều xuống chợ SaPa chơi, trong lúc Zarah mua hàng, tôi ngồi tán dóc với các chị người Zhao đỏ. Tưởng chỉ đi tán dóc và chụp hình, thế mà trước khi về cũng bị mấy bà già dụ mua mấy món hàng lỉnh kỉnh.

Chiều xuống, chúng tôi ngồi trên sân thượng nhìn các đám mây thay màu từ vàng cam qua tím hồng, ánh nắng cuối ngày làm những tòa nhà khách sạn cao trong phố SaPa ửng vàng trong không gian tím biếc. Uống ly trà nóng, nhâm nhi bánh cốm, bánh gai. Cảm nhận hương thu trong gió chiều, trong vị cốm non, trong bánh đậu Hải Dương... Dung cấm cúi viết, chắc cô nàng đang làm thơ, Zarah cầm máy ảnh đi quanh các lầu chụp những tia sáng cuối. Riêng tôi, tôi đang mở hồn, mở mắt, và mở cả miệng để đón Nàng Thu qua tất cả các giác quan còn làm việc được của mình...(Đọc đến đây chắc có kẻ than phiền rằng sao tôi còn trần tục thế? Trong thiên đàng này, bạn nên nhớ rằng tôi cũng chỉ như chàng Lưu Nguyễn!).

Ban đêm đi ăn tối về, hai người Việt lại đi ngủ nữa. Tôi và Zarah ngồi trên băng đá trên một sân thượng nhỏ. Khách sạn này xây rất đặc biệt, các sân thượng nho nhỏ rải rác tại các lầu khác nhau, mỗi sân có một sắc thái đặc biệt. Sân nào cũng có ghế đá, chậu hoa leo, hoa cúc, suối nước nhân tạo chảy róc rách. Sân nào cũng có sự đầm ấm riêng biệt. Ghế đá chúng tôi ngồi nhìn thẳng lên vị trí vầng trăng mười sáu, có ngôi sao hôm lấp lánh bên cạnh. Mây bay cuồn cuộn như đùa giỡn với chúng tôi, khi che mất vầng trăng, khi viền tà áo mây bằng giải ngân nhũ, khi để ánh trăng trần truồng mặt nguyệt, nhìn xuống hai đứa tôi ngồi hóng gió, như hai tảng đá đen trên núi Hàm Rồng. Ánh trăng làm những đóa hoa cúc vàng trở thành trắng xóa trong bóng tối, các dây tơ hồng mong manh đong đưa trong gió nhẹ. Tuyệt vời thế nhưng vì sợ muỗi cắn chúng tôi không dám ngồi lâu. Sáng hôm sau, từ trong phòng tôi thấy hai cô cậu trẻ tuổi người Việt hái mất đi những đóa hoa cúc, tôi rất bất bình nhưng không muốn lên tiếng, họ có vẻ thầm lén như kẻ trộm. Thấy tôi, họ tần ngần bỏ đi, trong tay đầy những đóa hoa sương đọng. Tôi ngẩn ngơ nhìn bụi cây thương tích và tàn phế, cảm thấy một nỗi mất mát như người vừa tỉnh cơn mộng đẹp!

Sáng hôm ấy tôi đi làng Zhao Đỏ Tả Phìn,

gặp chị Chảo Mẩy và cho chị những tấm hình đen trắng tôi chụp cho chị ba năm trước. Chị bảo rằng có con gái sắp lấy chồng vào ngày hăm sáu tháng Mười Một, hai vợ chồng chị mời tôi lên ăn cưới. Tôi tiếc hùi hụi vì phải về Mỹ ngày mười chín. Đây là một dịp may cho đời nhiếp ảnh của tôi vậy mà tôi phải bỏ qua. Ngậm bồ hòn, tôi cáo lỗi, nỗi đau này chắc cũng giống như mấy người dò số kiến thiết, thiếu mất một con số!!! Tôi mua giúp chị một bức thêu khá đắt tiền, không mà cả, mục đích giúp chị có tiền làm đám cưới cho con. Anh lái xe thồ lắc đầu chê tôi trả nhiều tiền quá, tôi chỉ mỉm cười...

Tại bãi Đá Cổ, tôi nhìn các tảng đá lớn có vạch khắc ngoằn ngoèo từ thời tiền cổ nay được xây hàng rào bảo vệ, thế nhưng bọn trẻ Hmong vào chơi, chạy lung tung trên đá và các du khách vẫn nhảy rào, ngồi trên tảng đá để chụp ảnh. Tôi đứng ngoài nhìn vào, mong ước làm phép lạ như Nicole Kidman, ngọ ngoạy cái mũi và tạo ra một luồng điện giật vào mông mấy kẻ ngồi trên đá cho chừa.

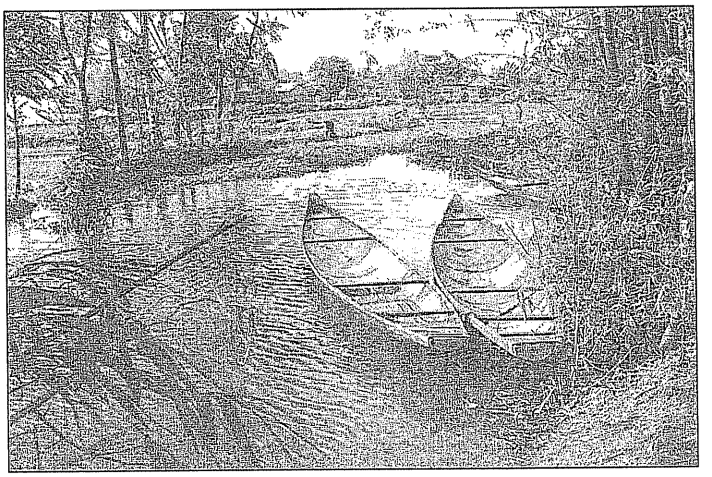

Các anh tài xế xe thồ xin tôi chụp cho mấy cái ảnh vì các anh nghĩ rằng tôi là thợ chụp hình thứ thiệt. Thấy vậy, tôi chụp hình cho họ và nhờ anh Hoàng Tùng in liền khi về tới phố. Người Mỹ gốc Huế này đôi khi cũng dễ chịu lắm.

Tôi muốn gìn giữ những kỷ niệm đẹp về SaPa và tôi cũng muốn lưu lại cho người SaPa những ấn tượng đẹp về mình, một hình bóng thoáng qua rồi có thể vĩnh viễn biến đi như bóng chim, tăm cá trong đời họ. Một thoáng cười cũng đủ góp vui cho đời.

Màu tím Huế

Tôi nhớ màu tím Huế qua tà áo dài của mẹ ngày xưa, khi mẹ nắm tay hai đứa bé con đi dạo phố Trần Hưng Đạo; của Trần Tuấn Hoài Khanh trong ánh nắng thủy tinh qua tàn khuynh diệp tại Huntington Beach Park; của Trần Hòa Nam nép mình bên cửa Thượng Tứ. Tôi lại gặp màu tím lần nữa khi người bán hàng mặc bộ áo lụa tím, gánh hai cái rổ, đầu đội nón lá, đi qua cầu ngói Thanh Toàn. Màu tím làm tôi ngẩn ngơ quên chụp ảnh, mà cũng quên không chạy theo kêu mụ lại khi mụ đi khuất sau đường kiệt.

Màu tím Huế hay dòng sông Hương, hay mấy cái dây mơ rễ má họ hàng đã dẫn tôi về đây để tôi gặp lại các cô, anh, chú, bác. Thăm mấy cái mộ xám, nhìn mấy cây hương thơm tỏa khói trên tay cô Huệ. Ngồi trong căn nhà cổ có mấy cây đàn thập lục, đàn nguyệt treo lủng lẳng của anh Tôn Thất Quỵ. Nghe anh giảng giải ý nghĩa của bức hoành phi " Linh Thứu Cao Phong"(2) treo trong chùa Linh Mụ do ông tổ của tôi là chúa Nguyễn Phúc Chu (3), hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân viết. Tôi nhớ trong cơn mưa thu của Huế, tại chùa Linh Mụ, tôi và Zarah, ngồi đàm đạo với thầy Trí Tửu và thầy Hải Trang trong nhà Tăng, thầy cho "ăn mày cửa Phật" mấy trái quít làm cho anh chèo đò phải đi kiếm chúng tôi vì tôi đi lâu quá. Tiếng cười thầy Trí Tửu còn vang vọng sang sảng, Thầy dặn lần sau về nhớ nhắn trước để thầy cho ăn cơm chay. Quả thật tôi có số được ăn! Về Sài Gòn, nhằm ngay ngày giỗ bác Ba Viên, về Nha Trang ngày giỗ ba tôi, về SaPa được mời đi ăn cưới, về Huế được tăng sư mời ăn chay. Phúc đức đến thế là cùng!

Thế nhưng màu tím Huế là màu buồn, dòng sông Hương lững lờ mang bao nhiêu niềm u tịch. Chú Kỷ của tôi bây giờ già và lẫn, nói không nghe nữa vì bây giờ chú nói nhiều quá và dường như ông chỉ nghe và chỉ muốn hiểu những điều ông nói mà thôi. Chú vẫn ở trong căn nhà đổ nát, không cho xây nhà khác, chú vẫn miệt mài chế vàng giả và cho tôi một miếng để làm hành trang lên đường. Cho bao nhiêu tiền chú cũng chê ít, không đủ để ông mua ổi xanh và kẹo dẻo

cho con nít hàng xóm!!!

Hôm nay tôi lên Thanh Lam, thăm mộ ông bà, Dung chỉ cho tôi một khoảng đất trống nhỏ và bảo đó là chỗ cho chú Kỷ. Cô Huệ nói là nếu chú có mệnh hệ gì thì cô sẽ lo, Dung bảo tôi là nó sẽ ra Huế ngay nếu chú mất, chị không cần lo lắng nữa! Lo làm sao được? Tôi như cánh chim bằng chu du cõi thế và một mai, chú cũng sẽ làm cánh hạc vàng bay khuất chân mây. Lo mấy cũng không được!

Mấy tấm trướng tấm liễn bay phơ phất theo những chiếc xe tang thường mang màu tím.

Huế tím nên Huế buồn.

Tôi thuê con thuyền lá tre đi từ khách sạn Hương Giang qua chợ Đông Ba, cả bọn cười ngặt nghẻo thấy tôi chòng chành cố giữ thăng bằng khi thuyền trôi trên sông. Ngày xưa mẹ phải là người can đảm lắm mới dẫn đưa được hai con bé tóc bím qua sông. Tiếc thay dòng sông đời của con mẹ không còn đưa dẫn nữa.

Tôi đã nghĩ là Huế buồn, thế mà nếu lâu lâu không về, mình còn buồn hơn Huế!

Hà Nội mùa thu

Ngày cuối thu Hà Nội bỗng trở rét, thiên hạ mặc áo bông, trùm khăn san, rên rỉ xuýt xoa: "Hôm nay rét quá." Tôi và Zarah mặc áo thun mỏng theo Sao Khuê, Vân Anh, Dũng và Cu Mít đi ăn bánh Tôm và cá Quả chiên cuốn bánh tráng trong Phủ Tây Hồ. Ngon tuyệt vời, thức ăn nóng trong cơn gió mát Hồ Tây sau ba tuần nóng bức. Sao Khuê bảo.

- Tại Hà Nội chúng em chán món bánh tôm lắm vì cứ ăn hoài, chỉ có Việt Kiều thích ăn thôi!

Vân Anh và Dũng là bạn của Sao Khuê, cách đây sáu tháng họ mất đứa con vì sanh thiếu tháng, không cứu được. Nghe tôi và Zarah trong ngành cấp cứu sơ sanh và trẻ thiếu tháng nên muốn hỏi thăm các vấn đề y học. Theo ý tôi, các bạn thanh niên lành mạnh tại thành phố, bây giờ có nhiều kiến thức và rất khao khát được học hỏi nên tôi luôn luôn cố gắng trả lời các câu hỏi của họ một cách giản dị, dễ hiểu và trung thực nhất. Những giấc mơ và niềm hy vọng của họ cũng giống như những giấc mơ và niềm hy vọng của bao nhiêu người trẻ tuổi khác trên những vùng thế giới tôi đã đi qua. Những ánh mắt và nụ cười của họ trao tôi, đã xóa đi rất nhiều điều cách biệt.

Có lẽ gió thu se lạnh làm những quán lẩu trên đường Phùng Hưng hết chỗ ngồi, thế mà bọn thanh niên làm nhà hàng cũng vẫn chạy loăng quăng trên đường chận xe khách. Tôi và Zarah ngồi trên bậc thềm của một căn phố đóng cửa sớm, ăn hạt dẻ nóng và đợi Sao Khuê đến gặp. Zarah bảo rằng cô muốn đi ăn chả cá Lã Vọng thêm một lần nữa trước khi về Mỹ. Vì không còn thì giờ, tôi phải hứa là khi về Mỹ, sẽ dẫn cô đi ăn chả cá Hà Nội tại Bolsa. Ngon và sạch hơn cả chả cá Lã Vọng, chỉ thua cái món bún tươi.

Chiều thứ sáu, trên phố hàng Bông, ăn cái bánh Khúc nóng gói trong lá chuối Sao Khuê dúi vào tay, trong làn gió mát mơn man, nhìn mọi người chung quanh co ro trong tấm áo bông, tôi nhận ra rằng mình đang hưởng trọn vẹn một mùa thu Hà Nội.

Sáng thứ bảy nhìn qua khung cửa sổ khách sạn Sheraton, Hồ Tây phẳng lặng và buồn mênh mang. Bầu trời xám hứa hẹn thêm những ngày gió lạnh. Hôm nay tôi giã từ Hà Nội, bỏ lại cô bạn nhỏ Sao Khuê, và thằng Cu Mít trong cảnh đời gian nan, điều an ủi là cô vẫn cười, vẫn mộng mơ, và vẫn còn hy vọng.

Mùa Thu Cali

Về Cali được vài tiếng đồng hồ, cũng trong ngày thứ bảy. Hàng cây trên đường lá đã vàng, nhiệt độ giống y như mùa thu Hà Nội, khô ráo hơn và nắng cũng vàng hơn. Nhưng không có ai mặc áo bông và không có người bán bánh khúc, bán xôi cốm xanh thơm thơm, ngòn ngọt nữa. Tuấn và các bạn nhiếp ảnh cùng tôi đi ăn phở, không hiểu vì mệt, vì buồn, vì nhớ mùa thu Hà Nội hay vì say máy bay nên ăn không thấy ngon.

Bước vào phòng triển lãm nhiếp ảnh củaHội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam, tôi thấy mùa thu hiện diện tràn trề trên các hình lá vàng, lá đỏ, rừng thu, suối thu, nàng thu, nắng thu và những bài hát mùa thu tưới vào hồn muôn cung điệu . Linh hồn tôi sung mãn tràn trề, nào ai có hạnh phúc hơn tôi? Hai mùa thu tại hai vùng quê hương yêu dấu, hai ngày thứ bảy trên hai vùng địa lục. Thu Hà Nội hay Thu Cali, thời gian và không gian không còn biên giới nữa.

San Dimas - Nov.22, 2005

Chú Thích:

(1) Thơ của tác giả

(2) Câu này dịch là: Vòi vọi thay núi Linh Thứu, ý là Triết lý nhà Phật rất cao thâm.

(3) Tôn Thất hệ 7- Phường Lạng Giang

Nhớ mùa thu Boston

* LÊ ĐÌNH PHƯỚNG

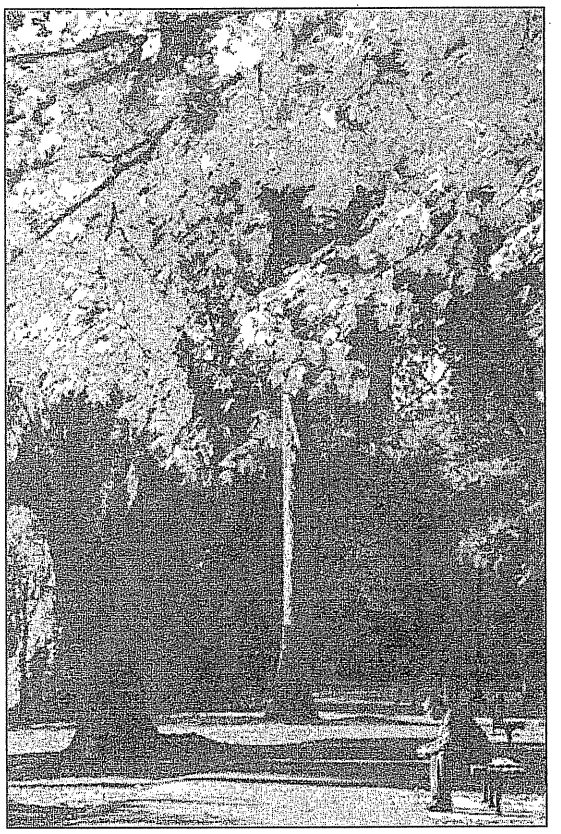

Sắc Thu

Boston, một trong những thành phố cổ xưa nhất ở bờ đông Hiệp chủng quốc Hoa kỳ, hình thành vào năm 1629, khi những người Anh đầu tiên thiết lập nền thuộc địa ở đây. Những người Thanh giáo đầu tiên di cư sang miền New England đông bắc nước Mỹ để trốn tránh những cuộc truy bắt tôn giáo nhưng vẫn thiết lập một định chế thuộc địa gắn bó với mẫu quốc Anh. Suốt hai thế kỷ tiếp theo, Boston là một thuộc địa Anh mang đậm bản sắc Thanh giáo. Dưới ảnh hưởng của những nhà thần học và chính trị gia Thanh giáo, đại học Harvard và nhà xuất bản Cambridge lừng danh được xây dựng năm 1639. Cùng với giáo dục, những thể chế chính trị, văn hóa, thương mại của một cảng biển sầm uất đã được củng cố, xây dựng và làm cho Boston trở thành một thương cảng phồn thịnh theo nghĩa kinh tế và văn hóa thời bấy giờ.

Nhưng mọi chuyện bắt đầu thay đổi từ năm 1730, khi mẫu quốc Anh gia tăng thuế suất đánh vào những thương vụ nổi tiếng của Boston, mà điển hình là đạo luật trà ban hành năm 1793. Cục diện đến đỉnh điểm, khi những chiến thuyền Anh cập cảng Boston để bắt giữ những lãnh tụ ly khai của Boston thời ấy. Cách mạng Mỹ bùng nổ, và một trong những lãnh tụ quân sự của Boston thời bấy giờ là George Washington, sau này trở thành tổng thống đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa kỳ.

Mang trong mình tính chất kinh viện hàn lâm của những người Thanh giáo đầu tiên, và sự đa chủng, pha trộn văn hóa của một thương cảng sầm uất, không ngạc nhiên khi truyền thống giáo dục, nhất là giáo dục đại học lâu đời của Boston được xem là tốt nhất nước Mỹ. Boston có Đại học Harvard, nơi mài đũng quần của bao nhiêu đời tổng thống Mỹ. "Phi Harvard bất thành tổng thống!" Nghe đồn rằng, trong thư viện đồ sộ của Harvard có một bộ kinh Phật tối cổ viết trên lá bối, là tài liệu tham khảo bằng tiếng Sankrit cho những nghiên cứu về Phật học của các tiến sĩ Harvard. Cổ xưa là thế, nhưng khi thấy tượng John Harvard, người sáng lập ra đại học danh tiếng này bị lũ sinh viên rắn mắt chụp cho một quả bí ngô trên đầu mới hiểu được rằng: sự hàn lâm và tinh nghịch của tuổi trẻ vẫn có thể song hành(?).

Cambridge, trường âm nhạc Berkeley, hai bối cảnh của cuốn tiểu thuyết lừng danh Love Story

của Eric Segal cũng là địa danh không thể bỏ qua của du khách, và vẫn là niềm mơ ước của bao nhiêu thế hệ sinh viên. Các giảng đường của Harvard, Cambridge với màu gạch đỏ truyền thống của kiến trúc thuộc địa, vẫn đổ bóng xuống sân trường mênh mông ngập lá phong vàng, như những lâu đài tri thức ẩn khuất trong rừng lá. Tòa nhà cũ kỹ của Hiệp hội Y học Massachusetts, nơi ra lò của Tạp chí New England Journal Medicine và loạt bài giảng phố Shattuck lừng danh, vẫn nép mình trong một góc phố yên ả. Tôi đến, lặng lẽ hồi lâu, lòng thầm ước ao y khoa nước Việt có một biểu tượng đáng khâm phục và đầy vinh dự như vậy.

Các toà nhà chọc trời của Boston đã xuất hiện trước cả tòa nhà Empire State Building của New York. Thật khá khen cho những nhà qui hoạch của Boston, "cắm" những tòa nhà chót vót, hiện đại xen lẫn trong một không gian cổ xưa như vậy mà không hề thấy chướng mắt. Các dinh thự, nguyện đường của Boston cùng với mây xanh, lá vàng vẫn in bóng lên những mảng kính xanh tráng lệ của các đinh thự cao vút, như soi rọi thì quá khứ vào hiện tại. Một kiểu Present Perfect trong kiến trúc thật đẹp và hài hòa!

Boston còn có MIT, học viện kỹ thuật Massachusetts, cái nôi của bao nhiêu ứng viên Nobel. MIT bao la và rợp bóng cây xanh, với sân trường và ký túc xá đường ngang lối dọc. Điều thú vị là trong khuôn viên MIT, đa số sinh viên đều "đầu đen da vàng," Nhật, Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam... Quả như ai đó nhận định không sai, châu Á đã dần dần trở thành một lực lượng khoa học vào hàng chiếu trên của thế giới. Nhưng hình như vẫn chưa thỏa mãn với MIT, người ta vẫn xây dựng hối hả một tòa nhà đồ sộ cạnh đó, Viện nghiên cứu về nhận thức não bộ con người (Institute of Human Brain Recognition Research). Tôi đi qua, giữa ngổn ngang sắt thép, lòng ngấm ngầm kinh sợ nỗi khao khát tri thức của nhân loại. Tự hỏi: trong những mái đầu đen hối hả lướt qua hôm nay, những neurone nào sẽ tỏa rực ánh sáng trí tuệ trong lâu đài khoa học mai sau?

Boston không chỉ có trường đại học hay kiến trúc cổ xưa kiểu châu Âu, thiên nhiên còn ban tặng cho Boston một thảm lá phong mênh mông trải dài lên vượt biên giới Canada. Mùa thu Boston, là một cảnh tượng ngoạn mục và đáng chiêm ngưỡng ngay cả đối với dân Mỹ. Đến độ thu về, làn sóng du khách khắp nơi đổ về Boston nườm nượp. Đến Boston vào một ngày cuối thu, ấn tượng mạnh mẽ nhất của tôi là sự phong phú và giàu có của sắc màu, nhất là gam vàng. Vàng úa của lá rơi trên nền cỏ xanh mươn mướt, vàng tươi của lá trên cành đang đùa với gió thu, ánh vàng lấp lánh của mặt nước hồ thu soi bóng lá, rực rỡ tia vàng của mặt trời ôn đới đang tán xạ qua muôn ngàn cây lá sang thu, màu vàng đất trầm lặng của những dinh thự, nguyện đường mang nét kiến trúc Ireland, màu gạch đỏ của những công sở Anh quốc xa xưa, trên nền xanh biếc của bầu trời phương bắc, tinh khiết và thừa sức làm mềm lòng bất cứ nhà nhiếp ảnh khó tính nhất. Dường như, con người đã xây dựng nên Boston với màu gạch đỏ của dinh thự, còn tạo hóa, trong một cơn cuồng hứng đậm chất Paul Gauguine, đã hào phóng đổ lên mặt đất, bầu trời xanh thẳm của Boston một palette vàng hảo hạng với nhiều sắc độ tinh tế tuyệt diệu.

Người Boston thanh lịch và hiếu khách. Điều đó biểu hiện rất rõ qua kiến trúc Âu châu kiểu Anh, Pháp, Ireland; qua những đám đông hiền hòa ngồi tán gẫu trong những quán café vỉa hè kiểu Paris, nhưng mang biểu tượng chiếc ấm đồng của café Starbuck lừng danh Mỹ quốc. Cũng hơn một lần, khi tôi loay hoay với tấm bản đồ trên đường phố, thì bất chợt một Bostonian sà tới, "May I help you?" với một nụ cười thân thiện toét đến tận mang tai. Tôi nhớ mãi nụ cười

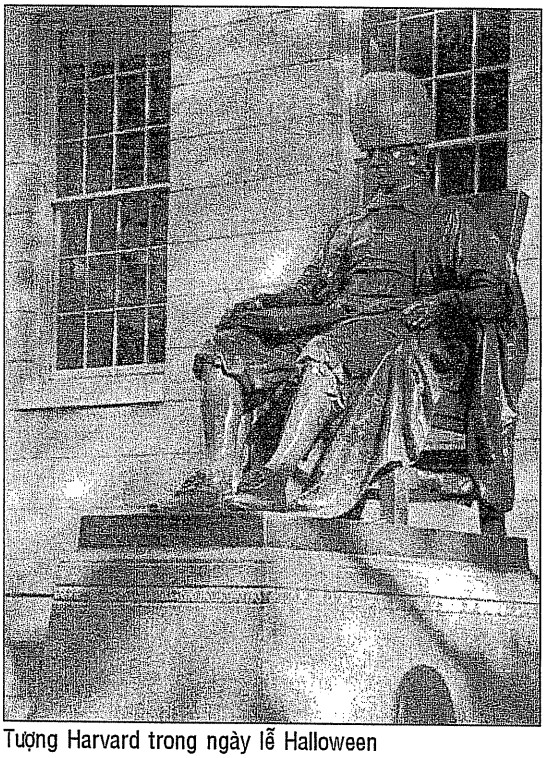

Tượng Harvard trong ngày lễ Halloween

của Jean, anh chàng gác dan khách sạn có cái tên Pháp nhưng thân hình hộ pháp như Mỹ. Một nụ cười bạn bè chờ đón ta về mỗi chiều, đưa tiễn ta mỗi sáng. Không tả được, nhưng chắc chắn nó khác hẳn những nụ cười thân-thiện-đã-được-luyện-tập mà tôi đã thấy trong nhiều khách sạn khác trên đất Mỹ.

Nụ cười Boston còn òa vỡ trong ngày hội Red Sox, khi đội tuyển bóng chày Boston đoạt cúp vô địch thế giới sau 65 năm chờ đợi. Sáng hôm đó, dân Boston ùa ra đường từ mờ sáng với trang phục đỏ chói của đội nhà Red Sox, để chờ những chuyến xe duck tour hình con vịt chở đội tuyển đi qua. Tôi mất hai giờ để len lỏi qua dòng người dày đặc mới đến được Trung tâm Hội nghị, lặn ngụp trong tiếng cười nói xôn xao của cụ già, em bé, cho đến dân hip hop đeo khoen tai xâm mình xanh đỏ. Trời ạ, đù mù tịt về cái môn bóng chày, và mang mái đầu đen châu Á, tôi cũng nhận được mấy cái vỗ lưng bồm bộp đầy sung sướng, hể hả của vài Bostonian, kèm theo là một nụ cười khoái trá, không hề ngượng ngập cho cái sự vui sướng cực độ của mình. Được chứng kiến niềm vui trẻ thơ của một dân tộc, quả tình là một ký ức thú vị.

Trung tâm hội nghị của thành phố Boston là một tòa nhà cũ kỹ kiểu thuộc địa với những hành lanh dài hun hút, cầu thang cong cong đối xứng với những ô cửa kính dày cộp để chống lạnh. Tuy nhiên, những giảng đường của nó đủ sức chứa được 5000 con người từ khắp thế giới đổ về để tham dự cuộc họp thường niên của Hội nghiên cứu bệnh lý gan mật Hoa Kỳ. Bạn đã bao giờ chứng kiến một lớp học đến 5000 con người lần nào chưa? Trong cái ấn tượng của một đám đông khổng lồ bên trong một giảng đường mờ tối, sự uyên bác của người dạy, lẫn sự chăm chú tập trung cực độ của người nghe làm dậy lên một cảm giác lạ lùng. Nó làm ta liên tưởng đến sự trang nghiêm trên bờ sông Vệ khi thầy Khổng Khâu giảng dạy đám môn sinh, hay cái không khí suy tưởng đầy trang trọng của Socrates xưa kia bên cổ thành Hy Lạp. Thì ra là vậy, tri thức nguyên vẹn và hàn lâm, tự bản thân nó đã ẩn chứa cái đẹp đầy mê hoặc!

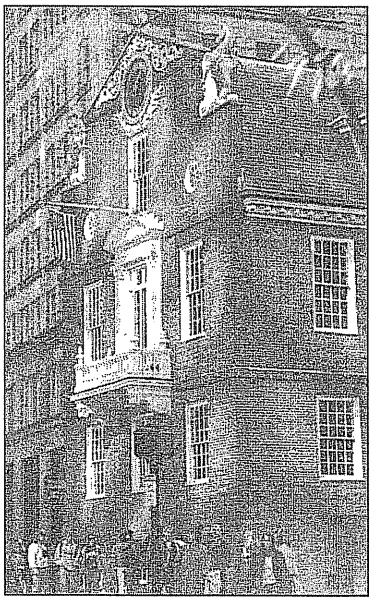
Kiến trúc cổ

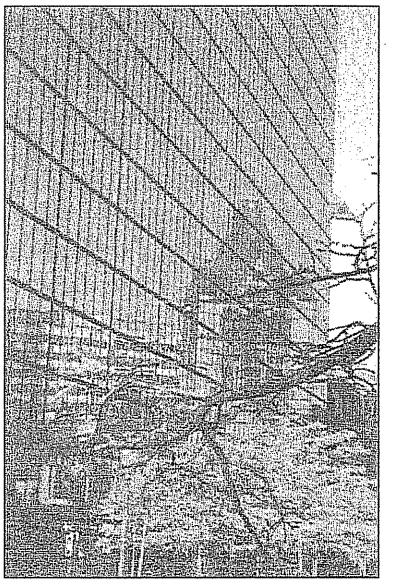
Cũ và mới

Thật dễ nể nếu như trong một hội thảo tầm cỡ thế giới như vậy, người Việt da vàng là tôi được mục kích bao nhiêu bài giảng uyên thâm, mà diễn giả là người châu Á đến từ Hàn quốc, Trung quốc, Hồng Kông... Tiếng Anh trôi chảy và sang trọng, phong thái lịch lãm, kiến thức uyên bác... của các vị da vàng này làm bật ra một niềm tự hào rất đỗi AQ, pha lẫn tam đoạn luận ba trợn biến hóa từ Descartes: "Nó" bảnh thiệt, mà "nó" da vàng, mình cũng da vàng. Vậy là mình cũng bảnh như "nó" chứ chẳng chơi (?)! Đành học theo Lỗ Tấn vậy, còn hơn là bật ra một tiếng thở dài, phải không?

Cắm cúi ghi ghi chép chép cả ngày, tài liệu tha về một đống, tối về dở lại trong ánh đèn vàng ấm áp của khách sạn, bên khung cửa sổ xa xa là Boston by night với muôn vạn sắc màu, mới thấy vỡ vạc nhiều điều về y lý thâm sâu. Nhưng vượt lên trên tất cả, tôi đây, kẻ mang laptop đi học ngày nay, xin lĩnh ý và sẻ chia với tiền nhân đất Việt, những người đọc thiên kinh vạn quyển trên thanh tre gióng trúc ngày xưa, cái cảm giác thân thuộc và ấm nồng của một đêm với "Cảo thơm lần giở trước đèn..." Tôi chưa biết thế nào là lời văn tốt, câu thơ hay. Nhưng thỉnh thoảng trong đời, trong những dịp hiếm hoi như thế này, tôi biết được rằng được thỏa mãn lòng hiếu tri bằng uống nước tri thức đến tận nguồn một cách

Phở Việt trên đất Mỹ

thấu đáo, thỏa thuê, quả là một sự khinh khoái tinh thần không gì sánh nổi. Vậy thôi!

Một kỷ niệm khó quên là trong đêm đầu tiên đến Boston, mệt lử sau một chuyến bay dài gần hai ngày trời, đầy ứ với các loại fastfood, tôi hỏi cô tiếp tân khách sạn da màu đen bóng xem có quán Vietnamese noodle soup nào gần đây hay không. Không một chút suy nghĩ và cũng chẳng thèm dở sổ, cô bấm điện thoại nhoay nhoáy, và ngẩng lên nhìn tôi với một nụ cười thông cảm ra vẻ ta đây biết cả rồi: "Pho Pasteur still opens, Sir! " Hóa ra món phở quốc hồn quốc túy của dân ta đã phổ biến đến mức trở thành một địa chỉ ẩm thực trong bộ nhớ một nhân viên khách sạn Jury's 5 sao của Mỹ. Lò dò tìm đến địa chỉ được căn dặn, tôi chỉ muốn ồ lên một tiếng thất kinh khi một tô phở xe lửa giá năm đô rưỡi được bưng lên nghi ngút khói. Không phải là tô phở, mà là một thau phở thì đúng hơn, cỡ bằng cái nón cối bộ đội và chàng bồi bàn Mỹ đen lực lưỡng chỉ bưng một lần hai tô là maximal performance. Ái chà, lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu sự nghỉ giải lao là tối cần thiết trong ẩm thực. Nghĩa là sau khi chiến đấu- khá vất vả- được có nửa tô, người ăn phở cần bước ra ngoài, đi loanh quanh chừng nửa tiếng, hút vặt dăm hơi thuốc, rồi mới đủ can đảm quay lại đối diện với nửa tô còn lại. Dù rằng chỉ có bánh phở khô, không mềm mại tươi mới như bánh phở bên nhà, tô phở Boston cũng đủ thứ chín nạm gầu vè và các loại rau giá xanh tươi. Ngoại trừ cái sự quá khổ, kẻ hậu sinh này không dám than phiền về cái sự "phí cả cái công ăn" phở Việt Nam trên đất Boston, thưa cụ Nguyễn Tuân kính mến ạ! Hương vị quê nhà, dù không trọn vẹn, nhưng là một điều ấm áp thật lạ lùng trên đất khách!

Những hôm sau, khi phở Pasteur trở thành địa chỉ quen thuộc mỗi tối, tôi còn được mục kích một quang cảnh ấn tượng khác. Một cô Mỹ tóc vàng, dáng mignon, sau khi khoan khoái xơi hết một tô xe lửa to đùng, ung dung gọi thêm một đĩa gỏi cuốn king size, và tà tà thưởng thức với một vẻ khoái hoạt đáng kính phục. Và còn kết thúc bằng một trái dừa tổ bố. Hóa ra, cái sự ăn uống lấy no làm sung sướng, lấy nhiều làm ngon, cũng có "giá trị nhất định" của nó. Khác hẳn với cái sự "ăn chơi ăn bời" của các bậc thầy ẩm thực bên nhà. Tôi nhìn thau phở khổng lồ chui tọt vào cái miệng hoa của người đẹp Hoa Kỳ, lòng thầm nghĩ 10 năm sau nếu có duyên tái ngộ, e rằng nàng kiều nữ hôm nay đã biến thành một thiếu phụ ngót nghét hơn tạ rưỡi. Nghĩ cũng buồn!

Có lạ lùng không, từ đất Hà thành, tô phở Việt bay thẳng sang Boston, hòa nhập với nền ẩm thực béo bổ của xứ cờ hoa, hóa thân thành tô phở king size xe lửa để vừa vặn cái bụng khổng lồ của con cháu chú Sam. Hương vị vẫn nguyên vẹn, ở mức tối đa mà vật thực địa phương cho phép, chỉ phình ra gấp bốn gấp năm về kích thước. Trông vào tô phở Việt khổng lồ, có ai hình dung đến hành trình của nó theo dấu chân nhọc nhằn của lưu dân Việt! Ở đây, sự thay đổi về lượng không hề ảnh hưởng đến chất, nghĩ cũng lạ lùng!

Ấn tượng Boston đầy ắp, đến độ mấy tháng sau khi về nhà, mới có dịp sắp xếp, hồi tưởng những ký ức lộn xộn nhưng vẫn còn tươi mới như hôm qua. Mong chỉ được "mua vui một vài trống canh" cho người đọc. Kèm theo một lời dặn nhỏ: trước khi lang thang trên đất Mỹ, nhớ ăn phở quê nhà, nhớ nghe tiếng Việt thật nhiều kẻo nhớ!

Nhớ!

Mùa xuân Sài gòn, tháng 3.2005

Lê Đình Phương
(Bác sĩ, bệnh viện Việt-Pháp, Sài Gòn)

TÌM LẠI DẤU XƯA

HỒ PHÚ BÔNG

Trước ngày 30-4 năm nay HH và tôi về thăm quê hương. Chuyến thăm quê với ý muốn thăm lại chốn cũ, thăm cha mẹ, anh em, bè bạn. Từ trên máy bay nhìn xuống đã thấy bâng khuâng. Kỷ niệm cứ như chờ chực, vỡ bờ! Thấy biển. Thấy đất. Thấy người. Gần đó mà xa đó. Xa đó mà gần đó.

Chuyến bay hạ cánh về đêm. Ánh đèn thành phố mờ đục. Có phải vì chúng tôi nhòe nước mắt, sương mù, không khí nhiều độ ẩm do thời tiết, hay thành phố bị ô nhiễm môi trường nặng?

Hai tay tôi xách hai cái túi còn HH thì cầm giấy tờ. Vừa bước vào làm thủ tục nhập cảnh chúng tôi đã thấy ngay cái khác biệt với các nơi chúng tôi đã từng đi qua. HH và tôi sắp hàng, rồi vào cổng số 15. Ông công an đang ngồi lọt thỏm trong cái bàn giấy lớn, được bọc kín chung quanh. Mặt bàn thì sâu hẳn bên dưới, không thể nhìn thấy cũng như không thể với xuống được. Qua ô cửa sổ nhỏ, trông ông giống giống như nhân viên ngân hàng ở một nơi đầy nguy hiểm. Nhiều nơi chúng tôi đã đi qua, thủ tục trình báo khá đơn giản. Nhân viên tiếp khách lúc nào cũng nở một nụ cười rất thân mật trước khi hỏi ngắn gọn. Thái độ và ngôn ngữ thật lịch sự, nhã nhặn. Khi hoàn tất thủ tục bước qua cửa khách còn nghe được lời chúc tốt đẹp trong chuyến đi. Ở đây, ông công an thật nghiêm nghị. Khuôn mặt thô cứng và nhám, trông như một bức tượng gỗ được chạm bởi một tay thợ tồi. Ngôn ngữ thì tiết kiệm đến từng âm tiết. HH trình hai cái passport và visa. Ông ngước lên nhìn chúng tôi rồi đưa tay đẩy trả lại. Ông chỉ ngón tay trỏ vào chúng tôi. Gọn lỏn: "Hàng một."

Chúng tôi ngỡ ngàng, quay lại hàng thì mới kịp hiểu được ý ông. Rồi phần ai nấy lo. HH đẩy tôi vào lại trước. Tôi gặp chút khó khăn, hai tay bị kẹt hai cái xách, áo không có túi, nên đành ngậm cái passport và visa trên miệng. Ông xem kỹ hình tôi trên passport rồi nhìn chăm chăm lên mặt. Tôi có chút căng thẳng. Khi còn ở trên máy bay chúng tôi đã sắp xếp, vì có thể công an đã theo dõi và biết bút hiệu của tôi trên một số báo chí. HH biết sẽ phải làm gì nếu tôi bị giữ lại, trục xuất hay bị vu cáo về hành vi chính trị, vì ở đây là một nơi mà bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra, khi "pháp luật là miệng tao" như lời một quan lớn công an đã phán với dân làng Nguyệt Biều trong vụ Linh Mục Nguyễn Văn Lý! Tình cảm tìm về một nơi chốn cũ chợt lạnh đi. Chỉ mới thủ tục sơ khởi, đã cho chúng tôi biết, thật khó tìm lại được quê hương! Vừa giáp mặt với một ông công an thôi mà đã bị nhìn soi mói như một tội phạm thì trái tim làm sao không bị thương tích. Để biết rõ thêm lý lịch tôi, ông phán cộc lốc: "Quê quán(h)?"

Nghe cái giọng Bắc rặt, nhấn mạnh vào chữ cuối, tôi muốn nổi da gà. Cứ tưởng khuôn mặt khó ưa của tôi làm ông không có cảm tình nên mới cư xử như vậy, nhưng HH, một khuôn mặt thật hiền lành, khả ái, cũng bị như tôi. Thế mà chính quyền Việt Nam nói họ đã "đổi mới" từ năm 1986.

Nơi xuất nhập cảnh phải giao tiếp với đủ loại người, màu da, quốc tịch, nên nhân viên phụ trách không còn là cá nhân mà gần như là đại diện cho nét văn minh, văn hóa một dân tộc. Với cách hành xử như vậy thì hình ảnh đất nước sẽ còn lại gì, trong và sau cuộc viếng thăm?

Lúc làm thủ tục hải quan, tôi trình tờ khai quan thuế cho ông công an phụ trách khám hành lý, rồi chất hết lên thang lăn để qua máy rà xét. Ông vờ như lơ đãng. Hành lý của chúng tôi chẳng có gì nhiều. Tiền đem theo cũng không bao nhiêu. Theo lời dặn của người em, tôi nhờ ông đóng dấu. Ông cầm hai tờ giấy khai quan thuế màu vàng, lắc lắc, phân vân, rồi hỏi lại tôi: -"Đóng dấu để làm gì?" - "Tôi cũng chẳng biết. Em tôi cho hay nếu không có con dấu trên giấy thì không thể mua chút hàng miễn thuế ở inter-shop."

Ông định nói gì đó nhưng lại thôi, rồi đóng

dấu, trả lại tôi. Tôi nói"Cám ơn" nhưng ông tỉnh bơ nhìn người kế tiếp.

Đẩy xe ra được bên ngoài tôi không cảm thấy nóng như dự báo thời tiết cho biết. Có thể phải vật lộn với số hành lý nên người tôi ướt mồ hôi, cơ thể nóng hơn nhiệt độ ngoài trời. Cái đầu tiên HH và tôi nhận được là nụ hôn đằm thắm của gió. Thời tiết Sài Gòn có nóng mấy đi nữa, nhưng những ngọn gió đêm trên đường phố vẫn luôn luôn cho một cảm giác lành lạnh, thật dễ chịu.

Mọi chuyện đã đổi thay nhưng ngọn gió đêm Sài Gòn vẫn còn đây. Kỷ niệm chợt ùa về.

Lố nhố người. Mấy đứa em chạy đến đón. Tôi chỉ nhận ra được mấy đứa cùng thế hệ, còn lớp sau, lạ hẳn như những người chưa quen biết. Em gái tôi lên ngồi chung xe để chỉ đường. Thành phố đã về khuya nhưng lượng xe vẫn thật đông. Chiếc taxi luồn lách thật tài tình. Cho dẫu gần hai mươi năm lái xe ở xứ người tôi chưa bao giờ bị tai nạn hay bị phạt nhưng tôi biết, chắc chắn, tôi không thể nào lái ở đây được. Thành phố như chật lại và cao hẳn lên. Những bảng hiệu, những đèn màu trang trí, cứ loáng thoáng hai bên. Tôi đang trở về đây, trên một thành phố lạ. Tôi đang đi trên những con đường lạ hoắc nhưng nhờ cô em gái ngồi bên giải thích, chính những con đường nầy, ngày xưa, tôi đi về từng buổi đến mòn cả vỏ xe và ngày đó nhớ cả từng trụ cột đèn! Hỏi chuyện anh tài xế mặc đồng phục, tôi lại ngạc nhiên. So với ông công an trong phi trường thì anh tài xế nầy là người rất lịch sự, lễ độ, có tư cách hơn nhiều.

Đến đường Thoại Ngọc Hầu, rạp ciné Đại Lợi vẫn còn đó nhưng khu nghĩa địa đối diện biến mất, thay vào là một cái chợ thật lớn và những dãy nhà lầu san sát. Ngày trước khu vực nầy rất vắng, trẻ con thường tụ tập trong nghĩa địa để thả diều. Tôi còn có thể nhớ được tên hai nhà hội: Nghĩa Trang Tương Tế Sa Đéc và Hội Tương Tế Bến Tre. Ngày ấy, đêm đêm vẫn nghe tiếng chuông chùa Hải Quang thật u trầm, tĩnh mịch. Chợt nghe tiếng em tôi nói: "Tới rồi." Tôi ra khỏi xe, xoay một vòng 360 độ để định hướng tìm căn nhà cũ nhưng đành chịu, không thể nhận ra, cho dù căn nhà gần như không thay đổi, vẫn nằm trong một góc khuất ở một ngã ba. Em tôi tiếp: "Có lẽ tại ban đêm trời tối nên anh chị không nhận ra."

Bụi hoa biện lý bên góc nhà ba má tôi không còn nữa. Bà Tư già thường ngồi dưới bóng râm của nó với mẹt hàng, mấy trái chuối, vài cái kẹo, cũng đã chết mười mấy năm rồi. Căn nhà chiếm hai lô đất sát vách nhà ba má tôi, của một đôi vợ chồng trẻ đã di tản trước ngày 30-4, lúc đó vừa trồng một cây xoài nhỏ ở góc sân. Chủ nhân mới bây giờ là ông K (cán bộ ở ngoài Bắc vào). Căn nhà đã biến thành một ngôi biệt thự tráng lệ, hai tầng mà chỉ việc chuyên chở vật liệu xây cất đã làm tắt nghẽn và xáo trộn toàn bộ sinh hoạt dãy phố cả ngày lẫn đêm hơn 3 tháng dài! Mặt tiền có cửa lớn để xe hơi ra vào, có cửa nhỏ kế bên cho xe gắn máy, nhưng suốt ngày vắng bóng người và cửa luôn luôn đóng im ỉm. Lưới B-40 rào cao quanh nhà, che cả lầu 2. Ngôi biệt thự tự cô lập như một pháo đài. Người nhà kể: "Thế mà thỉnh thoảng vẫn bị những bọc nylon phân quăng qua khỏi hàng rào, rớt tận ban công lầu hai nhưng họ đành im lặng, không dám lên tiếng. Sự im lặng của họ ở đây không phải là cách cư xử của người có văn hóa mà lo sợ lãnh thêm hậu quả, không thể truy tìm được thủ phạm!" Cây xoài con ngày trước đã to lớn sum suê quá đỗi. Nhiều nhánh vươn qua khỏi rào, khoe trái như mời gọi trẻ em trong xóm.

Anh taxi trẻ đưa HH và tôi ra bến xe để đi Đà Lạt. Sáng hôm trước, đứa cháu đã mua sẵn hai vé hãng xe Thành Bưởi, chỉ 70.000/vé (tương đương 4 đô la rưỡi). Kinh nghiệm người nhà cho biết nên đi xe đò loại lớn thay vì mướn xe riêng, vừa tiết kiệm, vừa an toàn và thỏa mái hơn. Khi đến nơi thì dùng taxi. Còn xe đò loại 12 chỗ ngồi, chạy nhanh nhưng thường xảy ra tai nạn. Lộ trình ra bến xe tôi biết. Từ nhà ra Nguyễn Văn Thoại, quẹo trái Trần Quốc Toản, quẹo mặt qua Petrus Ký nhưng anh taxi chạy đường khác. Từ Thoại Ngọc Hầu-Lê Văn Duyệt-Cư Xá Bắc Hải, rồi Tô Hiến Thành đến Petrus Ký (tất cả đều tên đường cũ). Đường nào tôi cũng biết nhưng đường nào tôi cũng không thể nhận ra. Những con đường chắc chắn nguyên vị trí cũ, chỉ có thay tên, nhưng sao lạ lẫm đến không thể nào ngờ! Tôi hỏi tên đường cũ, anh taxi ngớ người: -"Cháu không biết" - "Như vậy cháu thuộc lớp trẻ. Cháu thấy đời sống bây giờ có dễ chịu không? Chúng tôi ở xa về nghe nói nạn tham nhũng, hối lộ tràn lan ở Việt nam, dẫn đầu là công an." Như bắt đúng tần số. Anh taxi phát thanh rôm rả. Sôi nổi đến độ HH phải chen vào lái câu chuyện sang

hướng khác vì sợ bị công an giả dạng để "chụp đầu bọn phản động." Anh taxi cho biết "mọi người" đều chờ đợi để "làm cỏ bọn nó" khi cơ hội đến! Tôi không nghĩ anh taxi nói đùa để làm vui lòng khách, kiếm thêm chút tiền tip. Anh nói với dẫn chứng cụ thể về hai vụ đánh nhau giữa dân chúng với công an vừa xảy ra ở Sài Gòn và Hà Nội.

Xe đò đi Đà Lạt sạch sẽ, thanh lịch. Ghế ngồi rộng. Có máy lạnh, riềm cửa và nhạc. Cái thích thú ở đây là được ngồi trên cao nên tầm nhìn thoáng, giúp chúng tôi có dịp tốt để quan sát. Còn thời gian, không quan trọng. Hai đứa cháu sinh viên sợ chúng tôi lỡ ngỡ khi đi, nên cũng tháp tùng và tiện thể về thăm nhà. Chúng ngồi ngay phía sau, không thấy nói cười và khá im lặng! Thỉnh thoảng HH quay ra sau trao thêm mấy cái kẹo gum, cô cháu mới lí nhí với nhau mấy câu.

Bỏ lại đoạn xa lộ Biên Hòa-Hố Nai đầy bụi phía sau. Đến ngã ba Long Khánh (nơi mà phóng viên tờ Tuổi Trẻ trước đây đã phổ biến một số ảnh săn được cảnh công an đang nhận hối lộ nửa khuya với đủ loại xe qua lại) còn thật nhếch nhác. Ngày trước tôi rất thích đoạn đường hai bên luôn rợp bóng cây xanh nầy. Quốc lộ 20 như cây cầu thơ mộng nối liền giữa nắng nóng miền xuôi với thiên nhiên mát lạnh, êm đềm miền cao nguyên. Đây cũng là nhịp cầu tình yêu của HH và tôi.

Dù cảnh cũ rất nhiều đổi thay nhưng màu xanh bạt ngàn vẫn còn đó. Những đồi chuối xa xa, những tảng đá xanh xám bên đường, những thân cây đứng trơ trọi, nét phong trần lem luốc của những dân quê, cho tôi ấm lại chút tình quê mộc mạc. Chỉ tiếc đây là dịp gần 30-4 nên suốt lộ trình quá nhiều cờ búa liềm và đỏ sao vàng, dài lòng thòng, ngúng ngoẩy, được treo xen kẽ trên các trụ đèn đường trong các thị trấn (nhiều nhất là khu vực Dốc Mơ-Gia Kiệm). Dọc đường, những khu phố, những thôn xóm, những xã, những quận lỵ nhan nhãn khẩu hiệu: "Thôn Văn Hóa," "Xã Văn Hóa," "Khu Phố Văn Hóa," đôi khi chỉ thấy có cái cổng mang khẩu hiệu đỏ chói đứng chơ vơ giữa lối mòn dẫn vào những mái lá lưa thưa.

Đèo Chuối không khác ngày xưa mấy. Lên đến giữa đèo Bảo Lộc khí hậu chợt thay đổi. Lành lạnh. HH khoác thêm cái áo. Chúng tôi nắm tay nhau, cùng nhìn qua cửa sổ. Những lũng sâu, những khe, suối. Rồi những đồi trà với công nhân, bao bị. Ký ức rào rạt quay về.

Xe ngừng ăn trưa ở Bảo Lộc. Kêu thức ăn cho hai đứa cháu, còn HH và tôi đã thủ sẵn mấy ổ bánh mì đem từ nhà, không dám ăn dọc đường. Ba cô cháu lựa mua trái cây. Giá cả không đắt lắm với Việt Kiều nhưng chắc chắn rất khó khăn với người dân bình thường. Trên xe không thấy ai mua, chắc chỉ có khách về Sài Gòn, còn chúng tôi thì đi ngược đường nên chẳng ai mua chăng?

Thác Prenn mất đi nhiều cảnh thiên nhiên. Ngôi chùa nhìn qua thác trước kia đẹp kiểu thôn dã, sơ sài, thật thu hút. Còn bây giờ, xây cất, tô điểm thêm nhiều, màu vàng sáng chói. Prenn như hẹp lại và xấu đi.

Không phải chỉ có Sài Gòn mới đầy cả người nhưng hình như ở mọi nơi cũng đông hơn. Độ ô nhiễm rất cao. Có thể tới hai phần ba người dùng vải che mũi miệng khi chạy xe hai bánh. Ngay cả Đà Lạt, ngày trước là một thành phố nằm êm đềm giữa thiên nhiên trong lành, giờ đây cũng không còn là biệt lệ. Nghĩ đến Đà Lạt, HH và tôi không giấu được sự nao nức. Cái nao nức của những kẻ yêu nhau, rồi lận đận, rồi thăng trầm, nay trở về tìm lại từng dấu vết kỷ niệm của tháng năm hò hẹn.

Đường dẫn vào thành phố Đà Lạt được chia làm hai làn xe, trồng hoa ở giữa. Thành phố như một cô dâu đang trang điểm lại.

Cổng viện đại học Đà Lạt ngày trước đơn giản chỉ có hai trụ hai bên. Một bảng tên nhỏ khắc bằng đá gắn một phía. Lối đi vào thường vắng như đi vào một tu viện. Nét đơn giản, đẹp và trang nghiêm kiểu phương Tây đó đã mất. Bây giờ trước cổng có thêm hai dãy nhà với quảng cáo và dịch vụ. Một khẩu hiệu giăng ngang như đập vào trán. Lối đi thoáng đã bị đóng kín. Viện đại học Đà Lạt ngày xưa là cái huy hiệu tròn, nhỏ, có cây thông và chữ Thụ Nhân, HH thường đeo trên cổ tay áo lạnh, là giảng đường Spellman, là những bậc tam cấp giáo đường nơi cao nhất, ở đó HH và tôi từng ngồi nhìn những đám hoa quì dại vàng rực, nhìn về đường đi Đa Thiện, Thung Lũng Tình Yêu... Tôi đưa máy chụp mấy tấm ảnh rồi nghĩ sao lại xóa đi, có thể từ tiềm thức bảo tôi chỉ nên giữ lại những hình ảnh cũ. Ở đây không còn là viện đại học ngày xưa nữa. Tôi là kẻ xa lạ tại một nơi chốn cũ thân quen! Nhìn về hướng đồi Cù, mấy gốc thông già nơi tôi đã dựng xe gắn máy, ngồi đợi HH tan học, nhìn những lối

mòn viền cỏ, ngoằn ngoèo chạy xuống lũng xa rồi lại ngược trở lên lưng chừng đồi để cuối cùng gặp đường vòng hồ Xuân Hương. Tất cả đã mất. Một hàng rào lưới màu xanh đã nhốt đồi Cù lại bên trong. Hai cái tên Đồi Cù-Hồ Xuân Hương như tên của đôi tình nhân khắc lồng vào nhau, đan kết với cây cỏ thiên nhiên, giờ đây chỉ còn lại Xuân Hương lẻ loi. Đồi Cù, như tên những chàng trai thời chiến một thời tề tựu về đây, đã chết trong các trại cải tạo, chết sông, chết biển, chết rừng, đã bỏ đi biền biệt. Hồ Xuân Hương còn lại như giọt lệ đợi chờ! Đồi Cù đã là dĩ vãng. Đồi Cù ngày nay là hàng triệu đô la bán cho ngoại quốc. Đà Lạt mất đồi Cù. Xuân Hương mất đồi Cù. Những biển quảng cáo du lịch mất đồi Cù. Hàng rào đã khép lại. Đã cắt chia dĩ vãng và hiện tại.

Buổi chiều, HH và tôi lội bộ đến Domaine de Marie như đếm bước thời gian. Ngừng lại đôi phút trước hang đá tượng Đức Mẹ mà ngày trước mỗi lần HH đi ngang qua đều được các Sơ dạy làm dấu thánh. Bậc tiểu học mấy anh em HH học ở đây. Là con nhà nghèo, học giỏi nên được các Sơ rất thương. Dịp Noel mấy Sơ may cho mỗi đứa một cái áo đẹp đem về khoe cha mẹ. HH kể lại hàng trăm kỷ niệm, mỗi nơi một nỗi nhớ. Những lần HH nhận phần thưởng, những lần trình diễn văn nghệ, những ấm sữa các Sơ đem cho mấy anh em vào những buổi trưa... HH đưa tôi vòng ra phía sau, nơi mà những buổi trưa nghỉ học hai người anh thường leo rào trốn ra rừng hái trái đem về chia cho em gái. Dãy nhà hai tầng ký túc xá của bọn con trai vẫn còn đấy nhưng hình như hoang phế. Vì thế đất dốc nên nơi chúng tôi đứng ngang tầm tầng trên, không nhìn rõ được tầng dưới. Hàng rào đầy cả dây lá rừng. Cánh cổng khóa đã rỉ. Điều ngạc nhiên là có một ngôi sao vàng thật lớn đang nằm nghiêng ngửa trên mái ngói đỏ rêu phong đầy xác lá. Chắc hẳn đây là tác phẩm "ấn tượng" của những ngày đầu 30-4 còn sót lại (chưa thể đem ngôi sao vàng vào gắn ngay nơi cửa tu viện, thì gắn trên nóc nhà nầy liếc sang tu viện vậy!). Chúng tôi bước vào tu viện. Đang lúc có lẽ chiều nên đứng bên ngoài nhìn về phố. Ở đây chúng tôi có thể thấy Hội thánh Tin Lành trên đường Hàm Nghi cũ và nhà cửa lố nhố ở trung tâm thành phố Đà Lạt trong mờ nhạt nắng hoàng hôn.

Đứng giữa bùng binh chợ Đà Lạt tôi muốn ghi lại một số hình ảnh nhưng xoay vào phía nào cũng bị lướng vướng những khẩu hiệu đỏ, những lá cờ đỏ. Xoay ngược qua hướng nhà thờ Con Gà thì vướng cái tháp Eiffel bưu điện. Tháp chuông thập tự giá nhà thờ nổi bật trên những ngọn thông xanh không còn nữa. Tháp chuông bây giờ như thấp hẳn xuống nhường chỗ cho ngọn tháp cóp nhặt vươn cao (phải chăng đây cũng là một dụng ý?). Tấm biển lớn "Đà Lạt Ngàn Hoa" quảng cáo cho một lễ hội vừa qua, giấy đã bong, rách lòng thòng. Chân cầu thang, nối từ bến xe Minh Trung lên ciné Ngọc Lan (cũ) nồng nặc mùi nước tiểu. Hình như cả khu vực không có nhà vệ sinh.

Nhà trọ ở cuối đường Hoàng Diệu nên ra thác Cam Ly thật gần. Thác vắng khách. Một người thợ chụp ảnh tiến lại gần với xấp ảnh quảng cáo cầm trên tay, thấy tôi đang móc cái máy Digital ra, anh lặng lẽ bỏ đi. Đứng ở đầu thác, HH và tôi không còn nghe nước đổ (có thể vì đang gặp hạn hán trầm trọng nên thiếu nước). Nhiều cảnh được dựng sẵn mang hình bóng sơn cước: nhà sàn, con trâu, người thượng đóng khố, vạm vỡ, đeo cái gùi có cung tên, chim ó, cầu tre... Một cô còn trẻ đi chân trần móng đỏ, mang trên vai cái gùi, đang đổ mồ hôi để ông thợ chụp hình chọn kiểu. Một người dắt hai con ngựa ốm đã thắng yên đứng nhìn, người khác loay hoay với cái túi đồ trang điểm. Chắc hẳn đây là ê kíp phục vụ cho cô Việt kiều đang đóng vai sơn nữ, còn anh chồng (hay kép?) lớ ngớ xa xa. Tôi bước lên cây cầu nối liền giữa hai bờ thác nhìn xuống, dòng thác chảy thật yếu, nước màu rêu đậm, bốc mùi, nên phải quay mặt tránh hướng gió.

Về lại lối cũ một đoạn ngắn, chúng tôi theo đường tắt lên trên đỉnh đồi, nơi đây trước kia là một trung tâm Tin Lành lớn. Ngôi nhà thờ kiến trúc mang nhiều nét của dân tộc thiểu số vẫn còn đây nhưng bị rào kín bằng kẽm gai, thật sát vách, chỉ chừa độc nhất một cái cửa nhỏ để vào, đang khóa. Tôi lắc lắc ổ khóa, đứng phân vân. Phân vân như cái nắng chiều nhàn nhạt chưa muốn vội chia tay một ngày. Không một bóng người. Ngôi nhà thờ như cái bóng của quá khứ còn tồn tại giữa một khung cảnh đã đổi thay. Một dãy nhà quét vôi vàng có mấy câu khẩu hiệu. Đây là trường dạy và thi lái xe tỉnh Lâm Đồng. Mặt đất quanh nhà thờ đầy những đường vẽ, những cọc, những que và ký hiệu. Tôi trở về theo đường chính, Nguyễn Khuyến.

Vẫn lan man, tại sao phải rào kín một ngôi nhà thờ! Phần thiêng liêng của con người sao lại bị đóng khung?

Đêm cuối ở Đà Lạt, chúng tôi đi dạo phố. HH và tôi đã tay trong tay đi khắp hang cùng ngõ hẻm của Đà Lạt về đêm, từ lúc còn hò hẹn. Với tôi, những ổ bánh mì que nóng hổi của tiệm bánh mì Vĩnh Chấn hay những gói đậu phụng rang đút trong túi áo ấm, vừa đi vừa móc ra ăn là Đà Lạt về đêm, chứ không phải từ tiếng nhạc rập rình với ánh đèn màu nơi những quán nhạc. Những đêm có trăng ngồi tựa vào nhau trên thành gỗ những chiếc cầu làm nhô ra trên mặt hồ Xuân Hương, nhìn những mảng sương mỏng từ từ tụ vào nhau rồi lan nhẹ trên mặt nước là những phút giây thật êm đềm. Mộng ước kẻ yêu nhau đôi khi thật bé bỏng như những giọt sương long lanh, nhưng đó là những giọt sắc màu đẹp kết tụ của bức tranh tình yêu. Chúng tôi đón xe ra Thủy Tạ để tiết kiệm sức khoẻ cho đôi chân trong những bước lang thang. Phố đêm nhộn nhịp, những dòng xe xuôi ngược không dứt. Cái vắng vẻ trữ tình không còn nữa. Thôi thì cứ nhập vào dòng người qua lại. Thủy Tạ còn đó. Quán nhạc có cho thuê xe đạp nước bên mấy gốc thông già còn đó. Biệt thự Hai Trang còn đó nhưng đã biến thành khách sạn. Khu đất trống trước chỗ đường quẹo lên nhà thờ Con Gà và dọc suối ấp Ánh Sáng đã trở thành khu thương mại nhiều tầng lầu nhộn nhịp. Nơi cầu Ông Đạo có mấy người câu cá trộm công khai, được nhiều người xúm lại xem. Họ câu bằng một chùm lưỡi câu, không có mồi. Mấy con cá màu bạc khá lớn, bỏ dưới gốc thông kiểng gần đó đang giãy đành đạch. Khoảng đường rộng trước chợ Đà Lạt đầy những gánh hàng đêm, những ghế bàn dã chiến, bày bán đủ thứ thức ăn. Chúng tôi bị mời chào liên tục. Quanh khu Hòa Bình tối thứ Bảy và Chúa nhật từ 7 đến 10 giờ được cô lập để làm "Phố Đi Bộ" do đó tất cả các loại xe đều bị giữ lại bên ngoài. Chúng tôi đang lang thang đến đầu đường Duy Tân, cạnh tiệm bánh mì Vĩnh Chấn cũ thì thấy một xe jeep công an đang chạy lòng vòng trong khu Phố Đi Bộ trờ tới. Một ông công an nhảy xuống xe nói oang oang, trông thật oai vệ: "Đéo mẹ thằng nào ở đâu? Còng đầu cho chúng biết". (Có lẽ có sự cự nự nào đó giữa người gác và người chạy xe bị cản lại?). Một điều rất lạ là tôi không thấy phản ứng của dân chúng khi nghe loạn ngôn nầy. Có thể chúng tôi ở xa về, nên mới ngạc nhiên, chứ người dân ở đây thì ngôn từ loại nầy là chuyện-thường-ngày-ở-huyện! Tôi chỉ mong chữ "chúng" ông công an dùng chỉ vì quen miệng chứ không có ý hăm dọa dân.

Về lại Sài Gòn, con gái chúng tôi post tấm ảnh mới nhất của đứa cháu ngoại trong e-mail. HH dán mắt nhìn, mọi chuyện chung quanh hình như chẳng còn có gì quan trọng nữa. Từ đây, bóng dáng đứa cháu ngoại luôn luôn chiếm một phần quan trọng trong mọi câu chuyện kể.

Còn lại mấy ngày ở Sài Gòn chúng tôi đi lớ ngớ khắp nơi. Thành phố của kỷ niệm không còn nữa. Lạ hẳn. Xa lạ đến ngỡ ngàng. Thả bộ trên những con đường cũ mà cứ tưởng đang ở một nơi nào đó. Cũng vỉa hè Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Tự Do, Bến Thành, Bạch Đằng... tôi bùi ngùi với Bà Huyện Thanh Quan lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương! Với người chung quanh chúng tôi cũng là kẻ xa lạ. Một vài người tiến đến mời chào bằng mấy ngoại ngữ Á châu! Sài Gòn thành phố đã thay tên, đang bị Đại Hàn hóa. Phim ảnh và quảng cáo thương mại Đại Hàn tràn ngập khắp mọi nơi.

Ngày vui qua mau. Những người thân yêu trong gia đình lại đưa tiễn chúng tôi ra phi trường. Lại bùi ngùi chia tay. Mỗi người đều cố che giấu những xúc động riêng. HH và tôi cũng bùi ngùi: chúng tôi đang trở về hay ra đi?

Vào trong phi trường, lại gặp chuyện rắc rối thủ tục! Hai tờ giấy khai quan thuế màu vàng đã lạc mất đâu đó không còn trong xấp giấy tờ cá nhân. Cô phụ trách thu hồi cho biết chúng tôi phải làm thủ tục khai báo, do đó không còn đủ thời gian để kịp đi trong chuyến bay nầy. Đứng trước việc chẳng đặng đừng nầy thì thật khó có quyết định ngay được (tôi không nhớ trong tờ giấy vàng họ có lưu ý bắt buộc phải hoàn trả lại hay không). Thấy chúng tôi lo lắng cô phụ trách nhỏ nhẹ gợi ý: "Cháu có thể giúp tìm lại hai tấm giấy nầy nhưng phải mất cả ngày để tìm kiếm trên máy vi tính. Cô chú cho cháu 20!" Tôi vỡ lẽ! À ra thế!

Thôi thì đưa 20 đô cho xong cửa ải cuối cùng.

Máy bay cất cánh, chúng tôi không còn cái thú nhìn xuống bên dưới, dù nơi đó những người thân thương đang phải đối đầu với vô vàn khổ lụy hàng ngày.

Halloween Oct. 31-05

Trúc Lâm Thiền Viện. com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn
mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện
Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử
tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư
Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim